

#1 INTERNATIONAL BESTSELLING AUTHOR

JOHN GRISHAM



nhà nam



NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

THEODORE

LUẬT SƯ NHÍ

BOONE

Table of Contents

Chương một
Chương hai
Chương Ba
Chương Bốn
Chương Năm
Chương Sáu
Chương Bảy
Chương Tám
Chương Chín
Chương Mười
Chương Mười Một
Chương Mười Hai
Chương Mười Ba
Chương Mười Bốn
Chương Mười Lăm
Chương Mười Sáu
Chương Mười Bảy
Chương Mười Tám
Chương Mười Chín
Chương Hai Mười
Chương Hai Mốt
Chương Hai Hai

Chương một

Theodore Boone là con một, vì thế thường phải ăn sáng một mình. Bố của cậu, một luật sư bận rộn, có thói quen ra khỏi nhà lúc 7 giờ sáng, tụ tập bạn bè tại đúng một quán quen trong khu trung tâm để uống cà phê và tán gẫu. Mẹ cậu, cũng là một luật sư bận rộn, suốt hơn mười năm nay vẫn đang cố giảm năm cân nên luôn tự thuyết phục mình rằng bữa sáng không cần gì hơn ngoài cà phê và tờ báo. Vì thế, Theodore một mình trong bếp, ăn ngũ cốc nguội, uống nước cam, mắt không rời đồng hồ. Gia đình nhà Boone có đồng hồ khắp nơi, minh chứng rõ ràng cho những con người có nề nếp.

Thực ra, cậu không hoàn toàn chỉ có một mình. Bên cạnh cậu, chú chó Judge cũng đang ăn. Judge là con chó lai, tuổi và giống của nó vẫn luôn là điều bí ẩn. Hai năm trước, Theodore cứu nó thoát chết trong gang tấc khi xuất hiện vào phút cuối tại Phiên tòa Súc vật, và Judge luôn tỏ ra biết ơn. Con chó thích Cheerios, hệt như Theodore; mỗi sáng, cả hai cùng ăn với nhau trong yên lặng.

Tám giờ sáng, Theodore tráng bát trong chậu rửa, cất sữa và nước quả trở lại tủ lạnh, bước đến phòng làm việc, hôn lên má mẹ. “Con đi học đây”, cậu chào.

“Con đã có tiền ăn chưa?” mẹ cậu hỏi, cùng một câu năm buổi sáng mỗi tuần.

“Rồi ạ.”

“Bài tập của con xong cả rồi chứ?”

“Chuẩn rồi mà mẹ.”

“Thế khi nào mẹ gặp con?”

“Học xong con sẽ ghé qua văn phòng.” Ngày nào học xong, Theodore cũng ghé qua văn phòng mẹ, không sai một li, nhưng bà Boone vẫn luôn hỏi như vậy.

“Cẩn thận đấy,” bà dặn. “Và nhớ mỉm cười nhé.” Theodore đã đeo niềng răng cả hai năm trời nay, và cậu vẫn luôn muốn tháo nó ra chết đi được. Vậy mà, mẹ cậu không ngừng nhắc cậu mỉm cười và biến thế giới trở nên tươi đẹp hơn.

“Con vẫn cười mà mẹ.”

“Yêu con, cục cưng.”

“Con cũng yêu mẹ.”

Theodore, miệng vẫn mỉm cười dù bị gọi là “cục cưng”, vắt ba lô qua vai, xoa đầu tạm biệt chó Judge, rồi ra khỏi nhà qua lối cửa bếp. Cậu nhảy lên xe đạp, chẳng mấy chốc đã tăng tốc lao ra hẻm Mallard, một con phố nhỏ rợp bóng cây trong khu phố cổ nhất của thị trấn. Cậu vẫy chào ông Nunnery, ông đã ở bên hiên nhà, chuẩn bị cho một ngày dài ngồi nhìn dòng xe cộ thưa thớt qua lại. Cậu phóng vọt qua bà Goodloe bên lề đường mà không nói lời nào vì bà bị lãng tai và còn gần như đờ đẫn. Tuy vậy, Theodore vẫn mỉm cười với bà, còn bà thì không cười đáp lại. Răng của bà đang ở đâu đó trong nhà.

Trời chớm xuân, không khí khô lạnh. Theodore dẫn pê đan, gió tấp vào mặt cậu. Chín giờ kém 20 là điểm danh, mà trước giờ học cậu còn có việc quan trọng phải làm. Theodore cắt qua một con phố nhỏ, phi vào một con hẻm, lượn lách qua mấy chiếc xe, và vượt qua cả đèn đỏ. Đó là “bài” của Theodore, là tuyến đường ngày nào cậu cũng đi. Qua bốn dãy nữa, nhà ở sẽ nhường chỗ cho các tòa văn phòng, cửa hàng cửa hiệu.

Tòa án hạt là tòa nhà lớn nhất ở Strattenburg (bưu điện lớn thứ hai, kế đến là thư viện), nằm oai vệ bên mạn Bắc của phố Main, giữa một cây cầu bắc qua sông và một công viên đầy rẫy chòi ngắm cảnh, bồn nước cho chim rìa lông và tượng đài kỷ niệm những người lính tử trận. Theodore yêu thích tòa án với vẻ uy quyền của nó, với cảnh mọi người hối hả qua lại đầy quan trọng, và những thông báo nghiêm túc hay lịch làm việc dính chi chít trên bảng tin. Và hơn tất cả, Theodore thích các phòng xử án. Có những phòng

nhỏ để giải quyết các vụ việc cá nhân không cần bồi thẩm đoàn tham dự, còn cả phòng xử chính trên tầng hai nơi các luật sư chiến đấu như võ sĩ còn thẩm phán thì quyền lực như nhà vua.

Ở tuổi mười ba, Theodore chưa quyết định rõ ràng cho tương lai. Hôm trước cậu còn mơ ước trở thành một luật sư nổi tiếng, chuyên cãi cho những vụ lớn nhất và không bao giờ chịu bó tay trước bồi thẩm đoàn. Ấy vậy mà hôm sau, cậu đã lại khao khát trở thành một thẩm phán được trọng vọng nổi tiếng về tài trí và tính công minh. Những suy nghĩ ấy cứ trở đi trở lại, và Theodore hằng ngày vẫn thay đổi dự định của mình.

Sáng thứ Hai, sảnh chính đã tấp nập, hẳn là cả các luật sư lẫn khách hàng đều muốn một sự khởi động sớm sửa soạn cho cả tuần. Một nhóm đông đang đợi bên thang máy, nên Theodore phóng cật lực qua hai tầng thang bộ rồi rẽ sang mạn Đông nơi xử các vụ gia đình. Mẹ cậu là luật sư có nghề chuyên về các vụ ly hôn, một người luôn đại diện cho các bà vợ. Theodore thuộc nằm lòng khu này trong tòa nhà. Vì các vụ ly hôn đều do thẩm phán quyết định chứ không cần đến bồi thẩm đoàn, và vì hầu hết thẩm phán đều không thích có đông người theo dõi các vị, những vấn đề tế nhị như vậy nên phòng xử khá nhỏ. Bên cửa ra vào, vài vị luật sư đang bàn bạc ra điều rất hệ trọng, rõ ràng còn chưa thống nhất được với nhau cho lắm. Theodore tìm ra hành lang rồi rẽ sang một góc nhỏ thì thấy bạn mình ở đó.

Cô bé đang ngồi một mình trên chiếc ghế băng cũ, nhỏ bé, mong manh và thấp thỏm. Khi nhìn thấy Theo, cô bé mỉm cười, đưa tay lên che miệng. Theodore vội chạy đến, ngồi sát cô bé đến nỗi đầu gối cậu chạm vào đầu gối cô bé. Với bất cứ cô bé nào khác, cậu sẽ giữ khoảng cách ít nhất là nửa mét, không để có cơ hội “đụng chạm” nào. Nhưng April Finnemore không phải là một cô bé bất kỳ nào cả. Hai đứa biết nhau từ hồi lên bốn, cùng học tại một trường mẫu giáo gần nhà thờ, và từ khi biết nhớ hai đứa đã là bạn thân của nhau.

Giữa hai đứa không phải là chuyện tình cảm lãng mạn, cả hai còn quá trẻ cho trò đó. Theodore chẳng biết cậu trai mười ba tuổi nào trong lớp lại đi nhận là đã có bạn gái cả. Ngược lại là đằng khác. Bọn chúng chẳng muốn liên quan gì đến đám con gái.

Mà bọn con gái cũng y vậy. Theodore được cảnh báo chuyện này sẽ khác, rất bất ngờ, nhưng hiện giờ thì chẳng có vẻ gì như vậy cả.

April chỉ là một người bạn, một người bạn lúc này đang rất cần sự giúp đỡ. Bố mẹ cô bé sắp ly dị và Theodore vô cùng biết ơn là mẹ cậu không liên quan đến vụ này.

Bất cứ ai đã biết gia đình Finnemore đều không ngạc nhiên trước vụ ly dị này. Bố April là một người buôn đồ cổ lập dị, đồng thời là tay trống trong một ban nhạc rock lâu năm vẫn thường chơi ở các câu lạc bộ đêm, mỗi lần lưu diễn là lại đi vài tuần. Mẹ cô bé nuôi dê, làm phô mai sữa dê, rồi đem bán khắp thị trấn trên chiếc xe nhà táng cải tiến sơn màu vàng chóc. Một con khỉ nhện cỡ đại với bộ ria màu xám chễm chệ bên ghế khách, chóp chóp nhai phô mai, thứ phô mai bán chẳng được là bao. Ông Boone từng tá gia đình này thuộc diện “không giống ai”, mà Theodore hiểu thẳng ra là kỳ cục. Cả hai bố mẹ đều từng bị bắt vì liên quan đến ma túy, tuy chưa phải vào tù bao giờ.

“Cậu ổn chứ?” Theodore hỏi.

“Không,” cô bé trả lời. “Mình ghét phải ở đây.”

Cô bé còn có một ông anh tên August và một bà chị tên March, cả hai đều biệt tăm biệt tích. August rời nhà ngay sau hôm tốt nghiệp trung học. March bỏ học năm mười sáu tuổi rồi cũng đi khỏi thị trấn, bỏ lại một mình April chịu cảnh bố mẹ giày vò. Theodore biết tất cả vì April không giấu cậu điều gì. Cô bé buộc phải vậy thôi. April cần ai đó không phải người trong nhà để giải bày, và Theodore là người luôn lắng nghe cô bé.

“Mình chẳng muốn sống với người nào cả,” cô bé nói. Ai đó nói về bố mẹ như vậy thì thật kinh khủng, nhưng Theodore hoàn toàn hiểu. Cậu coi thường bố mẹ April vì cái cách họ đối xử với cô bé. Cậu coi thường họ vì mớ hỗn độn trong cuộc sống của họ, vì sự thờ ơ của họ với April, vì sự nhẫn tâm của họ đối với cô bé. Theodore có một danh sách dài những ác cảm đối với ông bà Finnemore. Nếu là cậu, cậu sẽ cao chạy xa bay trước khi buộc phải sống với họ. Cậu thực sự không biết bất cứ đứa trẻ nào trong thị trấn từng đặt chân vào nhà Rimemore.

Vụ ly dị đã xử sang ngày thứ ba. April sẽ sớm được triệu gọi để làm chứng. Thẩm phán sẽ hỏi cô bé câu hỏi định mệnh, “April, cháu muốn sống với ai?”

Mà cô bé lại không biết đích xác câu trả lời. Cô bé đã thảo luận chuyện này nhiều giờ với Theodore mà vẫn không biết sẽ phải nói thế nào.

Câu hỏi lớn trong tâm trí Theodore là, “Tại sao họ lại đòi trông nom April?” Mỗi người họ đều bỏ bê cô bé theo cách này hay cách khác. Cậu đã nghe được rất nhiều chuyện, nhưng không bao giờ hé răng kể lại một lời.

“Cậu định sẽ nói thế nào?” Theodore hỏi.

“Mình định nói với thẩm phán là mình muốn sống với dì Peg ở Denver.”

“Mình tưởng dì đã từ chối.”

“Đúng thế.”

“Vậy cậu không thể nói thế được.”

“Mình có thể nói gì bây giờ, Theodore?”

“Mẹ mình thế nào cũng bảo cậu nên chọn mẹ cậu. Mình biết mẹ cậu không phải là lựa chọn tốt nhất, nhưng cậu làm gì có lựa chọn nào là tốt nhất.”

“Nhưng thẩm phán muốn thế nào thì quyết định vậy, phải không?”

“Phải. Nếu cậu mười bốn tuổi, quyết định của cậu còn được thừa nhận. Còn cậu mới mười ba, thẩm phán chỉ xét đến mong muốn của cậu thôi. Mẹ mình bảo, ông thẩm phán này hầu như chẳng bao giờ trao quyền trông nom cho người cha. Vậy để khỏi đắn đo, cậu cứ chọn mẹ đi.”

April mặc đồ jean, mang giày ống, và khoác áo len màu xanh dương. Hiếm khi cô bé mặc đồ như con gái nhưng người ta không thể nghi ngờ giới tính của cô.

Cô gạt nước mắt trên má, cố giữ vẻ bình thản. “Cảm ơn, Theodore,” April thở dài.

“Mình ước gì có thể ở lại cùng cậu.”

“Còn mình thì ước có thể đến trường.”

Cả hai cùng cố gượng cười. “Mình sẽ luôn nghĩ về cậu. Can đảm lên nhé.”

“Cảm ơn, Theodore.”

Henry Gantry Đấng Kính là vị thẩm phán Theodore rất quý mến. Cậu bước vào phòng ngoài của người đàn ông vĩ đại ấy vào lúc 8 giờ 20.

“Ồ, chào cháu, Theodore,” cô Hardy nói. Cô đang khuấy cái gì đó được bỏ vào cà phê, chuẩn bị bắt đầu một ngày làm việc.

“Chào cô Hardy,” Theodore mỉm cười đáp lại.

“Sao bạn cô lại có vinh hạnh này đây?” cô hỏi. Cô ít tuổi hơn mẹ, Theodore đoán, và rất xinh. Cô cũng là một trong những thư ký trong trụ sở tòa mà Theodore mến nhất. Còn trong Phòng án Gia đình, Jenny là thư ký cậu quý nhất.

“Cháu cần gặp Thẩm phán Gantry,” cậu trả lời. “Bác ấy có trong đó không?”

“Ừm, có, nhưng bác ấy rất bận.”

“Đi mà cô. Chỉ một phút thôi.”

Cô nhấp một ngụm cà phê, rồi đáp, “Cái này có liên quan gì đến vụ xử lớn ngày mai không?”

“Có cô ạ. Cháu muốn xin cho lớp bọn cháu được dự thính phiên xử đầu tiên, nhưng cháu cần biết chắc có đủ chỗ không.”

“Ồ, chuyện này thì cô không biết đâu Theodore,” cô Hardy cau mày lắc đầu.

“Bọn cô ước chừng sẽ rất đông. Chỗ ngồi hạn chế lắm”

“Cho cháu nói chuyện với Thẩm phán được không?”

“Lớp cháu có bao nhiêu?”

“Mười sáu. Cháu nghĩ bọn cháu có thể ngồi ngoài ban công.”

Cô vẫn cau mày dù đã nhắc điện thoại bấm số. Đợi một lúc, cô nói, “Vâng, thưa Thẩm phán, có cậu Theodoredore Boone đang ở đây xin gặp ông. Tôi đã bảo cậu ấy là ông rất bận.” Cô nghe thêm một lúc, rồi đặt điện thoại xuống. “Lẹ lên,” cô nói và chỉ vào cửa phòng Thẩm phán.

Vài giây sau, Theodore đã đứng trước cái bàn làm việc lớn nhất trong thị trấn, được phủ đầy các loại giấy tờ, hồ sơ và những tập tài liệu dày cộp, chiếc bàn biểu tượng cho quyền lực ghê gớm trong tay Thẩm phán Henry Gantry, người mà lúc này đây không hề mỉm cười. Thực ra, Theodore cũng hiểu làm sao Thẩm phán cạy ra được một nụ cười khi mà cậu đang làm gián đoạn công việc của ông. Dù vậy, Theodore vẫn cố nặn một nụ cười lấp lánh ánh kim ngoác đến tận mang tai.

“Trình bày việc của cháu đi nào,” Thẩm phán Gantry cất lời. Theodore đã nghe vị thẩm phán nói câu mệnh lệnh thức này nhiều lần rồi. Cậu đã thấy nhiều luật sư, những luật sư giỏi, đứng lên lấp bấp tìm lời trong lúc ngài Gantry cau có nhìn xuống từ ghế thẩm phán. Lúc này, ông không cau có, cũng không mặc chiếc áo choàng đen, nhưng vẫn đầy vẻ gườm gườm. Khi Theodore dõm giọng, cậu thấy tia lấp lánh không lẫn vào đâu được trong mắt người bạn của mình.

“Vâng, thưa bác, chả là giáo viên môn Chính trị của bọn cháu, thầy Mount, bảo bọn cháu được Hiệu trưởng cho đi thực nghiệm một ngày để dự thính buổi khai mạc phiên tòa ngày mai.” Theodore ngừng lời, hít thật sâu và tự nhủ mình cần phải nói rõ ràng, chậm rãi, thuyết phục, như mọi luật sư giỏi đứng trước tòa. “Nhưng, bọn cháu cần có đủ chỗ. Cháu nghĩ liệu bọn cháu có thể ngồi ở ban công không ạ?”

“Ừm, cháu nghĩ vậy?”

“Vâng, thưa bác.”

“Bao nhiêu?”

“Mười sáu ạ, cộng thêm thầy Mount.”

Vị thẩm phán lượm một tập hồ sơ, mở ra, và bắt đầu đọc như thể ông quên khuấy là Theodore đang đứng rất chăm chú bên kia bàn. Theodore bối rối đợi chừng mười lăm giây. Rồi vị thẩm phán đột nhiên nói, “Mười bảy chỗ, ban công trước, mé trái. Bác sẽ bảo người xếp chỗ cho các cháu lúc 9 giờ kém 10 ngày mai.

Hy vọng mọi người biết giữ trật tự.”

“Được ạ, thưa bác.”

“Bác sẽ bảo cô Hardy gửi email cho Hiệu trưởng các cháu.”

“Cảm ơn bác ạ.”

“Giờ cháu đi được rồi, Theodore. Xin lỗi bác rất bộn.”

“Vâng ạ, thưa bác.”

Theodore đang hồi hả đi ra phía cửa thì vị thẩm phán nói, “Theodore, nói xem nào. Cháu có nghĩ ông Duffy có tội không?”

Theodore dừng bước, quay lại và không ngần ngại trả lời, “Ông ấy được coi là vô tội”

“Biết thế. Nhưng cháu có ý kiến thế nào về tội của ông ấy?”

“Cháu nghĩ ông ấy đã làm.”

Vị thẩm phán khẽ gật đầu nhưng không hề có biểu hiện đồng tình.

“Thế còn bác thì sao ạ?” Theodore hỏi.

Cuối cùng thì cũng có một nụ cười. “Bác là một trọng tài công minh, không thiên vị, Theodore nhé. Bác không nhận định trước về việc có tội hay vô tội.”

“Cháu biết bác sẽ nói vậy.”

“Gặp cháu vào ngày mai.” Theodore vịn tay nắm cửa, vội vã ra ngoài.

Cô Hardy đứng đó, tay chống hông, nhìn chăm chăm hai vị luật sư nặng xị đang đòi xin gặp thẩm phán. Cả ba im bặt khi Theodore bước ra từ phòng Thẩm phán Gantry. Cậu mỉm cười với cô Hardy trong lúc đi ngang qua. “Cảm ơn cô,” cậu nói rồi mở cửa bước đi.

Chương hai

Đạp xe từ tòa án tới trường cấp hai mươi lăm phút nếu đi nghiêm chỉnh, nghĩa là tuân theo đúng luật giao thông và kèm chế không xâm phạm lối dành cho người đi bộ. Thông thường Theodore vẫn làm vậy, chỉ trừ khi cậu hơi bị muộn. Cậu lao thẳng xuống phố Market, đi ngược chiều, chồm qua lề đường ngay trước mũi một chiếc ô tô, lao phăm phăm qua một bãi đỗ xe và len lỏi vào mọi khoảng trống trên vỉa hè, rồi - điều cậu cấm kỵ nhất - lách xe đi xuyên giữa hai ngôi nhà trên phố Elm. Theodore nghe thấy ai đó đang đứng bên hàng hiên mà la oai oái đằng sau cậu, cho tới khi cậu an toàn lọt vào con hẻm chạy thẳng đến khu đỗ xe phía sau trường dành cho giáo viên. Theodore ngó đồng hồ - chín phút. Không tệ.

Cậu dựng xe bên cạnh cột cờ, vòng xích khóa, rồi hòa vào dòng học sinh vừa ủa xuống từ xe buýt. Chuông 8 giờ 40 đang kêu reng thì cậu bước vào lớp và chào thầy Mount, giáo viên môn Chính trị của cậu đồng thời cũng là người thường tư vấn cho cậu.

“Em đã nói chuyện với Thẩm phán Gantry,” Theodore tiến đến bên bàn giáo viên, chiếc bàn vốn nhỏ hơn nhiều so với chiếc bàn mà cậu vừa rời khỏi trong tòa án. Cả phòng học ong ong trong không khí hỗn độn thường thấy vào mỗi sáng. Cả mười sáu cậu nhóc đều đã có mặt, đứa nào đứa nấy đều có vẻ như đang cười đùa, xô đẩy, huých chọc nhau.

“Sao nào?”

“Có chỗ rồi thầy ạ, sáng mai, được ưu tiên.”

“Tuyệt. Được lắm, Theodore.”

Thầy Mount cuối cùng cũng ổn định trật tự, điểm danh, dặn lớp vài điều, rồi mười phút sau cho cả lũ xuống hội trường để học tiết đầu tiếng Tây Ban Nha của cô Monique. Có tiếng tán tỉnh vụng về khi các cậu nhóc gặp vài cô bé. Trong giờ học, trò nam, trò nữ ngồi riêng, theo quy định mới của những người thông minh sáng suốt phụ trách vấn đề giáo dục của thị trấn. Trong khi với các hoạt động khác thì không hề phân biệt giới tính.

Cô Monique là một phụ nữ da đen cao lớn, đến từ Cameroon, Tây Phi. Ba năm trước, cô chuyển đến Stattenburge khi chồng cô, cũng đến từ Cameroon, nhận dạy ngôn ngữ cho trường trung học trong thị trấn. Cô không giống một giáo viên phổ thông bình thường, không hề. Sinh ra ở châu Phi, cô lớn lên với tiếng Beti, ngôn ngữ của bộ tộc mình, và tiếng Pháp tiếng Anh, thứ ngôn ngữ chính ở Cameroon. Bố cô là bác sĩ, vì thế ông có đủ tiền cho cô du học ở Thụy Sĩ nơi cô học tiếng Đức và tiếng Ý. Tiếng Tây Ban Nha của cô được hoàn thiện trong thời gian cô học đại học ở Madrid. Cô hiện đang học tiếng Nga và dự định sẽ chuyển sang tiếng Trung Quốc phổ thông. Lớp học của cô treo la liệt những tấm bản đồ thế giới cỡ lớn đầy màu sắc, và học trò của cô luôn tin rằng cô đã đi khắp nơi, đã nhìn thấy mọi thứ và có thể nói bất cứ ngôn ngữ nào. Thế giới này rất rộng lớn, nhiều lần cô đã nói vậy, và hầu hết mọi người ở các nước khác đều nói được hai thứ tiếng trở lên. Học sinh học tiếng Tây Ban Nha của cô cũng vẫn được khuyến khích khám phá các ngôn ngữ khác.

Mẹ Theodore học tiếng Tây Ban Nha suốt hai mươi năm qua, nên ngay từ hồi mẫu giáo cậu đã biết nhiều từ và câu cơ bản. Nhiều thân chủ của mẹ từ Trung Mỹ đến và mỗi khi gặp họ ở văn phòng, Theodore sẵn sàng thực hành luôn. Họ luôn thấy thế thật dễ thương.

Cô Monique từng khen Theodore có năng khiếu về ngôn ngữ, điều đó càng tiếp thêm hứng khởi cho cậu chịu khó học hơn. Mấy đứa học sinh hiếu kỳ thường yêu cầu cô “Cô nói gì đấy bằng tiếng Đức.” Hay, “Tiếng Ý.” Cô sẽ nói, có điều bao giờ cũng yêu cầu bạn học sinh ấy đứng lên, nói mấy từ bằng chính thứ ngôn ngữ đó. Cô lại cho điểm thưởng, càng khiến học sinh nhiệt tình với môn của cô. Hầu hết các bạn trong lớp Theodore đều biết mấy chục từ của vài thứ tiếng khác. Aaron, cậu bạn có mẹ là người Tây Ban

Nha và bố là người Đức, cho đến giờ vẫn là nhà ngôn ngữ tài năng nhất. Nhưng Theodore đã quyết tâm sẽ bắt kịp cậu ta. Sau môn Chính trị, tiếng Tây Ban Nha là giờ học cậu yêu thích, và cô Monique cũng là giáo viên yêu thích của cậu, ngay sau thầy Mount.

Mặc dù vậy, ngày hôm nay, Theodore thấy khó lòng tập trung vào bài học. Cả lớp đang học động từ trong tiếng Tây Ban Nha, thật là những âm thanh tẻ ngắt trong một ngày như thế này và đầu óc Theodore đang vẫn vơ đâu đó. Cậu lo nghĩ về April và cái ngày khủng khiếp của cô bé trên bục nhân chứng. Cậu không thể hình dung được nỗi khủng hoảng khi buộc phải chọn giữa bố và mẹ. Đến khi cố dẹp được chuyện April sang một bên, đầu óc cậu lại bận rộn với vụ án giết người, và cậu nóng lòng chờ đến ngày mai, để được xem phần trình bày mở đầu của các luật sư.

Hầu hết các bạn cùng lớp đều mơ có được những tấm vé tới xem các chương trình ca nhạc và các cuộc thi đấu lớn. Theodore Boone sống vì các vụ xử hoành tráng.

Tiết thứ hai là môn Hình học của cô Garman. Rồi đến giờ ra chơi, sau đó cả lớp trở về phòng học chính với thầy Mount và giờ học thú vị nhất trong ngày, ít nhất là theo ý kiến của Theodore. Thầy Mount ngoài ba mươi, từng làm luật sư trong một công ty khổng lồ có trụ sở trên tòa nhà chọc trời ở Chicago. Anh thầy là luật sư. Bố thầy, ông thầy cũng từng là luật sư, thẩm phán. Dù vậy, do quá mệt mỏi với những giờ làm việc kéo dài và áp lực nặng nề, thầy Mount đã, ừm, bỏ cuộc. Thầy đã từ bỏ cả đồng tiền lớn ấy và tìm được cho mình cái gì đó thầy thấy đáng giá hơn nhiều. Thầy thích dạy học, và dẫu vẫn tự cho mình là luật sư, thầy coi lớp học quan trọng hơn phòng xử án gấp vạn lần.

Nhờ thầy rất am hiểu về luật nên tiết Chính trị của thầy dành phần nhiều thời gian thảo luận các vụ cụ thể, cũ có, mới có, thậm chí cả những vụ hư cấu trên truyền hình.

“Nào, các chàng trai” thầy mở màn sau khi học sinh ổn định chỗ ngồi. Thầy luôn gọi học trò là “các chàng trai” và đối với cái tuổi mười ba mà nói thì không có lời khen ngợi nào tuyệt hơn thế. “Ngày mai, thầy muốn các em có mặt lúc 8 giờ 15. Mình đi xe buýt đến tòa án và sẽ phải ngồi một chỗ lâu đấy. Đây là một buổi thực nghiệm, đã được Hiệu trưởng duyệt, nên các em được nghỉ các tiết học khác. Nhớ mang theo tiền ăn trưa, chúng ta ăn ở quán Pappy’s Deli. Ai hỏi gì không?”

Các chàng trai đang đỏng đảnh tai nghe như nuốt từng lời, sự hứng khởi lộ rõ trên gương mặt.

“Ba lô thì sao ạ?” ai đó hỏi.

“Không mang,” thầy Mount trả lời. “Các em không được mang gì vào trong phòng xử cả. An ninh chặt lắm. Hơn nữa, từ lâu lắm rồi, đây là phiên xử tội giết người đầu tiên ở đây. Còn thắc mắc gì nữa không nào?”

“Bọn em mặc gì ạ?”

Tất cả các con mắt đều từ từ hướng sang Theodore, cả thầy Mount cũng vậy.

Ai cũng biết Theodore dành thời gian ở tòa án còn nhiều hơn khối luật sư.

“Áo vest, cà vạt, phải không Theodore?” thầy Mount hỏi.

“Không, không cần đâu. Như chúng mình đang mặc đây là ổn.”

“Tốt rồi. Còn câu hỏi nào nữa không? Tốt. Giờ thế này, thầy đã đề nghị Theodore đại loại là phác thảo trình tự các việc sẽ diễn ra tại tòa ngày mai. Phác sơ đồ phòng xử, thành phần tham dự cho chúng ta biết chúng ta đang tham gia vào cái gì. Nào Theodore!”

Laptop của Theodore đã được nối với đầu chiếu. Cậu đi lên trước lớp, bấm phím, và một sơ đồ lớn hiện ra trên màn chiếu kỹ thuật số rộng. “Đây là phòng xử chính” Theodore bắt đầu bằng giọng điệu chuẩn nhất của một luật sư trong cậu. Cậu cầm bút laze, huơ huơ chấm sáng đỏ của nó quanh sơ đồ. “Trên cùng, ngay chính giữa đây, là ghế băng, nơi thẩm phán ngồi điều khiển phiên tòa. Không rõ vì sao lại gọi là ghế băng. Trông nó giống một chiếc ngai hơn. Nhưng thôi, chúng ta vẫn cứ gọi là ghế băng. Thẩm phán lần này sẽ là Henry Gantry.” Theodore lại bấm phím, một bức chân dung

lớn của Thẩm phán Gantry hiện ra. Áo chùng đen, mặt gườm gườm. Theodore co bức ảnh lại, kéo nó sang ghế thẩm phán. Khi ngài thẩm phán đã yên vị trên ghế, cậu mới tiếp tục, “Ngài Gantry làm thẩm phán đã được hai mươi năm nay, và chỉ chuyên các vụ hình sự. Ông là một quan tòa khó tính nhưng được hầu hết các luật sư quý trọng.” Chấm laze chuyển hướng ra giữa phòng xử. “Đây là bàn bên bị, nơi ông Duffy, người bị buộc tội giết người, sẽ ngồi.” Theodore lại bấm phím, và một tấm ảnh đen trắng cắt ra từ báo hiện ra. “Đây là ông Duffy. Tuổi 49, từng lấy bà Duffy, người đã qua đời, và như chúng ta đều biết, ông Duffy bị cáo buộc đã giết bà.” Theodore lại co ảnh, kéo nó sang bàn bên bị. “Luật sư của ông Duffy là Clifford Nance, có lẽ là luật sư bào chữa mảng hình sự giỏi nhất ở vùng này.” Luật sư Nance hiện ra trong một tấm ảnh màu, với bộ com lê sẫm và nụ cười tinh quái. Tóc ông ta xám, xoắn dài. Bức ảnh luật sư Nance được thu nhỏ và đặt cạnh bức ảnh thân chủ của ông. “Cạnh bàn bên bị là bàn bên nguyên. Đứng đầu bên nguyên là Jack Hogan, mọi người cũng biết, ông là chánh án tòa án quận.” Bức ảnh của ông Hogan hiện ra vài giây rồi cũng được thu nhỏ và đặt vào chiếc bàn cạnh bàn bên bị.

“Cậu mò đâu ra những tấm ảnh này?” có ai đó hỏi.

“Mỗi năm, hội luật sư đều phát hành niên giám luật sư và thẩm phán,” Theodore trả lời.

“Có cậu trong đó chứ?” Câu hỏi khiến mấy học sinh rúc rích cười.

“Không đâu. Trờ lại nhé, sẽ có cả các luật sư và trợ lý luật sư khác ngồi tại hai bàn, bên nguyên và bên bị. Khu vực này thường rất đông. Ở đây, cạnh phía bên này của bên bị, là khu bồi thẩm đoàn. Khu này có mười bốn ghế - mười hai ghế cho các vị bồi thẩm chính thức và hai ghế cho người dự khuyết. Hầu hết các bang vẫn áp dụng bồi thẩm đoàn mười hai ghế, tuy nhiên có nhiều hay ít hơn cũng chẳng có gì bất thường cả. Dù số lượng thế nào, lời buộc tội vẫn phải đồng thuận, ít nhất là trong các vụ xử án hình sự. Người ta chỉ định bồi thẩm dự khuyết trong trường hợp có vị nào đó bị ốm hay vắng mặt có lý do hay gì đó. Bồi thẩm đoàn lần này đã được chọn từ tuần trước, nên ngày mai chúng ta sẽ không phải theo dõi phần này. Nó chán ngắt ấy mà.” Chấm laze chuyển tới một điểm trước băng ghế.

Theodore tiếp tục, “Thư ký tốc ký ngồi chỗ này. Cô có một chiếc máy gọi là máy tốc ký. Trông thì gần giống máy đánh chữ, nhưng kỳ thực rất khác. Công việc của cô là ghi lại từng lời phát biểu trong suốt phiên xử. Nghe thì tưởng không thể kịp, nhưng cô ấy làm trông rất đơn giản. Sau đó, cô ấy phải soạn cái gọi là biên bản gửi tới các luật sư và thẩm phán. Có những biên bản dài đến vài nghìn trang.” Chấm laze lại di chuyển. “Còn đây, kế bên thư ký tốc ký và ngay bên dưới trước bàn thẩm phán là ghế nhân chứng. Nhân chứng bước tới ghế này, tuyên thệ chỉ nói sự thật, rồi mới được ngồi.”

“Vậy bọn mình sẽ ngồi đâu?”

Chấm laze chuyển tới giữa sơ đồ. “Đây được gọi là vành móng ngựa. Cũng đừng hỏi tại sao lại gọi vậy nhé. Vành móng ngựa là hàng rào bằng gỗ ngăn cách người xem với khu vực xử án. Mười hàng ghế, có lối đi ở giữa. Thường thì là quá đủ cho mọi người tới xem, nhưng phiên xử tới đây sẽ khác.” Chấm laze chuyển tới phía sau phòng xử án. “Ngay đây, phía trên mấy hàng ghế cuối, là ban công với ba ghế băng dài. Chúng ta sẽ ngồi ở ban công, nhưng đừng lo. Chúng ta sẽ nghe và thấy hết mọi thứ.”

“Còn câu hỏi nào nữa không?” thầy Mount hỏi.

Các cậu học trò vẫn ngó trân trân vào sơ đồ. “Ai sẽ mở màn?” ai đó hỏi.

Theodore dậm bước qua lại. “Ừm, luật sư bên nguyên có trách nhiệm chứng minh tội trạng, nên phải nêu cáo trạng trước. Sáng mai, việc đầu tiên chúng ta thấy sẽ là luật sư bên nguyên bước lên phát biểu trước bồi thẩm đoàn. Thủ tục này gọi là tuyên bố mở màn. Ông sẽ trình bày lý lẽ bên nguyên. Tiếp đến, luật sư bên bị cũng làm tương tự. Sau đó, bên nguyên bắt đầu cho gọi nhân chứng. Mọi người cũng biết rồi, ông Duffy được cho là vô tội, nên việc của bên nguyên là chứng minh ông ấy có tội, và lý lẽ của họ phải vượt qua được nghi vấn hợp lý. Ông ấy khẳng khẳng nói mình vô tội, điều này trên thực tế không thường hay xảy ra. Khoảng tám mươi phần trăm người bị cáo buộc giết người cuối cùng đều nhận tội, vì thực tế là họ có tội. Hai mươi phần trăm còn lại ra tòa, và rồi chín mươi phần trăm số này bị chứng minh có tội. Vì thế một bị cáo tội giết người mà cuối cùng không bị chứng minh là có tội thì rất hiếm.”

“Bố mình nghĩ ông ấy có tội,” Brian nói.

“Nhiều người cũng nghĩ vậy,” Theodore nói.

“Cậu đã theo dõi bao nhiêu phiên tòa rồi, Theodore?”

“Mình không rõ. Máy chục.”

Vì chưa bạn nào trong số mười lăm cậu trò còn lại trong lớp từng có mặt ở một phòng xử án nên con số ấy gần như ngoài sức tưởng tượng. Theodore tiếp tục: “Với bất kỳ ai trong các cậu hay xem ti vi, thì đừng trông đợi có màn pháo hoa nhé. Một phiên tòa ngoài đời thực rất khác, không phải là gay cấn lắm đâu. Sẽ không có nhân chứng bất ngờ, không có những màn kết tội đầy kịch tính, không có những cuộc tranh tụng nảy lửa giữa các luật sư. Còn trong phiên xử lần này, không có nhân chứng chứng kiến tận mắt vụ giết người. Nghĩa là, mọi chứng cứ của bên nguyên đều mang tính suy diễn. Mọi người sẽ được nghe nhiều đến từ này, đặc biệt là từ ông Cufford Nance, luật sư bào chữa bên bị. Ông ấy sẽ bám sát yếu tố bên nguyên không có bằng chứng trực tiếp, rằng mọi thứ chỉ là suy diễn.” “Mình vẫn thấy lơ mơ,” ai đó nói.

“Nghĩa là chứng cứ chỉ là gián tiếp, không phải trực tiếp. Ví dụ, cậu có đi xe đạp đến trường không?”

“Có.”

“Thế cậu có xích nó vào giá để xe gần cột cờ không?”

“Có.”

“Vậy, nếu chiều nay tan học, cậu ra chỗ cột cờ, và xe cậu đã biến mất, xích bị cắt, thì cậu có bằng chứng gián tiếp là ai đó đã ăn cắp chiếc xe. Không ai trông thấy tên trộm, nên không có bằng chứng trực tiếp. Và ta cứ cho là đến hôm sau, cảnh sát tìm thấy xe cậu ở một hiệu cầm đồ trên phố Raleigh, nơi nổi tiếng chuyên bán xe đạp ăn cắp. Chủ tiệm cung cấp cho cảnh sát một cái tên, họ điều tra và tìm ra một gã có tiền sử ăn cắp xe đạp. Lúc này, thông qua dẫn chứng gián tiếp, cậu có thể khởi kiện rằng tên này là kẻ trộm chiếc xe của cậu. Không hề có chứng cứ trực tiếp, mà chỉ là suy diễn.”

Ngay cả thầy Mount cũng đang gật gù. Thầy là tư vấn luật cho Đội Hùng biện khối Tám, và chẳng hề ngạc nhiên, Theodore Boone là ngôi sao

của thầy. Thầy chưa bao giờ có cậu trò nào nhạy bén thông minh lanh lợi đến thế.

“Cảm ơn Theodore,” thầy Mount lên tiếng. Cả việc em lo được chỗ cho lớp trong buổi nữa.”

“Việc đó không có gì ạ,” Theodore trả lời không khỏi tự hào khi về chỗ.

Đây là một lớp ưu tú của một trường công có tiếng. Justin trước giờ vẫn là vận động viên xuất sắc nhất, dù cậu có thể chưa bơi nhanh được như Brian. Ricardo thì chấp tất cả trong hai môn golf và tennis. Edward chơi cello, Woody ghi ta điện, Darren trống, Jarvis kèn trumpet. Joey có chỉ số IQ cao nhất và năm nào cũng là học sinh giỏi. Chase là nhà khoa học điên rồ, lúc nào cũng như chực làm nổ tung phòng thí nghiệm. Aaron nói tiếng Tây Ban Nha theo mẹ, tiếng Đức theo bố, và dĩ nhiên là cả tiếng Anh. Brandon sáng sớm đi đưa báo, mua bán chứng khoán Online, và dự định sẽ trở thành tỉ phú đầu tiên của lớp.

Tất nhiên, vẫn còn hai cậu chàng chưa có gì sáng sủa, và một ở diện triển vọng.

Lớp thậm chí còn có luật sư riêng, với thầy Mount đây là lần đầu tiên.

Chương Ba

Văn phòng Công ty luật Boone & Boone đặt tại một ngôi nhà cũ đã được cải tạo trên phố Park, cách phố Main ba đoạn đường và mười phút đi bộ đến tòa án. Quanh đây cũng có rất nhiều luật sư, và toàn bộ các ngôi nhà trên con phố này đều đã trở thành văn phòng luật, kiến trúc, kế toán, kỹ sư.

Công ty có hai luật sư, ông Boone và bà Boone, là hai cộng sự ngang hàng theo mọi nghĩa của từ này. Ông Boone, bố của Theodore, mới bước sang tuổi năm mươi, nhưng trông già hơn rất nhiều, ít nhất là theo suy nghĩ thầm kín của Theodore. Tên ông là Woods, một cái tên mà Theodore có cảm giác hợp để làm họ hơn. Như Tiger Woods, golf thủ. Hay James Woods, diễn viên. Theodore vẫn thường tìm kiếm xem có ai cũng tên Woods nữa không, mặc dù cậu không hẳn quá bận tâm tới chi tiết hơi khó chịu này. Theodore luôn cố không nghĩ vẩn vơ về những thứ ngoài tầm kiểm soát của cậu.

Woods Boone. Đôi lúc, Theodore phát âm nhanh cái tên ấy và nó chệch đi là “woodspoon” (thìa mộc). Cậu đã tra và thấy thìa mộc không hẳn là một từ, nhưng cậu nghĩ nó nên được coi là một từ. Thìa mà làm bằng gỗ gọi là thìa gỗ cơ, không phải là thìa mộc. Nhưng có ai dùng thìa gỗ không nhỉ? Sao phải quan tâm tới chuyện tầm phào như thế chứ? Dù sao thì, như là một thói quen bực mình mà người ta không thể phá bỏ, Theodore vẫn nghĩ về thìa mộc mỗi khi cậu bước tới trước cửa phòng bố và nhìn tên ông khắc bằng mực đen.

Văn phòng của ông Boone trên tầng hai, bước lên vài bậc thang ọp ẹp được phủ tấm thảm ố màu, xơ xác. Ông Boone ở một mình trên gác hai, vì

cánh phụ nữ bên dưới đẩy ông lên đây với hai lý do. Thứ nhất, ông là người bừa bãi, văn phòng của ông không khác một cái xác tàu, mặc dù Theodore rất thích nó. Thứ hai, chướng tai gai mắt hơn nhiều, là ông Boone hút tẩu, nhưng lại thích đóng cửa kín và tắt quạt trần mà hút khiến cho bầu không khí sặc sụa mùi hương nồng nặc của loại thuốc mà bất chợt ngày hôm đó ông thấy khoái. Khói thuốc cũng không làm phiền Theodore, mặc dù cậu thực sự lo lắng cho sức khỏe của bố. Ông Boone không thuộc diện quan tâm đến ngoại hình. Ông ít tập luyện nên người hơi phát tướng. Ông làm việc cật lực nhưng hễ rời văn phòng là bỏ lại hết các rắc rối đằng sau, không giống vị luật sư cộng sự của mình, mẹ của Theodore.

Ông Boone là luật sư bất động sản, mà theo suy nghĩ của Theodore, đây là mảng tẻ nhạt nhất trong các lĩnh vực luật. Bố cậu không bao giờ đến tòa án, chưa bao giờ tranh tụng trước quan tòa, chưa từng đọc cáo trạng trước bồi thẩm đoàn, và dường như cũng chưa bao giờ rời khỏi văn phòng. Thực tế, ông vẫn thường tự coi mình là “luật sư bàn giấy”, và có vẻ hài lòng với kiểu gọi ấy. Hẳn nhiên, Theodore ngưỡng mộ bố mình, nhưng cậu không có ý định khóa chặt sự nghiệp trong một văn phòng nào đó. Không, thưa ngài. Theodore đã định sẽ tiến thẳng vào phòng xử án.

Vì ông Boone ở một mình trên tầng hai nên văn phòng của ông vô cùng đồ sộ. Những giá sách dài oằn mình chạy dọc hai mảng tường, hai mảng còn lại là bộ sưu tập ngày càng bành trướng những bức ảnh lồng khung mô tả các việc trọng đại của gia đình nhà Woods - bắt tay các chính khách, chụp hình với các luật gia trong buổi gặp gỡ của giới luật, vân vân. Theodore đã ngắm văn phòng của vài luật sư khác trong thị trấn - cậu hay lảng xãng, sục sạo tìm đến những cánh cửa rộng mở - và Theodore phát hiện ra rằng các luật sư đều thích giăng đầy những bức ảnh như thế ở khắp tường, bên cạnh những tấm bằng tốt nghiệp, bằng khen hay giấy chứng nhận hội viên của câu lạc bộ này kia. Bức tường Triển lãm Cá nhân, mẹ cậu thường chế nhạo như vậy, vì tường trong phòng mẹ thường để trống, chỉ treo mấy bức tranh nghệ thuật hiện đại đầy bí ẩn.

Theodore gõ cộc cộc cộc rồi đẩy cửa bước vào. Mỗi chiều, sau giờ học, cậu đều phải đến chào bố mẹ, trừ khi cậu lại bận rộn đâu đó. Bố cậu ngồi

một mình sau chiếc bàn cổ ngồn ngộn các chồng giấy tờ. Ông lúc nào cũng chỉ có một mình vì các thân chủ hiếm khi ghé qua. Họ chỉ gọi điện hoặc gửi các thứ qua bưu điện, hoặc fax, hoặc email, họ không cần đến tận Boone & Boone để được tư vấn.

“Chào bố,” Theodore quăng mình xuống ghế.

“Một ngày hoành tráng ở trường chứ hử?” bố cậu hỏi, ngày nào cũng vẫn câu đấy.

“Cũng ổn ạ. Hiệu trưởng cho bọn con đi thực nghiệm ở tòa vào ngày mai. Sáng nay, con đã gặp Thẩm phán Gantry, và bác ấy hứa sẽ cho bố trí chỗ ở ban công.”

“Thế là tốt còn gì. Bọn con may mắn đấy. Cả nửa thị trấn này sẽ đồn về đấy.”

“Bố có định đi không?”

“Bố á? Không,” ông Boone trả lời, phẩy tay vào mấy chồng hồ sơ, như thể chúng đòi hỏi ông phải quan tâm đến chúng ngay lập tức. Theodore đã nghe lỏm được bố mẹ cậu nói chuyện, họ thề sẽ không ghé qua phiên tòa xử tội giết người. Bản thân họ là những luật sư bận rộn, và xem ra, phí thời gian đi xem phiên xét xử của người khác thì chẳng ra làm sao. Nhưng Theodore biết thừa, cũng như mọi người trong thị trấn này thôi, bố mẹ cũng muốn đến đó.

Bố cậu, cả mẹ nữa tuy ít hơn, mỗi khi tránh làm việc gì lại viện cớ đang có quá nhiều vụ phải lo.

“Vụ xử sẽ mất bao lâu ạ?” Theodore hỏi.

“Thấy người ta kháo nhau là có lẽ một tuần.”

“Con nhất định là muốn xem toàn tập.”

“Đừng hòng nghĩ đến chuyện đó, Theodore. Bố đã nói chuyện với Thẩm phán Gantry. Nếu thấy con trong phòng xử trong lúc đáng ra con phải ở trường, bác ấy sẽ cho dừng phiên tòa, gọi bên thừa hành tới hết con đi ngay. Bố sẽ không nộp tiền bảo lãnh đưa con ra khỏi phòng giam đâu. Con cứ việc ngồi mấy ngày trong đấy với mấy tay anh chị và bọn nghiện ngập.”

Nói đến đấy, ông Boone nhắc tẩu lên, châm một môi và bắt đầu nhả khói. Cả hai nhìn nhau trân trân. Theodore không chắc có phải bố đùa

không, nhưng rõ ràng trông mặt ông hoàn toàn nghiêm túc. Ông với Thẩm phán Garitry là chỗ bạn bè cũ. “Bố đùa thôi phải không?” cuối cùng Theodore cất lời hỏi.

“Một phần thôi. Chắc bố vẫn sẽ kéo con ra khỏi nhà giam, nhưng quả thật bố đã nói chuyện với Thẩm phán Gantry rồi đấy.”

Theodore đang nghĩ cách để xem bằng được vụ xử mà không bị Thẩm phán Gantry phát hiện. Vụ cúp học thì không khó khăn gì.

“Thôi, biến nào,” ông Boone bảo. “Làm cho xong bài vở đi.”

“Vâng, con chào bố.”

Xuống cầu thang, trấn ngay cửa trước là một phụ nữ già nua gầy bằng cái văn phòng này. Tên bà là Elsa. Họ bà là Miller, nhưng đây là điều cấm kỵ đối với Theodore và bất cứ ai. Bất kể tuổi tác của mình, mà cũng không ai biết chắc bà bao nhiêu tuổi, bà khẳng khẳng đòi gọi là Elsa. Dù người gọi bà mới mười ba tuổi. Elsa làm việc cho nhà Boone từ rất lâu trước khi Theodore chào đời. Bà làm lễ tân, thư ký, quản lý văn phòng, và cả tư vấn luật khi cần. Bà điều hành công ty này, và đôi lúc buộc phải làm trọng tài cho những cuộc cãi vã, bất đồng nho nhỏ giữa luật sư Boone tầng trên và luật sư Boone tầng dưới.

Elsa còn là một người rất quan trọng trong cuộc sống của cả ba người nhà Boone. Theodore coi bà như một người bạn, một người tin cậy.

“Cháu chào Elsa,” cậu dừng bước bên bàn của bà và sẵn sàng ôm bà.

Bà đứng bật dậy khỏi ghế, tràn đầy sức sống như vẫn thế, và ôm siết lấy cậu.

Rồi nhìn cậu, bà hỏi, “Không phải cháu mặc cái áo này hôm thứ Sáu sao?” “Không ạ.” Mà quả là vậy.

“Bác nghĩ cháu đã mặc nó.”

“Bác nhầm rồi, Elsa.” Bà vẫn thường nhận xét về trang phục của Theodore, mà, đối với một cậu trai mười ba tuổi, điều này thật phiền phức. Tuy vậy, nó cũng khiến Theodore phải để ý. Ai đó lúc nào cũng quan sát và ghi chép, và Theodore thường nghĩ về Elsa mỗi khi cậu quàng quàng mặc quần áo vào mỗi sáng. Một thói quen bực mình cậu không bỏ được.

Ngay như tú áo quần của bà cũng là một huyền thoại. Bà thấp, dáng dấp rất nhỏ - “có thể mặc bất cứ thứ gì”, mẹ cậu từng nói đi nói lại nhiều lần - nhưng bà thích đồ bó màu tối. Hôm nay, bà mặc quần da màu đen cùng chiếc áo len màu xanh lá cây trông hợp một một cách lạ kỳ khiến Theodore liên tưởng đến cây măng tây. Mái tóc xám cắt ngắn của bà bóng mượt, chải chuốt. Đôi mắt kính của bà, như thường lệ, tiếp màu với trang phục - hôm nay là màu lá cây. Elsa có thể là bất cứ gì, nhưng không bao giờ tẻ nhạt. Có thể bà sắp bảy mươi, nhưng cái cách bà tiến tới cái tuổi ấy không hề lạng lẽ.

“Mẹ cháu có trong đó không?” Theodore hỏi.

“Có, mà cửa vẫn mở đấy.” Elsa trở lại ghế ngồi. Theodore dợm bước đi.

“Cháu cảm ơn.”

“Bạn cháu gọi đến đấy.”

“Ai ạ?”

“Cậu ta nói tên là Sandy và bảo có thể sẽ ghé qua.”

“Vâng ạ.”

Theodore đi dọc hành lang. Cậu dừng lại trước một cánh cửa và chào Dorothy, thư ký phòng bất động sản, một phụ nữ tử tế nhưng chán ngắt như chính ông chủ trên tầng của mình. Cậu lại dừng trước một cánh cửa khác và chào Vince, nhân viên tư vấn luật lâu năm, trợ tá cho bà Boone.

Marcella Boone đang có điện thoại khi Theodore bước vào và ngồi xuống ghế. Bàn của bà, làm bằng kính và chrome, được bày biện gọn gàng, cả mặt bàn hầu như còn trống, một hình ảnh trái ngược với chiếc bàn trên phòng chồng bà. Hồ sơ các vụ đang thụ lý nằm ngay ngắn trên chiếc giá sau lưng. Mọi thứ chỗ nào vào chỗ đấy, trừ có đôi giày không mang trên chân bà mà xếp cạnh đấy. Đó là đôi giày cao gót, theo cách hiểu của Theodore thì điều đó có nghĩa bà đã ở tòa án cả ngày. Bà đang mặc trang phục ở phòng xử án - juyp và vest màu mận chín. Mẹ cậu lúc nào cũng xinh đẹp và chỉnh tề, nhưng dạo này mẹ còn cố gắng xinh đẹp và chỉnh tề hơn nữa mỗi khi đến tòa án.

“Đàn ông có thể trông như mấy tên ngốc,” bà đã nói thế rất nhiều lần.

“Nhưng lại luôn đòi phụ nữ trông phải ra dáng. Công bằng kiểu gì vậy?”

Elsa luôn đồng tình cho rằng như vậy thật không công bằng.

Sự thật là bà Boone thích tiêu tiền vào áo quần và thích trông xinh đẹp. Ông Boone lại chẳng chút quan tâm tới thời trang, và lại càng ít quan tâm đến sự ngăn nắp. Ông chỉ hơn bà ba tuổi, nhưng về tinh thần thì già hơn bà đến cả thập kỷ.

Vào lúc này đây, bà Boone đang trao đổi với một vị thẩm phán, người này lại đang bất đồng với bà. Khi cuối cùng cũng đặt được chiếc điện thoại xuống, thái độ của bà thay đổi rất nhanh. Bà mỉm cười, “Chào con trai. Hôm nay con thế nào?” “Tuyệt ạ. Mẹ thì sao ạ?”

“Vẫn thế. Ở trường có gì hay ho không?”

“Chỉ là mai có buổi thực nghiệm, dự thính một phiên tòa. Mẹ có đến không?”

Bà đã lắc đầu nói không. “Mẹ có buổi điều trần lúc 10 giờ trước ông Thẩm phán Stanford. Mẹ có một đồng việc, không ngồi đồng tại một phiên tòa được.”

“Bố bảo bố đã nói chuyện với Thẩm phán Gantry, hai người đã lên hẳn một kế hoạch hòng tách con khỏi vụ xử. Mẹ có tin nổi không?”

“Hẳn là mẹ cũng hy vọng như vậy. Việc học phải được ưu tiên hàng đầu.”

“Mẹ, ở trường chán lắm. Con thích mỗi hai môn thôi. Máy thứ khác chỉ phí thời gian.”

“Mẹ sẽ chẳng bao giờ nói học hành là phí phạm.”

“Con có thể học nhiều hơn từ phòng xử.”

“Có thể, nhưng nay mai con sẽ có cơ hội dành rất nhiều thời gian ở đó. Còn bây giờ, chúng ta tập trung vào lớp Tám. OK?”

“Con đang tính tham gia mấy khóa luật Online. Có một trang web rất hay với mấy thứ cũng ra trò.”

“Cứng à, con chưa đủ sức vào trường Luật đâu. Chúng ta đã nói chuyện này rồi. Hãy tận hưởng lớp Tám, rồi hoàn thành bậc trung học, rồi hơn nữa. Giờ con vẫn là một cậu nhóc, đúng không? Vậy cứ vui vẻ làm một cậu nhóc đi.” Theodore nhún vai, không nói gì.

“Thôi nào, giờ con làm cho xong bài vở đi.”

Điện thoại của bà đồ chuông, Elsa đang nối một cuộc gọi quan trọng khác. “Mẹ xin lỗi, Cún cưng, và hãy mỉm cười đi nào,” bà Boone nói. Theodore nhẹ nhàng rời khỏi văn phòng. Cậu mang ba lô xuyên qua phòng photo, vẫn hỗn độn như thế, rồi tìm đường xuyên qua hai phòng lưu trữ nơi chất đầy những thùng lớn hồ sơ.

Theodore biết chắc mình là cậu học sinh lớp Tám duy nhất ở Strattenburg có văn phòng luật riêng. Đó là một gian nhỏ như chiếc hộp được ai đó coi nới từ thập kỷ trước, và trước khi Theodore tiếp quản, công ty dùng nó để cất những cuốn sách luật cũ rích lỗi thời. Bàn làm việc của cậu không có ngăn kéo, không được tinh tươm như bàn của mẹ nhưng gọn gàng hơn nhiều so với bàn của bố. Ghế ngồi là chiếc ghế xoay cũ mềm cậu vớt vát được từ đồng đồng nát vào cái lần bố mẹ nâng cấp thư viện gần chỗ của Elsa.

Ngồi trên chiếc ghế ấy là chú chó Judge. Mỗi ngày nó đều có mặt ở văn phòng, ngủ nghê hoặc lạng lẽ lang thang đây đó, cố hết sức tránh mọi người vì họ lúc nào cũng bận rộn. Nó thường bị đuổi cổ khỏi các cuộc họp. Cuối ngày, nó thơ thẩn trở về văn phòng của Theodore, trèo lên ghế ngồi đợi.

“Chào Judge,” Theodore vừa nói vừa xoa đầu nó. “Hôm nay có gì bận không?”

Judge nhảy xuống sàn, đuôi ngoáy tít, ra điều mừng rỡ. Theodore an tọa nơi chiếc ghế bỏ ba lô lên bàn. Cậu nhìn quanh phòng. Trên một bức tường, cậu dán tấm poster lớn của đội Twins cùng lịch thi đấu của họ trong mùa giải này. Theo câu hiệu, cậu là cổ động viên duy nhất của Twins ở thi trấn này. Minnesota cách xa một nghìn dặm và Theodore chưa từng đến đó. Cậu ủng hộ đội Twins vì ở Strattenburg không ai làm vậy. Cậu chọn Twins từ mấy năm trước và giờ vẫn gắn bó với họ bằng một lòng trung thành sâu sắc đã được kiểm nghiệm qua thời gian.

Trên bức tường khác là bức chân dung biếm họa lớn của Theodore Boone, luật sư hành nghề, mặc com lê và đeo cà vạt, đang đứng ở tòa án. Lơ lửng trên đầu nhân vật, không chệch một li, là chiếc búa và dòng chữ “Bác bỏ!” Phía sau, các vị bồi thẩm nghiêm ngá cười nhạo Theodore. Trên góc phải phía dưới bức tranh, họa sĩ nguêch ngoạc tên mình, April

Finnemore. Cô bé đã vẽ tặng Theodore bức biếm họa một năm trước, nhân dịp sinh nhật cậu. Ước mơ của cô bây giờ là bay tới Paris, và dành phần đời còn lại vẽ phong cảnh đường phố.

Một cánh cửa dẫn tới hàng hiên nhỏ nhìn ra mảnh sân sau rải sỏi được dùng làm chỗ đỗ xe.

Như thường lệ, Theodore lôi các thứ trong ba lô ra và bắt đầu làm bài về nhà. Cậu phải làm xong trước giờ ăn tối, theo đúng quy định khá cứng nhắc do bố mẹ đặt ra từ khi cậu vào lớp Một. Tình trạng hen suyễn ngăn cậu chơi các môn thể thao đồng đội mà cậu tha thiết muốn tham gia nhưng lại góp phần đảm bảo cho các điểm A của cậu ở trường. Bao năm qua, cậu buộc lòng chấp nhận sự thật rằng thành tích học tập của mình là sự bù đắp xứng đáng cho những cuộc chơi cậu bỏ lỡ. Dù sao, cậu cũng có thể chơi golf, cậu và bố có lịch chơi hằng tuần vào 9 giờ sáng thứ Bảy.

Có tiếng gõ trên cửa sau. Judge đang nằm trong ỗ dưới gầm bàn, khẽ gầm gừ.

Sandy Coe cũng là học sinh lớp Tám trường trung học, nhưng khác lớp. Theodore biết cậu ta sơ sơ. Sandy là một cậu trai hiền hòa, ít nói. Cậu muốn đến nói chuyện và Theodore mời cậu tới văn phòng của mình. Sandy ngồi vào chiếc ghế duy nhất còn lại, một chiếc ghế gấp Theodore dựng ở góc. Khi cả hai ngồi vào chỗ, căn phòng đã thành ra chật chội.

“Chúng mình nói chuyện riêng được không?” Sandy hỏi. Cậu tỏ vẻ ngượng ngùng, lo lắng.

“Chắc chắn rồi. Chuyện gì nào?”

“Ừm, mình nghĩ mình cần một lời khuyên. Thực ra, mình không hiểu sự tình lắm nên cần tìm ai đó nói chuyện.”

Theodore, nhà tư vấn, nói, “Mình đảm bảo bất cứ điều gì cậu nói ra sẽ được giữ bí mật.”

“Được. Thế này nhé, bố mình mất việc từ mấy tháng trước, và, ừm, mọi chuyện trong nhà trở nên khá tệ.” Cậu ngừng lại, chờ Theodore nói gì đó.

“Mình rất tiếc.”

“Và tối hôm qua, bố mẹ mình có cuộc nói chuyện gay gắt ở trong bếp, mà đáng lẽ mình không nên nghe. Nhưng mình không dừng được. Cậu hiểu

tịch biên là gì không?”

“Biết.”

“Nó là gì vậy?”

“Ngày nay có rất nhiều dạng tịch biên. Nghĩa là khi một người có nhà mà không thanh toán được tiền thế chấp vay mua nhà thì ngân hàng sẽ thu hồi ngôi nhà đó.”

“Mình chẳng hiểu tí tẹo nào.”

“OK. Nó là thế này.” Theodore vờ một quyển sách, đặt lên giữa bàn. “Giả sử đây là căn nhà cậu muốn mua. Nó có giá một trăm ngàn đô la, và vì cậu không có một trăm ngàn, cậu đến ngân hàng hỏi vay tiền.” Theodore đặt một quyển vở bên cạnh quyển sách. “Đây là ngân hàng.”

“Hiểu rồi.”

“Ngân hàng cho cậu vay một trăm ngàn này, và giờ cậu có thể mua căn nhà từ người bán. Cậu đồng ý phải trả ngân hàng, giả sử là năm trăm đô la một tháng, trong vòng ba mươi năm.”

“Ba mươi năm ư?”

“Ừ. Đây là hợp đồng thông thường. Ngân hàng tính thêm một khoản phí cho vay gọi là lãi suất - và thế là mỗi tháng, cậu trả một phần của một trăm ngàn, cộng thêm một khoản tiền lãi. Vậy là ai cũng được việc. Cậu mua được căn nhà cậu muốn, còn ngân hàng kiếm được tiền từ khoản lãi kia. Mọi thứ đều tốt đẹp cho đến khi có chuyện xảy ra, cậu không thể thanh toán tiền vay hằng tháng.”

“Vậy tiền thế chấp vay mua nhà là gì?”

“Đây, hợp đồng kiểu mình vừa nói là thế chấp vay mua nhà. Ngân hàng có quyền với ngôi nhà chừng nào khoản vay chưa được trả hết. Khi cậu không trả được tiền gốc và lãi hằng tháng, ngân hàng có quyền tới thu hồi nhà. Ngân hàng đá cậu ra và sở hữu ngôi nhà. Cái đó gọi là tịch biên.” Theodore đặt quyển vở trùm lên, che kín quyển sách.

“Lúc họ nói chuyện bọn mình phải dọn đi, mẹ mình chỉ khóc. Nhà mình đã ở đây từ khi mình ra đời.”

Theodore mở laptop, bật nguồn lên. “Thật khủng khiếp,” cậu nói. “Dạo gần đây, chuyện này thường xuyên xảy ra.”

Sandy cúi gằm, trông gằn như suy sụp “Tên bố cậu là gì?”

“Thomas. Thomas Coe.”

“Còn mẹ?”

“Evelyn.”

Theodore hỏi nhát gừng. “Địa chỉ nhà cậu?” “814 Bennington.”

Lại nhát gừng. Cả hai cùng đợi, chợt Theodore thốt lên, “Ôi trời.”

“Gì vậy?”

“Đó là Ngân hàng Security Trust, ở phố Main. Mười bốn năm trước, bố mẹ cậu vay một trăm hai mươi ngàn đô la trong ba mươi năm. Đã bốn tháng nay nhà cậu chưa thanh toán tiền hằng tháng.” “Bốn tháng ư?”

“Ừ.”

“Những cái này đều có trên mạng sao?”

“Ừ, nhưng không phải ai cũng tìm được.” “Sao cậu làm được?”

“Có cách mà. Nhiều văn phòng luật trả phí để được truy cập một mảng dữ liệu nào đó. Hơn nữa, mình cũng biết cách đào sâu hơn một chút.”

Sandy thậm chí còn cúi gằm thấp hơn, và lắc đầu. “Vậy là nhà mình sẽ mất nhà sao?”

“Không hẳn.”

“Ý cậu là sao? Bố mình có đi làm đâu.”

“Còn một cách ngăn vụ tịch biên, cầm cự với ngân hàng, giữ ngôi nhà một thời gian, có thể là đến lúc bố cậu đi làm trở lại.” Sandy trông đầy hoang mang.

“Cậu từng nghe đến tình trạng phá sản chưa?” Theodore hỏi.

“Có lẽ rồi, nhưng mình không hiểu.”

“Nó là lựa chọn duy nhất của nhà cậu hiện nay. Bố mẹ cậu phải xin đề xuất bảo hộ phá sản. Nghĩa là bố mẹ cậu phải thuê luật sư đại diện đệ đơn lên Phòng án Luật Phá sản.”

“Phí thuê luật sư mất bao nhiêu?”

“Đừng lo chuyện đó. Quan trọng là đi gặp luật sư.”

“Cậu không thể làm chuyện đó sao?”

“Tiếc là không. Bố mẹ mình cũng không phải là luật sư về phá sản. Nhưng có một người cách đây hai nhà, Steve Mozingo, chú ấy là người rất

tốt. Bố mẹ mình thường giới thiệu khách hàng sang đây. Họ rất thích chú ấy.”

Sandy viết nguệch ngoạc cái tên ra giấy. “Và cậu nghĩ bọn mình có thể giữ được căn nhà?”

“Ừ, nhưng bố mẹ cậu phải đi gặp người này càng sớm càng tốt.”

“Cảm ơn cậu, Theodore. Mình không biết phải nói sao.”

“Không có gì. Giúp được là mình vui rồi,” Sandy vội vã vọt qua cửa, như thể muốn bay về nhà với một tin tốt lành. Theodore nhìn cậu bạn lấy xe rồi mất hút sau bãi đậu xe.

Thêm một khách hàng nữa hài lòng.

Chương Bốn

Lúc 5 giờ kém 15, bà Boone một tay cầm hồ sơ, tay kia tập tài liệu, bước vào văn phòng của Theodore. “Theodore,” bà gọi, cặp kính trắng trễ ngang sống mũi. “Con có thể chạy đưa mấy thứ này qua Phòng án Gia đình để họ kịp lưu trước năm giờ được chứ?”

“Được ạ.”

Theodore bật dậy, vội lấy ba lô. Cậu vẫn luôn mong từ một góc nào đó trong công ty này, có người cần gửi gì đó sang tòa án.

“Bài tập của con xong rồi chứ, phải không?”

“Vâng. Không có nhiều bài lắm ạ.”

“Tốt. Và hôm nay là thứ Hai. Con sẽ tới thăm bác Ike, nhớ không? Điều đó rất có ý nghĩa đối với bác ấy đấy.”

Mỗi ngày thứ Hai trong đời cậu, Theodore đều được mẹ nhắc đó là thứ Hai, điều này mang hai ý nghĩa: một là, Theodore phải dành ít nhất ba mươi phút với bác Ike, và hai là, bữa tối hôm đó ăn món Ý ở nhà hàng Robilio. Và chuyển đến nhà hàng Robilio có phần thú vị hơn.

“Vâng, thưa sếp,” Theodore vừa nói vừa cho tài liệu vào ba lô. “Con sẽ gặp bố mẹ ở Robilio.”

“Phải rồi, con yêu, bảy giờ.”

“Con biết rồi ạ,” cậu nói, đoạn mở cửa sau ra. Theodore dặn Judge rằng cậu sẽ trở về trong ít phút nữa.

Bữa tối luôn vào lúc 7 giờ. Ăn ở nhà, chuyện này cũng hiếm vì mẹ cậu không thích nấu ăn, họ ăn lúc 7 giờ. Ăn ngoài hàng, lúc 7 giờ. Trong kỳ nghỉ, 7 giờ. Khi đến thăm nhà bạn bè, họ không thể mất lịch sự gợi ý về giờ

ăn, nhưng vì tất cả bạn bè họ đều biết 7 giờ quan trọng như thế nào đối với nhà Boone nên cũng chiều họ. Thi thoảng lắm, khi Theodore qua đêm ở nhà bạn hoặc đi cắm trại hoặc không có mặt ở thị trấn vì lý do nào đấy, cậu rất lấy làm khoái chí được ăn tối trước hoặc sau 7 giờ.

Năm phút sau, Theodore dựng xe trước tòa án, khóa xích lại. Phòng án Gia đình trên tầng ba, cạnh Phòng Di chúc, cùng hành lang với Phòng Hình sự. Còn rất nhiều phòng án khác trong tòa nhà - Giao thông, Bất động sản, Ma túy, Súc vật, Dân sự, Phá sản, mà có lẽ còn một hai phòng xử án nào nữa mà Theodore chưa phát hiện ra.

Cậu hy vọng gặp được April, nhưng cô bé không ở đó. Phòng xử tổng không. Các hành lang vắng ngắt.

Cậu mở cánh cửa kính phòng thư ký và bước vào. Jenny người đẹp đang đợi. “A, chào Theodore,” cô nở nụ cười tươi rói, rời mắt khỏi chiếc máy tính đặt trên cái bàn dài và ngược nhìn lên.

“Chào chị, Jenny,” cậu đáp lại. Cô rất xinh đẹp, trẻ trung và Theodore thực sự phải lòng cô. Cậu sẽ cưới cô ngay ngày mai nếu có thể, nhưng tuổi của cậu cộng với anh chồng cô đúng là chuyện nan giải. Chưa kể, cô đang có bầu, và điều này khiến Theodore phiền lòng, dẫu vậy cậu không hé răng với bất kỳ ai.

“Mẹ em gửi cái này” Theodore đưa ra xấp giấy tờ. Jenny nhận lấy, xem qua một lúc, rồi thốt lên, “Ôi trời, lại ly với chả dị.”

Theodore ngăm người con gái ấy không chớp mắt.

Cô đóng dấu, nguệch ngoạc mấy chữ, rồi bắt đầu vào sổ theo dõi.

Theodore chỉ ngăm nhìn cô.

“Chị có tới phiên xử ngày mai không?” cuối cùng, cậu cất lời hỏi.

“Có thể chị ghé qua nếu tranh thủ được. Còn em?”

“Có. Em đang mong đây.”

“Chắc sẽ thú vị, nhỉ?”

Theodore nghiêng người gần hơn một chút rồi nói, “Chị nghĩ ông ta có tội chứ?”

Jenny nghiêng người thậm chí còn gần hơn liếc nhanh xung quanh như thể bí mật của họ rất hệ trọng. “Chắc chắn rồi. Em thì sao?”

“Ờ thì, ông ta được cho là vô tội.”

“Em đã dành quá nhiều thời gian lãng vãng khắp chỗ này, Theodore. Chị hỏi em nghĩ gì cơ mà, có ghi lại vào biên bản đâu.”

“Em nghĩ ông ta có tội.”

“Cùng chờ xem, nhé?” Cô trao cho Theodore một nụ cười vội, rồi quay lại làm nốt công việc.

“Cho em biết, Jenny. Phiên sớm nay, vụ nhà Finnemore ý, hình như xong rồi ạ?”

Cô nhìn quanh đây vẻ nghi ngại, như thể họ không được phép trao đổi về một vụ còn đang xử. “Thẩm phán Sanford cho tạm ngừng lúc 4 giờ chiều nay, rồi sang sáng mai xử tiếp.”

“Chị có ở trong phòng xử không?”

“Không. Sao em lại hỏi, Theodore?”

“Em học cùng April Finnemore. Bố mẹ bạn ấy ly hôn. Em chỉ tò mò thôi.” “Chị hiểu rồi,” Jermy buồn bã nhú mày.

Theodore lại trăn trăn ngắm Jenny. “Chào em, Theodore.”

Cuối sảnh, phòng xử đã khóa. Một nhân viên bảo vệ tòa án không mang súng mà mang dùi cui, mặc bộ đồng phục ngả màu, đang tới gần cửa chính. Theodore biết tất cả các vị quan khâm sai nơi đây, và người này, Đội phó Gossett, là một trong những người hay gặt gồng nhất. Ông Boone từng giải thích bảo vệ tòa án thường là những cảnh sát đã có tuổi và chậm chạp hơn đồng nghiệp, những người gần kết thúc sự nghiệp cảnh sát. Họ được mang danh mới - “bảo vệ tòa án” và được tái bổ nhiệm làm việc ở tòa án, nơi mọi việc nhằm chận những an toàn hơn trên đường phố.

“Chào cậu, Theodore” Đội phó Gossett cất tiếng, miệng không mỉm cười. “Cháu chào bác Gossett.” “Cái gì mang cậu tới đây vậy?”

“Chỉ là mấy thứ hồ sơ giúp bố mẹ cháu.”

“Chỉ vậy thôi sao?”

“Vâng ạ.”

“Cậu chắc là không lượn lờ quanh đây để xem phòng xử đã sẵn sàng cho cái vụ đình đám kia chưa đấy chứ?”

“Cả việc đấy nữa ạ.”

“Ta nhìn ra điều đó mà. Hôm nay cũng có mấy cuộc viếng thăm. Một nhóm phóng viên truyền hình vừa đi khỏi. Hẳn là thú vị đây.”

“Mai bác có trực không ạ?”

“Tất nhiên mai ta trực chứ” Đội phó Gossett nói, hơi ưỡn ngực ra, như thể phiên tòa không thể bắt đầu nếu không có ông vậy. “An ninh sẽ được siết chặt.”

“Sao vậy ạ?” Theodore hỏi mặc dù cậu biết rõ vì sao. Đội phó Gossett cho rằng mình hiểu mọi ngõ ngách luật pháp, như thế ông đã hấp thu được cả một kho kiến thức khổng lồ về luật chỉ bởi ông đã ngồi nghe hết phiên tòa này đến cuộc điều trần kia vậy. (Thường thì khi ấy ông hay lơ mơ ngủ gật). Và cũng giống nhiều người không hiểu biết nhiều như họ nghĩ, Đội phó Gossette sốt sắng chia sẻ nội tình theo mình hiểu cho người có ít thông tin hơn.

Đội phó liếc nhìn đồng hồ, làm bộ làm tịch như lịch làm việc của ông rất sát sao. “Đó là vụ xử tội giết người, một vụ đình đám,” ông ra vẻ quan trọng. Cái này thì đúng, Theodore nghĩ. “Vả lại, những vụ xử án giết người thường thu hút các thành phần có thể đe dọa đến công tác an ninh.”

“Như ai ạ?”

“Theodore này, để ta nói cho dễ hiểu nhé. Mỗi vụ giết người đều có một nạn nhân, và nạn nhân đó có gia đình và bạn bè, mà những người này hiển nhiên không vui vẻ gì với việc người thân của họ bị giết. Cháu hiểu ý ta đang nói không?”

“Có ạ.”

“Và còn có cả bị cáo nữa. Trong vụ này là ông Duffy, người khẳng khẳng nói rằng mình không có tội. Bị cáo nào mà chẳng nói vậy, tất nhiên, nhưng cứ giả sử là ông ta không có tội đi. Trong trường hợp ấy, hung thủ thực sự đang ở ngoài kia. Hẳn có thể sẽ tò mò về phiên tòa.” Đội phó Gossett liếc nhanh xung quanh đầy cảnh giác, như thể kẻ sát nhân có thể đang ở ngay gần đấy và đang thấy chướng tai gai mắt.

Theodore định hỏi: Tại sao tên sát nhân thực sự kia có thể đe dọa công tác an ninh nếu hẳn xuất hiện tại phiên tòa? Hẳn định làm gì? Giết thêm ai đó chẳng?

Trước hàng trăm nhân chứng sao?

“Cháu hiểu rồi,” cuối cùng cậu lại nói, “các bác cần phải cẩn thận mới được.”

“Đảm bảo mọi việc sẽ được kiểm soát.”

“Sáng mai cháu gặp lại bác sau nhé.”

“Cháu cũng đến à?”

“Tất nhiên ạ.”

Đội phó Gossette lắc đầu. “Ta không nghĩ vậy đâu, Theodore. Chỗ này sẽ chật ních. Cháu không kiếm nổi một chỗ ngồi đâu.”

“À, sáng nay cháu đã nói chuyện với Thẩm phán Gantry. Bác ấy hứa dành ghế cho bọn cháu ” Vừa nói, Theodore vừa bước đi.

Đội phó Gossette không biết phải nói sao.

Ike là bác của Theodore, anh trai của ông Woods Boone. Trước khi Theodore chào đời, bác Ike đã cùng bố mẹ cậu khởi nghiệp công ty Boone & Boone này. Bác là một trong số ít luật sư về thuế ở vùng này. Theo thông tin ít ỏi Theodore có thể thu thập về chủ đề này, ba vị luật sư đã có mối quan hệ vui vẻ và hiệu quả cho đến khi bác Ike mắc sai lầm. Sai lầm tồi tệ. Tồi tệ đến mức bác bị tước giấy phép hành nghề luật. Có mấy dịp, Theodore đã hỏi bố mẹ chính xác thì bác Ike đã sai lầm về việc gì, nhưng bố mẹ cậu luôn từ chối cung cấp tình tiết. Bố mẹ toàn bảo không muốn nói về chuyện đó. Hoặc bảo sẽ giải thích mọi việc khi Theodore đã đủ lớn để hiểu.

Bác Ike vẫn làm công việc về thuế, ở mức độ hạn hẹp hơn. Bác không phải luật sư, cũng không phải kế toán. Nhưng vì bác cũng phải làm gì đó để kiếm sống, nên bác nhận việc khai thuế cho các cá nhân hoặc doanh nghiệp nhỏ. Văn phòng của bác trên tầng hai của một tòa nhà cũ trong phố. Tầng một là tiệm ăn nhanh của cặp vợ chồng người Hy Lạp. Bác Ike làm cả thuế cho họ và nhận một phần thù lao bằng năm bữa trưa mỗi tuần.

Vợ bác đã đòi ly dị sau khi bác bị cấm hành nghề. Bác cô độc và nói chung không mấy vui vẻ, nên Theodore thường không thích ghé qua chỗ bác mỗi chiều thứ Hai. Nhưng bác ấy là người thân và điều này rất quan trọng, bố mẹ Theodore bảo thế, mặc dù chẳng mấy khi họ dành thời gian thăm bác.

“Chào cháu, Theodore,” bác gọi to ngay khi Theodore mở cửa bước vào căn phòng dài và lộn xộn.

“Chào Ike.” Mặc dù nhiều tuổi hơn bố Theodore, bác khẳng khái đòi người ta gọi mình là Ike. Giống Elsa, đó là một phần trong nỗ lực của bác hòng giữ lại tuổi trẻ. Bác mặc chiếc quần jean bạc phếch, đi dép xăng đan, mặc áo phông in hình quảng cáo bia, và đeo mấy chiếc vòng xâu hạt ở tay trái. Tóc bác dài, trắng, rối bù, và được buộc túm đuôi ngựa ra đằng sau.

Bác Ike đang ngồi tại bàn, một chiếc bàn rộng chất đầy hồ sơ. Đầu đĩa đang chơi khe khẽ bản Grateful Dead. Tường phòng được phủ lớp giấy dán rẻ tiền, ố màu và bẩn thỉu.

Bà Boone bảo, Ike từng là nhân viên thuế doanh nghiệp điển hình - áo cổ cồn, vest tối màu - trước khi bác dính phốt. Giờ, bác tự huyễn hoặc mình là một tay hippie già, phản đối mọi thứ. Một tay nổi loạn thực sự.

“Thằng cháu yêu quý của ta thế nào?” bác hỏi khi Theodore ngồi vào chiếc ghế đối diện.

“Tuyệt ạ.” Theodore là đứa cháu duy nhất của bác. “Hôm nay bác thế nào ạ?”

Ike hươ tay về phía bãi chiến trường trên bàn, “Vẫn như thường. Dọn dẹp các vụ bê bối tiền bạc của những người không có tiền. Mọi việc ở Boone & Boone thế nào?”

“Vẫn vậy ạ.” Mặc dù chỉ cách bốn dãy nhà, Ike hiếm khi gặp bố mẹ Theodore.

Họ vẫn có phần thân thiết, nhưng chuyện quá khứ quá phức tạp.

“Trường lớp thế nào?”

“Ồn ạ.”

“Toàn điểm A chứ?”

“Vâng. Có lẽ môn hóa A trừ thôi.”

“Ta mong vẫn là A.”

Bác và mọi người đều mong, Theodore nghĩ thầm. Cậu không hiểu theo cách nào hay vì sao Ike lại nghĩ mình có trách nhiệm đưa ra ý kiến về điểm số của Theodore, nhưng cậu cho rằng có bác có chú là phải vậy. Bố mẹ cậu kể rằng Ike rất xuất sắc và đã hoàn thành chương trình đại học chỉ trong ba năm.

“Mẹ cháu khỏe chứ?”

“Mẹ cháu khỏe, làm việc hăng say.” Eke không bao giờ hỏi thăm về ông Boone.

“Ta đoán cháu rất hào hứng với phiên tòa ngày mai.”

“Vâng ạ. Lớp Chính trị bọn cháu sẽ có buổi dự thính ở phòng xử án. Sẽ ở đấy cả ngày. Bác có đến không?” Theodore hỏi, dù đã biết câu trả lời.

Ike khịt mũi vẻ ngán ngẩm. “Ai chứ ta thì không. Ta không tình nguyện bước vào phòng xử. Thêm nữa, ta còn có nhiều việc phải làm.” Đúng kiểu nhà Boone.

“Cháu thì không tài nào đợi được,” Theodore nói.

“Vậy là cháu vẫn muốn làm luật sư, một luật sư của những phiên tòa lớn?” “Điều đó có gì sai ạ?”

“Ô, ta nghĩ là chẳng sai.” Tuần nào hai bác cháu cũng đều trao đổi về vấn đề này. Ike muốn Theodore trở thành kiến trúc sư hay họa sĩ, một công việc gì đó mang tính sáng tạo. “Hầu hết trẻ con đều ước mơ trở thành cảnh sát, lính cứu hỏa, hay một vận động viên vĩ đại, hay một diễn viên nổi tiếng. Ta chưa từng gặp đứa trẻ nào cứ khăng khăng mãi với ý tưởng muốn trở thành luật sư.”

“Ai rồi cũng sẽ trở thành một ai đấy mà.”

“Biết vậy. Luật sư biện hộ Clifford Nance rất cừ. Cháu đã từng xem ông ta biện hộ chưa?”

“Trong một phiên tòa thực sự thì chưa. Cháu đã từng xem bác ấy trong một vụ hòa giải tranh chấp lằng nhằng, không phải ở phiên tòa.”

“Ta biết Clifford rất rõ, ở một điểm. Nhiều năm trước. Ta cá ông ấy sẽ thắng.” “Bác thực sự nghĩ vậy?”

“Chắc chắn. Vụ khởi tố có một điểm yếu, từ những gì ta nghe được.” Mặc dù đang ăn dật, Ike vẫn giữ sở trường nghe ngóng những tin đồn chôn tòi án. Bố của Theodore nghi ngờ rằng thông tin Ike có được là từ các cuộc bài poker hằng tuần với mấy luật sư về vườn

“Thực sự không có bằng chứng rằng ông Duffy giết vợ,” Ike nói. “Bên nguyên có thể quy kết động cơ khó chối cãi, hay khởi mào những môi nghi ngờ, nhưng cũng chỉ đến thế.”

“Động cơ gì ạ?” Theodore hỏi dù cậu nghi mình đã biết câu trả lời. Cậu muốn thăm dò xem Ike biết chuyện này đến đâu, ông bác sẵn sàng chia sẻ đến mức nào.

“Tiền. Một triệu đô la. Hai năm trước, ông Duffy đã mua khoản bảo hiểm nhân thọ một triệu đô cho bà vợ. Trong trường hợp bà vợ chết, ông ấy được hưởng một triệu đó. Việc làm ăn của ông ấy không suôn sẻ. Ông ấy cần tiền mặt, nên giả thiết là, theo nghĩa đen nhé, ông ấy đã ra tay giải quyết vấn đề.”

“Bóp cổ bà ấy ư?” Theodore đọc tất cả các bài báo viết về vụ giết người này và cũng đã biết nguyên nhân cái chết.

“Đó là giả thiết. Bà ấy chết vì bị bóp cổ. Bên nguyên sẽ cáo buộc là ông Duffy đã bóp cổ bà ấy, sau đó lục tung mọi thứ lên, lấy nữ trang, cổ làm hiện trường như bà bước vào đúng lúc nhà đang có trộm.”

“Ông Nance sẽ dùng chiêu bài gì và chứng minh điều gì?”

“Ông ấy không phải chứng minh điều gì, nhưng ông ấy sẽ cãi là không có bằng chứng, không có chứng cứ cho thấy ông Duffy có mặt tại hiện trường vụ án. Theo ta hiểu, không có nhân chứng thấy ông ta ở đó. Đây là một vụ khó nhằn đối với bên khởi tố.”

“Bác có nghĩ ông ấy có tội không?”

Ike bẻ ít nhất tám đốt tay kêu răng rắc, đan tay ra sau đầu. Ông nghĩ một lúc rồi mới lên tiếng, “Có thể. Ta cá là Duffy đã lên kế hoạch rất cẩn thận và mọi việc đang xuôi theo hướng ông ấy muốn. Mấy người bọn họ ngoài kia vẫn hay làm những việc lạ lùng.”

“Mấy người bọn họ” là cư dân Waverly Creeki một cộng đồng giàu có xây dựng quanh sân golf hal mười bảy lỗ và có cổng bao bảo vệ. Họ là

những cu dân mới, đối lập với một cộng đồng yên ổn hơn trong thị trấn, những người vẫn luôn tự cho mình là công dân đích thực của Strattenburg. Người ta hay dùng cụm từ “Bọn họ sống ở khu Creek” để gọi những người đóng góp cho cộng đồng thì ít mà quan tâm đến tiền bạc thì nhiều. Sự chia cắt này không mấy có lý đối với Theodore. Cậu có bạn bè sống ở bên đây. Bố mẹ cậu có khách hàng ở Waverly Creek. Nơi đó chỉ cách thị trấn hai dặm về phía Đông, nhưng thường bị coi như thuộc hành tinh khác.

Bà Boone bảo những người ở thị trấn nhỏ tốn quá nhiều thời gian cho việc so đo người trên kẻ dưới. Bà giảng giải cho Theodore từ ngày cậu còn nhỏ rằng phán xét người khác là xấu.

Cuộc nói chuyện nhanh chóng chuyển sang chủ đề bóng chày, và tất nhiên là về đội Yankees. Ike là cổ động viên điên cuồng của Yarikees và khoái tuôn ra hàng tràng thông tin về các cầu thủ yêu thích của mình. Mặc dù đang là tháng Tư, ông đã dự đoán đội sẽ chiến thắng thêm một cúp Thế giới nữa. Theodore tranh cãi như thường lệ, nhưng vì là cổ động viên của đội Twins, cậu không có mấy đạn dược để bắn trả.

Sau ba mươi phút, cậu ra về với lời hứa tuần sau sẽ lại ghé qua.

“Hãy tập trung hơn vào môn Hóa,” Ike nghiêm khắc dặn dò.

Chương Năm

Thẩm phán Henry Gantry kéo kéo tay áo phải của chiếc áo chùng đen sao cho thật phẳng phiu, rồi mới bước qua tấm cửa gỗ sồi đồ sộ ngay phía sau ghế thẩm phán. Một nhân viên chấp pháp ở tòa án lập tức hô lớn, “Mời tất cả đứng dậy chào Chủ tọa!”

Mọi người - người đến xem, bồi thẩm đoàn, luật sư, thư ký, tất cả những ai tham dự phiên tòa - đồng loạt đứng dậy. Trong khi Thẩm phán Gantry an tọa trên chiếc ghế như ngự trên ngai vàng, người kia đọc liền tù tì lời tuyên đã thành thông lệ: “Xin nghe đây, Tòa án Hình sự Quận Mười đã mở, Ngài Thẩm phán Henry Gantry đáng kính làm chủ tọa. Đề nghị các bên liên quan ra trình diện, cầu Chúa ban phúc cho phiên tòa này.”

“Mời ngồi” Thẩm phán Gantry nói to vào chiếc micro trước mặt. Ngay lập tức, cũng nhất loạt như lúc đứng lên, mọi người ngồi xuống đều tằm tắp. Những chiếc ghế kêu cọt kẹt. Túi xách và ca táp được sửa soạn, và trên dưới hai trăm con người dường như lại nhất loạt thở phào cùng lúc. Rồi mọi thứ rơi vào yên lặng.

Thẩm phán Gantry lướt mắt nhanh khắp phòng xử. Đứng như dự kiến, cả phòng chật kín. “À, có vẻ hôm nay chúng ta nhận được nhiều sự quan tâm đây,” ông lên tiếng. “Cảm ơn sự có mặt của quý vị.” Ông liếc lên phía ban công, trao đổi ánh mắt với Theodore Boone, rồi mỉm cười khi thấy các bạn cậu đang ngồi sát bên nhau, chăm chú lắng nghe.

“Vụ của chúng ta là việc bên công tố kiện ông Pete Duffy. Bên nguyên đã sẵn sàng bắt đầu chưa?”

Luật sư bên nguyên Jack Hogan đứng dậy tuyên bố, “Thưa quý tòa, bên nguyên đã sẵn sàng.”

“Bên bị đã sẵn sàng chưa?”

Luật sư Clifford Nance đứng dậy, nghiêm trang trả lời, “Chúng tôi đã sẵn sàng, thưa quý tòa.”

Thẩm phán Gantry quay sang phải, nhìn bồi thẩm đoàn, và nói, “Thưa quý ông quý bà trong ban bồi thẩm, tuần trước các vị đã được chọn lựa, và khi các vị rời khỏi đây, tôi đã đưa ra yêu cầu cụ thể là không trao đổi về vụ việc này với bất kỳ ai. Tôi đã cảnh báo là nếu bất cứ ai tìm cách tiếp cận các vị để thảo luận về vụ việc này, quý vị cần báo lại cho tôi. Giờ tôi xin hỏi, có chuyện như vậy không? Có bất cứ ai liên hệ với quý vị về vụ xử này không?”

Tất cả các vị bồi thẩm lắc đầu phủ nhận. “Tốt. Chúng ta loại trừ việc có biểu hiện vận động trước phiên tòa, và giờ ta có thể bắt đầu. Bước đầu tiên của quá trình xét xử, hai bên có cơ hội được trực tiếp bày tỏ quan điểm và trình bày phần mà chúng tôi gọi là phát biểu mở màn. Phần phát biểu mở màn này không phải là bằng chứng, chứng cứ, đủ là tóm tắt sự việc theo quan điểm mỗi bên. Vì bên nguyên có trách nhiệm chứng minh tội trạng, bên nguyên sẽ trình bày trước như thường lệ.

Ông Hogan, ông sẵn sàng chưa?”

“Thưa rồi.”

“Vậy ông hãy bắt đầu.”

Theodore không thể nuốt nổi bữa sáng, ngủ cũng rất ít. Cậu đã đọc nhiều câu chuyện về các vận động viên, những người đã căng thẳng đến mức mất ăn mất ngủ trước một trận đấu lớn. Họ bồn chồn không yên, bụng dạ nôn nao vì lo lắng và áp lực. Đương nhiên lúc này Theodore cũng cảm giác được sức ép ấy. Không khí trong phòng xử nặng nề, căng thẳng. Dù chỉ là một khán giả ngồi xem, cậu cũng cảm thấy hồi hộp quá đỗi. Với cậu, đây chính là một trận đấu lớn.

Ông Hogan là một công tố viên kỳ cựu, là người chuyên đảm nhận các vụ trọng án ở Strattenburg. Ông cao lớn, dẻo dai, trán hói và ngày nào cũng mặc com lê đen. Người ta cứ đàm tiếu về mấy bộ com lê đen sau lưng ông.

Không ai biết ông chỉ có một bộ hay cả tá. Dù rằng hiếm khi nở nụ cười, ông vẫn mở đầu bài cáo trạng của mình bằng lời “chào quý vị” thân thiện trước khi giới thiệu bản thân và hai vị công tố trẻ hơn cùng bàn. Ông đã làm tốt việc xé bỏ màn không khí dè dặt ban đầu.

Rồi ông bước vào phần chính. Ông giới thiệu nạn nhân, Myra Duffy, bằng cách đưa ra trước bồi thẩm đoàn một tấm chân dung lớn. “Bà ấy chỉ mới bốn mươi sáu tuổi khi bị sát hại” giọng ông đầy thương cảm. “Là bà mẹ có hai con, Will và Clark, đều đang là sinh viên. Tôi muốn mời các cậu ấy đứng dậy.” Ông chỉ về hàng ghế đầu ngay sau bàn công tố, và hai chàng thanh niên lóng ngóng đứng dậy, nhìn về phía các vị bồi thẩm.

Theodore đọc báo và biết - bố của hai cậu, chồng trước của bà Duffy, đã chết trong một vụ tai nạn máy bay hồi hai anh em còn nhỏ. Ông Duffy là chồng thứ hai của bà, bà cũng là vợ thứ hai của ông.

Người ta cũng khoái nói “bên khu Creek” có rất nhiều cuộc tái hôn.

Ông Hogan đang tả lại vụ án. Bà Duffy đã được phát hiện trong phòng khách tòa nhà nguy nga hiện đại của bà và ông Duffy. Đó là ngôi nhà mới, xây chưa đầy ba năm, nằm trong một khu đất nhiều cây cối xoay lưng về phía sân golf. Vì cây cối um tùm nên ngôi nhà gần như khuất khỏi tầm mắt người đi đường, nhưng hầu hết các ngôi nhà ở Waverly Creek đều thế cả. Ở đó người ta coi trọng sự riêng tư.

Khi thi thể của bà được phát hiện, khóa cửa trước đã mở và cửa đang hé hé. Hệ thống báo động ở chế độ dự phòng. Ai đó đã lấy trang sức trong tủ của bà, một bộ đồng hồ cổ của ông Duffy, và ba khẩu súng ngắn trong ngăn kéo cạnh ti vi ở phòng nghỉ. Trị giá số tài sản bị mất ước tính khoảng ba mươi nghìn đô la.

Nguyên nhân cái chết là bị bóp cổ. Được Thẩm phán Gantry chấp thuận, Hogan bước đến trước máy chiếu, bấm nút, và một bức ảnh lớn hiện ra trên màn hình trước mặt bồi thẩm đoàn. Bức ảnh cho thấy bà Duffy đang nằm trên sàn nhà trải thảm, ăn mặc lịch sự, dường như chưa hề bị đụng tới, đôi giày cao gót vẫn đi ở chân. Ông Hogan giải thích, trong ngày bà bị giết, một ngày thứ Năm, bà có hẹn ăn trưa với em gái. Rõ ràng, bà chuẩn bị rời khỏi nhà thì bị tấn công và sát hại. Tên giết người sau đó lục lọi khắp nhà, lấy

đồ, rồi bỏ đi. Em gái bà Duffy gọi di động cho bà, mười cuộc trong vòng hai tiếng, đến khi bắt đầu cảm thấy lo lắng thì lái xe đến nhà Duffy ở Waverly Creek và tìm thấy chị mình. Theo những gì cho thấy tại hiện trường, mọi chuyện diễn ra không ồn ào. Nạn nhân có lẽ chỉ ngất đi. Ban đầu, em gái bà và cảnh sát nghĩ bà chết do đau tim hoặc do nguyên nhân tự nhiên nào khác. Nhưng với độ tuổi và sức khỏe của bà, lại không có tiền sử lạm dụng thuốc, ngay lập tức họ thấy nghi ngờ.

Khám nghiệm tử thi cho thấy nguyên nhân thực sự của cái chết. Kẻ giết bà Duffy đã tóm lấy bà từ phía sau, siết chặt động mạch cảnh. Ông Hogan đặt tay lên động mạch cảnh bên phải cổ mình. “Chỉ cần mười giây siết chặt đúng vị trí này thì quý vị sẽ bất tỉnh,” ông giải thích, hơi ngừng lại trong khi mọi người chờ xem liệu ông có ngã vật ra giữa phiên tòa hay không. Ông không ngã vật ra. Ông nói tiếp, “Khi bà Duffy đã bất tỉnh, kẻ sát nhân tiếp tục siết mạnh hơn, mạnh hơn nữa, và sáu mươi giây sau, bà chết hẳn. Không có dấu hiệu chống cự - không gãy móng tay, không vết cào xước, không gì cả. Vì sao vậy? Bởi vì bà Duffy đã biết kẻ giết mình.”

Ông Hogan đột ngột quay sang nhìn thẳng ông Duffy, người đang ngồi giữa ông Clifford Nance và một luật sư bào chữa khác. “Bà ấy biết rõ người ấy vì đó là chồng bà!”

Một khoảng lặng kéo dài, nặng nề, cả phòng xử hướng sang ông Duffy. Theodore chỉ nhìn được gáy ông ta. Cậu ước gì được nhìn tận mặt ông ta.

Ông Hogan tiếp tục, “Ông ta có thể tiếp cận gần đến mức ấy là vì bà Duffy tin tưởng ông ta.”

Ông Hogan đứng sang bên cạnh máy chiếu và mở ra thêm nhiều bức ảnh khác. Qua những bức ảnh ấy, ông phác thảo lại toàn bộ hiện trường - nội thất của căn nhà, cửa trước, cửa sau, phần gần sát sân golf. Ông lấy một bức ảnh lối vào khu Waverly Creek, với những cánh cổng nặng nề, phòng bảo vệ và camera an ninh. Ông giải thích, rất ít khả năng một kẻ đột nhập, dù rất khôn ngoan, có thể lọt qua toàn bộ hệ thống an ninh như vậy. Tất nhiên, trừ phi, kẻ đột nhập đó không thực sự là kẻ đột nhập vì hẳn cũng sống ở đó.

Hàng xóm không ai nhìn thấy xe lạ rời khỏi nhà Duffy. Không ai trông thấy người lạ đi bộ trên đường hay chạy ra từ ngôi nhà ấy. Không ai báo sự vụ bất thường. Suốt sáu năm qua, ở Waverly Creek chỉ có hai vụ trộm. Người ta thực sự không nghe nói đến tội phạm ở cái cộng đồng bình yên này.

Trong ngày xảy ra vụ giết người, ông Duffy chơi golf, như hầu hết mọi ngày thứ Năm khác. Ông phát quả bóng đầu tiên lúc 11 giờ 10, theo nhật ký máy tính ở sân golf ghi lại. Ông chơi một mình, điều này không có gì bất thường, và như thường lệ, ông dùng xe golf chạy điện của mình. Ông báo nhân viên sân golf là mình định chơi mười tám lỗ, chín lỗ mạn Bắc và chín lỗ mạn Nam, hai hướng thông dụng nhất. Nhà ông bà Duffy giáp với đường lăn bóng thứ sáu của sân Creek, một sân nhỏ hơn được các quý bà ưa chuộng.

Ông Duffy là một golf thủ nghiêm túc, luôn chơi đến cùng và không gian lận. Chơi mười tám lỗ một mình thường phải mất ba tiếng đồng hồ. Hôm đó trời u ám, lạnh, nhiều gió - thời tiết không thuận lợi cho những người chơi golf. Ngoài một cặp đấu chơi từ 10 giờ 20, cả ba khu sân đều không có ai chơi vào lúc 11 giờ 10. Đến 1 giờ 40 mới có thêm nhóm bốn người vào chơi.

Em gái bà Duffy phát hiện ra bà thì ngay lập tức gọi cho 911. Cuộc gọi được ghi nhận vào lúc 2 giờ 14. Khám nghiệm tử thi cho thấy bà Duffy chết vào khoảng 11 giờ 45.

Được trợ lý giúp, ông Hogan mở một sơ đồ lớn toàn cảnh khu Waverly Creek. Ông chỉ ra vị trí của ba sân golf, trung tâm điều hành, khu tập phát bóng, sân tennis, và những khu vui chơi, giải trí khác, rồi ông chỉ cho bồi thẩm đoàn thấy vị trí ngôi nhà của ông bà Duffy gần sân Creek. Theo các cuộc thử nghiệm bên nguyên đã tiến hành, ông Duffy đang ở lỗ thứ tư hoặc thứ năm bên khu chín lỗ ở mạn Bắc vào thời điểm vợ ông bị sát hại. Sử dụng một chiếc xe golf y hệt xe của ông Duffy, một người có thể đi từ khu vực đó tới nhà ông bà Duffy ở đường lăn bóng thứ sáu trong vòng tám phút.

Pete Duffy nhìn sơ đồ và từ từ lắc đầu như thể ông Hogan đang nói toàn những điều vô lý. Ông Duffy bốn mươi chín tuổi, gương mặt sạm nắng cau

có và mái tóc hoa râm rậm rạp. Ông đeo cặp kính gọng đôi mồi, mặc com lê sẫm màu, người ta hoàn toàn có thể nhầm ông là một trong số các luật sư ở đây.

Jack Hogan nhấn mạnh rằng ông Duffy biết vợ mình đang ở nhà, rõ ràng ông ta đã quay về bằng chiếc xe golf của mình, chỉ vài phút trước thời điểm xảy ra án mạng, rồi trở lại chơi trong khi cả sân lúc đó vắng tanh không một bóng người.

Nguy cơ bị người khác nhìn thấy gần như bằng không.

“Ông ấy đã lên kế hoạch kỹ càng,” ông Hogan lặp lại một lần nữa.

Thực sự là khi một luật sư giỏi không ngớt bảo rằng ông Duffy giết vợ thì cái giả thiết ông nêu ra nghe càng lúc càng thuyết phục. Cứ nhắc đi nhắc lại một điều gì thì thế nào người ta cũng bắt đầu tin. Thầy Mount vẫn hay nêu quan điểm cho rằng giả định vô tội là chuyện đùa của xã hội ngày nay. Cần phải giả định ai đó có tội. Và, Theodore thừa nhận, khó mà tin ông Duffy vô tội, ít nhất là trong những phút đầu tiên của phiên tòa này.

Tại sao ông Duffy giết vợ? Ông Hogan nêu câu hỏi với bồi thẩm đoàn theo kiểu rõ ràng ông đã có câu trả lời.

“Tiền, thưa quý vị.” Với vẻ đầy kịch tính, ông vớ lấy một tập tài liệu từ trên bàn rồi tiếp, “Đây là hợp đồng bảo hiểm nhân thọ một triệu đô la do ông Pete Duffy mua hai năm trước cho vợ mình, bà Myra Quffy.”

Bầu không khí tĩnh lặng bao trùm. Tội lỗi như trở nên nặng hơn.

Ông Hogan vừa lật qua lật lại tập hợp đồng vừa trình bày, và có vẻ đã bớt hăng say đi một chút. Cuối cùng, ông quẳng nó trở lại bàn, rồi bắt đầu tràng giang đại hải về các đối thủ cạnh tranh trong kinh doanh của ông Duffy. Ông Duffy là một nhà kinh doanh bất động sản đã ném trái đu thành công lần thất bại, vào thời điểm vợ ông chết, ông đang bị mấy ngân hàng truy nợ. Ông Hogan hứa trước bồi thẩm đoàn là bên nguyên sẽ chứng minh được là bị cáo Pete Duffy đang bên bờ vực phá sản.

Bởi thế nên ông Duffy cần tiền mặt. Chẳng hạn như tiền bảo hiểm nhân thọ.

Hogan nhắc để bồi thẩm đoàn biết cuộc hôn nhân của ông bà Duffy không mấy hạnh phúc. Có một số vấn đề, nhiều là đẳng khác. Hai người đã

ly thân ít nhất hai lần. Cả hai đã thuê luật sư chuyên trách ly hôn, mặc dù chưa ai từng đặt bút viết đơn.

Để màn diễn được đẩy đến cao trào, ông Hogan tiến sát hết mức đến chỗ các vị bồi thẩm, nhìn họ thật nghiêm túc. “Đây là một vụ giết người máu lạnh, thưa quý vị. Được lên kế hoạch hoàn hảo, được thực hiện cẩn trọng. Không có sự vấp vấp nào. Không nhân chứng, không chứng cứ. Không gì khác ngoài một phụ nữ đáng thương bị bóp cổ dã man cho đến chết.” Ông Hogan đột ngột nhắm mắt, gõ gõ thái dương, rồi tiếp, “Ồ, tôi quên mất một điều. Tôi quên không nói để quý vị biết là hai năm trước, khi ông Duffy mua hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cũng là lúc ông bắt đầu chơi golf một mình. Trước đó ông hiếm khi chơi một mình, chúng ta sẽ mời đến đây những người có thể làm chứng cho điều này. Không phải trùng hợp sao? Ông ta đã lên kế hoạch này từ hai năm. Lặng lẽ sắp đặt lịch chơi golf của mình ăn theo lịch sinh hoạt của bà vợ, chỉ để đợi. Đợi cho đến một ngày gió lạnh để cả sân golf vắng tanh. Đợi đến một thời điểm lý tưởng để có thể phóng như bay về nhà, đậu xe trong sân, hối hả vào nhà bằng lối cửa sau, “Em yêu, anh về đây” và khi vợ ông không để ý thì ông ta liền chộp lấy bà. Một phút sau, bà ấy chết. Ông ta đã lên kế hoạch như vậy từ rất lâu, ông ta hiểu rõ phải làm gì. Ông ta vợ nữ trang của bà, lấy những chiếc đồng hồ đắt giá của chính mình, và chộp cả mấy khẩu súng để cảnh sát nghĩ rằng đây là hành động của một tên đạo chích. Vài giây sau, ông ta ra khỏi nhà, trở lại xe golf và lại phóng như bay tới lỗ thứ năm của sân chín lỗ ở mạn Bắc, nơi ông lấy cây gậy sắt số bốn, đánh vu vơ một cú đẹp mắt, và tiếp tục ván golf một mình.”

Luật sư Hogan ngừng lại. Tất cả lặng thinh. Ông cầm xấp giấy kẻ màu vàng lên và trở về chỗ. Đã chín mươi phút trôi qua. Thẩm phán Gantry gõ búa tuyên bố,

“Chúng ta nghỉ giải lao mười phút.”

Thầy Mount tập trung cả lớp lại ở cuối hành lang hẹp trên tầng hai. Các cậu trò bàn luận sôi nổi về màn kịch vừa được chứng kiến. “Hay hơn hẳn trên ti vi,” một cậu nói.

“Được rồi” thầy Mount nói, các em mới nghe được một chiều của vụ án. Nhưng thầy vẫn muốn hỏi, cho vui thôi, bao nhiêu người nghĩ là ông ta có tội?”

Ít nhất một tá cánh tay giơ lên. Theodore muốn bỏ phiếu cho có tội, nhưng cậu biết vẫn còn quá sớm.

“Còn giả định vô tội thì sao?” thầy Mount tiếp.

“Chính là ông ta,” tay trống Darren lên tiếng. Vài đứa khác cũng cất giọng đồng tình.

“Ông ta có tội,” đến lượt vận động viên bơi lội Brian nói.

“Ông ta không có cách gì thoát tội được ạ.” “Kế hoạch của ông ta thật hoàn hảo.”

“Chính ông ta đẩy mà.”

“OK, OK,” thầy Mount nói. “Giờ ăn trưa, chúng ta sẽ quay lại chủ đề này, sau khi các em nghe xong phần trình bày của bên kia.”

Bên kia bắt đầu trong không khí ồn ã. Clifford Nance chờ cho đến khi cả phòng xử tĩnh lặng trở lại mới bước tới trước bồi thẩm đoàn. Ông khoảng sáu mươi, tóc muối tiêu trum kín tai, ngực nở và tay chắc khỏe, dáng ưỡn thẳng như muốn nói ông không bao giờ lùi bước trong một trận đấu, dù ở trong hay ngoài tòa án.

“Không may may có lấy một bằng chứng!”, ông nổ phát đạn đầu tiên bằng giọng trầm khàn nhưng vang vọng khắp các bức tường.

“Không may may có lấy một bằng chứng!” ông nhắc lại, như thể người nào đó lúc trước có thể đã không nghe thấy. Theodore bắt đầu thấy nao núng.

“Không gì cả! Không nhân chứng. Không vật chứng tại hiện trường. Không có gì ngoài câu chuyện nhỏ được sắp đặt gọn gàng, trình tự và hoàn hảo mà ông Hogan vừa chia sẻ cùng các vị, không một lời nào trong đó là chứng cứ. Chỉ là bản phóng tác đầy tính tưởng tượng về chuyện có thể đã xảy ra. Có thể Pete Duffy muốn giết vợ mình. Có thể ông ấy đã lên kế

hoạch cẩn thận. Có thể ông ấy lòng vòng trên cái sân golf vắng tanh. Có thể ông ấy đã về nhà chỉ để kịp thực hiện một trong những vụ giết người sạch sẽ nhất lịch sử. Sau đó, có thể ông đã trộm đồ, rời nhà bằng cửa trước, phi trở lại điểm phát bóng số năm và tiếp tục cuộc chơi. Có thể đó là những gì đã xảy ra.”

Ông Nance chậm rãi bước tới bước lui trước bồi thẩm đoàn như thể gõ nhịp cho bài phát biểu của mình.

“Ông Hogan đang yêu cầu các vị, các quý ông quý bà ở đây, chơi trò Có Lẽ Thế. Có thể điều này xảy ra, có lẽ điều kia xảy đến. Và ông ấy muốn quý vị chơi cùng bởi vì ông không hề có bằng chứng. Ông ấy chẳng có gì cả. Chẳng có gì ngoài một người đàn ông chơi golf một mình, để tâm đến công ty của chính mình, trong khi bà vợ bị giết trong ngôi nhà dễ thương cách đó chưa đầy một dặm.”

Ông Nance ngừng bước tới bước lui và tiến gần hơn đến các vị bồi thẩm. Ông nhắm vào một quý ông có tuổi ngồi ở hàng ghế đầu và làm như sắp vỗ lên đầu gối người này. Ông hạ giọng, “Tôi hoàn toàn không trách ông Hogan chơi trò Có Lẽ Thế. Bởi ông ấy thực sự cũng không có lựa chọn nào khác, vì ông làm gì có chứng cứ. Ông ấy không có gì ngoài một trí tưởng tượng phong phú.”

Luật sư Nance chuyển hướng sang bên phải, mắt nhìn một phụ nữ độ tuổi trung niên. “Hiến pháp của chúng ta, luật pháp của chúng ta, thủ tục pháp lý của chúng ta, tất cả đều được xây dựng trên nền tảng công bằng. Nghĩa là sao? Là hoàn toàn không có chỗ cho một mớ những cái ‘có thể’. Luật của ta rất rõ ràng. Thẩm phán Gantry sẽ giải thích thêm về điều này sau, lúc ấy, xin quý vị hãy để tâm lắng nghe. Quý vị sẽ không thấy ông một lần nhắc đến từ có thể. Điều quý vị sẽ nghe thấy là luật lệ được hình thành từ lâu đời và nổi tiếng của nước Mỹ quy định khi bên nguyên kết tội bị cáo, bên nguyên phải vận dụng tất cả nguồn lực của mình - các nhà điều tra, cảnh sát, công tố viên, chuyên gia, nhân viên giám định hiện trường, tất cả những con người đầy kinh nghiệm và hiểu biết ấy - và chứng minh rõ ràng rằng ai đó thực sự đã phạm tội.”

Luật sư Nance quay ngoắt sang bên trái, nhìn sáu vị bồi thẩm ở hàng ghế thứ hai với ánh mắt vừa chân thành vừa thuyết phục. Ông nói mà không cần giấy tờ, lời lẽ trơn tru mà không phải nhọc công nghĩ ngợi, như thể ông đã nói như vậy cả nghìn lần rồi mà vẫn không hề bớt vẻ say sưa.

“Chứng minh rõ ràng. Chứng minh rõ ràng. Bên nguyên mang một trách nhiệm nặng nề, mà có lẽ họ không thể đáp ứng nổi.”

Ông tạm ngừng, còn mọi người thì nín thở. Ông bước tới bàn bên bị, nhặt tập giấy vàng của mình lên, nhưng không nhìn vào đó. Ông là nam diễn viên chính đứng giữa sân khấu mà lời thoại ông đã thuộc lòng. Ông hăng giọng, rồi cất lời vẫn với âm lượng cao nhất. “Giờ đây, theo luật pháp, ông Pete Duffy không cần bị thẩm vấn, không cần phải mời nhân chứng để bào chữa, không phải chứng minh điều gì cả. Vì sao vậy? À, điều này rất đơn giản. Ông được bảo vệ bởi một trong những vệ sĩ được coi trọng nhất của chúng ta. Đó là quyền giả định vô tội.” Ông Nance quay lại chỉ vào thân chủ mình. “Ông Pete Duffy ngồi đây là một người vô tội, như quý vị, như tôi.”

Ông lại bắt đầu nhịp bước, chậm chậm, không hề rời mắt khỏi các vị bồi thẩm. “Tuy nhiên Pet Duffy chấp thuận thẩm vấn. Ông ấy muốn được thẩm vấn. Ông ấy mong mọi được chứng minh. Và khi ông ấy ngồi vào chiếc ghế ngay đây, ở vị trí dành cho người làm chứng, ông sẽ khai, ông tuyên thệ sẽ nói sự thật. Sự thật, thưa quý vị, là cái gì đó khác xa câu chuyện nhỏ ông Hogan đã dựng nên. Sự thật, thưa quý vị, là ông Pete Duffy thực sự đang chơi golf vào cái ngày định mệnh ấy, ông ấy chỉ có một mình, chơi một mình theo cách ưa chuộng của ông. Các ghi chép cho thấy ông phát cú bóng đầu tiên lúc 11 giờ 10, rời khỏi điểm phát bóng số một bằng chiếc xe golf cá nhân mà ông vẫn thường đỗ trong gara như bao nhiêu hàng xóm khác. Ông ấy ở trên sân, một mình, trong khi vợ ông ở nhà chuẩn bị đi ăn trong phố. Một tên trộm, một kẻ tội phạm không ai hay biết nào đó mà giờ vẫn đang nhởn nhơ ngoài vòng pháp luật và có lẽ sẽ vẫn còn nhởn nhơ với những gì chúng ta đang làm đây, đã len vào nhà ông bà Duffy vì tưởng lầm nhà vắng chủ. Hệ thống báo động thì tắt. Khóa cửa trước đã mở, và cả cửa sau cũng vậy. Điều này không hề, giờ đây vẫn vậy, không hề bất thường đối với cụm

dân cư nơi này. Không may là, tên trộm đối đầu với bà Myra Duffy, tấn công bà bằng tay không vì hắn không mang vũ khí, và tại thời điểm đó hắn trở thành một người khác. Hắn trở thành kẻ sát nhân.”

Luật sư Nance tạm ngừng bài diễn thuyết, bước đến bên bàn bị cáo, cầm cốc nước lên uống một hơi dài. Mọi người vẫn đang quan sát ông. Chẳng còn gì khác mà quan sát.

“Và hắn vẫn ở ngoài kia!” đột nhiên ông luật sư lại cất tiếng, đứng ra là hô lên. “Hoặc có thể hắn ta đang ở đây,” ông nói, tay chỉ khắp phòng xử án. “Chúng ta đang chơi trò Có Lẽ Thế mà, có thể hắn ta đang ở đây theo dõi phiên xét xử này lắm chứ. Tại sao lại không nhỉ? Chắc chắn hắn được an toàn trước ông Hogan và đội quân của ông.”

Theodore để ý có mấy vị bồi thẩm liếc nhanh về phía khán giả.

Luật sư Nance chuyển chủ đề, nói về hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, rằng ông Duffy đúng là đã mua hợp đồng này với điều khoản ông là người được hưởng một triệu đô la trong trường hợp vợ ông chết. Nhưng cũng có một điều khoản tương tự thế, rằng bà Duffy là người được hưởng một triệu đô la trong trường hợp chồng bà chết. Họ chỉ đơn giản làm điều mà hầu hết các cặp vợ chồng khác đều làm. Họ mua bảo hiểm kép. Ông Pete Duffy hứa sẽ chứng minh trước bồi thẩm đoàn rằng công việc kinh doanh của ông không hề tệ lắm như ông Hogan mô tả. Ông thừa nhận ông bà Duffy đang cố gắng níu kéo cuộc hôn nhân của mình họ đã ly thân hơn một lần, nhưng chưa từng đệ đơn ly hôn. Thực tế, họ đã quyết tâm vượt qua những khác biệt của nhau.

Thầy Mount ngồi ở hàng ghế thứ hai trên ban công, phía sau các học trò của mình. Thầy cố tình chọn vị trí có thể quan sát cả mười sáu cậu học trò, nếu cần. Cho đến giờ, cả đám vẫn nuốt từng lời trong hai bài diễn thuyết mở đầu. Không có gì ngạc nhiên là Theodore còn chăm chú hơn tất cả. Cậu đang ở đúng nơi cậu muốn. Khi luật sư Nance kết thúc, Thẩm phán Gantry thông báo nghỉ trưa.

Chương Sáu

Các cậu trò lớp Quản trị băng qua phố Main I hướng về phía bờ sông ở mạn Đông. Thầy Mount lùi lại một hai bước, thích thú lắng nghe học trò tranh luận sôi nổi, vài cậu còn sử dụng thứ ngôn ngữ mới nghe được từ những luật sư chính hiệu.

“Đường này” thầy nhắc, cả nhóm lượn trái sang một con phố nhỏ. Rồi tụ tập ở Pappy, một quán ăn nhanh nổi tiếng với món thịt bò ướp gia vị xiên hành hun khói. Còn mười phút nữa là đến giữa trưa, tất cả đều đói ngấu. Cả nhóm gọi đồ ăn thật nhanh, rồi dọn ra một chiếc bàn dài gần cửa sổ.

“Luật sư nào giỏi hơn?” thầy Mount bắt đầu phỏng vấn.

Ít nhất mười cậu trò trả lời ngay lập tức, số ủng hộ Jack Hogan và Clifford Nance là ngang nhau. Thầy Mount kích thích đám học trò bằng những câu hỏi kiểu như: “Luật sư nào các em tin tưởng hơn? Luật sư nào các em nghĩ sẽ chiến thắng?”

Bồi thăm đoàn sẽ nghiêng về bên nào?”

Thức ăn được đưa đến, cuộc tranh luận dừng phắt lại.

“Đến màn biểu quyết nhé” thầy Mount tiếp tục. “Mà ai cũng phải giơ tay đấy.

Không chơi phiếu trắng. Ai nghĩ ông Duffy có tội thì giơ tay nào.”

Thầy đếm được mười cánh tay. “Được rồi, vô tội nào.”

Thầy đếm được năm cánh tay. “Theodore, thầy bảo ai cũng phải biểu quyết mà.”

“Em xin lỗi, nhưng em không thể. Em nghĩ ông ấy có tội, nhưng em không hình dung ra làm sao bên nguyên có thể chứng minh được điều đó.

Tất cả những gì họ có thể chứng minh được chỉ là động cơ, có lẽ thế.”

“Trò Có Lê Thế đấy hử?” thầy Mount hỏi lại - “Thầy nghĩ nó rất hiệu quả đấy chứ.”

“Em cũng nghĩ như Theodore,” Aaron lên tiếng. “Hẳn nhiên ông ta có vẻ có tội, nhưng luật sư bên nguyên không thể chứng minh ông ta có mặt tại hiện trường.”

“Đó là vấn đề, phải không ạ?”

“Một vấn đề lớn, thầy cho là vậy” thầy Mount đáp lời.

“Còn về số nữ trang; đồng hồ và súng bị lấy trộm thì sao ạ?” cậu trò Edward hỏi. “Họ có tìm thấy mấy thứ này không? Không thấy họ nhắc đến.”

“Không rõ, nhưng vậy đấy, diễn thuyết mở đầu bị giới hạn một chút.”

“Vậy mà em thấy khá là dài.”

“Chúng ta sẽ biết khi nhân chứng được gọi đến,” Theodore nói vào.

“Nhân chứng đầu tiên là ai vậy?” Chase hỏi.

“Thầy vẫn chưa xem danh sách,” thầy Mount nói. “Nhưng thường họ bắt đầu từ hiện trường vụ án. Có thể đầu tiên sẽ là một điều tra viên.”

“Tuyệt.”

“Hôm nay mình được ở đây đến lúc nào thầy?”

“Đến 3 rưỡi ta phải trở lại trường.”

“Phiên xử đến mấy giờ ạ?”

“Thẩm phán Gantry rất ham công tiếc việc,” Theodore nói. “ít nhất phải 5 giờ.” “Thầy ơi, mai mình quay lại nữa được không ạ?”

“Thầy e là không. Ta chỉ được dự thính một ngày thôi. Các em còn nhiều môn khác. Không thú vị được như môn của thầy, nhưng chỉ là ý kiến của thầy thôi đấy nhé.”

Đột nhiên, quán ăn đông nghịt và một hàng dài xếp bên ngoài. Thầy Mount nhắc học trò ăn nhanh cho xong. Ông chủ Pappy vốn nổi tiếng là chuyên căn nhắc quát tháo những thực khách ăn xong còn nán lại chiếm bàn lâu.

Thầy trò lại dạo bước dọc phố Main giờ tấp nập những người đang gấp gáp kiếm chỗ ăn trưa. Tại một đài phun nước, mấy nhân viên văn phòng

đang vừa ăn vừa trò chuyện và tranh thủ phơi nắng. Cảnh sát Peacock, viên cảnh sát giao thông già cỗi đẽ, đang điều khiển giao thông với chiếc còi hoen gỉ và đôi găng tay vàng cũ mềm, cố điều phối để tránh tai nạn, mặc dù không phải tai nạn lúc nào cũng xảy ra trong phiên trực của ông. Ngay đằng trước, một nhóm những người vận com lê đen đang bước ra từ một tòa nhà, đi cùng chiều với mấy thầy trò. Thầy Mount huýt sáo vang, “Trông kìa, các chàng trai, ông Duffy đi cùng luật sư kìa.”

Đám học trò bước chậm lại một chút khi nhóm người mặc com lê đen đi ngang qua trước mặt. Pete Duffy, Clifford Nance, hai vị luật sư mặt mũi nghiêm trang khác, và người thứ năm Theodore không trông thấy trong phiên tòa buổi sáng, nhưng người này cậu không lạ. Đó là Omar Cheepe, ông ấy không phải là luật sư, mặc dù giới luật biết ông rất rõ. Ông Cheepe là cựu đặc vụ liên bang, giờ đang điều hành công ty riêng. Một chuyên gia trong các khu vực điều tra, do thám, và nhiều hoạt động khác mà các luật sư thỉnh thoảng cần đến. Ông ấy với bà Boone từng chạm mặt trong một vụ tranh chấp ly hôn linh xình, và Theodore nghe người ta mô tả Omar Cheepe là một “tay côn đồ có vũ trang”, một “kẻ ưa phá luật”. Tất nhiên, lẽ ra Theodore không được nghe những lời nhận xét kiểu vậy, nhưng cậu hóng được rất nhiều chuyện từ văn phòng. Cậu chưa bao giờ gặp trực tiếp ông Cheepe, nhưng đã từng nom thấy ông ở tòa. Có lời đồn là nếu Omar Cheepe dính tới vụ nào, thì hẳn vụ đó có người có tội.

Omar nhìn chăm chăm Theodore. Ông ta to cao, tướng mạo dữ dằn, đầu tròn to cạo trọc. Người đàn ông này cố tạo ra một vẻ ngoài đầy hăm dọa, và đã thành công.

Ông ta quay đi và rảo bước theo ông Duffy.

Mấy thầy trò đi dọc phố Main, các chàng trai không còn túm tụm với nhau mà cố đi nhanh để theo kịp bị cáo và đồng đội. Dáng người đồ sộ của Omar Cheepe bảo vệ cho Pete Duffy từ phía sau, cứ như sẽ có người nổ súng vậy. Luật sư Clifford Nance đang kể chuyện hài, và bọn họ cười rất thoải mái.

Pete Duffy cười lớn nhất. Có tội. Theodore ghét phải tin như vậy vì không một nhân chứng nào chứng minh được điều đó. Hơn nữa, cậu muốn

nhắc mình phải tin vào quyền giả định vô tội.

Có tội, Theodore nhắc lại với chính mình. Sao cậu không thể trao cho ông Duffy lợi thế của quyền giả định vô tội như pháp luật nhỉ? Sao cậu không làm được điều các luật sư giỏi khác phải làm nhỉ? Ý nghĩ ấy khiến cậu nản lòng, khi theo sau Duffy và các luật sư của ông ta.

Trong vụ này có cái gì đó không ổn và dựa vào những gì được trình bày tại tòa, Theodore ngờ rằng bức màn bí ẩn sẽ không bao giờ được vén lên.

Thầy trò Theodore trở lại chỗ ngồi, hàng đầu tiên bên cánh trái của ban công, bữa trưa giờ mới có dịp tiêu hóa. Thẩm phán Gantry cho giải lao đến 1 giờ chiều, còn khoảng mười lăm phút nữa. Đội phó Gossett, vị bảo vệ già, bổ đến chỗ họ, gọi, “Theodore.”

“Dạ, bác gọi cháu.”

“Đây là lớp cậu à?”

Làm sao lại không phải vậy đây, thưa ngài Đội phó? Một thầy, mười sáu trò. “Vâng ạ.”

“Thẩm phán Gantry muốn gặp tại phòng thẩm phán. Mà nhanh lên? Ông ấy lắm việc lắm đấy.”

Theodore chỉ vào mình, chưa biết nói sao.

“Cả lớp,” Đội phó Gossett nói. “Nhanh lên đi!”

Cả hội cuống cuống tập hợp ngay sau Đội phó Gossett, và ríu rít xuống cầu thang.

“Tại phòng thẩm phán” nghĩa là ông đang ở trong văn phòng của mình, phía sau bàn thẩm phán, ngay cạnh phòng xử án. Gian phòng này khác văn phòng chính của thẩm phán ở cuối hành lang. Cái này dễ gây hiểu nhầm nên Theodore đang giải thích cho các bạn thì Đội phó Gossett mở cửa vào một căn phòng dài lát gỗ, khắp tường treo những bức chân dung cũ của các vị thẩm phán già râu ria xồm xoàm. Thẩm phán Gantry, không còn mặc áo chùng đen, đứng dậy từ phía sau bàn làm việc và bước tới gặp các cậu học trò.

“Chào Theodore,” Thẩm phán khiến Theodore hơi bối rối. Các cậu học trò khác còn đang bị choáng ngợp không biết phải nói gì.

“Chắc hẳn đây là thầy Mount,” Thẩm phán hỏi khi hai người bắt tay.

“Vâng, thưa Thẩm phán, còn đây là Lớp Chính trị khối lớp Tám tôi phụ trách.”

Vì không có đủ chỗ cho mọi người, Thẩm phán chọn đứng nói chuyện với các cậu học trò. “Cảm ơn các cậu đã đến. Học sinh các cậu đến xem hoạt động của hệ thống tòa án như vậy là việc quan trọng rồi. Đến giờ, các cậu nghĩ sao?” Cả mười sáu cậu trò đều nín thinh. Phải nói gì bây giờ?

Thầy Mount giải cứu học trò “Các em gần như bị thôi miên với phiên xét xử, chúng mới thảo luận lúc ăn trưa nay, nhận xét về luật trao đổi về bồi thẩm đoàn, và tranh luận về việc có tội hay vô tội.”

“Tôi sẽ không hỏi. Nhưng chúng ta có hai vị luật sư giỏi, mọi người có nghĩ vậy không?”

Cả mười sáu cậu trò đều gật gù.

“Có đúng là Theodore Boone mở tư vấn pháp lý không?”

Một vài tiếng cười dè dặt. Theodore vừa bối rối vừa tự hào. “Vâng ạ, nhưng cháu không tính công với ai cả,” cậu trình bày. Lại thêm một vài tiếng cười nữa.

“Có ai hỏi gì về phiên xét xử không?” Thẩm phán Gantry hỏi.

“Có ạ,” Brandon mở mồm. “Trên ti vi, luôn luôn có một nhân chứng bất ngờ xuất hiện như từ trên trời rơi xuống và làm thay đổi mọi thứ. Liệu có cơ hội nào xuất hiện một nhân chứng bất ngờ ở đây không? Nếu không, có vẻ như bên nguyên khá yếu thế trong vụ này.”

“Hỏi hay đấy, con. Câu trả lời là không. Quy định về tiến trình xét xử của ta không cho phép nhân chứng bất ngờ. Khoản này tivi làm sai rồi. Trên thực tế, trước khi phiên tòa bắt đầu, mỗi bên phải trình ra một danh sách các nhân chứng trừ bị.” “Ai là nhân chứng đầu tiên ạ?” Jarvis hỏi.

“Cô em gái, người đã phát hiện ra thi thể nạn nhân. Tiếp đó là các điều tra viên phòng Án mạng. Hôm nay các cậu được ở lại bao lâu?”

“Các em phải trở lại trường lúc ba giờ rưỡi,” thầy Mount trả lời.

“Được rồi. Tôi sẽ cho giải lao lúc ba giờ, để các cậu ra về cho thoải mái. Chỗ ngồi trên ban công thế nào?”

“Rất ổn. Cảm ơn Thẩm phán.”

“Tôi cho chuyển các cậu xuống dưới. Đã cho chuẩn bị chỗ rồi. Một lần nữa, cảm ơn mọi người đã quan tâm đến vậy tới hệ thống tòa án của chúng ta. Điều này rất quan trọng đối với một chính phủ tốt.” Đến đây, Thẩm phán Gantry kết thúc. Các cậu học trò cảm ơn ông. Thẩm phán và thầy Mount bắt tay nhau một lần nữa.

Đội phó Gossett đưa họ ra khỏi phòng thẩm phán, trở lại phòng xét xử, dọc theo lối đi đến hàng ghế thứ hai sau bàn bên nguyên. Phía trước họ là hai thanh niên lúc trước được giới thiệu là con trai của bà Duffy. Chỉ cách mấy vị luật sư vài bước chân. Phía bên kia lối đi, lúc này Omar đang ngồi sau Pete Duffy, đôi mắt sạm màu quét một vòng quanh phòng xử như thể xem chừng ông cần phải bắn ai đó. Một lần nữa, ông ta nhìn thẳng thắn vào Theodore.

Được chuyển từ ghế hạng hai lên vị trí gần sân khấu, các cậu học trò không thể tin được. Chase nhà khoa học điên khùng, ngồi bên phải, vai sát vai với Theodore. Cậu chàng thì thào, “Cậu có giật dây không đấy, Theodore?” “Không, nhưng Thẩm phán Gantry với mình cũng khá gần gũi.”

“Tuyệt cú mèo.”

Đúng 1 giờ chiều, nhân viên chấp pháp của tòa đứng lên hô vang, “Tòa bắt đầu làm việc. Đề nghị ổn định chỗ ngồi.”

Thẩm phán Gantry xuất hiện trong bộ áo chùng và ngồi vào ghế. Ông nhìn Jack Hogan nói, “Bên nguyên có thể gọi nhân chứng đầu tiên.”

Từ cửa bên, một nhân viên chấp pháp khác dẫn một phụ nữ ăn mặc sang trọng bước vào phòng xử, đến bên ghế nhân chứng. Người phụ nữ đặt tay lên cuốn Kinh Thánh tuyên thệ sẽ chỉ nói sự thật. Bà ngồi xuống và điều chỉnh micro, ông Hogan bắt đầu màn thẩm vấn.

Tên bà là Emily Green, em gái của Myra Duffy - Bà bốn tư tuổi, sống ở Strattenburg, làm nghề tư vấn thẩm mỹ. Trong ngày xảy ra vụ giết người, các việc bà làm diễn ra đúng như những gì ông Hogan đã mô tả trong phần

trình bày mở đầu. Khi thấy chị mình không đến cùng ăn trưa, cũng không gọi điện, Emily Green bắt đầu lo lắng, rồi hoảng hốt. Bà liên tục gọi vào di động của người chị, rồi lao tới nhà Duffy ở Waverly Creek và phát hiện chị mình nằm chết trên sàn phòng khách.

Rõ ràng là, ít nhất với Theodore, ông Hogan và bà Green đã tập tành kỹ lưỡng cho màn thẩm vấn này. Nó được thiết kế để đóng khung màn sát hại và khơi gợi lòng trắc ẩn. Khi hai người kết thúc, luật sư Clifford Nance đứng dậy tuyên bố mình không có câu hỏi nào trong phần thẩm vấn chéo. Bà Green được miễn thẩm vấn, quay ra chọn một chỗ ở hàng ghế đầu, cạnh hai người cháu trai, ngay trước nhóm học trò của thầy Mount.

Nhân chứng tiếp theo là điều tra viên Krone thuộc phòng Án mạng. Sử dụng màn hình lớn và máy chiếu, nhà điều tra cùng Jack Hogan chỉ ra sơ đồ khu vực xung quanh nhà của ông bà Duffy, và hiện trường. Một vài chi tiết quan trọng được nhắc lại, dù bồi thẩm đoàn đều đã biết. Cửa trước được phát hiện ở trạng thái mở. Cửa sau và hiên bên hông nhà không khóa. Hệ thống báo động không được kích hoạt.

Ngoài ra cũng có thêm những tình tiết mới. Kiểm tra cho thấy dấu vân tay để lại khắp ngôi nhà, là của ông Duffy, bà Duffy và người giúp việc, nhưng điều này có thể hình dung được. Không có dấu tay khác xuất hiện ở các vị trí như nắm tay cửa cửa sổ, điện thoại, ngăn kéo, hộp nữ trang hay chiếc hộp gỗ dái ngựa nơi ông Duffy cất giữ những chiếc đồng hồ đắt tiền của mình. Điều này có hai nghĩa: (1) tên trộm, kẻ sát nhân mang găng tay và đã cẩn thận xóa sạch dấu vết, hoặc (2) tên trộm, kẻ sát nhân hoặc là ông Duffy, hoặc là người giúp việc. Vào ngày xảy ra án mạng, người giúp việc không đi làm mà lại cùng chồng đi xa, vắng mặt khỏi thị trấn.

Kẻ đã cuồn mở trang sức, súng và đồng hồ, bất kể là ai, còn giật phăng cả cửa mấy chiếc tủ và ngăn kéo khác, và vứt đồ vung vãi trên sàn. Điều tra viên Krone, giọng ồm ồm khó nghe, lần lượt điểm qua từng tấm ảnh chụp đồng lộn xộn do tên trộm, kẻ sát nhân để lại.

Lần đầu tiên, có cảm giác phiên xét xử trở nên lê thê. Thầy Mount để ý thấy vài cậu trò bắt đầu ngọ nguậy. Một vài vị bồi thẩm trông như buồn ngủ.

Đúng 3 giờ, thẩm phán Gantry gõ búa tuyên bố giải lao mười lăm phút. Phòng xử nhanh chóng vắng tanh. Mọi người đều cần xả hơi một chút. Theodore và các bạn rời khỏi tòa án, bắt một chiếc xe buýt nhỏ và mười phút sau đã có mặt ở trường, đúng giờ ra chơi.

Rời tòa được ba mươi phút, Theodore đã lại trở lại. Cậu phăm phăm leo cầu thang lên tầng ba. Không có dấu hiệu vụ nhà Finnemore đang được xử - không có luật sư ngoài hành lang, không có bóng dáng April. Đêm hôm trước, cô bé không gọi điện hay trả lời email cho cậu, cũng không đăng bài nào trên Facebook. Bố mẹ không cho cô dùng di động, nên cô bé cũng không thể nhắn tin. Điều này không có gì là lạ. Khoảng một nửa số học sinh khối Tám không có di động.

Theodore lại vội vã lộn xuống tầng hai, bước vào phòng xử dưới con mắt nghi ngờ của Đội phó Gossett và tìm được một chỗ ngồi ở hàng ghế thứ ba, sau bàn bên bị. Bị cáo, ông Duffy, ngồi cách xa cậu tầm sáu mét. Theodore có thể nghe thấy luật sư của ông ta thăm thì những điều quan trọng. Omar vẫn ở đó. Ông ta để ý thấy Theodore khi cậu ngồi xuống. Là một người giỏi quan sát, Omar có khả năng bắt được mọi chuyển động, nhưng ông làm như rất ngẫu nhiên, như thể mình không thực sự quan tâm vậy.

Nhân chứng lúc này là một bác sĩ, một giám định pháp y, người đã thực hiện cuộc khám nghiệm tử thi nạn nhân. Ông đang dùng sơ đồ giải phẫu người, một sơ đồ lớn có tô màu, từ phần ngực trở lên và phóng to vùng cổ. Theodore để ý đến luật sư Clifford Nance hơn là nhân chứng. Cậu theo dõi vị luật sư, cái cách ông ta chăm chú lắng nghe nhân chứng trả lời thẩm vấn, rồi ghi chép và liên tục liếc nhìn bồi thẩm đoàn. Có vẻ như ông không bỏ sót bất cứ chi tiết nào trong phòng xử. Trông ông ta thư thái và tự tin, nhưng sẵn sàng tấn công nếu cần.

Màn thẩm vấn chéo của ông với vị bác sĩ khá chóng vánh, không bật ra thêm chi tiết gì mới. Cho đến giờ, luật sư Nance dường như tạm bằng lòng với việc đồng ý với hầu hết các nhân chứng của bên nguyên. Màn pháo hoa có lẽ sẽ đến sau.

Quá 5 giờ chiều một chút, Thẩm phán Gantry cho ngừng phiên tòa. Trước khi cho ban bồi thẩm nghỉ, ông lại cảnh báo họ không được thảo luận về vụ xử với bất cứ ai. Mọi người lần lượt ra về và phòng xử lại vắng tanh. Theodore vẫn quanh quẩn ở đó, dõi theo các luật sư vừa thu dọn hồ sơ, sổ sách rồi bỏ vào ca táp vừa rì rầm trao đổi. Phía bên kia lối đi có tiếng lao xao. Jack Hogan nói gì đó với Clifford Nance và cả hai cùng cười rộ. Mấy vị luật sư khác cũng góp vào, rồi có người gợi ý, “Một châu chứ?”

Phút trước là đối thủ, phút sau lại là bạn bè.

Trước đây Theodore cũng đã chứng kiến chuyện này. Mẹ cậu từng giải thích rằng các luật sư được trả công để làm công việc của mình, và để làm tròn họ phải gác lại tình cảm cá nhân ở bên ngoài phòng xử. Mẹ nói, những người làm việc chuyên nghiệp là phải biết thêm bạn bớt thù.

Nhưng bác Ike bảo đó là trò vớ vẩn. Ông coi thường hầu hết các luật sư trong thị trấn.

Omar Cheepe không cười, cũng không được mời tham gia cuộc nhậu với đối phương. Ông ta và Pete Duffy nhanh chóng rời tòa bằng cửa ngách.

Chương Bảy

Tối thứ Ba đồng nghĩa với việc sẽ ăn ở bếp ăn xúp. Đó không phải là bữa trưa tệ nhất trong tuần mà phải là tối Chủ nhật khi mẹ chiêu đãi món gà nướng. Nhưng bữa trưa tối thứ Ba cũng không lấy gì làm thịnh soạn.

Bếp ăn xúp cũng chỉ là gọi vậy. Đó không hẳn là một căn bếp, và họ cũng hiếm khi có món xúp. Đó là một phòng ăn rộng dưới tầng hầm một nhà thờ đã được nâng cấp, nơi người vô gia cư tập trung dùng bữa và ngủ qua đêm. Thức ăn do những người tình nguyện chuẩn bị, họ thường mang tới bánh mì kẹp, khoai tây chiên, hoa quả và bánh trái.. “Những món tạp” mẹ Theodore thường gọi thế. Không phải món nào cũng bổ dưỡng.

Theodore nghe đâu có đến ba trăm người vô gia cư ở Strattenburg. Cậu gặp họ ăn xin hoặc ngủ trên ghế đá ở phố Main. Cậu thấy họ bới tìm đồ thừa ở các thùng rác công cộng. Chính quyền thành phố giạt mình với con số này, cùng với việc thiếu giường chiếu ở các khu dành cho người vô gia cư. Hội đồng thành phố hình như tuần nào cũng thảo luận về vấn nạn này.

Bà Boone cũng giạt mình. Bà vốn rất quan tâm đến những bà mẹ vô gia cư, đến nỗi bà đã phát động chương trình giúp đỡ nạn nhân của nạn bạo hành gia đình. Những phụ nữ bị đe dọa và đánh đập. Những phụ nữ không có chỗ ở, không có người để nương tựa. Những phụ nữ phải chăm con nhỏ, cần được giúp đỡ mà không biết tìm kiếm sự giúp đỡ ở đâu. Bà Boone, cùng một vài nữ luật sư khác trong thị trấn, còn mở một phòng khám hợp pháp nhỏ để giúp đỡ những con người như thế.

Và vì vậy, thứ Ba hằng tuần, gia đình nhà Boone đều đi bộ từ văn phòng qua vài con phố đến Nhà Tình thương phố Highland, dành ba tiếng đồng hồ

cho những người kém may mắn hơn. Họ thay phiên nhau phục vụ bữa tối cho hàng trăm người đã tụ tập sẵn ở đây, xong xuôi mới ăn qua quýt dăm ba miếng.

Mặc dù không cần phải biết, nhưng Theodore từng nghe lỏm bố mẹ thảo luận xem gia đình họ có nên tăng số tiền quyên góp hằng tháng cho Nhà Tình thương từ hai trăm lên ba trăm đô la không. Bố mẹ cậu chẳng phải giàu có gì. Bạn bè cậu nghĩ nhà cậu rất khá giả vì bố mẹ đều làm luật sư, nhưng thật ra công việc của họ không sinh lợi đến vậy. Họ sống giản dị, tiết kiệm cho việc ăn học của Theodore vui thú với việc hào phóng với những ai thiếu điều kiện hơn mình.

Sau bữa tối, ông Boone làm một căn phòng tạm ở cuối phòng ăn, và vài người vô gia cư kéo nhau ra đó. Ông Boone sẽ giúp họ giải quyết những vấn đề mà quanh đi quẩn lại là bị đuổi khỏi căn hộ đang ở, bị khước từ cấp phiếu ăn hoặc chăm sóc sức khỏe. Ông thường bảo họ là những khách hàng đáng mến của ông. Họ không có tiền trả, nên ông không phải chịu sức ép là đã nhận tiền của họ. Ông cố giúp được bao nhiêu, họ cảm ơn bấy nhiêu. Và hơn hết, ông thực sự thích nói chuyện với họ.

Vì tính chất công việc của mình nhạy cảm hơn, bà Boone gặp khách hàng trong một gian phòng nhỏ trên gác. Vị khách đầu tiên có hai con nhỏ, không tiền, không việc làm, và nếu không có Nhà Tình thương thì cũng không có nơi nào để ngủ đêm nay.

Nhiệm vụ của Theodore là khoản bài tập về nhà. Tại Nhà Tình thương có mấy gia đình được phép ở đến mười hai tháng - đó là giới hạn quy định ở phố Highland. Sau một năm, họ phải rời đi - Hầu hết bọn họ khi ấy đều đã tìm được việc làm, chốn ở, nhưng cũng phải mất thời gian. Trong thời gian lưu lại, họ được đối đãi như các cư dân khác của Strattenburg. Họ được cung cấp lương thực, quần áo, và chăm sóc y tế. Họ hoặc đã có việc làm hoặc còn đang tìm kiếm. Họ được mời tới dự lễ tại các nhà thờ.

Còn con em họ được cho đi học ở các trường địa phương. Đêm đến, tại Nhà Tình thương, những người tình nguyện do nhà thờ kêu gọi giúp các em làm bài tập. Việc của Theodore là tối thứ Ba hằng tuần đến dạy tiếng Anh cho hai em lớp Hai, Hector và Rita và giúp cả cậu anh trai của chúng môn

Đại số. Họ đến từ El Salvador, ông bố bỗng dưng biến mất sau những sự kiện bí ẩn, khiến họ trở thành trẻ lang thang. Họ cùng mẹ tá túc dưới gầm cầu nhưng rồi bị cảnh sát phát hiện.

Như thường lệ, Hector và Rita mong ngóng được gặp Theodore, đu lên người cậu trong lúc cậu gặm bánh sandwich. Sau đó, cả bọn nhốn nháo kéo nhau đi xuôi hành lang tới một căn phòng rộng thông thoáng, nơi các trẻ khác tụ tập để được phụ đạo.

“Không nói Tây Ban Nha nhé,” cậu nhắc lại. “Chỉ tiếng Anh thôi.”

Tiếng Anh của chúng tiến bộ đáng ngạc nhiên. Chúng tiếp thu hằng ngày ở trường, rồi về dạy lại cho mẹ. Chúng kiếm được chiếc bàn ở góc, Theodore bắt đầu đọc truyện tranh, một cuốn truyện nói về một con ếch lạc giữa biển khơi.

Bà Boone khẳng khẳng muốn Theodore bắt đầu học tiếng Tây Ban Nha từ lớp Bốn, ngay khi nhà trường có giờ học. Thấy bài ở lớp quá dễ, bà lại thuê gia sư hai tuần một lần ghé qua văn phòng để bồi dưỡng nâng cao cho Theodore. Vì mẹ thúc ép như vậy, lại được cô Monique hằng ngày truyền cảm hứng, Theodore học rất nhanh.

Cậu đọc một trang, để Rita đọc lại. Đến Hector. Theodore chỉnh cho chúng, rồi lại sang trang kế tiếp. Khu phụ đạo ồn ào, thậm chí náo nhiệt, vì có khoảng hơn hai chục học sinh ở các lứa tuổi đang cày bài tập về nhà.

Cặp song sinh còn có cậu anh trai, Julio, lớp Bảy, vẫn thỉnh thoảng gặp Theodore ở sân trường. Cậu này cực kỳ rụt rè, đến mức nhát chết. Bà Boone tin rằng đứa trẻ tội nghiệp này có lẽ đã bị tổn thương sâu sắc từ thảm kịch mất bố giữa xứ người và không có ai nương tựa.

Bà luôn đặt ra một giả thiết khi ai đó hành động khác thường.

Sau khi Theodore đọc xong cuốn thứ hai cho Hector và Rita, Julio đến ngồi xuống cùng bàn.

“Chuyện gì thế?” Theodore hỏi.

Julio mỉm cười quay đi.

“Đọc thêm một quyển nữa đi anh,” Hector giục.

“Đợi một tẹo đã.”

“Mình gặp rắc rối với môn Đại số,” Julio trả lời. “Cậu giúp mình được không?”

“Anh ấy là của bọn em,” Rita nói với anh trai, và tỏ ra sẵn sàng chiến đấu.

Theodore lượm hai quyển sách trên giá, đặt trước mặt Hector và Rita. Rồi cậu lấy hai cuốn tập viết, hai bút chì. “Đọc mấy cuốn này,” cậu hướng dẫn. “Đọc to từng từ. Khi thấy từ nào không hiểu, bọn em viết ra giấy. Được chứ?”

Chúng chộp lấy mấy quyển sách, mở ra như thể đây là một cuộc đua tài. Theodore cùng Julio nhanh chóng lọt vào thế giới đại số.

Vào lúc 10 giờ, gia đình Boone có mặt ở nhà, và ngồi trước ti vi. Chó Judge ngủ trên ghế sofa, đầu gối lên lòng Theodore. Vụ án Duffy là tin tức duy nhất ở Strattenburg, nên cả hai đài truyền hình thành phố tối đó đều không đưa tin gì khác. Họ phát cảnh Pete Duffy bước vào phòng xử án, vây quanh là luật sư cùng các nhà tư vấn luật và mấy người khác mặc com lê đen mặt ngẫu ngẫu. Lại có một video khác, ghi từ trên máy bay, quay ngôi nhà của gia đình Duffy ở đường lẩn bóng số sáu tại Waverly Creek. Một phóng viên đứng bên ngoài tòa án, bắn liên thanh nội dung tóm tắt các cuộc thẩm vấn tính đến nay. Thẩm phán Gantry đã có lệnh cấm tiết lộ thông tin của vụ án; nên không ai trong số luật sư, cảnh sát hay các nhân chứng được phát biểu cảm nghĩ hay bình luận gì.

Thẩm phán Gantry còn cấm quay camera trong phòng xử của ông. Đội quân báo chí đều phải ở ngoài.

Theodore không nói chuyện gì khác, bố mẹ cũng cùng chung mỗi nghi ngờ như cậu rằng Pete Duffy có tội. Tuy nhiên, chứng minh được điều đó xem ra rất nan giải.

Trong suốt chương trình quảng cáo, Theodore ho để đánh tiếng. Bố mẹ không để ý đến, cậu lại ho nhiều hơn, rồi bảo:

“Con rất họng quá.”

“Trông con xanh lăm,” bố nói.

“Có khi con bị ốm rồi”

“Con cảm thấy không khỏe.”

“Mắt con có đỏ không?”

“Hình như có.”

“Đau đầu?”

“Có ạ, nhưng không nặng lắm!”

“Buồn hắt hơi, nháy mũi?”

“Có ạ.”

“Từ bao giờ hả con?” mẹ cậu hỏi.

“Con ốm rồi,” bố cậu nói. “Bố đề nghị mai con nghỉ học kéo lây bệnh cho các bạn khác. Nhưng sẽ là một ý hay nếu thay vào đó con đến tòa theo dõi vụ xử Duffy.

Mẹ nghĩ sao?”

“Ờ, mẹ biết rồi,” mẹ trả lời. “Bị virus cúm bất ngờ tấn công rồi.”

“Có thể chỉ là một trong những triệu chứng khó chịu kéo dài hai mươi tư giờ và sẽ chấm dứt một cách kỳ diệu khi giờ học kết thúc,” bố thêm vào.

“Con cảm thấy không khỏe thật mà,” Theodore cố chống chế, biết là mưu đồ bị lộ nhưng cố níu kéo.

“Cứ uống một viên aspirin, có thể cả xi rô ho nữa,” bố khuyên. Woods Boone hiếm khi chịu đi bác sĩ khám, ông cho rằng hầu hết mọi người quá lãng phí tiền cho thuốc men.

“Con có thể ho lại cho bố mẹ nghe không, Cún cưng?” mẹ hỏi. Là một người mẹ, bà cũng hơi dễ cảm thông hơn mỗi khi cậu bảo không khỏe. Sự thật là Theodore có tiền sử giả ốm, đặc biệt những khi cậu có việc gì đó thú vị hơn việc đến trường.

Bố bắt đầu không nhịn được cười. “Phải, tiếng ho nghe có vẻ kém, Theodore ạ, so với tiêu chuẩn mọi lần của con.”

“Con chết mất,” Theodore tiếp tục cố không bật cười.

“Ừ, nhưng chết làm sao được” bố nói, “nếu ngày mai con xuất hiện ở phòng xử, Thẩm phán Gantry sẽ cho bắt con ngay về tội trốn học “Bố mẹ

có biết luật sư giỏi nào không?” Theodore phản đòn. Mẹ phá lên cười, và cuối cùng, ông Woods coi đây là một màn tiểu lâm.

“Thôi nào, đi ngủ thôi” bố nhắc.

Theodore lê bước lên gác, cảm giác bại trận hoàn toàn, chớ Judge lui thủi theo sau. Vào giường, cậu mở laptop xem April có trên mạng không. Theodore thở phào khi thấy cô bé phản hồi,

APRILNPARIS: Chào Theodore. Cậu thế nào?

TBOOONEESQ: ổn. Cậu đang ở đâu?

APRILNPARIS: Ở nhà, trong phòng, cửa khóa.

TBOOONEESQ: Mẹ cậu đâu?

APRILNPARIS: Dưới nhà. Mẹ với mình không nói chuyện.

TBOOONEESQ: Cậu có đến trường không?

APRILNPARIS: Không, phiên xử kéo dài đến tận trưa. Mình mừng là nó đã kết thúc.

TBOOONEESQ: Lúc làm chứng, cậu thế nào?

APRILNPARIS: Khủng khiếp. Mình khóc, Theodore ạ. Mình không được. Mình nói với thẩm phán là mình không muốn ở với mẹ, cũng không muốn sống với bố. Luật sư của mẹ hỏi mình. Luật sư của bố cũng hỏi. Thật kinh hãi. TBOOONEESQ: Mình rất tiếc.

APRILNPARIS: Mình không hiểu tại sao cậu lại muốn trở thành luật sư.

TBOOONEESQ: Để giúp những người như cậu. Đó là lý do. Đó là những gì người luật sư tốt phải làm. Cậu có ưa ông thẩm phán không?

APRILNPARIS: Mình chẳng ưa ai cả.

TBOOONEESQ: Mẹ nói là ông ấy tốt lắm. Ông ấy đã ra quyết định về việc chăm sóc cậu chưa?

APRILNPARIS: Chưa. Ông ấy bảo sẽ có quyết định trong vòng vài ngày.

Hiện giờ, mình tạm ở với mẹ, luật sư của mẹ cho rằng mình sẽ ở đây.

TBOOONEESQ: Có thể là như vậy. Cậu sẽ đến trường chứ?

APRILNPARIS: Ừ, cả tuần rồi mình chả đụng đến bài vở gì cả.

TBOOONEESQ: Mai sẽ gặp cậu sau.

APRILNPARIS: Theodore, cảm ơn cậu.

Một tiếng sau, Theodore vẫn tỉnh như sáo, đầu óc tua đi tua lại không ngừng, từ April sang vụ án giết bà Duffy, rồi ngược lại.

Chương Tám

Julio đang đợi. Theodore phanh két xe trước dãy cọc dựng xe gần cột cờ trước cổng trường và chào, “Hola, Julio. Buenós días (Chào buổi sáng).”

“Hola, Theodore.”

Theodore vòng xích quanh bánh trước xe đạp rồi bấm khóa. Chuyện xích xiếc vẫn khiến cậu bực mình. Đến tận năm ngoái, xe cộ để ở Strattenburg vẫn an toàn. Không ai phải bận lòng mang xích khóa. Rồi xe đạp bắt đầu bị đánh cắp, giờ vẫn vậy, và các ông bố bà mẹ cương quyết bắt phải tăng cường biện pháp an ninh.

“Cảm ơn tối qua đã giúp mình” Julio nói. Tiếng Anh của cậu bé khá tốt, nhưng phát âm vẫn còn nặng. Việc cậu chủ động tiếp cận Theodore ở trường, chủ động gợi chuyện thế này là một bước tiến. Theodore nghĩ vậy.

“Không có gì. Bất kể lúc nào mình cũng sẵn sàng.”

Julio đảo mắt nhìn quanh. Một nhóm đông từ xe buýt đang đi về phía cổng trước. “Cậu rất hiểu luật, phải không, Theodore?”

“Cả bố cả mẹ mình đều là luật sư mà.”

“Cảnh sát, tòa án, tất cả những thứ đó chứ?” Theodore nhún vai. Cậu không bao giờ chối là mình sở hữu một lượng kiến thức đáng nể về luật pháp. “Mình cũng biết khá nhiều,” cậu trả lời. “Có chuyện gì vậy?”

“Vụ xử đình đám hiện nay, là ông Duffy à?”

“Ừ, ông ấy bị xử về tội giết người. Và đây đúng là một vụ lớn.”

“Mình nói chuyện về vụ đó được không?”

“Được chứ,” Theodore nói. “Mình muốn biết vì sao được không?”

“Có thể mình biết gì đấy.”

Theodore soi vào mắt Julio. Cậu bạn quay đi và nhìn chỗ khác, như thể đã làm gì sai trái vậy. Một thầy trợ lý giám thị la mắng đứa học sinh ngừng gây lộn và nhắc chúng vào lớp. Theodore cùng Julio hướng về phía cửa chính.

“Giờ ăn trưa mình sẽ tìm cậu,” Theodore hứa.

“Được. Cảm ơn.”

“Không có gì mà.”

Làm như tâm trí Theodore dành cho vụ xử Duffy còn chưa đủ, giờ cậu còn lăm thứ lẩn bấn hơn. Ti ti thứ. Liệu một cậu bé vô gia cư mười tuổi người El Salvador có thể biết gì về vụ giết Myra Duffy đây?

Không gì hết, Theodore quả quyết vậy khi đặt chân vào phòng học. Cậu vừa gỡ ba lô vừa chào thầy Mount. Thật bứt rứt. Nửa giờ nữa, phiên tòa vụ xét xử lớn nhất trong lịch sử Strattenburg sẽ lại bắt đầu, mà cậu không thể có mặt. Thật không công bằng.

Trong suốt giờ giải lao, Theodore lén đến thư viện và trốn trong một ô đọc sách. Cậu lôi máy xách tay ra và bắt tay vào việc.

Thư ký tốc ký được cử theo vụ Duffy là cô Finney. Ở Strattenburg, cô là thư ký số một, theo những gì Theodore hóng được quanh tòa án. Cũng như mọi phiên xét xử khác, cô Finney ngồi kế ngay phía dưới bàn thẩm phán, cạnh chỗ đứng của nhân chứng. Đó là vị trí tốt nhất trong phòng xử. Công việc của cô Finney là ghi lại từng lời của thẩm phán, các luật sư, nhân chứng và cuối cùng là bồi thẩm đoàn. Với chiếc máy tốc ký, cô Finney có thể dễ dàng ghi lại hai trăm năm mươi từ một phút.

Ngày trước, theo như bà Boone kể lại, các thư ký tòa tốc ký bằng tay, một phương pháp ghi chép sử dụng các mã ký hiệu, chữ viết tắt và bất cứ thủ pháp nào miễn là theo kịp hội thoại. Sau phiên tòa, 1 người thư ký sẽ chuyển bản viết tay thành bản đánh máy hoàn thiện theo trình tự những gì đã được trình bày trong phiên tòa. Công việc này phải tốn vài ngày, thậm chí cả tuần, đôi khi là cả tháng, mà lại rất vất vả.

Nhưng giờ đây, nhờ công nghệ, việc tốc ký dễ dàng hơn nhiều. Tuyệt hơn nữa, nó có thể tạo ra biên bản ghi chép tức thời. Có ít nhất bốn chiếc máy tính để bàn trong phòng xử - một trên bàn Thẩm phán Gantry, một trên bàn bên bị, một trên bàn bên nguyên, và một trên bàn thư ký. Trong khi cô Finney gõ lại từng lời, văn bản sẽ được chuyển dịch, được định dạng rồi nén vào mạng nội bộ để cả bốn máy tính cùng được cập nhật tiến trình xét xử.

Thông thường, ở một phiên tòa, dễ nảy sinh tranh cãi quanh việc nhân chứng nói gì hay không nói gì. Ngày trước, có khi thẩm phán buộc phải gia thêm thời gian để người thư ký tội nghiệp cuống cuồng lục tung tập giấy chép tay, tìm lại bản tốc ký nguệch ngoạc rồi chuyển thành văn bản thường. Giờ, việc ghi lại mang tính tức thời và đáng tin cậy hơn nhiều.

Cô Finney có một văn phòng ở trên tầng ba chung với các thư ký khác. Phần mềm họ dùng là Veritas. Theodore đã thâm nhập vào hệ thống vì quá tò mò muốn biết những gì xảy ra trong tòa. Hệ thống đó có tính bảo mật không cao vì thực ra mọi thông tin đều từ phiên tòa xử công khai. Bất cứ ai cũng có thể bước vào phòng xử mà theo dõi. Tất nhiên, cái người bất cứ ai đó không thể là học sinh trung học. Mặc dù không thể đến tận nơi theo dõi phiên tòa, Theodore đã lên kế hoạch để có thể biết chuyện gì đang diễn ra.

Cậu không bỏ lỡ nhiều lắm. Nhân chứng đầu tiên của ngày xử thứ hai là đội trưởng đội bảo vệ trực tại cổng trước của khu Waverly Creek. Chỉ có hai cổng vào khu - cổng trước và cổng phía Nam. Cả hai chòi bảo vệ đều có ít nhất một nhân viên mặc đồng phục có trang bị vũ trang tức trực hai tư trên hai tư. Cả hai cổng đều có camera theo dõi. Sử dụng băng ghi hình, người đội trưởng khai rằng ông Duffy, hay ít nhất là xe của ông, đã rời cổng trước vào lúc 6 giờ 48 buổi sáng ngày xảy ra án mạng, và trở về lúc 10 giờ 22.

Băng ghi hình cho thấy ô tô của ông Duffy có nhà khi vợ ông bị giết. Điều này chẳng có nghĩa lý gì vì nó đã được thừa nhận từ trước. Ông ta đi làm, trở về nhà, đậu xe, lấy xe golf, lái đi, để bà vợ vẫn còn sống ở nhà. Vấn đề lớn đây, Theodore nghĩ. Cậu nhìn đồng hồ. Giờ giải lao chỉ còn năm phút.

Bên nguyên đang đọc một bản tóm tắt tẻ ngắt mô tả từng xe vào khu Waverly Creek buổi sáng hôm đó. Một xe gom rác cùng nhân viên vệ sinh đến một nhà trong khu. Một đội lát sàn vào nhà khác. Đại loại thế. Có vẻ như, ít nhất là Theodore nghĩ, bên nguyên đang cố tính đến từng đối tượng không phải là cư dân nơi đây có thể đã ra vào qua hai cánh cổng.

Để chứng tỏ điều gì? Có thể Jack Hogan cố muốn chứng minh rằng không ai, không phương tiện nào có mặt trái phép ở Waverly Creek vào thời điểm xảy ra vụ giết người. Theodore cảm giác việc này sẽ còn kéo dài nữa.

Nhận ra mình chỉ đang bỏ qua một màn tẻ ngắt tại phiên xét xử, cậu tắt laptop rồi vội vã vào lớp.

Julio không có ở căng tin. Theodore ăn nhoáng nhoàng, rồi đi tìm cậu ta. Cậu bị nổi tò mò lôi kéo, càng ngồi lâu trong lớp, cậu càng muốn tìm hiểu liệu Julio có thể biết điều gì. Cậu hỏi mấy học sinh lớp Bảy. Không ai biết Julio ở đâu.

Theodore trở về thư viện, vào đúng ô đọc sách lúc này, và lại nhanh chóng đột nhập hệ thống phần mềm của cô Finney. Phiên tòa đang tạm nghỉ trưa đúng như Theodore nghĩ. Nếu không, thế nào giờ ăn trưa cậu cũng phải phi ra thị trấn nghe ngóng tình hình.

Và cũng đúng như dự đoán, bên nguyên đã cố chứng minh không có phương tiện không phận sự nào xuất hiện ở Waverly Creek vào thời gian xảy ra án mạng. Theo giả thiết của Jack Hogan, kẻ sát nhân không phải một ai đó có thể tự tiện vào khu vực này. Bất cứ người lạ nào cũng đều bị hệ thống an ninh tinh vi kia phát hiện. Kẻ sát nhân, vì thế, phải là một ai đó có thể dễ dàng đến rồi đi mà không khiến bảo vệ chú ý. Một ai đó sống ở đây. Một ai đó như ông Pete Duffy.

Nỗ lực này của bên nguyên kéo theo màn phản pháo nảy lửa của luật sư Clifford Nance, mặc dù ông giữ yên lặng suốt mấy giờ đầu của phiên xử. Trong một cuộc thăm vấn chéo sôi nổi và đôi lúc gay gắt, luật sư Nance ép viên đội trưởng bảo vệ phải thừa nhận: (1) có 154 nhà biệt lập và 80 căn hộ

ở Waverly Creek; (2) cư dân ở đây sở hữu ít nhất 477 xe các loại; (3) có một con đường nhựa không có bảo vệ hay camera theo dõi; và (4) có ít nhất hai lối đi rải sỏi dẫn vào khu vực này không được thể hiện trên bản đồ.

Luật sư Nance nói như đinh đóng cột rằng khu Waverly Creek chiếm diện tích 1.200 mẫu, với rất nhiều lạch suối, hồ ao, vũng vịnh, thung lũng, những vạt rừng, những dãy phố, nhà ở, chung cư, ba sân golf, nên nói chung, việc đảm bảo an ninh tuyệt đối là “không thể”.

Viên đội trưởng miễn cưỡng đồng ý. Về sau, anh ta thừa nhận không thể biết ai có mặt, ai không có mặt bên trong khu cư dân kín cổng cao tường ấy vào thời điểm xảy ra án mạng.

Theodore cho rằng, cuộc thẩm vấn chéo thật xuất sắc, và rất hiệu quả. Điều đó khiến cậu buồn hơn vì đã bỏ lỡ màn này.

“Cậu đang làm gì vậy?” Giọng nói khiến Theodore giật mình, lôi cậu trở lại với thế giới thực ở trường trung học. Là April. Cô bạn biết rõ những nơi ẩn mình của Theodore.

“Đang xem tình hình ở phiên tòa.”

“Mình hy vọng không bao giờ phải chứng kiến phiên tòa nào nữa.”

Theodore đóng máy tính, cả hai chuyển sang một chiếc bàn nhỏ gần khu để tạp chí. Cô bé muốn nói chuyện, và với giọng gần như thì thầm cô tưởng thuật lại buổi làm chứng đầy ác mộng trước bao nhiêu người lớn đang cau mày hăm hè dò xét từng lời nói của cô.

Hồi chuông cuối ngày gióng lên lúc 3 giờ rưỡi và hai mươi phút sau Theodore đã có mặt ở tòa. Phòng xử không còn đông như hôm trước, Theodore may mắn tìm được chỗ ngồi ngay cạnh Jenny, tình yêu đích thực của cậu, thư ký Phòng án Gia đình. Nhưng chị gõ gõ vào đầu gối cậu, như thể cậu chỉ là một chú cún nhỏ dễ thương. Điều này luôn khiến Theodore bực bội.

Bồi thẩm đoàn ra ngoài. Thẩm phán Gantry không ở đó. Đang trong giờ giải lao. “Tình hình thế nào rồi ạ?” cậu thì thầm.

“Các luật sư đang tranh tụng trong phòng thẩm phán,” chị thì thầm lại, mặt ỉu xìu thất vọng.

“Chị vẫn nghĩ ông ta có tội chứ?” Cậu hạ giọng thậm chí còn thấp hơn.

“Ừ. Còn em?”

“Em chả biết nữa.”

Hai chị em thì thào qua lại được mấy phút thì một đám đông rần rần đi về phía trên. Thẩm phán Gantry trở lại. Các luật sư lần lượt về chỗ. Một nhân viên chấp pháp đi tìm các vị bồi thẩm.

Nhân chứng tiếp theo của bên nguyên là một giám đốc ngân hàng. Jack Hogan bắt đầu với một loạt câu hỏi về công nợ của ông Pete Duffy. Họ trao đổi rất nhiều về vốn liếng, tài sản ký quỹ, các khoản nợ không thanh toán đúng hạn, tất cả những cái đó như một búi bông bong trong đầu Theodore. Cậu quan sát các vị bồi thẩm, nhận thấy hầu hết các vị ấy cũng không theo kịp mớ tài chính rối nùi này. Cuộc thẩm vấn chẳng mấy chốc trở nên nhạt nhẽo và buồn tẻ. Nếu mục đích của cuộc thẩm vấn là để chứng minh ông Pete Duffy bị phá sản và đang rất cần tiền mặt, thì Theodore nghĩ ông giám đốc này quả là một nhân chứng tệ hại.

Một ngày tệ hại đối với bên nguyên, ít nhất là Theodore nghĩ vậy. Cậu liếc nhanh khắp phòng xử và nhận ra Omar Cheepe nham hiểm không có mặt. Theodore biết ông ta đang ở rất gần, đâu đó thôi, đang theo dõi hoặc lắng nghe.

Vị giám đốc vẫn đang trên đà đưa mọi người vào giấc ngủ. Theodore đưa mắt nhìn khắp ban công, trên đó trống lạng, chỉ có một người. Julio đang ở đó. Cậu ta ngồi ở góc xa của hàng ghế trên cùng, cúi khom người, đầu chỉ thấp thoáng nơi lan can, như thể cậu ta không được phép xuất hiện ở đây vậy.

Theodore quay xung quanh, nhìn nhân chứng và bồi thẩm đoàn, tự hỏi tại sao Julio lại có hứng theo dõi phiên tòa này.

Vài phút sau, Theodore lại liếc nhìn lên. Julio không còn ngồi một mình nữa. Omar Cheepe đang ngồi ngay sau Julio, và cậu không hề biết mình đang bị theo dõi.

Chương Chín

Thẩm phán Gantry cho ngừng phiên xử sau năm giờ chiều và triệu tập các luật sư đến phòng mình để tham dự một cuộc họp hứa hẹn sẽ căng thẳng. Theodore vội ra ngoài tìm Julio, nhưng không thấy bóng dáng cậu ta đâu, không may mắn thấy một dấu vết. Ít phút sau, Theodore dựng xe ở sân sau văn phòng luật của gia đình và chạy tót vào trong. Elsa đang thu dọn bàn làm việc, chuẩn bị ra về.

“Hôm nay ở trường ổn chứ, Theodore?” bà nở nụ cười ấm áp đã thành bản quyền, và ôm siết lấy cậu.

“Không ạ.”

“Sao vậy?”

“Ở trường chán lắm ạ.”

“Tất nhiên rồi. Trường lớp còn đặc biệt chán trong lúc ngoài kia đang có một phiên tòa, phải không?”

“Phải đấy ạ.”

“Mẹ cháu đang có khách. Bố cháu đang chơi golf, nghe chừng lần cuối cùng rồi.”

“Bố cháu cần phải tập nhiều,” Theodore nói “Tạm biệt Elsa.”

“Chào cứng. Hẹn mai gặp.” Elsa bước ra ngoài cửa trước và Theodore khóa luôn cửa.

Woods Boone để một cây gậy chơi golf và mấy quả bóng gần bàn làm việc. Ông tập chơi trên một tấm thảm phương Đông cũ kỹ không hề giống với thảm cỏ xanh thường thấy của bộ môn này. Mỗi ngày đôi ba bận, khi cần “giãn gân giãn cốt”, ông lại đánh vài quả. Mỗi lần ông đánh trượt,

chuyện này thì thường xuyên, bóng lại lăn ra khỏi thảm, trượt trên sàn gỗ, tạo nên âm thanh rất đặc trưng, không rầm rập như tiếng quả bóng bowling đồm đĩnh những con ki mà hơi giống lúc nó chạy trên đường biên. Cả công ty ở tầng dưới biết rằng tay golf nghiệp dư tầng trên lại đánh trượt một cú.

“À, chào con, Theodore,” Ông Boone nói. Ông ngồi ở bàn làm việc, không còn chơi golf, tay áo xắn cao, tẩu ngậm bên mép, một chồng hồ sơ trước mặt.

“Con chào bố.”

“Ở trường ổn chứ con?”

“Tuyệt ạ.” Nếu Theodore cần nhắc, như thỉnh thoảng cậu không tìm được, cậu sẽ gán trọn một bài thuyết giảng đầy mô phạm về tầm quan trọng của giáo dục. “Học xong con có ghé qua tòa án.”

“Bố cũng đoán thế. Có gì thú vị không?”

Hai bố con nói về phiên xử dăm ba phút. Ông bố dường như không hề có chút hứng thú gì, khiến Theodore rất khó chịu. Làm sao một luật sư có thể không tiêu hóa nổi một sự kiện quan trọng như vậy trong hệ thống tư pháp của thị trấn được nhỉ?

Điện thoại đổ chuông, ông Boone ra dấu nghe máy. Theodore xuống tầng dưới ghé thăm các phòng còn lại trong công ty. Vince trợ lý luật sư đang làm việc, cửa phòng đóng kín. Dorothy trợ lý bất động sản đã ra ngoài. Nghe thấy từ phòng mẹ những giọng nói có phần nghiêm trọng, Theodore lượn lờ ra sảnh. Cậu vẫn thường xuyên nghe thấy tiếng khóc lóc trong căn phòng ấy, tiếng nước nở của những phụ nữ u uất với chuyện hôn nhân hoặc quá tuyệt vọng đang cần mẹ giúp đỡ.

Theodore không nhịn được cười trước vẻ quan trọng hóa của mẹ. Đừng hòng cậu mong trở thành típ luật sư như mẹ, mặc dù cậu rất tự hào về mẹ.

Theodore đi về văn phòng của mình, nói chuyện vài phút với chó Judge, rồi bắt đầu làm bài tập về nhà. Vài phút trôi qua và trời đang dần tối. Judge gầm gừ khi nghe ngoài cửa có tiếng động, rồi ai đó gõ cửa. Theodore giật mình đứng dậy nhòm ra ngoài. Là Julio. Theodore vội mở cửa

“Mình ra ngoài này nói chuyện được không?” Julio hất hất đầu hỏi.

“Được chứ,” Theodore trả lời, đóng cửa lại. “Chuyện gì vậy?”

“Mình không biết nữa.”

“Ban này mình thấy cậu ở tòa án. Sao cậu lại đến đây?”

Julio bước thêm mấy bước xa khỏi văn phòng, như thể sợ có người trong đó nghe được. Cậu liếc nhìn xung quanh, rất căng thẳng. “Mình cần ai đó có thể tin cậu được, Theodore ạ,” Julio nói. “Ai đó hiểu biết về luật pháp.”

“Cậu có thể tin ở mình” Theodore đáp lời, vô cùng háo hức được nghe phần còn lại của câu chuyện mà cả ngày cậu vẫn nghĩ về nó.

“Nhưng nếu mình kể, cậu không được nói với bất kỳ ai khác, được chứ?”

“Được, nhưng sao cậu lại kể cho mình nghe điều gì mà mình lại không thể kể với ai khác? Mình không hiểu.”

“Mình cần lời khuyên. Ai đó cần biết chuyện này.”

“Biết chuyện gì?”

Julio nhét cả hai tay vào túi quần vải thông xuống. Trông cậu ta đầy sợ hãi. Theodore nghĩ đến cậu ta, mẹ cậu ta và cặp anh em song sinh của cậu ta. Sống trong nhà tạm, xa quê hương bản xứ, bị bố bỏ rơi. Có lẽ họ e sợ mọi thứ trên đời.

“Cậu có thể tin ở mình, Julio” Theodore nhắc lại.

“Ừ.” Julio nhìn xuống chân, không dám nhìn vào mắt Theodore. “Mình có người anh họ, cũng đến từ Salvador. Anh ấy ở đây, Strattenburg. Anh ấy nhiều tuổi hơn mình, có lẽ mười tám hay mười chín gì đấy. Đến được khoảng một năm rồi. Anh ấy làm ở sân golf. Cắt cỏ, đổ nước vào các bồn làm mát, mấy việc vặt kiểu thế. Cậu có chơi golf không?”

“Có.”

“Vậy chắc cậu đã thấy những người làm công việc ấy ở sân golf.”

“Ừ.” Sáng thứ Bảy nào, Theodore cũng chơi với bố ở sân golf Strattenburg. Ở đó, quanh các đường lăn bóng và khu vực đánh bóng vào lỗ, lúc nào cũng có dăm ba nhân công - giờ cậu mới chợt nhận ra hầu hết là người gốc Mỹ Latinh - làm chân lăng quăng, chăm sóc sân bãi.

“Sân golf nào vậy?” Theodore hỏi. Ít nhất có đến ba sân ở khu vực đó.

“Ở đó, khu có người phụ nữ bị giết.”

“Waverly Creek?”

“Ừ.” Theodore cảm thấy lồng ngực thắt lại, như bị mắc nghẹn, một cái gì vừa mới hình thành. “Tiếp đi,” cậu giục, dù có điều gì đó mách bảo cậu hãy dừng cuộc nói chuyện ngay lập tức mà chạy về văn phòng, khóa cửa lại.

“Ừm, anh ấy đi làm đúng hôm vụ giết người xảy ra. Anh ấy đang ăn trưa. Giờ ăn trưa của anh ấy bắt đầu lúc 11 giờ 30, kết thúc lúc 12 giờ. Anh ấy rất nhớ nhà, nên hầu như ngày nào cũng trốn mọi người ra ăn riêng một mình. Anh ấy luôn mang theo tấm ảnh gia đình chụp bố, mẹ và bốn em trai, và lôi ảnh ra ngắm trong lúc ăn. Dù như vậy rất buồn nhưng nó nhắc anh ấy vì sao phải ở chốn này. Hằng tháng anh vẫn đều đặn gửi tiền về nhà. Họ rất nghèo.”

“Anh ấy ăn trưa ở chỗ nào?” Theodore hỏi, cảm giác vừa xuất hiện một manh mối.

“Mình không hiểu về golf, chỉ biết những gì anh ấy kể. Bãi bóng lăn, chỗ ngoặt gấp, cậu biết những thứ ấy chứ?”

“Hẳn rồi.”

“Ừm, anh mình lúc đó đang ngồi dưới bóng cây ở một chỗ ngoặt gấp, đại loại đang trốn ra góc riêng vì giờ nghỉ ăn trưa là thời gian duy nhất anh ấy được ở một mình, và anh thấy người đàn ông ấy trên một chiếc xe golf phóng rất nhanh dọc theo đường lăn bóng. Người này có bộ gậy golf ở sau xe, nhưng lại không đánh bóng. Ông ta đang vội vã. Đột nhiên, ông ấy rẽ trái và đậu xe golf gần sân sau ngôi nhà có người phụ nữ bị giết.”

Theodore, đang nén thở, nói, “Trời ạ.” Julio nhìn cậu.

“Cậu tiếp đi,” Theodore giục.

“Thế rồi ông ấy nhảy ra khỏi xe, đi về phía cửa sau, vội vã cởi giày chơi golf, mở cửa bước vào nhà. Cánh cửa đó không khóa, ông ấy hành động rất nhanh, như kiểu ông biết rõ mình định làm gì. Anh họ mình cũng không để ý lắm đến chuyện này vì những người sống ở khu đó lúc nào chả chơi golf. Nhưng có cái gì đó hơi kỳ kỳ khi người đàn ông đó cởi giày ở sân sau. Và còn làm một cái gì đó mà anh mình cho là rất lạ.”

“Cái gì vậy?”

“Người đó đeo găng màu trắng ở tay trái. Cái này bình thường, phải không?”

“Phải. Hầu hết người chơi golf thuận tay phải đeo găng ở tay trái.”

“Điều ấy anh mình cũng giải thích. Vậy nghĩa là ông ấy đang chơi golf ở đâu đó rồi lại quyết định ghé qua nhà...”

“Mà lại quên không tháo găng,” Theodor tiếp lời.

“Có thể, nhưng đây mới là phần lạ lùng. Sau khi bỏ giày lại bên cửa, ông ấy cho tay vào túi lôi ra một chiếc găng khác, và vội đi ngay vào tay phải. Cả đôi găng trắng.”

Cục nghẹn ở ngực Theodore giờ cảm giác như to bằng trái bóng.

“Tại sao ông ấy đeo cả đôi găng trước khi mở cửa vào nhà?” Julio đặt câu hỏi.

Nhưng Theodore không trả lời. Tâm trí cậu đóng đinh vào hình ảnh ông Pete Duffy ngồi trong phòng xử, vây quanh là một nhóm luật sư, vẻ tự mãn hiện rõ trên mặt ông ta như thể ông ta đã gây ra một tội ác hoàn hảo mà không thể bị bắt quả tang.

“Đường lăn bóng nào vậy?” Theodore hỏi.

“Số sáu, trên sân Creek, là mình nghe bảo thế.” Nhà vợ chồng Duffy, Theodore tự nhủ.

“Lúc đó anh họ cậu ở cách bao xa?”

“Mình không biết. Mình chưa từng đến đó. Nhưng anh ấy trốn kỹ lắm. Khi người đàn ông đó ra khỏi nhà, ông ta nhìn quanh, rất đáng ngờ, để chắc không ai nhìn thấy mình. Ông ta không hề may mắn biết anh mình đang quan sát.”

“Ông ta ở trong nhà bao lâu?”

“Không hề lâu. Ban đầu anh họ mình cũng không nghi ngờ gì. Anh ấy ăn xong, đang cầu nguyện cho người nhà thì ông ta đi khỏi đúng cái cửa đó. Ông ta đi quanh sân sau khoảng một phút, nhìn đồng hồ, ngó quanh đường lăn bóng, đồng thời tháo cả hai găng tống vào túi đựng gậy golf. Ông ta lại đi giày, rồi nhảy tót lên xe golf lái đi.”

“Chuyện gì xảy ra sau đó?”

“12 giờ, anh họ mình trở lại làm việc. Vài giờ sau, anh ấy đang cắt cỏ ở sân chín lỗ mạn Bắc thì một người bạn bảo có chuyện náo động ở sân Creek, rằng cảnh sát xuất hiện khắp nơi, rằng có một vụ đột nhập và một người phụ nữ bị giết. Suốt buổi chiều, tiếng đồn lan như gió khắp sân golf, nên anh họ mình chẳng mấy chốc biết được đó là ngôi nhà nào. Anh ấy liêu lái một chiếc xe phục vụ tới đó thì thấy cảnh sát phong tỏa quanh ngôi nhà. Anh vội lái xe lảng đi.”

“Anh ấy có kể với ai không?”

Julio đá một viên sỏi, mắt lại nhìn quanh. Giờ trời đã tối. Không ai theo dõi chúng cả. “Mình vẫn đang nói chuyện bí mật, đúng không Theodore?”

“Tất nhiên.”

“Chuyện là, anh họ mình nhập cư bất hợp pháp. Mẹ mình có giấy tờ cho bọn mình, nhưng anh ấy thì không. Hôm sau ngày xảy ra vụ giết người, cảnh sát đến thẩm tra, đặt rất nhiều câu hỏi. Ở đấy có hai thanh niên người El Salvador khác nữa - cũng đều nhập cư bất hợp pháp. Nên ông chủ bảo họ với anh mình biến đi, lánh đâu đó vài ngày. Họ đã làm vậy. Gặp cảnh sát là anh mình bị bắt ngay, tống vào tù, rồi bị trục xuất về lại El Salvador.”

“Vậy là anh ấy chưa từng kể cho ai?”

“Không. Chỉ mình mình thôi. Một tối anh ấy đang xem ti vi thì thấy người ta đưa tin về vụ giết người. Họ quay ngôi nhà, và anh mình nhận ra. Họ quay người đàn ông, mình nghĩ là ông Duffy, đang đi bộ trên vỉa hè. Anh họ mình bảo anh khá chắc chắn người đang đi đó chính là người anh thấy đã bước vào căn nhà.”

“Vì sao anh ấy kể cho cậu?”

“Vì mình với anh ấy là anh em họ, với cả mình còn đi học nữa. Tiếng Anh của mình cũng khá, mà mình lại có giấy tờ tùy thân. Anh ấy không hiểu về hệ thống tòa án nên hỏi mình. Mình bảo mình sẽ cố tìm hiểu xem. Đó là lý do mình tìm đến đây, Theodore ạ.”

“Cậu cần gì ở mình?”

“Bảo cho bọn mình biết nên làm gì. Anh ấy có thể là một nhân chứng quan trọng, đúng không?”

“Ồ, phải.”

“VẬY anh họ mình nên làm gì?”

Chạy về El Salvador, Theodore nghĩ nhưng không nói ra. “Cho mình một phút”, cậu đáp, hàm răng nghiến chặt. Niềng răng đột nhiên khiến cậu đau nhói. Cậu đá một viên sỏi, cố hình dung ra bảo tố sẽ thế nào nếu anh họ Julio đứng ra làm nhân chứng.

“Có gì đó đại loại như phần thưởng không?” Julio hỏi.

“Anh ấy muốn tiền ư?”

“Ai lại không muốn tiền chứ?”

“Mình không biết nữa, có thể giờ muộn quá rồi. Phiên tòa đã xong một nửa rồi.” Theodore lại đá một viên sỏi, và bất giác trong một lúc, hai cậu bé cùng nhìn chăm chăm xuống chân.

“Chuyện này thật không thể tin được,”

Theodore cất lời. Cậu gần như choáng váng, và rối bời. Nhưng trí não cậu đủ sáng suốt để hiểu việc này vượt quá sức mình. Sẽ phải là người lớn đương đầu với vụ này.

Không có cách nào giữ kín được bí mật này.

“Sao nào?” Julio hỏi thúc. Cậu bé giờ đang nhìn Theodore, chờ đợi những lời lẽ thông thái.

“Anh họ cậu sống ở đâu?”

“Gần Quarry. Mình chưa bao giờ đến đó.”

Đó là điều Theodore đã đoán ra. Quarry là một khu xóm liều nơi người có thu nhập thấp sinh sống. Strattenburg là một thị trấn an toàn, nhưng thỉnh thoảng cũng xảy ra một vài vụ bắn súng hoặc đuổi tội phạm ma túy, và những chuyện này dường như chỉ xảy ra quanh khu Quarry.

“Mình có thể nói chuyện với anh họ cậu không?” Theodore hỏi.

“Theodore, mình chẳng biết đâu. Anh ấy thực sự lo lắng về vụ này. Anh ấy sợ sẽ dính vào rắc rối. Công việc của anh ấy rất quan trọng đối với gia đình anh ấy.”

“Mình hiểu. Nhưng, mình cần nắm chắc các chi tiết trước khi quyết định phải làm gì. Bao lâu cậu gặp anh họ một lần?”

“Mỗi tuần một đôi lần. Anh ấy ghé qua nhà tình thương, gặp mẹ mình. Anh ấy rất nhớ nhà, và bọn mình là gia đình duy nhất của anh ở đây.” “Anh

ấy có điện thoại không?”

“Không, nhưng anh ấy sống với mấy người nữa, một người trong số họ có điện thoại.”

Theodore bước quanh sân đậu xe rải sỏi, đắm mình trong suy nghĩ. Rồi cậu búng tay nói, “OK, được rồi, kế hoạch thế này. Cứ coi như tối nay cậu cần mình giúp làm bài tập đại số.”

“Ừ, mình đoán là được.”

“Hãy chỉ nói là được.”

“Được.”

“Tốt. Hãy liên lạc với anh họ cậu, bảo anh ấy ghé qua chỗ cậu, khoảng một giờ nữa. Mình sẽ chạy qua để giúp cậu làm bài, và sẽ bất ngờ gặp được anh họ cậu. Cậu bảo anh ấy là có thể tin tưởng ở mình, và rằng mình sẽ không tiết lộ bí mật của anh ấy cho bất cứ ai, trừ phi anh ấy đồng ý. Được chứ?”

“Mình sẽ cố. Chuyện gì xảy ra sau khi cậu nói chuyện với anh ấy?”

“Chẳng biết nữa. Mình chưa hình dung xa đến vậy.”

Julio biến mất vào giữa bóng đêm. Theodore trở lại văn phòng, trong đó có một tập hồ sơ về vụ Duffy. Đó là những bài báo, bản sao cáo trạng, và những thông tin từ Internet về Pete Duffy, Clifford Nance, thậm chí cả Jack Hogan - luật sư bên nguyên.

Tất cả các luật sư đều có hồ sơ lưu...

Tối thứ Tư đồng nghĩa với việc mua đồ ăn ở nhà hàng Trung Hoa Golden Dragon. Bữa trưa tối được dùng tại phòng nhỏ trong lúc cả nhà Boone cùng xem chương trình ưa thích của Theodore, show truyền hình Perry Mason xưa xưa xưa xưa.

Bà Boone vẫn đang phải tiếp khách hàng, một phụ nữ nghèo đang khóc lóc trong văn phòng khóa trái cửa của mẹ. Ông Boone đang chuẩn bị đến

Golden Dragon thì Theodore xin phép chạy mái nhà tình thương ít phút gặp Julio.

“Đừng về muộn quá,” ông Boone nhắc. “Nhà ta ăn tối lúc 7 giờ đấy.”

“Không muộn đâu ạ. Tất nhiên nhà ta sẽ ăn lúc bảy giờ rồi.”

Công ty có một thư viện ở tầng trệt, khu đằng trước. Ngay giữa thư viện là một chiếc bàn dài, xung quanh toàn ghế da. Sát tường oằn cong những chiếc giá chất đầy sách. Các cuộc họp quan trọng đều diễn ra ở đây. Thi thoảng, các nhóm luật sư gặp gỡ, bàn thảo, thương thuyết. Trợ lý Vince thích làm việc ở đó. Theodore cũng vậy, những khi văn phòng không bận lắm. Cậu con thích len vào thư viện vào chiều muộn, sau khi công ty đóng cửa và mọi người đã ra về hết.

Theodore cùng Judge vào trong, đóng cửa. Cậu không bật đèn, thông thả ngồi vào một chiếc ghế da, chân gác lên bàn, nhìn trân trân vào từng hàng sách nặng nề. Hàng ngàn cuốn. Cậu gần như không còn nghe thấy tiếng mẹ và bà khách hàng vọng lại từ mé kia sảnh.

Theodore không quen đứa trẻ nào lại có bố mẹ là đồng nghiệp. Cậu cũng không quen đứa trẻ nào ngày ngày sau giờ học vẫn lượn lờ ở văn phòng. Hầu hết bạn bè cậu chơi bóng chày hoặc bóng đá, bơi lội hoặc loanh quanh ở nhà chờ ăn tối. Còn cậu thì đang ngồi đây, trong thư viện tối tăm của một công ty luật, suy tư về những sự kiện diễn ra vài giờ qua.

Cậu thích nơi này - đậm đặc mùi da thuộc cũ, mùi trầm mốc, mùi sách bụi bặm. Bầu không khí của quyền lực.

Làm thế nào mà lại là cậu, Theodore Boone, biết sự thật về vụ án mạng nhà Duffy. Trong số từng ấy cư dân ở Strattenburg, có lẽ khoảng bảy mươi lăm nghìn người, tại sao lại là cậu? Tội ác ghê gớm nhất của thị trấn này kể từ một vụ tệt hại nào đó từng xảy ra hồi những năm 1950 và cậu, Theodore, đột nhiên bị dính líu vào.

Cậu không còn biết phải làm sao.

Chương Mười

Lúc Theodore dựng xe thì thấy mấy người trông có vẻ thô lỗ đang lớn vờn quanh lối vào Nhà Tình thương phố Highland. Cậu bước qua chỗ họ với câu nói lịch sự “Xin cho đi nhờ” và nụ cười nhã nhặn. Theodore thực sự không e ngại bởi mấy người này sẽ không định làm phiền một chú nhóc. Mùi rượu bia hôi hám lợm trong không khí.

“Có tiền lẻ không, nhóc?” một giọng chói tai đuổi theo.

“Không ạ,” Theodore trả lời, không hề bước chậm lại.

Bên trong, dưới tầng hầm, Theodore tìm thấy Julio cùng cả nhà vừa ăn xong bữa tối. Mẹ Julio chỉ nói được tầm tạt chút tiếng Anh, nhưng hẳn nhiên bà rất ngạc nhiên khi gặp Theodore vào ngày thứ Tư. Theodore giải thích bằng thứ tiếng Tây Ban Nha cậu cho là chuẩn mực, rằng Julio cần cậu kèm thêm môn Đại số. Rõ ràng, bà không hiểu thứ tiếng Tây Ban Nha chuẩn mực vì bà hỏi lại Julio xem Theodore đang nói gì. Rồi Hector bắt đầu khóc đòi cái gì đó nên bà quay sang dỗ dành cậu bé.

Căng tin đông nghẹt người và nóng bức, lại thêm mấy đứa trẻ khác cũng đang quấy khóc. Theodore cùng Julio trốn lên một phòng họp nhỏ ở tầng trên, nơi mẹ cậu vẫn thỉnh thoảng tiếp các thân chủ ở Nhà Tình thương.

“Cậu đã nói chuyện với ông anh họ chưa?” Theodore đóng cửa rồi hỏi bạn.

“Rồi. Anh ấy bảo sẽ đến, nhưng mình cũng chẳng chắc đâu. Anh ấy sợ, Theodore ạ. Nếu anh ấy không lộ diện thì cũng đừng ngạc nhiên.” “Được mà. Cứ làm bài đại số đi.”

“Vẫn phải làm sao?”

“Julio, cậu đang bị điểm C. Thế vẫn chưa ổn đâu. Cậu cần cố đạt điểm B.”

Sau mười phút, cả hai đều thấy ngao ngán. Theodore không thể tập trung vì tâm trí cậu mãi nghĩ về ông anh họ của Julio, về quả bom tiềm ẩn mà việc anh ta ra làm chứng có thể gây ra. Còn Julio thì vật vờ vì cậu vốn ghét đại số. Di động của Theodore đổ chuông.

“Mẹ mình đấy,” cậu vừa mở điện thoại vừa giải thích.

Bà chuẩn bị rời văn phòng và chột lo lắng về Theodore. Cậu trấn an mẹ rằng mình hoàn toàn ổn, đang cùng Julio siêng năng bài vở, và sẽ về đúng giờ để ăn bữa tối Trung Hoa, dù có thể là bữa tối lạnh ngắt. Nóng hay nguội thì có gì khác biệt chứ?

Chờ Theodore đóng nắp di động, Julio nói “cậu có di động kể cũng hay nhỉ” “Mình đâu phải đứa duy nhất ở trường có di động đâu,” Theodore khiêm tốn. “Mà cũng chỉ để gọi những cuộc nội hạt thôi, không gọi được đường dài.”

“Vẫn hay chán.”

“Nó chỉ là cái điện thoại thôi mà, đâu phải máy tính.”

“Cả lớp mình chẳng ai có di động cả.”

“Cậu mới lớp Bảy thôi mà. Đợi đến năm sau. Cậu đoán anh họ cậu giờ đang ở đâu?”

“Mình gọi cho anh ấy đi.” Theodore ngần ngừ, rồi lại nghĩ, Sao lại không nhỉ? Cậu không thể ở đây cả tối để chờ anh ta. Cậu bấm số, đưa điện thoại cho Julio, cậu bé nghe một lúc rồi bảo, “Hộp thư thoại.” Có tiếng gõ ngoài cửa.

Người anh họ của Julio vẫn đang mặc bộ đồ bảo hộ kaki mang dòng chữ WAVERLY CREEK GOLF in đậm đằng sau áo và cả nơi túi ngực nhưng cỡ chữ nhỏ hơn nhiều. Chiếc mũ đồng phục cũng mang dòng chữ tương tự. Vóc dáng anh không nhỉnh hơn mấy so với Theodore và trông anh trẻ như chưa đến mười tám mười chín tuổi. Cặp mắt sẫm màu của anh đảo quanh

dáo dác, và vừa dợm ngồi xuống, anh đã như muốn sẵn sàng rời đi bất kỳ lúc nào.

Anh không chịu bắt tay Theodore, không chịu giới thiệu tên họ đầy đủ. Bằng thứ tiếng Tây Ban Nha nhanh như gió, anh trao đổi với Julio. Lời lẽ có vẻ căng thẳng.

“Anh ấy muốn biết tại sao lại phải tin cậu,” Julio nói. Theodore vô cùng biết ơn phần phiên dịch của bạn vì cậu hầu như chả hiểu gì.

Theodore nói, “Julio, cậu nghe này, nói cho nhanh vậy nhé. Anh ấy đến gặp cậu, cậu đến gặp mình, và giờ mình ở đây. Mình không phải là người khỏi xưởng. Nếu anh ấy muốn đi thì xin tạm biệt. Mình cũng mừng sẽ được về nhà.” Một đoạn hội thoại gay gắt bằng tiếng Anh, với những từ ngữ cứng rắn. Julio dịch sang tiếng Tây Ban Nha, và người anh họ nhìn Theodore chăm chăm như thể bị xúc phạm.

Theodore không muốn ra về. Dẫu biết mình nên làm vậy. Tốt hơn là không nên dính líu. Cậu thầm nhủ mình chẳng nên dây dưa, nhưng sự thật là Theodore đang rất hào hứng với vị trí của mình lúc này. “Hãy bảo anh ấy có thể tin tưởng ở mình, mình sẽ không nói với ai những gì anh kể đâu” Theodore nói với Julio.

Julio chuyển lời, và người anh họ tỏ ra yên tâm phần nào.

Theodore thấy rõ là tâm can người anh họ cực kỳ bất ổn và mong được giúp đỡ. Julio tiếp tục liên tục bằng tiếng Tây Ban Nha. Cậu ta đang đề cao Theodore ngất trời, Theodore nghe hiểu được một phần như vậy.

Người anh họ nở nụ cười.

Theodore đã chuẩn bị sẵn một tấm bản đồ in màu khu golf Creek nhờ công cụ tìm kiếm Google Earth Search, và đã đánh dấu nhà Duffy. Người anh họ, vẫn chưa chịu nói tên, bắt đầu kể. Anh ta chỉ vào một điểm giữa đám cây ở khúc ngoặt gấp trên đường lăn bóng số sáu, kể như máy những gì đã nhìn thấy. Lúc ấy anh đang ngồi trên mấy khúc cây đổ gần một lòng mương cạn, ngay giữa hàng cây, vừa ăn trưa vừa nghĩ đến việc riêng của mình, thì thấy người đàn ông vào nhà bằng cửa hậu và mấy phút sau lại từ đó đi ra. Julio đánh liều làm chân phiên dịch, thỉnh thoảng lại cắt lời anh họ để chuyển sang tiếng Anh cho Theodore.

Theodore, với trình độ của mình, càng lúc càng bị hiểu được nhiều hơn vì đã quen khẩu ngữ của người anh họ.

Người anh họ tả lại quang cảnh hỗn độn quanh sân golf khi cảnh sát đến và tin đồn đã lan rộng. Cậu bạn anh, một nhóc người Honduras phục vụ bàn ở quán nướng của câu lạc bộ golf cho biết, ông Duffy đang ăn bữa trưa muộn thì nghe tin người ta phát hiện ra thi thể vợ mình. Ông ta rối cả lên, lao khỏi quán, nhảy lên xe golf, và phóng về nhà. Người bạn này kể ông Duffy mặc áo len màu đen, quần âu màu mật ong nhạt, đội mũ golf màu hạt dẻ. Một bộ cánh hoàn hảo, người anh họ nhận xét. Đó cũng chính là bộ cánh trên người người đàn ông mà anh ta trông thấy bước vào nhà ông bà Duffy rồi mấy phút sau lại ra ngay.

Theodore lấy từ cặp hồ sơ ra bốn bức ảnh của Pete Duffy. Cả bốn bức ảnh đều lấy trên Internet, từ thư mục lưu trữ của nhật báo Strattenburg, phóng to cỡ 20x30 cm. Cậu trải các bức hình lên mặt bàn và chờ đợi. Người anh họ không thể nhận diện ông Duffy. Anh ta ước tính mình đang ở chỗ ăn trưa yên tĩnh cách người đàn ông từ ba mươi đến năm mươi mét khi nhìn thấy ông ta. Người anh họ nhìn thấy khá giống với người trong ảnh, nhưng không thể khẳng định trăm phần trăm. Tuy nhiên, chi tiết về áo quần của người đàn ông đó thì anh ta rất chắc chắn.

Nhận dạng được chính xác người trong ảnh là ông Duffy sẽ hữu ích, nhưng không nhất thiết. Để xác định được ông ta đã mặc như thế nào không khó, và một khi có nhân chứng trông thấy một người mặc quần áo y chang ông ta bước vào ngôi nhà vài phút trước vụ giết người thì cũng đã đủ dấy nên nghi ngờ, ít nhất là Theodore nghĩ vậy.

Trong lúc nghe Julio dịch sang tiếng Tây Ban Nha, cậu quan sát người anh họ thật chăm chú. Không nghi ngờ gì là anh ta đang kể sự thật. Tại sao không phải sự thật chứ? Nói dối thì anh ta đâu có được gì, lại còn mất nhiều là đằng khác. Câu chuyện của anh ta đáng tin cậy. Vả lại, nó hoàn toàn trùng khít với giả thiết có tội của bên nguyên. Mặc dầu vậy, vấn đề là bên nguyên thậm chí không hề biết có một nhân chứng như vậy tồn tại.

Theodore lắng nghe, và lại tự hỏi mình nên làm gì tiếp theo.

Người anh họ nói càng lúc càng nhanh hơn, như thể cuối cùng con đập đã vỡ òa và anh ta muốn xả mọi thứ. Julio vì thế dịch cũng vất vả hơn. Theodore đánh máy điên cuồng vào máy tính, cố ghi lại được càng nhiều càng tốt. Cậu ngắt bài tường thuật, bảo Julio nhắc lại điều gì đó, rồi lại tiếp tục.

Đến khi Theodore không nghĩ ra thêm câu hỏi nào nữa, cậu liếc vội đồng hồ và giật mình vì đã muộn đến thế. Đã quá 7 giờ tối, và bố mẹ cậu hẳn sẽ không hài lòng khi cậu con trai về ăn tối không đúng giờ. Cậu nói mình phải đi. Người anh họ hỏi mọi chuyện tiếp theo sẽ ra sao.

“Em không chắc nữa” Theodore trả lời. “Hãy cho em thêm thời gian. Em phải nghĩ thật thấu đáo.”

“Nhưng cậu đã hứa sẽ không kể với ai,” Julio nhắc.

“Mình sẽ không kể, Julio. Không kể, chừng nào cả ba chúng ta chưa vạch được ra một kế hoạch.”

“Nếu anh ấy hoảng sợ, anh ấy sẽ biến mất đấy,” Julio nói, gạt đầu với người anh họ. “Anh ấy không thể bị bắt. Cậu hiểu chứ?”

“Tất nhiên mình hiểu.”

Mì xào gà bị nguội hơn mọi lần, nhưng Theodore không để tâm. Nhà Boone dùng bữa trong khay, vừa ăn vừa xem ti vi trong phòng sinh hoạt nhỏ. Judge, vốn đã từ chối thức ăn cho chó ngay từ tuần đầu trở thành thành viên của nhà Theodore, cũng có một bát gần ti vi. Không có gì ảnh hưởng khẩu vị của nó.

“Sao con không ăn đi?” mẹ hươ hươ đưa hỏi.

“Con đang ăn mà.”

“Con có vẻ lơ đãng” bố nhận xét. Bố thì dùng đĩa.

“Ừ, phải đấy,” mẹ cũng đồng tình. “Ở Nhà Tình thương có chuyện gì à?”

“Không, con chỉ đang nghĩ về Julio và gia đình cậu ấy, chắc họ phải khó khăn lắm.”

“Con thật là cậu bé đáng yêu, cưng ạ!” Giá mà bố mẹ biết được, Theodore nghĩ.

Trên ti vi, Perry Mason mặc đồ màu đen trắng đang ở giữa một vụ xử lớn và mấp mé thua. Chủ tọa chán ngán ông ta. Các vị bồi thẩm trông có vẻ nghi ngờ. Bên nguyên thì đầy tự tin. Đột nhiên, Perry nhìn vào đám đông khán phòng rồi gọi tên một nhân chứng bất ngờ. Nhân chứng bước tới bục, và bắt đầu kể một câu chuyện khác xa câu chuyện của bên nguyên. Câu chuyện mới hoàn toàn hợp lý. Nhân chứng bất ngờ được thẩm vấn chéo, và bồi thẩm đoàn nghiêng hẳn về phía thân chủ của Perry Mason.

Lại thêm một cái kết có hậu. Một chiến thắng của luật pháp.

“Làm gì có chuyện như vậy,” bà Boone lên tiếng. Đó là điều bà phải cố nhắc đi nhắc lại ít nhất ba lần mỗi tập phim. “Làm gì có chuyện nhân chứng bỗng dưng lù lù hiện ra như thế.”

Theodore tìm thấy cơ hội để mở màn. “Nhưng nếu có một nhân chứng đột nhiên xuất hiện thì sao ạ? Một nhân chứng then chốt giúp tìm ra sự thật. Một nhân chứng không ai biết đến.”

“Nếu không ai biết đến, việc gì người ta lại tìm đường đến tòa án?” ông Boone hỏi.

“Nếu anh ta chỉ mới xuất hiện thì sao?” Theodore đáp. “Nếu ai đó đã chứng kiến tận mắt vụ việc, nay mới đọc được tin về phiên tòa trên báo, hoặc ngó thấy trên truyền hình, và quyết định xuất hiện thì sao? Không ai biết về sự tồn tại của người đó. Không ai biết người đó đã chứng kiến tội ác. Vậy quan tòa sẽ làm gì?”

Rất hiếm khi Theodore có thể bắt bí được hai vị luật sư kia trong gia đình, dù chỉ là một chút. Bố mẹ cậu cùng nghĩ về câu hỏi cậu mới đặt ra. Đến đây có thể chắc chắn vài điều. Một, bố và mẹ đều sẽ có ý kiến riêng. Hai, không thể nào có chuyện họ sẽ đồng ý.

Mẹ cậu khai mào trước. “Bên nguyên không thể sử dụng một nhân chứng chưa từng được tiết lộ trước tòa và bên bị. Quy định không cho phép nhân chứng bất ngờ.”

“Nhưng,” đến lượt bố, gần như chặn lời và sẵn sàng khẩu chiến, “nếu bên nguyên không biết đến nhân chứng, thì làm sao công khai danh tính

người ta được. Một phiên xét xử cũng chỉ là để tìm đến sự thật. Từ chối cơ hội cho một nhân chứng trực tiếp được thẩm vấn thì cũng chẳng khác gì che giấu sự thật.”

“Quy định vẫn là quy định.”

“Nhưng quy định vẫn có thể được chủ tọa sửa đổi nếu cần.”

“Việc kết án không thể xây dựng trên sự cảm thông.”

“Anh không chắc thế đâu.”

Cãi qua cãi lại. Cãi tới cãi lui. Theodore chỉ yên lặng. Cậu định nhắc bố mẹ là cả hai đều không phải chuyên gia về luật hình sự, nhưng nhận xét như thế chỉ cùng lúc châm hai ngòi pháo. Những cuộc thảo luận kiểu này là bình thường trong nhà Boone, chính Theodore đã học được rất nhiều về luật qua các bữa tối, ở hàng hiên trước nhà, thậm chí cả những lúc ngồi ghế sau xe.

Chẳng hạn, cậu đã học được rằng, là luật sư, bố mẹ được coi là người của tòa án. Vì thế, họ có bốn phận hỗ trợ việc thực thi công lý. Nếu các luật sư khác vi phạm đạo đức nghề nghiệp, hay nếu cảnh sát không chấp hành luật, hoặc khi một thẩm phán đi chệch hướng, thì bố mẹ cậu phải có hành động hợp lý. Nhiều luật sư khác làm ngơ trước trách nhiệm này, theo đánh giá của bố mẹ, nhưng họ thì tuyệt đối không.

Theodore không dám kể về người anh họ của Julio. Ý thức trách nhiệm của hai người có thể sẽ đẩy họ đến gặp thẳng Thẩm phán Gantry. Người anh họ kia sẽ bị cảnh sát bắt đi, đưa ra tòa, qua thẩm vấn, rồi sẽ bị giam giữ vì tội nhập cư bất hợp pháp. Họ có thể bỏ tù anh ta, đại loại là một trại tập trung nào đó, rồi, theo thầy Mount, anh ta sẽ phải chờ vài tháng để rồi bị đưa về El Salvador.

Uy tín của Theodore sẽ sụp đổ. Cả một gia đình sẽ bị nguy hại.

Nhưng, một kẻ có tội sẽ bị kết án. Còn nếu không, Pete Duffy có thể tự do bước ra khỏi tòa. Ông ta sẽ rũ bỏ được tội danh giết người.

Theodore cố nuốt một miếng thịt gà nguội ngắt.

Cậu biết đêm nay mình sẽ khó mà ngủ được.

Chương Mười Một

Chỉ đến khi mặt trời lên, những cơn ác mộng mới chấm dứt, và Theodore mới thôi không cố nghĩ làm thế nào để được nghỉ ngơi một chút. Cậu nhìn trần trần rất lâu lên trần nhà, chờ đợi những âm thanh cho thấy bố mẹ đã dậy chuẩn bị đi làm. Cậu xoa đầu chào Judge, chú chó vẫn đang ngủ dưới gầm giường.

Đêm đó, Theodore đã tự thuyết phục mình không biết bao nhiêu lần rằng cậu không còn lựa chọn nào khác là ngay sớm nay phải ngồi lại kể hết câu chuyện về người anh họ của Julio cho bố mẹ nghe. Cậu nhấp nhồm nhiều lần với ý định đó. Và cuối cùng, khi bước ra khỏi giường, cậu quyết định không thể ép buộc bản thân phản bội lại lời hứa với anh em Julio. Cậu sẽ không kể với ai. Kể cả một kẻ có tội sắp được tha bổng đi chẳng nữa thì đấy cũng không phải là vấn đề của Theodore.

Nhưng có phải vậy không?

Cậu tạo nên những tiếng ồn quen thuộc trong nghi lễ buổi sáng của mình - tắm rửa, đánh răng, cọ niềng răng, và chọn trang phục, một cuộc tra tấn đối với cậu. Như thường lệ, cậu lại nghĩ đến Elsa với thói quen khó chịu của bà là sắm soi áo quần, giày dép xem chúng có ăn sam với nhau không, và xem chúng có bị lặt lại trong vòng ba ngày qua hay không.

Cậu nghe thấy bố đã rời nhà trước 7 giờ vài phút. Cậu nghe thấy mẹ trong phòng nghỉ đang theo dõi chương trình truyền hình buổi sớm. Đúng bảy giờ rưỡi, Theodore đóng cửa buồng tắm, mở di động, và bấm số gọi bác Ike.

Ike không phải là người chăm dậy sớm. Sự nghiệp nho nhỏ và buồn tẻ là làm chân tính thuế bán thời gian của bác không đòi hỏi bác phải dậy sớm, bác cũng chẳng có tâm trạng hào hứng để khởi động ngày mới. Công việc của bác thật ảm đạm, hơn một lần bác kể lể như vậy với Theodore. Và còn một vấn đề khác nữa. Ike uống quá nhiều, cái thói quen của người không thành đạt ấy tạo nên những buổi sáng lễ mễ. Nhiều năm nay, Theodore đã nghe người lớn kháo nhau về vụ rượu chè của Ike. Elsa có lần hỏi Vince một câu liên quan đến Ike, và Vince trả lời cụt lủn: “Có thể, nếu ông ấy không say.” Theodore đáng lẽ không biết chuyện đó, nhưng quả thật cậu nghe được từ quanh văn phòng này nhiều hơn người khác nghĩ.

Cuộc gọi cuối cùng cũng được nhận với một giọng rin rít và thô lỗ, “Theodore đấy hả?” “Vâng, chào bác Ike. Cháu xin lỗi đã làm phiền bác sớm thế này.” Theodore đang cố hạ giọng càng thấp càng tốt.

“Không sao, Theodore. Ta đoán cháu có chuyện gì đó phải bận tâm.”

“Vâng, mình nói chuyện được không ạ, ngay sớm nay? Bên chỗ bác? Mới có chuyện rất quan trọng, cháu sợ không thể thảo luận với bố mẹ cháu được.”

“Được chứ, Theodore. Máy giờ nào?”

“Có thể là sau 8 giờ một chút. 8 rưỡi cháu phải vào lớp. Nhưng nếu cháu đi sớm quá mẹ cháu sẽ nghi.”

“Được. Ta rất có hứng.”

“Cảm ơn, Ike.”

Theodore vội vàng ăn cho xong bữa sáng, hôn chào tạm biệt mẹ, chào Judge, và đúng 8 giờ đã tót lên xe đạp, guồng thật nhanh xuôi theo hẻm Mallard.

Ike đã ngồi sẵn ở bàn làm việc với một cốc cà phê nghi ngút và một chiếc bánh quế cuộn to bự phủ một lớp kem dày ít nhất hai xăng ti mét. Trông thật ngon, nhưng Theodore đã ăn ngũ cốc trộn rồi. Hơn nữa, cậu

không ham hố gì vụ ăn uống. “Cháu ổn chứ?” Ike hỏi ngay khi Theodore ghé miệng vào mép ghế.

“Chắc ổn. Cháu cần phải nói chuyện riêng với ai đó, một người cháu tin cậy, một người hiểu biết về luật.”

“Cháu đã giết người à? Hay cướp nhà băng?”

“Không.”

“Trông cháu căng thẳng kinh lên được,” Ike vừa nói vừa cắn một miếng bánh quế rõ to, nhét nhồm nhoàm vào miệng.

“Là vụ Duffy, Ike ạ. Có lẽ cháu biết chút gì đó liên quan đến việc ông Duffy có tội hay không.”

Ike vẫn tiếp tục nhai, khuỷu tay chống lên bàn. Mắt ông nheo nheo, các nếp nhăn ríu vào nhau trong lúc ông chú mục vào Theodore. “Tiếp đi.”

“Ngoài kia có một nhân chứng, một người không ai biết đến, đã nhìn thấy đôi điều vào thời điểm xảy ra vụ án.”

“Và cháu biết người đó là ai?”

“Vâng, và cũng đã hứa sẽ không nói ra.”

“Làm thế quái nào cháu biết được gã này?”

“Thông qua một đứa bạn ở trường. Cháu không thể kể gì thêm với bác, Ike. Cháu đã hứa rồi.”

Ike nuốt miếng bánh một cách khó nhọc rồi vớ lấy chiếc cốc hóp một ngụm cà phê đầy miệng. Mắt ông không hề rời khỏi Theodore. Ông không ngạc nhiên. Thăng cháu ông biết nhiều luật sư, nhân viên tòa án, thẩm phán, và cảnh sát nhiều hơn bất cứ ai trong thành, phố này.

“Và bất kể điều gì người nhân chứng vô danh này nhìn thấy ngoài kia sẽ có ảnh hưởng lớn đến phiên xử, đúng vậy không?” Ike hỏi.

“Vâng.”

“Nhân chứng đã gặp cảnh sát hay luật sư hay bất kỳ ai liên quan đến vụ xử chưa?”

“Chưa.”

“Nhân chứng không muốn xuất hiện vào lúc này?”

“Vâng.”

“Nhân chứng lo sợ điều gì sao?”

“Vâng.”

“Việc thăm vấn người này sẽ giúp kết tội ông Duffy, hay giúp ông ta trắng án?”

“Kết tội, tất nhiên rồi.”

“Cháu đã nói chuyện với người này chưa?”

“Rồi ạ.”

“Và cháu tin người ta?”

“Vâng. Anh ta nói thật đấy ạ.”

Lại một hơi cà phê dài nữa. Một vệt cà phê vương trên môi. Mắt Ike như muốn chọc thủng Theodore.

Ike tiếp tục. “Hôm nay là thứ Năm, ngày xét xử thứ ba. Theo những gì ta nghe được, Thẩm phán Gantry quyết tâm kết thúc vụ xử trong tuần này, cho dù phải làm việc cả thứ Bảy. Nghĩa là vụ xử có lẽ đã được nửa đường.”

Theodore gật đầu. Ông bác lại ngoạm một miếng to đùng nữa, nhai trệu trạo. Một phút trôi qua.

Ike cuối cùng cũng nuốt miếng bánh rồi nói, “VẬY RÕ RÀNG VẤN ĐỀ LÀ CÓ THỂ HOẶC NÊN LÀM GÌ, NẾU ĐƯỢC, VỚI NHÂN CHỨNG NÀY TẠI THỜI ĐIỂM NÀY CỦA PHIÊN TÒA?” “Chính thế ạ,” Theodore thừa nhận.

“Phải, và từ những gì ta biết, Jack Hogan cần vài điều ngạc nhiên. Bên nguyên đã khởi tố một vụ yếu thế, và họ ngày càng yếu thế.”

“Cháu tưởng bác không quan tâm đến vụ này.”

“Ta có bạn bè, Theodore ạ. Những nguồn tin.”

Ike đứng bật dậy, đi đến tít cuối phòng nơi có vài chiếc giá cũ bầy đầy sách luật. Ông lướt ngón tay dọc theo vài gáy sách, rồi lôi một cuốn ra khỏi giá, bắt đầu lật tìm trang. Ông quay trở lại bàn, ngồi xuống, đặt cuốn sách trước mặt, vẫn tìm kiếm cái gì đó chỉ mình ông biết. Cuối cùng, sau một lúc yên lặng khá dài, ông lên tiếng, “Đây rồi. Theo quy định về tiến trình xét xử, thẩm phán trong phiên tòa hình sự có quyền tuyên bố đây là vụ xử sai nếu có điều gì đó bất cập xảy ra. Sách đưa ra vài ví dụ đây: Một kẻ nào đó có lợi trong kết quả của vụ xử liên lạc với bồi thẩm, nhân chứng quan trọng bị ốm hoặc không thể đến thăm vấn vì lý do nào đó; vật chứng quan trọng biến mất. Đại loại vậy.”

Theodore đã biết điều này. “Nó có bao gồm nhân chứng bất ngờ không?” cậu hỏi.

“Không được nhắc cụ thể, nhưng đây là một quy định khá bao quát cho phép thẩm phán làm bất cứ điều gì ông ta cho là đúng đắn. Có thể lý lẽ rằng nhân chứng quan trọng vắng mặt sẽ dẫn tới một vụ xử sai.”

“Sau khi thẩm phán tuyên bố vậy thì sao ạ?”

“Các lời buộc tội không bị bãi bỏ. Chỉ là sắp xếp một phiên tòa khác thôi.” “Khi nào ạ?”

“Tùy vào vị thẩm phán, nhưng trong trường hợp này, ta nghĩ ông Gantry sẽ không đợi lâu đâu. Một đôi tháng. Đủ thời gian để nhân chứng bí mật này sẵn sàng hợp tác.”

Ý nghĩ của Theodore chạy như đua đến nỗi cậu không quyết định được phải nói gì tiếp.

Ike nói, “Vậy nên, Theodore, vấn đề là, cháu phải làm sao thuyết phục được Thẩm phán Gantry tuyên bố đây là vụ xử sai trước khi bồi thẩm đoàn ra quyết định? Trước khi bồi thẩm đoàn kết luận ông Duffy không có tội, trong khi thực tế ông ta có tội?”

“Cháu chẳng biết nữa. Vì thế mới tìm đến bác, Ike. Cháu cần bác giúp.”

Eke đẩy cuốn sách sang bên và ngoạm thêm một miếng bánh quế. Ông vừa nhai vừa rà lại câu chuyện. “Giờ thế này,” ông vẫn không ngừng nhai. “Cháu cứ đến trường. Ta sẽ ghé qua tòa xem xem thế nào. Ta sẽ nghiên cứu thêm, có thể nói với một hai người bạn. Sẽ không nhắc đến tên cháu. Tin ta đi, Theodore, ta luôn bảo vệ cháu. Giờ ăn trưa cháu gọi cho ta được không?”

“Hắn rồi ạ.”

“Phấn thôi.”

Theodore ra đến cửa, Ike nói, “Sao cháu không nói với bố mẹ?”

“Bác nghĩ cháu nên sao?”

“Giờ thì chưa. Có lẽ để sau.”

“Họ rất nguyên tắc, Ike, bác biết mà. Họ là công chức của tòa án, và họ có thể sẽ buộc cháu nói hết những gì cháu biết. Phức tạp lắm.”

“Theodore, nó quá phức tạp đối với một cậu bé mười ba.”

“Cháu cũng cho là vậy.”

“Nhớ gọi cho ta nhé.”

“Vâng, Ike, cảm ơn bác ạ.”

Giờ giải lao, trong lúc Theodore vội vã đi tìm April, có người kêu tên cậu từ cuối sảnh. Là Sandy Coe, cậu ta đang cố đuổi theo.

“Theodore,” cậu ta hỏi. “Một phút được không?”

“Ừ, được.”

“Nghe này, mình chỉ muốn báo với cậu là bố mẹ mình đã đến gặp ông luật sư chuyên lo về mấy vụ phá sản, cái ông Mozingo ấy, và ông ta đã hứa chắc với bố mẹ mình là bọn mình sẽ không mất nhà.”

“Tuyệt quá, Sandy.”

“Ông ấy bảo bố mẹ mình phải tuyên bố phá sản - giống hệt những gì cậu đã giải thích cho mình - nhưng cuối cùng tụi mình có thể giữ được ngôi nhà.” Sandy lục trong ba lô, lôi ra một chiếc phong bì nhỏ, đưa cho Theodore. “Đây là mẹ mình gửi. Mình kể với mẹ về cậu, và mình nghĩ đây là thư.”

Theodore miễn cưỡng nhận lấy. “Bác không cần làm vậy, Sandy. Có gì đâu mà.”

“Có gì đâu á? Theodore, tụi mình giữ lại được hẳn căn nhà cơ đấy.”

Đến đây, Theodore thấy mắt Sandy bắt đầu ngân ngấn. Cậu ta chực khóc. Theodore vội giơ tay lên làm biểu tượng chiến thắng và nói, “Mình rất vui mà, Sandy. Nếu mình còn giúp được gì nữa, cứ nói nhé.”

“Cảm ơn, Theodore.”

Trong giờ Chính trị, thầy Mount báo Theodore cập nhật thêm thông tin về vụ xử Duffy cho cả lớp. Theodore giải thích bên nguyên đang cố chứng minh ông bà Duffy đã trải qua một cuộc hôn nhân bức bối và rằng hai năm trước, họ gần như đã làm đơn ly hôn. Một vài người bạn của họ đã được mời đến thăm vấn nhưng - Theodore nghĩ - họ đều bị rối trí bởi các cuộc thăm vấn chéo ác liệt của luật sư Clifford Nance.

Trong tích tắc, Theodore nghĩ đến chuyện mở laptop để đọc các cuộc tranh luận nảy lửa tại phòng xử, nhưng nghĩ lại lại thôi. Cậu không phạm tội khi hack vào trang web của thư ký tòa, song rõ ràng điều đó vẫn có gì không ổn.

Ngay khi giờ học vừa kết thúc, các cậu trò lữ lượt kéo đến căng tin, còn Theodore thì lén ngay vào phòng vệ sinh gọi điện cho Ike. Đã gần 12 giờ 30. “Ông ta sẽ tự do,” Ike nói ngay khi mở điện thoại “Hogan không có cách gì buộc tội được.” “Bác theo dõi được nhiều không?” Theodore hỏi, nép sau vách ngăn.

“Cả sáng. Clifford Nance quá siêu, còn Hogan đang mất phương hướng. Ta quan sát cả các vị bồi thẩm. Họ không thích Pete Duffy, nhưng đây không phải chứng cứ. Ông ta sẽ được tha bổng.”

“Nhưng ông ta có tội, Ike.”

“Nếu cháu cho là vậy, Theodore. Nhưng ta không biết điều cháu biết. Không ai biết cả.”

“Ta phải làm gì ạ?”

“Ta vẫn đang nghĩ về điều đó. Học xong ghé qua đây nhé.”

“Vâng ạ.”

Chương Mười Hai

Cô gái được hâm mộ nhất khối Tám là một cô bé da ngăm ngăm, tóc gọn sóng, tên Hallie. Cô bé dễ thương, phóng khoáng, thích tán tỉnh. Không chỉ là đội trưởng đội cổ vũ, cô còn biết chơi thể thao. Không cậu trai nào dám thách đấu với cô bé ở bộ môn tennis, cô cũng từng đánh bại Brian ở cả 100 mét bơi tự do lẫn 50 mét bơi ếch. Vì các mối quan tâm của cô bé đều xoay quanh thể thao, Theodore hẳn nhiên nằm trong danh sách hạng B của cô. Mà có khi là hạng C.

Nhưng nhờ chú chó tính khí thất thường của cô bé, Theodore chắc đã leo lên được một nấc.

Nó thuộc giống schnauzer của Đức, thường xuyên cáu tiết mỗi lần bị nhốt ở nhà một mình cả ngày. Chẳng biết làm thế nào mà nó thoát được ra ngoài qua lỗ cửa dành cho chó mèo, rồi đào xới lung tung ở chân hàng rào bao quanh sân sau, và bị tóm lên xe của Hiệp hội Kiểm soát Vật nuôi cách nhà nửa dặm. Theodore nghe chuyện khi gần ăn trưa xong. Hallie cùng hai người bạn lao đến bàn Theodore và tuôn ra hàng tràng về chuyện con chó. Hallie rầu rĩ, nước mắt lã chã, và Theodore không thể không nhận ra cô bé duyên dáng đến thế nào ngay cả khi khóc. Đó là một khoảnh khắc rất tuyệt đối với Theo.

“Chuyện này từng xảy ra chưa vậy?” cậu hỏi.

Cô bé quệt má, thốn thức, “Rồi, mấy tháng trước, Rocky cũng bị đưa đi.”

“Liệu họ xịt hơi ngạt vào nó không?” Edward hỏi. Edward là một trong những cậu chàng đang đứng vây quanh Theodore và Hallie cùng hai người

bạn. Hallie vẫn thường thu hút đám con trai như vậy. Ý nghĩ chú chó của mình có thể bị xịt hơi ngạt càng khiến cô nức nở.

“Im đi chứ,” Theodore nạt Edward, làm cậu bé thộn ra.

“Không, họ không xịt hơi ngạt vào nó đâu.”

Hallie nói, “Bố tớ không có mặt ở thị trấn, mẹ phải khám cho bệnh nhân đến tối mịt. Tớ không biết phải làm sao nữa.”

Theodore dọn đồ ăn trưa sang một bên rồi mở laptop. “Cứ bình tĩnh, Hallie. Trước kia mình đã từng xử lý chuyện thế này rồi.” Cậu bấm mấy phím trên máy tính trong lúc “vòng vây” ngày càng xích lại. “Mình chắc con chó đã được đăng ký rồi nhỉ” Theodore nói.

Strattenburg có sắc lệnh yêu cầu chó phải được đăng ký và kiểm soát. Chó lang thang sẽ bị đưa về Trại Giữ Vật Nuôi Đi Lạc trong vòng ba mươi ngày. Sau thời gian ấy nếu không ai đến nhận, con chó tội nghiệp sẽ bị đánh thuốc ngủ. Hay bị “xịt hơi ngạt” như Edward nói một cách không thương tiếc. Thực ra, họ không thực sự dùng đến hơi ngạt.

Gia đình Hallie giàu có hơn ai hết ở đây. Bố cô bé điều hành một công ty, mẹ là một bác sĩ bận rộn. Tất nhiên, chó nhà họ được đăng ký đăng hoàng. “Có,” cô bé trả lời. “Theo tên bố mình.”

“Là gì nhỉ?” Theodore hỏi, tay gõ nhịp trên bàn phím.

“Walter Kershaw.”

Theodore đánh máy. Mọi người chờ đợi. Tiếng khóc cũng đã dứt.

“Được rồi,” Theodore nói trong lúc gõ từng chữ cái và chăm chú nhìn màn hình. “Mình mới kiểm tra sổ Theo dõi Giao nhận của phòng Kiểm soát Vật nuôi.” Lại gõ từng chữ chậm hơn. “Đây này. Rocky bị đưa đến trại lúc 9 giờ 30 sáng nay. Bị ghi chú là vi phạm luật xích súc vật, lần thứ hai trong năm. Mức phạt sẽ là hai mươi đô la, thêm tám đô công chăm sóc. Nếu tái phạm lần nữa nó sẽ bị giam mười ngày, đồng thời chịu phạt một trăm đô.”

“Chùng nào mình có thể nhận nó?” Hallie hỏi.

“Phòng án Thú vật mở từ 4 đến 6 giờ chiều hằng ngày, bốn ngày một tuần, không làm việc vào thứ Hai. Chiều nay cậu có mặt ở tòa được không?”

“Chắc được, nhưng không cần bố mẹ đi cùng sao?”

“Không. Mình sẽ đến đó. Mình đã từng làm chuyện này rồi.” “Bạn ấy không cần nhờ đến một luật sư thực sự sao?” Edwafd hỏi.

“Không, với Phòng án Súc vật thì không. Kể cả một đứa khờ như cậu cũng làm được.”

“Còn chuyện tiền thì sao?” Hallie hỏi.

“Mình không được tính tiền. Mình còn chưa có giấy phép.”

“Không phải cho cậu, Theodore. Tiền nộp phạt cơ mà?”

“Ồ, vạ đó. Kế hoạch thế này. Mình sẽ thảo một Thông Báo Tìm Chó Lạc, Online. Nghĩa là Rocky về cơ bản là vi phạm luật xích súc vật, chỉ là một vi phạm nhỏ, như vậy cậu, với tư cách là chủ, sẽ nộp phạt và đến trạm đón nó về. Sau giờ học, cậu chạy qua bệnh viện, gặp mẹ xin tiền, mình sẽ chờ cậu ở tòa lúc 4 giờ.”

“Cảm ơn, Theodore. Rocky sẽ ở đó chứ?”

“Không. Rocky ở trạm. Cậu và mẹ đến đón nó sau.”

“Sao mình không được đón nó tại tòa?” cô bé thắc mắc.

Theodore thường ngạc nhiên với những câu hỏi lỗ bịch của các bạn cậu. Phòng án Súc vật thuộc cấp thấp nhất ở mọi tòa án. Người ta gọi đùa là Phòng Mèo con, và nó bị đối xử như đứa con ghẻ không ai mong muốn trong cả hệ thống tòa án. Thậm chí ở đó là một luật sư không công ty luật nào trong thị trấn muốn nhận. Ông mặc đồ jean màu xanh, đi ủng đinh, và lúc nào cũng xấu hổ với địa vị khiêm tốn của mình. Luật cho phép bất cứ người nuôi súc vật nào gặp rắc rối cũng có thể đến trình diện không cần luật sư, và tự lo liệu vụ của mình. Hầu hết các luật sư đều né Phòng Mèo con vì nó quá thấp kém so với tước vị của họ. Phòng điều trần của nó nằm tận dưới tầng hầm, tách xa những “ông lớn” khác.

Hallie thực sự tin rằng mấy nhân viên công cán kia tha lỗi cả đồng chó mèo về, xích cổ rọ mõm chúng, để rồi các buổi chiều phải làm thủ tục trả chúng về cho chủ ư? Các bị cáo hình sự được đưa đến từ nhà giam và được tạm giữ trong các trại tạm giam chờ lượt ra hầu tòa. Nhưng chó mèo thì không thế.

Suýt nữa Theodore lại thở ra một câu trả lời mai mỉa, nhưng thay vào đó, cậu mỉm cười với Hallie đang càng lúc càng dễ thương hơn, và nói:

“Rất tiếc, Hallie, như vậy không được đâu. Nhưng tối nay, cậu sẽ có Rocky ở nhà, an toàn và khỏe mạnh.”

“Cảm ơn, Theodore. Cậu đúng là số dzách.”

Vào một ngày bình thường, những lời như thế sẽ còn văng vẳng bên tai Theodore nhiều giờ liền, nhưng đây lại không phải một ngày bình thường. Cậu quá bận rộn với phiên xét xử của Pete Duffy. Ike đang ở tòa, nên Theodore nhắn tin qua lại cho ông suốt buổi chiều.

Theo viết: - Bác có đấy không? Cho cháu biết tin.

Ike trả lời: - Có, trên ban công. Đông lắm. Nghỉ lúc 2 giờ. Có nghi ngờ liên quan đến vụ ly hôn, và mấy ông bạn chơi golf.

Đủ chứng cứ không?

Đời nào. Gã này sẽ được tha. Trừ phi...

Bác có kế hoạch?

Vẫn đang nghĩ. Đến tòa chứ?

Có thể ạ. Giờ sao rồi?

Nhân chứng đầu tiên của bên bị. Đối tác lớn của Duffy. Chán ngắt.

Cháu phải đi. Giờ Hóa. Sau nhé.

Phải được điểm A cho ta đấy nhé. OK?

Không vấn đề ạ.

Phòng án Súc vật không được các luật sư Strattenburg coi ra gì, nhưng nó chẳng mấy khi buồn tẻ. Vụ đang xử liên quan đến một con trăn Nam Mỹ tên Herman, rõ ràng Herman có sở trường chạy trốn. Các cuộc phiêu lưu của chú sẽ không là vấn đề nếu chủ của chú sống ở vùng nông thôn, ở một miền xa tít nào đó. Thế nhưng, chủ của Herman, một tay có dáng vẻ như một rocker hạng nặng, tầm ba mươi, đầy hình xăm trổ quấn quanh cổ, lại sống giữa một khu chung cư đông đúc. Sáng sớm, một người hàng xóm

đang chuẩn bị trộn ngũ cốc thì tá hỏa lên khi phát hiện Herman nằm dài trên sàn bếp nhà mình.

Người này nổi giận lôi đình. Ông chủ của Herman cũng không vừa. Thế là căng thẳng. Theodore cùng Hallie ngồi trên ghế xếp, là hai khán giả duy nhất trong phòng xử nhỏ xíu. Thư viện ở Boone & Boone còn rộng và đẹp hơn nhiều.

Herman được bày ở đấy. Nó nằm trong một chiếc lồng to, để trên một góc của băng ghế, cách không xa chỗ Thẩm phán Yeck, người đang nhìn nó không chớp mắt. Nhân viên duy nhất khác có mặt trong phòng xử là một bà thư ký già, đã ở đây bao nhiêu năm và nổi tiếng là chiếc bao tải già nua bản tính trong cả tòa nhà. Bà không hề ưa Herman. Bà đã xích ra góc xa nhất mà trông vẫn hoảng hốt.

“Ông cảm thấy thế nào, thưa Thẩm phán?” người hàng xóm hỏi. “Khi sống trong cùng một tòa nhà với sinh vật kia, không bao giờ biết liệu nó có lén vào giường mình lúc mình đang ngủ hay không.”

“Nó vô hại mà,” người chủ đáp lại. “Nó không cắn.”

“Vô hại? Thế một cơn nhồi máu cơ tim thì sao? Như thế không thể được, phải không?”

“Thẩm phán? Ông phải bảo vệ chúng tôi.”

“Trông nó không hề vô hại,” Thẩm phán Yeck lên tiếng, và mọi người đều hướng về Herman, giờ đang quấn quanh một thân cây giả trong lồng, bất động, rõ là đang ngủ, vô tư lự với không khí của phiên xét xử.

“Không phải nó khá to so với một con trăn đuôi đỏ sao?” Thẩm phán Yeck hỏi, tỏ ra hiểu biết về loài trăn nhiệt đới này.

“Hai mét hai, tôi có thể đoan chắc” ông chủ của con trăn ngạo mạn đáp. “Cũng hơi dài thật.”

“Anh có còn con nào khác trong căn hộ của mình không?” Thẩm phán hỏi. “Vài con.”

“Bao nhiêu?”

“Bốn.”

“Ôi Chúa ơi,” người hàng xóm kêu lên. Trông anh ta như muốn ngất.

“Đều là trăn sao?” Thẩm phán lại hỏi.

“Ba con trăn và một con rắn chúa.”

“Tôi có thể hỏi tại sao được không?”

Chủ của con trăn đổi chân, rồi nhún vai nói, “Có người thích vẹt, có người thích chuột bạch. Rồi chó, mèo, ngựa, dê... Tôi ư, tôi thích rắn. Chúng là những con vật dễ thương.”

“Những con vật dễ thương,” người hàng xóm nhại lại.

“Đây là lần đầu tiên có một con trăn thoát ra chứ?” Thẩm phán Yerk hỏi.

“Vâng,” người chủ trả lời.

“Không,” người hàng xóm phản bác.

“Ừm, rõ cả rồi.”

Phiên xử đang rất lôi cuốn, nhưng Theodore vẫn khó tập trung vào con Herman và những rắc rối nó gây ra. Hai điều đang làm phân tán sự tập trung của cậu. Rõ ràng nhất là Hallie đang ngồi rất sát bên, và điều đó biến khoảnh khắc này trở nên tuyệt vời nhất đối với Theodore. Nhưng ngay cả vậy thì đám mây bao trùm tất cả vẫn là vấn đề cấp bách hơn là phải làm gì với anh họ của Julio.

Phiên tòa xử vụ giết người đang dần khép lại. Phần của luật sư và nhân chứng chẳng mấy nữa sẽ kết thúc. Thẩm phán Gantry sẽ sớm đưa sự vụ qua bên bồi thẩm đoàn. Đồng hồ đang điểm.

“Thẩm phán, ông phải bảo vệ chúng tôi” người hàng xóm lặp lại yêu cầu.

“Theo anh tôi phải làm gì?” Thẩm phán Yerk vặn lại. Ông đã hết kiên nhẫn.

“Ông không thể ra lệnh tiêu diệt nó sao?”

“Ông muốn án tử hình đối với Herman?”

“Sao lại không chứ? Trong khu nhà chúng tôi có cả trẻ em.”

“Có vẻ hơi nghiêm khắc quá” Thẩm phán Yerk nói. Rõ ràng, ông không hề có ý định ra án tử đối với Herman.

“Thôi nào” người chủ ra giọng bức bối. “Nó chưa từng hại ai bao giờ.”

“Anh có thể đảm bảo mấy con rắn ấy chỉ ở trong căn hộ của anh không?” Thẩm phán hỏi.

“Có. Tôi xin cam đoan với ông.”

“VẬY chúng ta sẽ xử trí như sau,” Thẩm phán Yerk tuyên bố. “Hãy đưa Herman về nhà. Tôi không bao giờ muốn phải gặp lại nó nữa. Chúng tôi không có chỗ giữ nó trong Trại Súc vật. Chúng tôi cũng không muốn có nó ở đây. Ở đây, không ai ưa Herman cả. Anh hiểu không?”

“Chắc là có ạ,” người chủ trả lời.

“Nếu Herman thoát ra ngoài một lần nữa, hoặc nếu những con rắn của anh bị người ta bắt được bên ngoài căn hộ của anh, thì tôi không có cách nào khác là phải ra lệnh tử hình chúng đâu đấy. Tất cả bọn chúng. Anh rõ chứ?”

“Vâng, thưa thẩm phán đáng kính. Tôi xin hứa.”

“Tôi đã mua một cái rìu,” người hàng xóm tỏ ra nóng nảy. “Một chiếc rìu cán dài. Tôi phải mua mất mười hai đô tại cửa hàng Dụng cụ Gia đình.” Anh ta giận dữ chỉ tay về phía Herman. “Tôi mà trông thấy con vật kia, hay bất kỳ con rắn nào trong căn hộ của tôi, hay bất cứ là ở đâu, thưa ngài Thẩm phán đáng kính, ngài sẽ không phải bận tâm dính líu đến nữa đâu.”

“Bình tĩnh nào.”

“Thề là tôi sẽ giết nó đấy. Đáng ra lần này tôi đã choảng nó rồi, nhưng lúc đấy tôi không nghĩ ra. Vả lại, tôi chưa có rìu thôi.”

“Đủ rồi đấy,” Thẩm phán Yeck tuyên bố. “Việc xét xử kết thúc tại đây.”

Người chủ lao ngay về phía trước, chộp lấy cái chuồng nặng nề, rồi nhẹ nhàng nhấc nó khỏi băng ghế. Herman không hề bối rối. Nó chẳng tỏ ra mấy quan tâm đến cuộc tranh luận về sự sống chết của mình. Người hàng xóm hăm hăm ra khỏi phòng xử án. Người chủ với con trần loay hoay một lúc rồi cũng rời đi. Sau khi cánh cửa sầm sập đóng mở mấy lần, người thư ký tòa mới thở phào trở lại chỗ ngồi gần bàn thẩm phán. Vị thẩm phán ngó qua tờ giấy, rồi ngẩng lên nhìn Theodore và Hallie. Trong phòng xử không còn ai khác.

“À, xin chào, cậu Boone,” ông nói.

“Cháu chào Thẩm phán,” Theodore đáp lại.

“Cháu có chuyện cần trình bày trước tòa ư?”

“Vâng ạ. Cháu muốn nhận lại một con chó.”

Vị thẩm phán giơ một tờ giấy lên, đó là danh mục án xử. “Rocky hử?” ông hỏi.

“Vâng ạ.”

“Tốt lắm. Các cô cậu bước tới xem nào.”

Theodore cùng Hallie đi qua chiếc cửa xoay nhỏ đến bên chiếc bàn duy nhất trong phòng. Theodore chỉ chỗ cho bạn ngồi. Cậu thì vẫn đứng, như một luật sư thực thụ.

“Bắt đầu đi,” Thẩm phán Yeck yêu cầu, rõ ràng rất thích thú giây phút này và nhận ra cậu chàng Theodore Boone đang cố gây ấn tượng với vị khách hàng dễ thương của mình. Vị thẩm phán mỉm cười nhớ lại lần đầu tiên Theodore xuất hiện trong phòng xử của ông. Khi đó cậu còn là cậu nhóc sợ sệt nhưng điên cuồng muốn cứu một con chó lai chạy lạc, con chó ấy đã được cậu đưa về nhà và đặt tên là Judge.

“Vâng, thưa Thẩm phán” Theodore mở đầu rất đúng quy chuẩn. “Rocky thuộc một dòng chó schnauzer nhỏ của Đức, chủ đăng ký là ông Walter Kershaw, hiện không có mặt tại thị trấn. Vợ ông, bà Phyllis Kershaw, là bác sĩ nhi khoa hiện cũng không thể có mặt tại đây. Thân chủ của cháu là Hallie, con gái họ, đang học cùng khối Tám với cháu ở trường trung học.” Theodore khoát tay về phía Hallie, cô bé đang lo sợ nhưng cũng yên tâm rằng Theodore biết rõ việc cậu đang làm.

Thẩm phán nhìn Hallie mỉm cười. Rồi ông nói, “Theo ta biết đây là lần vi phạm thứ hai.”

“Thưa đúng ạ,” Theodore trả lời. “Lần vi phạm thứ nhất cách đây bốn tháng và ông Kershaw đã giải quyết tại Trại Giữ Vật Nuôi Đi Lạc.”

“Rocky hiện đang bị bắt?”

“Vâng, đúng ạ.”

“Cậu không thể phủ nhận được thực tế là công tác kiểm soát nó thiếu chặt chẽ, đúng không?”

“Vâng, thưa Thẩm phán, nhưng cháu đề nghị tòa miễn cả tiền phạt và phí trông giữ.”

“Dựa trên cơ sở nào?”

“Thưa Thẩm phán, các vị chủ nhân đây đã tiến hành mọi biện pháp thích hợp để ngăn việc chú chó đó thoát ra ngoài. Như thường lệ, Rocky được để lại ở một nơi an toàn. Căn nhà được khóa. Hệ thống báo động được khởi động, cổng dẫn tới hàng rào sân sau cũng được đóng. Họ đã làm mọi điều có thể để ngăn chặn. Rocky tính khí thất thường và thường quá khích mỗi khi bị bỏ lại một mình. Chú chó này thích chạy lăng quăng mỗi khi được ra ngoài. Chủ nhân của chú nhận thức rõ điều đó. Họ không hề bất cần.”

Vị thẩm phán tháo cặp kính đọc sách, nhay nhay ống tẩu ra chiều cân nhắc. “Có đúng vậy không, Hallie?” ông hỏi.

“Ồ, vâng ạ, thưa Thẩm phán. Nhà cháu rất để ý mỗi khi cho Rocky ra ngoài.” “Đó là một chú chó rất thông minh, thưa Thẩm phán” Theodore nối tiếp. “Bằng cách nào đó nó đã chui được ra ngoài qua lỗ cửa dành cho thú cưng ở trong phòng giặt, và thoát ra sân sau nơi nó đào hố dưới chân hàng rào.”

“Rất có thể nó sẽ tái phạm.”

“Chủ nhân của nó đã có ý định tăng cường bảo vệ, thưa Thẩm phán.”

“Rất tốt. Ta sẽ cho miễn phạt và phí lưu giữ. Nhưng nếu Rocky bị bắt một lần nữa, ta sẽ tăng mức phạt và phí lên gấp đôi. Hiểu không vậy?”

“Vâng, thưa Thẩm phán.”

“Việc xét xử kết thúc tại đây.”

Trong lúc hai cô cậu đi từ sảnh tầng một ra cửa chính, Hallie đưa tay ra nắm khuỷu tay Theodore. Tay trong tay. Bản năng mách bảo cậu đi chậm lại một chút. Ôi, cái khoảnh khắc ấy. “Cậu đúng là một luật sư tuyệt vời, Theodore” Hallie cất lời.

“Không hẳn đâu. Chưa đến lúc.”

“Sao thỉnh thoảng cậu không gọi cho mình?” cô bé hỏi.

Tại sao ư? Câu hỏi mới hay ho làm sao. Có thể vì cậu cho rằng cô nàng quá bận rộn với việc chuyện trò với các cậu chàng khác. Cô nàng thay đổi bạn trai mỗi tháng. Cậu chưa từng nghĩ đến chuyện gọi cho cô nàng.

“Ừ, mình sẽ gọi,” cậu trả lời. Nhưng cậu biết mình sẽ không gọi. Cậu không hẳn là đang tìm kiếm một cô bạn gái, vả lại, April sẽ ngã gục nếu cậu

bắt đầu tán tỉnh một cô nàng như Hallie.

Các cô nàng, các phiên xử án giết người, những nhân chứng bí mật.
Cuộc sống đột nhiên trở nên thật phức tạp.

Chương Mười Ba

Sau một cuộc chia tay dài dòng, Theodore trở lại mặt đất. Cậu gần như phi trên những bậc thang để lên tầng hai, rồi lao lên ban công, gặp Ike lúc đó đang ngồi ở hàng ghế đầu. Cậu trườn tới bên ông. Đã gần 5 giờ chiều.

Nhân chứng hiện giờ là nhân viên hãng bảo hiểm, người đã lập hợp đồng bảo hiểm triệu đô cho ông bà Duffy hơn hai năm trước. Clifford Nance đang từ từ dẫn dắt người này trình bày về các điều khoản liên quan đến cặp vợ chồng. Ông ta thận trọng nhấn mạnh họ có hai hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, một cho bà Myra Duffy và một cho ông Pete Duffy. Cả hai đều ở mức một triệu đô. Cả hai đều thay thế cho điều khoản lúc đó là sẽ thanh toán năm trăm nghìn đô la trong trường hợp một trong hai người chết. Không có gì bất thường ở giao dịch này. Nhân viên bảo hiểm chứng thực đây là hợp đồng khá điển hình - một cặp vợ chồng có thể khôn ngoan nâng mức bảo hiểm để bảo hộ cho nhau trong trường hợp xảy ra tử vong bất ngờ. Cả ông và bà Duffy hiểu rõ việc họ làm và không hề ngần ngại nâng mức bảo hiểm.

Cho đến khi luật sư Clifford Nance hoàn tất phần thẩm vấn trực tiếp, con số bảo hiểm một triệu đô la nghe như không còn chút gì đáng ngờ nữa. Jack Hogan tung ra vài đòn trong phần thẩm vấn chéo, nhưng không đòn nào trúng đích. Khi người nhân viên bảo hiểm được thẩm vấn xong, Thẩm phán Gantry quyết định cho kết thúc phiên xử ngày hôm đó.

Theodore quan sát bồi thẩm đoàn sửa soạn rời phòng xử trong lúc mọi người vẫn chờ; rồi cậu quan sát đội bên bị túm tụm quanh Pete Duffy, nở

những nụ cười tự mãn, thậm chí bắt tay nhau mừng cho một ngày hiệu quả nữa trước tòa. Họ đều rất tự tin. Omar Cheepe không ở đó.

“Ta không muốn nói chuyện ở quanh đây,” Ike hạ giọng. “Cháu chạy qua văn phòng được không?”

“Được chứ ạ.”

“Ngay bây giờ?”

“Cháu sẽ đi ngay sau bác.”

Mười phút sau hai bác cháu đã có mặt ở văn phòng Ike với cánh cửa khóa chặt. Ike mở chiếc tủ lạnh nhỏ đặt ngay sau bàn làm việc “Ta có Budweiser và Sprite.”

“Budweiser ạ,” Theodore nói. Ike đưa cho cậu một lon Sprite rồi giật nắp lon Bud cho mình.

“Cháu không có nhiều lựa chọn” - ông nói, rồi nhấp một ngụm.

“Cháu cũng đoán vậy.”

“Trước tiên, cháu có thể không làm gì. Mai là thứ Sáu, có vẻ bên bị sẽ nghỉ ngơi vào giữa chiều. Có tin đồn Pete Duffy sẽ ra thăm vấn, và sau cùng được tha bổng. Thậm chí, tới cuối chiều là đến phần bồi thẩm đoàn ra quyết định. Nếu cháu không làm gì, thì bồi thẩm đoàn sẽ lui về phòng bồi thẩm, cân nhắc phán quyết của mình. Họ có thể cho ông ta có tội, hoặc không, hoặc số phiếu bằng nhau và không thể đạt được phán quyết. Một bồi thẩm đoàn không tuyên án.”

Theodore hiểu hết những điều này. Cậu đã theo sát nhiều vụ xử hơn Ike trong vòng năm năm qua.

Ông bác tiếp tục: “Thứ hai, cháu có thể đến gặp nhân chứng bí ẩn đó, thuyết phục anh ta xuất đầu lộ diện ngay lập tức. Ta không chắc Thẩm phán Gantry sẽ làm gì khi đối mặt với tình huống thẩm vấn kiểu này. Ta chỉ biết chắc ông ấy chưa bao giờ rơi vào tình huống như vậy, nhưng ông ấy là một thẩm phán tốt và sẽ biết làm điều đúng đắn.”

“Anh chàng này không có ý định xuất đầu lộ diện. Anh ta sợ chết đi được.”

“OK, điều này dẫn cháu đến lựa chọn thứ ba. Cháu có thể báo cho thẩm phán biết mà không tiết lộ danh tính của nhân chứng...”

“Cháu có biết tên anh ta đâu.”

“Nhưng cháu biết anh ta là ai, phải không?”

“Vâng, phải.”

“Cháu biết anh ta sống ở đâu không?”

“Một khu chung chung. Cháu không rõ địa chỉ.”

“Cháu biết anh ta làm ở đâu không?”

“Có thể ạ.”

Ike vừa nhấp một ngụm nữa vừa nhìn cậu cháu. Ông lấy mu tay quạt mép. “Như ta vừa nói, không tiết lộ danh tính anh ta, chỉ giải thích với thẩm phán rằng có một nhân chứng quan trọng không có mặt trong phiên xét xử và sự vắng mặt của anh ta có thể dẫn đến lời tuyên án sai. Tất nhiên, thẩm phán sẽ cần biết chi tiết: Anh ta là ai? Anh ta làm ở đâu? Tại sao anh ta lại là nhân chứng? Chính xác thì anh ta đã nhìn thấy gì? Vân vân. Ta nghi là thẩm phán Gantry sẽ có cả nghìn câu hỏi mà nếu cháu không trả lời, ông ấy có thể sẽ nổi đóa.”

“Cháu chả thích bất kỳ cái nào trong ba sự chọn lựa này,” Theodore nói.

“Ta cũng vậy.”

“Vậy cháu phải làm gì đây ạ, Ike?”

“Cứ mặc kệ nó thế, Theodore. Đừng nhúng mũi vào cái mớ bùng nhùng này. Đó không phải chỗ cho trẻ con. Đó cũng không phải chỗ cho người lớn. Bồi thẩm đoàn sẽ đưa ra một quyết định sai, nhưng dựa trên chứng cứ, cháu không thể trách họ được. Không phải lúc nào hệ thống này cũng hiệu quả, cháu hiểu mà. Hãy nhìn những con người vô tội đã phải lên ghế điện. Hãy nhìn những kẻ có tội được tha bổng. Đâu cũng có sai sót, Theodore ạ. Hãy mặc kệ nó thế.”

“Nhưng sai lầm này vẫn chưa xảy ra, vẫn có thể ngăn chặn nó.”

“Ta không chắc liệu có ngăn chặn được nó hay không. Rất có thể Thẩm phán Gantry sẽ không cho dừng một phiên tòa lớn gần như sắp kết thúc chỉ vì nghe nói có một nhân chứng tiềm năng. Như vậy là đòi hỏi quá nhiều, Theodore.”

Rất có thể như thế, Theodore buộc lòng phải thừa nhận. “Cháu nghĩ bác nói đúng.”

“Tất nhiên ta nói đúng, Theodore. Cháu chỉ là một cậu nhóc. Đừng xía vào làm gì.”

“OK, Ike.”

Hai bác cháu nhìn nhau, im lặng một lúc lâu, người này chờ người kia nói tiếp. Cuối cùng, Ike lên tiếng, “Hãy hứa với ta cháu sẽ không làm điều gì dại dột.”

“Chẳng hạn thế nào ạ?”

“Như tìm gặp Thẩm phán. Ta biết hai người là bạn.” Lại im lặng.

“Hãy hứa đi, Theodore.”

“Cháu hứa sẽ không làm gì trước khi trao đổi với bác.”

“Được rồi.”

Theodore đứng bật dậy. “Cháu phải đi đây. Cháu có nhiều bài làm.”

“Tiếng Tây Ban Nha sao rồi?”

“Tuyệt ạ.”

“Ta nghe nói giáo viên của cháu thực sự đặc biệt. Quý cô, tên gì ấy nhỉ?”

“Cô Monique. Cô ấy rất giỏi. Sao bác lại biết...?”

“Ta vẫn để ý, Theodore. Ta không phải gã ăn dật dờ người như lắm kẻ vẫn nghĩ đâu. Họ đã đưa tiếng Trung vào trường học chưa vậy?”

“Có lẽ ở cấp trung học phổ thông ạ.”

“Ta nghĩ cháu nên bắt đầu học tiếng Trung, tự học. Đó là ngôn ngữ của tương lai đấy, Theodore.”

Một lần nữa, Theodore lại khó chịu vì ông bác tự tiện cho lời khuyên về những việc không đâu hoặc dù không được yêu cầu hỏi. “Cháu sẽ xem xem thế nào, Ike. Còn ngay lúc này cháu hơi quá tải.”

“Mai có thể ta sẽ lại theo dõi phiên tòa,” Ike nói. “Hôm nay ta thấy cũng hay hay. Nhắn tin nhé.” “Vâng, hẳn rồi, Ike.”

Boone & Boone khá yên ắng khi Theodore xuất hiện, muộn hơn 6 giờ mấy phút. Elsa, Vince và Dorothy đã về từ lâu. Bà Boone đã ở nhà, chắc

chắn lại đang lướt qua vài trang của một cuốn tiểu thuyết dở tệ khác. Câu lạc bộ đọc sách của bà sẽ tập trung lúc 7 giờ, tại nhà bà Esther Guthridge, ăn tối, uống rượu vang và thảo luận về mọi thứ trên trời dưới bể trừ cuốn sách của tháng. Câu lạc bộ có tất cả mười phụ nữ, họ thay phiên nhau chọn đầu sách. Theodore không thể nhớ cuốn sách mẹ cậu thích gần đây nhất là cuốn nào, kể cả đó là cuốn bà đề cử. Tháng nào bà cũng bị bắt gặp đang ca thán về cuốn sách mà mình sắp phải đọc. Có vẻ như đây là một cách khá lạ lùng để điều hành câu lạc bộ, ít nhất là theo suy nghĩ của Theodore.

Ông Woods Boone đang nhét đồ vào cặp táp thì Theodore bước vào văn phòng trên tầng hai.

Theodore thường thắc mắc vì sao ngày nào bố cũng tổng đầy hồ sơ và giấy tờ vào cặp, rồi tha tất về nhà như thể ông sẽ làm việc đến tận nửa đêm. Mà ông thì có làm vậy đâu. Ông không bao giờ làm việc tại nhà, không bao giờ đụng đến chiếc cặp, mà luôn đặt nó dưới chân bàn trong sảnh gần cửa trước. Và nó sẽ nằm đó cả đêm, cho đến sáng sớm hôm sau khi ông Boone rời nhà đi ăn sáng, rồi đến văn phòng, nơi ông lại lôi tất tạt ra, quăng mọi thứ trở lại cái bàn làm việc bừa bộn kinh khủng của mình. Theodore ngờ rằng mấy thứ trong chiếc cặp ấy ngày nào cũng giống ngày nào - vẫn những cuốn sách ấy, những hồ sơ ấy, những giấy tờ ấy.

Theodore cũng để ý thấy các luật sư hiếm khi đi đâu mà không mang theo cặp. Có lẽ trừ đi ăn trưa. Mẹ cậu cũng lôi cặp về nhà, nhưng thỉnh thoảng còn mở ra đọc vài ba thứ trong đó.

“Ở trường ổn cả chứ?” ông Boone lại hỏi.

“Tuyệt ạ.”

“Vậy tốt. Nay con, Theodore, tối nay mẹ đến câu lạc bộ đọc sách rồi. Bố sẽ ghé qua chỗ Thẩm phán Plankmore một lúc. Ông già ấy đang héo hắt dần, bố cần ngồi với ông ấy vài giờ. Chắc chẳng bao lâu sẽ có đám ma.”

“Vâng, bố. Không vấn đề gì đâu.”

Thẩm phán Plankmore ít nhất đã chín mươi tuổi, đang chết dần chết mòn vì nhiều nguyên nhân. Ông là một huyền thoại trong giới luật ở Strattenburg, hầu hết các luật sư đều ngưỡng mộ ông.

“Vẫn còn ít spaghetti trong lò vi sóng cho con hâm lại.”

“Con sẽ ổn mà, bố. Đừng lo. Có lẽ con sẽ ngồi học ở đây khoảng một tiếng rồi mới về. Con sẽ lo cho Judge.”

“Con chắc chứ?”

“Không vấn đề gì mà.”

Theodore trở về văn phòng mình, lấy đồ trong ba lô ra, và khi cậu đang cố tập trung vào bài tập Hóa thì có tiếng gõ nhẹ nhẹ ở cửa sau. Là Julio, ngày thứ hai liên tiếp.

“Mình ra ngoài nói chuyện được không?” cậu bé hỏi, vô cùng căng thẳng.

“Cứ vào trong này đi,” Theodore nói. “Mọi người về cả rồi. Mình có thể nói trong này cũng được.”

“Cậu chắc chứ?”

“Chắc. Chuyện sao rồi?”

Julio ngồi xuống. Theodore đóng cửa.

“Mình vừa nói chuyện với anh họ mình một giờ trước. Anh ấy rất lo lắng. Hôm nay cảnh sát đến sân golf. Anh ấy nghĩ cậu đã báo với họ.”

“Thôi nào, Julio. Mình chưa kể với ai cả. Mình thề đấy.”

“Vậy sao cảnh sát lại đến đó?”

“Mình không biết. Họ có muốn nói chuyện với anh cậu không?”

“Mình nghĩ là không. Anh ấy lặn mất khi trông thấy xe cảnh sát.”

“Cảnh sát có mặc sắc phục không?”

“Mình nghĩ là có.”

“Họ có lái chiếc xe mà đương nhiên là xe cảnh sát không?”

“Mình nghĩ là có.”

“Nghe này, Julio, mình đã hứa với cậu. Mình không kể với cảnh sát. Và nếu muốn nói chuyện với anh họ cậu về vụ giết người, thì họ sẽ không mặc sắc phục đến đó, họ cũng không đi trong chiếc xe sơn chữ CẢNH SÁT trên cửa đầu. Không đời nào. Họ sẽ cử thám tử, mặc áo choàng, đeo cà vạt và đi xe không biển hiệu.”

“Cậu chắc chứ?”

“Ừ, mình chắc luôn.”

“OK.”

“Mình đoán anh họ cậu hoảng hồn khi trông thấy cảnh sát, phải không?” “Ai nhập cư trái phép mà chả thế”.

“Ý mình là ở điểm đó đấy. Bảo anh cậu cứ thoải mái đi.”

“Thoải mái? Khó mà thoải mái cho được khi ngày nào trong đời cậu cũng có thể bị bắt.”

“Cũng phải.”

Julio vẫn căng thẳng, mặt cậu vẫn đảo quanh căn phòng nhỏ như thể ai đó có thể đang lắng nghe. Một khoảng lặng dài bối rối trong lúc người này chờ người kia nói gì đó. Cuối cùng, Julio lên tiếng, “Còn cái này nữa.” “Gì vậy?”

Tay Julio run run khi mở nút áo sơ mi lôi ra một túi ni lông, loại kéo khóa. Cậu cẩn thận đặt lên bàn Theodore như thể đó là một món quà cậu không bao giờ muốn động đến. Trong túi có hai vật gì đó, màu trắng, có lót bông và hơi rách.

Đôi găng đánh golf.

“Anh ấy đưa cho mình cái này,” cậu nói. “Hai chiếc găng tay đánh golf đeo trên tay người đàn ông anh ấy đã thấy đi vào ngôi nhà có người phụ nữ bị giết. Một chiếc trái, một chiếc phải. Chiếc tay phải còn mới. Chiếc tay trái đã dùng rồi.”

Theodore trở mắt nhìn đôi găng tay trong túi ni lông, nhưng không nhúc nhích nổi, một lúc sau cậu mới cất được lời. “Anh ấy tìm thấy ở...?”

“Sau khi ra khỏi nhà, người đó tháo găng tay ra rồi bỏ vào túi đựng đồ chơi golf của mình. Lát sau, tại điểm phát bóng số mười bốn, ông ta bỏ đôi găng vào thùng rác ngay cạnh bình nước lạnh. Công việc của anh mình là dọn thùng rác hai lần một ngày. Anh ấy đã thấy cái ông đó, và nghĩ thật lạ một đôi găng tốt như vậy sao ông ta lại bỏ đi.”

“Ông ta có thấy anh ấy không?”

“Mình nghĩ là không. Nếu thấy thì chắc ông ta đã không bỏ lại đôi găng.”

“Và đây đúng là người đàn ông đang bị xử tại tòa?”

“Ừ, mình nghĩ vậy. Anh họ mình khá đoán chắc. Anh ấy đã thấy mặt ông ta trên ti vi.”

“Sao anh ấy lại giữ lại đôi găng?”

“Mấy người như anh ấy vẫn hay ngó nghiêng thùng rác lục kiếm đồ mà. Anh họ mình lấy được đôi găng, sau mấy hôm thì bỗng nghi ngờ. Mình đoán vì có nhiều tin đồn khắp khu vực sân golf, người ta nói đến người phụ nữ bị sát hại. Nên anh ấy mới giấu đôi găng tay đi. Giờ thì anh ấy sợ và tưởng cảnh sát đang truy tìm mình. Nhờ họ tìm thấy anh ấy với đôi găng tay, biết đâu đấy? Anh ấy sợ sẽ gặp rắc rối.”

“Cảnh sát có truy tìm anh ấy đâu.”

“Để mình báo với anh ấy như vậy.”

Im lặng một hồi lâu, rồi Theodore chỉ chỉ vào đôi găng tay, vẫn sợ phải chạm vào nó. “Giờ mình làm gì với cái của này?”

“Mình không giữ đâu đấy.”

“Thế mình mới phải lo.”

“Cậu biết phải làm gì mà, phải không Theodore?”

“Mình chưa biết phải làm sao. Ngay lúc này, mình đang tự hỏi làm sao mình lại rơi vào cái mớ bòng bong này.”

“Cậu không thể mang chúng đến đồn cảnh sát được sao?”

Theodore cắn môi, ngăn mình không thốt ra một đôi câu nhạo báng, hoặc cộc cằn, hoặc cả hai. Làm sao có thể mong chờ Julio hiểu được hết vấn đề? Được chứ, Julio, mình chỉ việc tạt qua đồn cảnh sát, trao cho cảnh sát viên tiếp dân túi ni lông đựng hai chiếc găng tay, giải thích chúng là của người đàn ông đáng kính hiện đang hầu tòa về tội giết vợ, và chắc chắn ông ta đã giết vợ vì cháu đây, Theodore Boone, biết rõ sự thật ấy, bởi nhờ một lý do nào đó cháu đây đã được nói chuyện với nhân chứng quan trọng mà không ai biết đến, và đề nghị Cô Cảnh Sát hãy chuyển những thứ này cho điều tra viên phòng Án mạng, nhưng đừng nói cho chú ấy biết những thứ này từ đâu ra.

Tội nghiệp Julio.

“Không, như vậy đâu được, Julio. Cảnh sát sẽ đặt ra rất nhiều câu hỏi và anh cậu sẽ gặp rắc rối. Tốt nhất là cậu phải giữ mấy chiếc găng tay này, còn mình sẽ giả vờ chưa bao giờ trông thấy chúng.”

“Theodore, không đời nào. Giờ chúng thuộc về cậu.” Nói đến đây, Julio đứng bật dậy, tóm lấy nắm đấm cửa, một chân đã thập thò ra ngoài trong lúc cậu ngoái cổ lại nói, “mà cậu cũng đã hứa không kể rồi nhé, Theodore.”

Theodore ở ngay sau cậu ta. “Nhớ rồi.”

“Cậu hứa rồi đấy nhé.”

“Hứa.”

Julio biến mất vào bóng tối.

Chương Mười Bốn

Judge vùi mồm vào bát spaghetti, trong khi Theodore gần như không động vào phần ăn của mình. Cậu bỏ bát đĩa vào máy rửa, khóa cửa nhà, rồi đi về phòng, thay đồ pyjama, vớ lấy laptop, bò lên giường. Cậu gặp April trên mạng, hai đứa chat một lúc. Cô bé cũng đã vào giường, cửa phòng đã khóa, như mọi khi. Cô bé cảm thấy đỡ hơn rất nhiều. Hai mẹ con đã ra ngoài ăn pizza, thậm chí còn cố cười đùa với nhau được một chút. Họ nghĩ bố cô bé không có trong thị trấn, điều đó luôn khiến cuộc sống của hai mẹ con dễ chịu hơn. Hai cô cậu chúc nhau ngủ ngon, Theodore đóng laptop và tìm thấy tờ tạp chí Sports Illustrated số mới nhất. Cậu không thể đọc, không thể tập trung. Sau một đêm gần như thức trắng, Theodore buồn ngủ, và dù lo lắng, thậm chí hoảng sợ, cậu vẫn nhanh chóng rơi vào giấc ngủ chập chờn.

Ông Boone về nhà trước. Ông leo lên gác, mở cửa phòng Theodore. Bản lề cửa cọt két như thường lệ. Ông bật đèn và mỉm cười nhìn cậu con trai đang ngủ thật yên bình. “Ngủ ngon, Theodore,” ông khẽ khọt, rồi tắt đèn phòng.

Tiếng cửa đóng làm Theodore tỉnh giấc, và chỉ mấy giây sau cậu đã lại đang nằm ngửa, nhìn trần trần lên trần nhà tối om, nghĩ về đôi găng tay chơi golf giấu ở văn phòng. Có cái gì đó cực kỳ sai lầm trong lời khuyên của bác Ike là cứ buông xuôi mọi việc, tâng lờ sự tồn tại của một nhân chứng, và lạng lẹ đứng tránh sang bên mặt cho các nhà hành pháp đi chệch hướng.

Tuy nhiên, đã hứa là phải giữ lời, mà Theodore thì đã hứa với anh em nhà Julio là sẽ giữ an toàn cho bí mật của họ. Nếu cậu không giữ lời thì

sao? Nếu cậu cứ việc bước đến phòng làm việc của Thẩm phán Gantry, quăng đôi găng tay lên bàn ông, rồi kể hết mọi chuyện? Người anh họ có mà sẽ bị nướng chả. Anh ấy sẽ bị cả cảnh sát lẫn Jack Hogan truy đuổi, sẽ bị hốt về đồn. Lời khai của anh ấy sẽ cứu nguy cho bên nguyên. Tòa sẽ tuyên bố tạm đình chỉ. Phiên tòa mới sẽ được bố trí. Tin này sẽ được đăng trên khắp các mặt báo và truyền hình. Người anh họ sẽ trở thành anh hùng, nhưng cũng sẽ bị giam giữ vì nhập cư trái phép.

Nhưng người anh họ không thể thỏa thuận với cảnh sát và các nhà công tố sao? Họ không thể nương nhẹ với anh ấy vì họ cần anh ấy sao? Theodore không biết nữa. Có thể có, có thể không nhưng điều đó sẽ quá mạo hiểm.

Theodore bắt đầu nghĩ đến bà Duffy. Trong hồ sơ của cậu có một bài báo với bức hình rất đẹp của bà. Bà là một phụ nữ đẹp, tóc vàng, mắt nâu, hàm răng hoàn hảo. Cứ thử tưởng tượng những giây phút cuối đời của bà xem, khi bà kinh hoàng nhận ra người chồng của mình đang đeo đôi găng đánh golf không phải ghé qua nhà vì một lý do vô hại nào, mà là để siết cổ bà.

Tim Theodore đập thành thạch như đang chạy đua. Cậu tung chăn vùng dậy ngồi bên mép giường. Bà Duffy chỉ trẻ hơn mẹ cậu mấy tuổi. Cậu sẽ cảm thấy thế nào nếu mẹ cậu bị tấn công một cách dã man như vậy?

Nếu bồi thẩm đoàn kết luận ông Duffy không có tội, rõ ràng ông ta có thể rũ bỏ tội danh giết người. Và, có thể ông ta sẽ không bao giờ bị đưa ra xét xử nữa. Theodore hoàn toàn hiểu về cái gọi là bất khả trừng tử - bên nguyên không thể khởi tố một người lần thứ hai nếu ở lần đầu tiên bồi thẩm đoàn đã kết luận người đó không có tội. Vì không có nghi phạm nào nữa, vụ giết người sẽ vẫn chưa được xử lý.

Ông Duffy khi đó có thể nhận một triệu đô la. Sẽ chơi golf nhiều hơn. Có thể còn tìm được một cô vợ trẻ đẹp khác.

Theodore lại chui vào trong chăn, cố chợp mắt. Cậu có một ý tưởng. Sau vụ xử, khi ông Duffy được xử trắng và rời khỏi tòa án, Theodore sẽ đợi vài tuần hoặc vài tháng, rồi gửi đôi găng tay cho ông Duffy. Gửi chúng đến trong gói hàng nặc danh, có thể cùng với dòng chữ đại loại như: “Chúng tôi biết ông đã giết bà ấy. Chúng tôi vẫn đang theo dõi.”

Vì sao cậu sẽ làm vậy ư? Cậu cũng không hiểu. Một ý tưởng ngốc nghếch khác.

Những suy nghĩ trở nên lan man hơn. Không hề có vết máu tại hiện trường, phải không nhỉ? Vậy sẽ không có dấu máu trên đôi găng tay. Nhưng còn tóc thì sao? Nếu có một mảnh tí ti tóc của bà Duffy không hiểu bằng cách nào đã vướng lại trên một trong hai chiếc găng tay thì sao. Tóc của bà ấy không ngắn, có lẽ dài chấm vai. Theodore đã không dám mở chiếc túi ni lông. Cậu không hề chạm vào đôi găng tay, nên không thể biết trên đó có gì. Một sợi tóc thậm chí còn hơn cả bằng chứng cho thấy chồng bà đã giết bà.

Cậu cố mường tượng lại hình ảnh chiến thắng của mình tại Phòng xử Súc vật trong tư cách đại diện cho Hallie, khách hàng và rất có thể sau này sẽ là bạn gái của cậu. Nhưng dòng suy nghĩ của cậu vụt trở lại với hiện trường vụ án. Cuối cùng cậu nằm im và chìm vào giấc ngủ.

Marcella Boone về nhà lúc 11 giờ kém. Bà kiểm tra tủ đá để xem Theodore đã ăn uống thế nào. Rồi lại kiểm tra máy rửa bát, để bảo đảm mọi thứ đều gọn ghẽ. Bà nói đôi điều với ông Woods lúc đó còn đang đọc trong phòng sách. Bà leo lên gác, làm Theodore thức giấc lần thứ hai trong vòng một giờ đồng hồ. Nhưng cậu đã nghe thấy tiếng mẹ lại gần nên giả vờ đang ngủ rất say. Bà không bật đèn, không bao giờ. Bà hôn lên trán Theodore, thì thầm, “Yêu con nhiều, cứng” rồi rời khỏi phòng.

Một giờ sau, Theodore tỉnh ngủ hẳn, lo nghĩ chuyện tìm nơi nào đó để giấu đôi găng tay.

Khi chuông báo thức trên điện thoại di động rung vào lúc 6 giờ rưỡi, Theodore không rõ mình đang thức, đang ngủ, hay đang lơ mơ, cũng không tin mình đã ngủ. Mặc dù vậy cậu cảm thấy rõ ràng rằng mình mệt mỏi, bức bối và sẽ phải đối mặt với một ngày lê thê nữa. Gánh nặng cậu đang mang không hề bình thường với một cậu bé mười ba tuổi. Mẹ cậu đứng bên lò nướng - một vị trí hiếm khi gặp của bà - đang rán xúc xích và nướng bánh kẹp, một việc mà cả năm bà mới họa hoằn làm được đôi lần. Nếu là buổi

sáng nào khác, Theodore hẳn sẽ thấy đói ngấu và háo hức với một bữa sáng hoành tráng. Cậu không có lòng dạ nào nói với mẹ rằng ham muốn ăn uống của mình đã biến mất tằm.

“Ngủ ngon không cún cưng?” bà vừa hôn vệt vào má con trai vừa hỏi.

“Không ngon lắm ạ,” Theodore trả lời.

“Sao vậy? Trông con mệt mỏi lắm. Con có ốm không đấy?”

“Con ổn.”

“Con cần uống chút nước cam. Trong tủ lạnh ấy.”

Hai mẹ con ăn điểm tâm với tờ báo buổi sáng. “Có vẻ phiên tòa sắp kết thúc rồi nhỉ,” bà nói, cặp kính đọc sách trễ xuống giữa sống mũi. Bà mở màn hầu hết các ngày thứ Sáu bằng cuộc viếng thăm chóng vánh tới salon để chỉnh trang móng tay, nên lúc này bà vẫn còn đang khoác khăn tắm.

“Con cũng không rõ nữa” Theodore nói.

“Mẹ chả tin. Mắt con đỏ ngầu kìa, Theodore. Trông con mệt lắm.”

“Con nói con không ngủ được mà.”

“Tại sao?”

Sao ạ, bố thì làm con thức giấc lúc 10 giờ mẹ lại đánh thức con lúc 11 giờ. Nhưng Theodore không hề trách bố mẹ. Cậu mất ngủ vì những lý do khác. “Hôm nay con có bài kiểm tra,” cậu nói, điều này đúng một phần. Cô Garman đã đe sẽ cho chúng làm bài kiểm tra môn Hình học.

“Con sẽ làm tốt mà,” bà nói, rồi trở lại với tờ báo. “Con ăn xúc xích đi.”

Cậu cố nuốt trôi vài miếng bánh và xúc xích cho mẹ hài lòng. Cậu cảm ơn mẹ đã chuẩn bị một bữa điểm tâm quá thịnh soạn, rồi nhanh chóng chúc mẹ một ngày tốt lành, tạm biệt mẹ, vỗ vỗ lên đầu Judge, rồi tót lên xe đạp. Mười phút sau cậu đã lao như bay đến văn phòng của Ike, nơi ông bác lập dị đang đợi gặp cậu vào buổi sáng thứ hai liên tiếp.

Thứ Sáu, Ike trông còn khủng khiếp hơn. Mắt ông sừng húp và đỏ ngầu hơn cả mắt Theodore, bộ tóc muối tiêu bồm xồm thì sáng nay còn chưa được sờ tới. “Sẽ ổn thôi,” ông làu bàu.

“Vâng ạ,” Theodore đứng trước bàn của bác.

“Ngồi đi.”

“Cháu đứng cũng được.”

“OK. Thế nào rồi?”

Theodore tua lại câu chuyện về Julio và đôi găng tay trong túi ni lông hiện đang được giấu giữa chồng hồ sơ các vụ ly hôn từ xưa của Boone & Boone trong đáy ngăn tủ hồ sơ dưới tầng hầm, nơi không ai đoán hoài tới ít nhất là cả một thập kỷ nay. Cậu không giữ lại chút gì trong câu chuyện, tất nhiên, trừ danh tính của Julio và người anh họ. Vài phút là cậu đã kể xong.

Ike chăm chú nghe. Ông gãi gãi râu, tháo kính, dụi mắt, nhấp cà phê, và khi

Theodore ngừng lời, ông cố gắng lắm mới khẽ thốt lên được, “Không thể tin được.”

“Mình làm gì bây giờ, Ike?” Theodore hỏi trong tuyệt vọng.

“Ta không biết nữa. Đôi găng tay cần phải được phòng xét nghiệm nghiệp vụ kiểm tra. Chúng có thể có mẫu da rất nhỏ, da của bà Duffy, tóc, hoặc thậm chí lấy được ADN từ mồ hôi của ông Duffy.”

Theodore đã không nghĩ đến mồ hôi.

“Đôi găng tay có thể là vật chứng quan trọng” Ike nói to suy nghĩ của mình lên, và gãi gãi râu.

“Mình không thể làm ngơ, Ike ạ. Làm sao bây giờ?”

“Sau cháu lại giữ chúng?”

“Thực ra cháu không giữ lại, bác biết mà. Bạn cháu cố tình bỏ lại thì có. Cậu ấy sợ. Anh họ cậu ấy sợ. Cháu cũng sợ. Bọn cháu phải làm gì bây giờ?”

Ike đứng dậy, vươn vai, và làm một tợp cà phê nữa. “Cháu có định đến trường không? Cháu còn làm được gì vào buổi sáng thứ Sáu này nữa chứ!”

“Có chứ ạ. Cháu cũng muộn rồi.”

“Đi học đi. Ta sẽ đến xem phiên xử. Sẽ nghĩ ra gì đó rồi nhắn tin cho cháu sau.”

“Cảm ơn, Ike. Bác đúng là tuyệt nhất.”

“VẬY MÀ TA KHÔNG BIẾT ĐẤY.”

Theodore bước vào lớp muộn năm phút, nhưng thầy Mount đang có tâm trạng tốt và cả lớp thực ra cũng chưa ổn định. Khi trông thấy Theodore, thầy kéo cậu lại đứng cạnh mà hỏi, “Theodore, nói xem nào, thầy nghĩ em có thể cập nhật thông tin về phiên tòa cho cả lớp. Lát nữa, trong giờ Chính trị.”

Chuyện chán nhất Theodore muốn động tới là nói về phiên tòa, nhưng cậu không thể từ chối thầy Mount. Hơn nữa, thầy Mount vốn hay lơ là chuyện chuẩn bị bài cho lớp vào các ngày thứ Sáu nên thầy cần Theodore giúp lấp khoảng trống. “Vâng ạ,” Theodore trả lời.

“Cảm ơn. Chỉ cần cập nhật thôi, khoảng mười lăm phút. Hôm nay đến phần bồi thẩm đoàn, đúng không?”

“Có lẽ vậy ạ.”

Theodore về chỗ ngồi. Thầy Mount gõ bàn, rồi điểm danh. Sau đó là mục thông báo các loại, một công việc quen thuộc trong giờ sinh hoạt lớp. Khi chuông báo tiết học đầu vang lên, các cậu trò đều hướng ra cửa. Một cậu bạn cùng lớp tên Woody theo Theodore ra sảnh, bắt kịp cậu ngay chỗ tủ để đồ. Nhìn mặt cậu ta, Theodore biết ngay là có chuyện không ổn.

“Theodore, mình cần được giúp” Woody khẽ nói trong lúc mắt dáo dác liếc quanh. Cuộc sống gia đình Woody đang điên đảo. Đây là cuộc hôn nhân thứ hai hay thứ ba gì đấy của bố mẹ cậu, nên cậu cũng không được quan tâm mấy. Woody chơi ghita điện trong một ban nhạc nổi loạn, hút thuốc và ăn mặc như kẻ chơi bời lêu lổng, nghe đồn cậu còn xăm một hình nho nhỏ ở mông. Theodore, cũng như những cậu trai khác, rất tò mò về hình xăm kia, nhưng không muốn xác nhận lời đồn. Bất chấp tất cả những yếu tố gây sao nhãng ấy, Woody vẫn là học sinh có điểm số trung bình hạng B.

“Gì vậy?” Theodore hỏi. Cậu đã muốn cảnh báo cho Woody lúc này mà xin tư vấn pháp lý miễn phí thì không đúng lúc chút nào. Cậu đang có quá nhiều điều phải lo nghĩ.

“Cậu có thể giữ kín chuyện này, phải không?” Woody hỏi.

“Tất nhiên rồi.” Thật tuyệt. Đúng là thứ Theodore đang cần. Lại thêm một bí mật nữa.

Hallie đi ngang qua, hơi chậm bước trong giầy lát, nở một nụ cười duyên với Theodore, rồi chợt nhận ra cậu đang bận. Cô bé bỏ đi.

“Đêm qua anh trai mình bị bắt, Theodore ạ,” Woody kể, mắt đã rơm rớm. “Cảnh sát đến nhà lúc nửa đêm, còng tay đưa anh ấy đi. Thật khủng khiếp. Anh ấy đang ở trại tạm giam.”

“Vì tội gì?”

“Ma túy. Tàng trữ ma túy, có lẽ cả buôn bán nữa.”

“Tàng trữ và buôn bán là hai chuyện khác hẳn nhau đấy.”

“Cậu giúp bọn mình được không?”

“Mình e là khó. Anh ấy bao nhiêu tuổi?”

“Mười bảy.”

Theodore đã nghe nói về anh trai của Woody, không phải tiếng tốt gì. “Lần đầu phạm tội à?” Theodore hỏi, mặc dù ngờ rằng câu trả lời sẽ là không.

“Năm ngoái anh ấy bị tóm vì tội tàng trữ ma túy, lần đầu. Không nhằm nhò gì.”

“Bố mẹ cậu cần thuê luật sư, Woody ạ. Đơn giản vậy thôi.”

“Không đơn giản đâu. Bố mẹ mình không có tiền, mà nếu có họ cũng không chịu bỏ tiền thuê luật sư. Nhà mình đang cãi nhau to, Theodore. Con cái chống đối bố mẹ, không bên nào chịu nhượng bộ. Bố dựng cãi cọ với anh mình suốt về vụ ma túy, ông ấy thề cả ngàn lần sẽ không bao giờ can thiệp nếu cảnh sát tóm anh ấy.”

Chuông reo vào lớp. Cả sảnh đường vắng tanh.

Theodore nói, “Thôi được, giờ giải lao gặp mình nhé. Mình không tư vấn được gì nhiều đâu, nhưng mình sẽ cố gắng hết sức.”

“Cảm ơn Theodore.”

Cả hai vội vào lớp của cô Monique. Theodore về chỗ, mở cặp sách, và chợt nhận ra mình chưa làm bài tập về nhà. Ngay lúc này, cậu không thực sự quan tâm. Ngay lúc này, cậu thấy cảm ơn vì được sống trong một ngôi nhà ấm cúng, yên bình, với ông bố bà mẹ tuyệt vời hiếm khi cao giọng với cậu. Tội nghiệp Woody. Rồi, cậu lại nghĩ về đôi găng tay.

Chương Mười Lăm

Giờ Hình học trôi qua được nửa tiết mà cô Garman vẫn đang úp úp mở mở về bài kiểm tra. Theodore nhìn trần trần lên tường, cố giữ tinh táo, bỗng điện thoại nội bộ trên cửa ra vào đổ tiếng làm cả lớp giật mình.

“Cô Garman, em Theodore Boone có trong lớp không?” Đó là giọng nói the thé của cô Gloria, thư ký lâu năm của trường.

“Có đấy ạ,” cô Garman trả lời.

“Cô vui lòng cho em xuống đây. Có người cần gặp”

Theodore vợ vội đồ đạc, nhét vào ba lô, và trong lúc cậu hấp tấp đi ra cửa, cô Garman còn dặn, “Theodore này, nếu lớp kiểm tra thì thứ Hai em làm bù cũng được.”

Dạ, em xin cảm ơn chẳng vì cái gì, Theodore nghĩ bụng, nhưng miệng vẫn nói, “Vâng, vâng ạ.”

“Chúc cuối tuần vui vẻ, Theodore” cô nói.

“Vâng, chúc cô vui vẻ ạ.”

Ra đến sảnh, Theodore còn chưa kịp thở, thậm tự hỏi ai muốn gặp mình và vì lý do gì. Có khi nào mẹ bỗng trở nên lo lắng về cặp mắt đỏ ngầu và gương mặt mệt mỏi của cậu nên quyết định đưa cậu đến bác sĩ. Có lẽ là không. Mẹ không phải là người phản ứng thái quá như vậy, mà nói chung mẹ không viện đến bác sĩ trừ khi cậu nửa sống nửa chết. Hay bố nghĩ lại, và quyết định cho Theodore theo dõi ngày cuối của phiên tòa. Có lẽ là không. Woods Boone, như thường lệ, vẫn là người của thế giới khác.

Hoặc có thể là cái gì đó tệ hơn nhiều. Bằng cách nào đó, có ai đó đã xì cậu nên cảnh sát đang đợi với lệnh khám xét để tìm cho ra đôi găng tay. Bí

mật có thể đã bị lộ và cậu, Theodore Boone, sẽ gặp rắc rối không biết đâu mà lường.

Cậu bước chậm lại. Đến chỗ rẽ ở sảnh, cậu nhòm qua một ô cửa lớn và liếc nhanh ra cổng trước. Không có xe cảnh sát. Không có dấu hiệu của rắc rối. Cậu bước tiếp, thậm chí còn chậm hơn.

Đó là Ike. Khi Theodore bước vào, ông và cô Gloria đang tán gẫu.

“Ông đây nhận là bác của em,” cô Gloria mỉm cười.

“Em e là vậy ạ,” Theodore nói.

“Và em phải đến dự một đám tang ở Weeksbury?”

Ike đang giục “Nào cậu bé, nào...” bằng mắt. Theodore ngập ngừng chỉ trong một giây, rồi gật đầu nói, “Em ghét các đám tang.”

“Em sẽ không quay lại?” vừa hỏi, cô vừa tiến tới tủ hồ sơ.

“Không đâu, đám tang được tổ chức vào hồi 1 giờ 30,” Ike nói luôn. “Sẽ mất đứt cả ngày.”

“Em ký vào đây” cô yêu cầu.

Theodore ký tên rồi hai bác cháu rời khỏi văn phòng. Xe của bác Ike là chiếc Triumph Spitfire hai chỗ, ít nhất đã ba mươi tuổi và còn xa mới được bảo dưỡng tử tế. Giống như mọi thứ khác trong đời bác Ike, nó xộc xệch, chạy được hoàn toàn là nhờ may mắn.

Đi cách trường một khối nhà, Theodore lên tiếng. “Một đám tang ư? Ý hay đấy nhỉ.”

“Có tác dụng mà.”

“Mình đang đi đâu đây?”

“Cháu đến tìm ta nhờ giúp đỡ. Lời khuyên của ta là chúng ta hãy đến hãng luật Boone & Boone, mời bố mẹ cháu vào một căn phòng rồi kể hết với họ.”

Theodore hít một hơi thật sâu. Cậu không cãi được lời nào. Vấn đề đã trở nên quá phức tạp đối với cậu.

Hai bác cháu xuất hiện ở cửa khiến Elsa kinh ngạc. Bà đứng bật dậy, nói, “Có vấn đề gì vậy?”

“Chào Elsa” Ike nói. “Trông chị lúc nào cũng tuyệt vời.” Elsa đang mặc một chiếc áo len màu bí ngô, tiếp màu với kính và son.

Bà táng lời Ike, mà nhìn Theodore, “Cháu làm gì ở đây giờ này?”

“Cháu đến vì một đám tang” Theodore nói, bắt đầu bước về phía thư viện.

“Bà có thể vui lòng triệu tập Woods và Marcella được chứ?” Ike lên tiếng. “Chúng tôi cần họp gia đình trong thư viện.”

Bình thường ra Elsa đừng hòng chịu để người khác bảo mình phải làm gì, nhưng bà hiểu lần này là việc nghiêm trọng. May sao, bà Boone đang ở văn phòng một mình, còn ông Boone ở trên gác, đang ngốn đồng giấy tờ quanh bàn. Cả hai lần lướt vội vã đến thư viện, và ngay khi Ike đóng cửa, bà Boone nhìn Theodore sốt ruột, “Con ổn chứ?” Ông Boone cũng nhìn Theodore, “Có chuyện gì ở đây thế này? Tại sao con không ở trường?”

“Cứ bình tĩnh” Ike trấn an. “Mọi người cứ ngồi cả xuống rồi ta cùng thảo luận.” Họ ngồi xuống, cả bố và mẹ đôi mắt nhìn Theodore như thể cậu đã phạm tội gì đó vậy.

“Giờ thì,” Ike tiếp, “để tôi nói trước, rồi tôi sẽ ngậm miệng cho Theodore trình bày. Thứ Tư vừa rồi, chỉ hai hôm trước, Theodore có nói chuyện với một người bạn ở trường. Cuộc nói chuyện này dẫn đến một cuộc nói chuyện khác, qua đó Theodore tình cờ nắm được vài thông tin có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới phiên tòa xử ông Pete Duffy. Sự thế thế này, ngoài kia có một nhân chứng, một nhân chứng không ai biết. Cảnh sát không biết, bên nguyên không, bên bị không, không ai biết cả, ngoại trừ Theodore và cậu bạn của nó. Theodore không biết phải làm sao nên đã đến tìm tôi. Tôi cũng không biết nên làm sao, nên giờ chúng ta cần nói chuyện.”

“Sao con không kể với bố mẹ?” bà Boone dội bom.

“Thì nó sắp kể bây giờ đây,” Ike phản pháo.

“Con sợ,” Theodore nói. “Giờ con vẫn sợ, và lại con đã hứa với bạn con là sẽ không kể với ai.”

“Nhân chứng này biết những gì?” ông Boone hỏi.

Theodore nhìn Ike và Ike nhìn lại Theodore. “Nói đi”, Ike ra hiệu bằng mắt. Theodore hắng giọng, nhìn mẹ. “Dạ, nhân chứng đó đã ở trong một đám cây gần nhà Duffy vào thời điểm xảy ra án mạng. Anh ta trông thấy ông Duffy rời khỏi xe golf, tháo giày đi găng phải vào tay, bước vào nhà,

rồi mấy phút sau thì trở ra. Đó là thời điểm xảy ra vụ giết người. Rồi ông ta lại đi giày, bỏ đôi găng vào túi chơi golf và lao xe đi như không có chuyện gì xảy ra.”

“Sao con biết đó là thời điểm xảy ra vụ giết người?” bà Boone hỏi.

“Bên pháp y đã xác định bà ấy chết vào khoảng 11 giờ 45. Nhân chứng này lúc đấy đang nghỉ ăn trưa, giờ nghỉ của anh ta bắt đầu lúc 11 giờ 30.”

“Ông Duffy không hề trông thấy nhân chứng này sao?” đến lượt ông Boone.

“Không ạ. Người này đang ăn trưa, ẩn mình dưới một đám cây. Anh ta làm việc ở sân golf.”

“Con biết tên anh ta không?” bà Boone lại hỏi.

“Không. Nhưng con biết anh ấy.”

“Con từng nói chuyện với anh ta chưa?” ông Boone hỏi. “Rồi ạ.”

“Con nói chuyện với anh ta ở đâu?” bà Boone căn vặn.

Theodore có cảm giác như mình là một nhân chứng đang trải qua phần thẩm vấn chéo. Cậu ngập ngừng, Ike đột ngột xen vào. “Nó không đời nào muốn tiết lộ tên của nhân chứng hay bạn nó, và nếu mấy vị hỏi nó nhiều quá thế thì danh tính những người kia lại trở nên rõ như ban ngày.”

“Con đã hứa,” Theodore nói, như đang cầu xin. “Thực ra, con đã hứa không nói một lời nào với bất kỳ ai. Nhưng con không biết phải làm sao.”

“Cho nên đầu tiên nó đến gặp tôi” Ike nói. “Để xin một lời khuyên. Nó không muốn làm phiền hai vị, nhưng giờ thì không thể dừng được. Đúng không, Theodore?”

Cả hai bố mẹ nhìn cậu chăm chăm. Theodore co rúm trên ghế. Cậu nhíp nhíp ngón tay trên chiếc bàn gỗ sồi.

“Tiếp đi, Theodore,” Ike giục.

“Nào, kể nốt xem nào,” ông Boone nói.

Theodore kể cho bố mẹ về đôi găng tay.

“Và con đang giữ chúng?” bà Boone hỏi khi cậu kể xong.

“Vâng ạ.”

“Hiện chúng đang ở đâu?”

“Tầng dưới, giấu sau một hộp hồ sơ ly dị cũ.”

“Tầng dưới, ở đây sao? Văn phòng của chúng ta sao?”

“Vâng, mẹ ạ. Ở đây. Ngay dưới kia.”

Ông Boone huýt sáo rồi thốt lên, “Ôi, con ơi là con”.

Một khoảng im lặng lâu lắc trong lúc bốn người nhà Boone cân nhắc tình hình, cố tìm xem liệu có luật nào, lệ nào có thể áp dụng cho tình huống bất thường này hay không. Mặc dù đã nói nhiều hơn dự định, Theodore vẫn thấy nhẹ lòng vì giờ gánh nặng đã được san sẻ. Bố mẹ cậu sẽ biết phải làm gì. Ike cũng sẽ cho vài lời khuyên. Chắc chắn, ba vị người lớn này có thể tìm ra giải pháp.

“Báo chí nói phiên tòa có thể sẽ kết thúc hôm nay,” bà Boone lên tiếng.

“Tôi vừa ở tòa án về,” Ike nói. “Chiều nay sẽ là phần lấy lời khai của ông Duffy, ông ta sẽ là nhân chứng cuối cùng. Sau phần tranh tụng, bồi thẩm đoàn sẽ tiếp nhận vụ án.”

“Ở quán cà phê sáng nay, người ta kháo nhau là Thẩm phán Gantry sẽ kéo phiên tòa sang ngày mai, chờ quyết định của bồi thẩm đoàn,” ông Boone nói.

“Vào ngày thứ Bảy ư?”

“Người ta kháo nhau thế.”

Lại một khoảng lặng nữa giữa cuộc trao đổi. Bà Boone nhìn con trai rồi nói, “Nào, Theodore, con nghĩ chúng ta nên làm gì vào lúc này?”

Theodore hy vọng người lớn sẽ biết phải làm gì. Cậu hơi vắn người rồi mới trả lời, “Con thấy là như tốt nhất bây giờ ta nên kể cho Thẩm phán Gantry toàn bộ câu chuyện.”

“Mẹ đồng ý,” bà mẹ mỉm cười.

“Tôi cũng vậy,” đến lượt Ike.

Thật đáng ngạc nhiên, ít nhất là với Theodore khi chính bố cậu là người không nhất trí. “Sẽ ra sao nếu ta nói với Thẩm phán Gantry,” ông Boone nêu ý kiến, “và ông ấy buộc Theodore khai tên hoặc danh tính của người nhân chứng này? Nếu Theodore từ chối khai thì sao? Sao nào? Thẩm phán Gantry có thể bắt giữ thẳng bé vì tội khinh nhờn pháp luật.”

“Con không rõ như vậy nghĩa là sao,” Theodore thốt lên..

“Có nghĩa là rắc rối,” bố cậu trả lời.

“Có nghĩa ông ấy có thể tống giam cháu chừng nào cháu chưa chịu khai ra những gì ông ấy muốn biết,” Ike nói với một nụ cười rộng ngoác, như thể với ông đây là chuyện khôi hài.

“Con không chịu để bị giam đâu” Theodore nói.

“Đừng có vớ vẩn như vậy, anh Woods,” bà Boone lên tiếng. “Henry Gantry không đời nào bắt giam Theodore vì tội khinh nhờn.”

“Cái đó thì anh không chắc” ông Woods phản đối. “Em có một nhân chứng tận mắt tối quan trọng như thế, lời khai của người này có thể thay đổi cục diện phiên tòa, em cũng có một người biết về nhân chứng này. Người đó là Theodore, mà nó lại cưỡng lệnh của thẩm phán, vậy thì thẩm phán có thể để yên sao? Anh sẽ không dám trách ông ấy đâu.”

“Con không muốn bị giam đâu mà,” Theodore nãy nuột.

“Con sẽ không bị giam” bà Boone nói. “Không một vị thẩm phán tỉnh táo nào lại đi giam một thằng bé mười ba tuổi vô tội cả.” Lại một quãng lặng dài nữa.

Cuối cùng, ông Boone nói, “Theodore, nếu danh tính của nhân chứng ấy bằng cách nào đó bị tiết lộ thì sao?”

“Anh ấy là dân nhập cư trái phép mà bố. Anh ấy không được phép ở đây, và lại anh ấy rất sợ. Nếu cảnh sát biết tên anh ấy, tìm thấy anh ấy, anh ấy sẽ phải đi tù, và đó hoàn toàn là lỗi của con. Nếu họ không bắt được anh ấy thì anh ấy cũng lặn mất tăm thôi.”

“Vậy con đừng cho chúng ta biết cậu ta là ai,” bà Boone nói.

“Con cảm ơn mẹ. Con cũng không định mà.”

“Đừng nói với ai cả.”

“Con hiểu. Nhưng giờ bố mẹ biết anh ấy là dân nhập cư trái phép và làm ở sân golf. Chả khó gì mà không tìm ra anh ấy.”

“Vậy làm sao con biết người này?” ông Boone vặn hỏi.

“Anh ấy có người em họ học cùng trường con, chính cậu em họ đến tìm con nhờ giúp đỡ.”

“Giống như tất cả bọn nhóc khác ở trường,” Ike thêm vào.

“Không phải tất cả ạ, nhưng cũng hầu như.” Mọi người hít một hơi thật sâu, rồi ông Boone nhìn Theodore mỉm cười. “Đó là gia đình ở Nhà Tình

thương phải không? Là Julio, bạn con, cậu nhỏ con phụ đạo môn Toán cho phải không? Còn mẹ cậu ta, tên bà ấy là gì nhỉ?”

“Carola,” mẹ của Theodore trả lời thay. “Carola, phải rồi. Tôi đã vài lần nói chuyện với bà ấy. Bà ấy còn hai đứa nữa, nhỏ hơn Julio. Nhà họ từ El Salvador đến. Người anh họ của Julio chính là nhân chứng bí ẩn này. Đúng không, Theodore?” Theodore gật đầu. Vâng, thưa bố, bố đã lần ra đúng rồi. Và không hiểu sao cậu cảm thấy nhẹ nhõm hẳn. Cậu không hẳn đã phản bội lòng tin của người khác, trong khi vẫn có ai đó biết được sự thật.

Chương Mười Sáu

Bước sau bố mẹ và Ike, Theodore chợt nhận ra có lẽ đây là lần đầu tiên cậu bước vào tòa án với chút e dè. Cậu vốn luôn háo hức mỗi khi đến đây, để thấy các thư ký tòa và luật sư tất tả với những vấn đề hệ trọng của mình, để lọt vào những căn phòng lát đá cẩm thạch rộng thênh thang phía trên treo các bộ đèn chùm cũ kỹ và trên tường là chân dung các vị thẩm phán quá cố. Cậu vẫn luôn yêu tòa án này, nhưng tình cảm yêu mến ấy lúc này đã biến mất. Theodore lo sợ cho điều sắp xảy ra, dù cậu không biết đó sẽ là gì.

Họ đi thang bộ lên tầng hai, đến phòng xử chính nơi cửa đóng kín và có bảo vệ gác bên ngoài. Nhân viên chấp pháp của tòa, Snodgrass, cho biết tòa đang giải lao và lúc nào hết giờ giải lao mới được mở cửa. Nên họ lại hành quân xuống sảnh tới văn phòng chính của Thẩm phán Henry L. Gantry Đáng Kính, nơi họ gặp thư ký của ông, bà Irma Hardy, đang đánh máy.

“Chào bà Irma,” bà Boone cất lời.

“À, chào bà Marcella, và ông Woods, à, xin chào Theodore.” Bà Hardy đứng lên, gỡ kính và rõ ràng đang ngỡ ngàng không rõ vì sao cả gia đình Boone lại đột nhiên xuất hiện bên bàn của bà. Bà nhìn Ike đầy vẻ nghi ngại, như thể cuộc đời họ từng chạm trán nhau trong bối cảnh không mấy lý tưởng cách đây lâu rồi. Ike mặc quần jean, áo thun, đi giày thể thao trắng, nhưng may mắn thay ông cũng khoác lên mình chiếc áo vest nâu cũ nên trông cũng có chút đáng tin cậy.

“Ike Boone” ông nói, đưa tay ra. “Anh trai ông Woods, và là bác của Theodore. Cũng từng là luật sư quanh đây.”

Bà Hardy cố nở một nụ cười gượng gạo ra vẻ như đã nhớ ra tên ông và cũng đưa tay ra bắt.

Bà Boone nói, “bà Irma này, tụi tôi có chuyện rất gấp cần trao đổi với Thẩm phán Gantry. Tôi biết hiện ông ấy đang ở trong phòng xử, vụ Duffy, ừm, và đó là lý do bọn tôi tới đây. E rằng việc chúng tôi được tiếp chuyện ông ấy là rất khẩn thiết.”

Ông Boone xen vào, “Máy giờ ông ấy sẽ nghỉ ăn trưa vậy?”

“Khoảng 12 giờ trưa, thường là như vậy, nhưng giờ ăn trưa nay ông ấy sẽ gặp tất cả các luật sư” bà Hardy ngó mặt từng người một trong nhóm bốn người đang nhìn bà chăm chăm. “Ông ấy bận vô cùng, các vị cũng biết mà.”

Theodore ngược nhìn chiếc đồng hồ lớn trên tường phía sau bà Hardy. Lúc này là 11 giờ 10.

“Chúng tôi cần gặp ông ấy càng sớm càng tốt, rất khẩn thiết,” bà Boone nhấn mạnh, có phần hơi thúc ép, Theodore nghĩ vậy. Nhưng bà vốn không phải một luật sư hay e dè, theo nhận xét của mọi người.

Nhưng kia cũng là bà Hardy, và bà vốn không phải là người dễ cho người ta thúc ép. “Ồ, nếu quý vị cho tôi biết chuyện đó là gì thì có lẽ sẽ có ích đấy” “Tôi e đó là chuyện tối mật” ông Boone tỏ ra bực bội.

“Đơn giản là chúng tôi không thể làm vậy, Irma. Rất tiếc là vậy” bà Boone nói thêm vào.

Mấy chiếc ghế nằm rải rác bên kia phòng, bên dưới chân dung các vị thẩm phán tiền nhiệm quá cổ. Bà Hardy vẫy tay về phía mọi người và bảo, “Các vị có thể đợi ở đây. Tôi sẽ báo với Thẩm phán ngay khi ông nghỉ ăn trưa.” “Cảm ơn Irma,” bà Boone nói.

“Cảm ơn,” ông Boone tiếp lời.

Mọi người hít thở, mỉm cười, và cả nhà Boone đi ra.

“Theodore, sao cháu không đi học?” bà Hardy hỏi.

“Chuyện dài lắm ạ,” cậu trả lời. “Hôm nào cháu sẽ kể ạ.”

Bốn người nhà Boone ngồi xuống, rồi chỉ được mười lăm giây Ike đứng dậy, lăm băm bảo ra ngoài hút thuốc. Bà Boone đang nghe điện thoại, trao

đôi với Elsa về chuyện gì đó cấp bách ở văn phòng. Ông Boone thì nghiên ngẫm một tập tài liệu trong hồ sơ mang theo.

Theodore nhớ đến Woody và vụ anh trai cậu ta bị bắt giữ. Cậu mở ba lô, lôi laptop ra, và cũng bắt đầu tìm kiếm hồ sơ bắt giữ của Phòng án Hình sự. Những thông tin như vậy không sẵn có trên mạng, nhưng Theodore, như thường lệ, đã dùng mã truy cập của công ty Boone để tìm ra bất cứ thứ gì mình cần.

Anh của Woody, Tony, đang bị giam ở Trại Tập trung Vị thành niên Strattenburg, một cái tên hay ho cho nơi giam giữ những đối tượng dưới mười tám tuổi. Tony bị buộc tội tàng trữ cần sa có ý định buôn bán, một tội danh có mức xử nặng nhất là tù mười năm. Vì anh ta mới mười bảy, vị thành niên, anh ta có thể chỉ phải nhận tội và chịu hai năm trong một trại tập trung thanh niên khác. Tất nhiên, đây là giả sử anh ta chịu nhận tội. Nếu không muốn nhận tội, anh ta sẽ phải trình diện trước bồi thẩm đoàn và đối mặt với nguy cơ chịu mức án nặng hơn. Chưa đến hai phần trăm các trường hợp vị thành niên bị buộc tội liên quan đến ma túy chấp nhận ra hầu tòa.

Nếu bố mẹ, người đỡ đầu từ chối giúp đỡ, như Woody nói, thì anh cậu ta sẽ được chỉ định người bảo hộ công. Ở Strattenburg, người bảo hộ công rất tốt và gần như ngày nào cũng xử lý các vụ ma túy tương tự.

Theodore nhanh chóng tóm tắt tình hình vào một e mail rồi gửi cho Woody. Cậu cũng gửi email cho thầy Mount, giải thích lý do cậu không ở trường và xin nghỉ giờ của thầy. Cậu cũng không quên gửi vài lời thăm hỏi tới April.

Kim của chiếc đồng hồ trên tường như thế đứng im. Bà Hardy đang hồi hả đánh máy. Tất cả các vị thẩm phán quá cố dường như đang chăm chú nhìn Theodore, không vị nào hé miệng cười, tất cả những gương mặt nghiêm nghị và hoài nghi ấy như muốn nói, “Con trai, con đang làm gì ở đây?” Bố cậu đã ra ngoài sảnh nghe điện thoại, xử lý một vụ bất động sản hệ trọng nào đó. Mẹ cậu ngồi bên laptop, tay bấm phím như thể nhiều sinh mạng đang cần cứu giúp. Ike vẫn đứng bên một ô cửa sổ ở đâu đó, xả khói ra bên ngoài tòa nhà.

Theodore dạo quanh. Cậu leo lên gác, dừng lại ở văn phòng của Phòng án Gia đình, hòng mong gặp được Jenny, nhưng cô bé không ở đó. Cậu lại lộn xuống Phòng án Súc vật, nhưng ở đó vắng tanh. Rồi cậu leo lên một khu vực cầu thang cũ, tối om, đã lâu không ai lui tới, thậm chí chẳng mấy người biết đến, rồi lặng lẽ men theo một lối đi tranh tối tranh sáng trên tầng ba cho đến khi gặp một căn phòng bị quên lãng từng là thư viện luật của hạt. Nơi đây được dùng làm kho chứa, chất đầy những thùng hồ sơ đất đai cũ và máy tính quá đát. Một lớp bụi dày phủ lên mọi vật, và dấu chân của Theodore in rõ trên sàn trong lúc cậu nhón gót đi trên bụi. Cậu mở cánh cửa dẫn đến một căn buồng nhỏ, rồi đóng cửa lại sau lưng. Không gian tối tăm đến nỗi giơ tay ra còn chẳng nhìn rõ. Gần cánh cửa là một vết nứt, một mảng hở hoác, qua đó Theodore có thể nhìn xuyên xuống phòng xử bên dưới. Cậu có thể quan sát từ phía trên, ngay trên đầu các vị bồi thẩm.

Một góc nhìn tuyệt vời do chính cậu phát hiện ra cách đây một năm khi nạn nhân của một tội ác đứng ra làm chứng trong một vụ án khủng khiếp đến nỗi Thẩm phán Gantry yêu cầu mọi người phải rời khỏi phòng xử. Lời khai của cô ta làm Theodore phát bệnh, và cậu đã ước cả ngàn lần giá mình không dòm trộm phiên xử đó. Vết nứt không bị phát hiện từ bên trong phòng xử. Nó ở ngay trên một dải rèm nhưng dày phía trên khu bồi thẩm.

Một trong những người bạn chơi golf của ông Duffy đang ở bục nhân chứng, và mặc dù nghe không được rõ lắm nhưng cậu vẫn nắm bắt được phần nào nội dung. Nhân chứng khai rằng ông Duffy là một tay golf nghiêm túc, và vài năm trở lại đây thường chơi một mình. Điều này không có gì bất thường. Nhiều tay golf, đặc biệt là những người chơi nghiêm túc, thích thưởng thức trận golf một mình.

Phòng xử chật cứng người. Theodore không nhìn được ban công nhưng có thể đoán được ngoài ấy cũng đông nghẹt. Cậu có thể nhìn rõ ông Duffy, đang ngồi giữa các luật sư ở bàn bị cáo. Trông ông ta tự tin, gần như chắc chắn lợi thế phiên tòa đang nghiêng về phía mình và rằng bồi thẩm đoàn sẽ cho là ông vô tội.

Theodore xem được vài phút, rồi các luật sư bắt đầu la ó và cậu liền trượt ra khỏi gian phòng nhỏ. Xuống được nửa chừng thang thì cậu nhác

thấy cái gì đó di chuyển ở chân cầu thang phía dưới. Ai đó ở dưới đây đang lẩn trốn trong bóng tối. Theodore cảm thấy ớn lạnh, và hít thấy mùi khét khét. Người đàn ông kia đang hút thuốc, trái với quy định vì họ vẫn đang ở trong tòa nhà. Ông ta xả một hơi mù khói, rồi bước ra đầu cầu thang. Đó là Omar Cheepe, giờ đã có thể thấy rõ nhờ cái đầu to tướng bóng mượt và cặp mắt sạm màu. Ông ta ngược nhìn lên Theodore, không nói lời nào, rồi quay gót bỏ đi.

Theodore không biết mình đang bị theo dõi hay khu vực cầu thang này là nơi hút thuốc của Omar. Quanh đó đầy đầu mẩu thuốc lá. Có lẽ những người khác cũng lên tới đây để hút thuốc. Tuy vậy, một giọng nói vang lên trong đầu Theodore, rằng cuộc chạm trán không hề tình cờ.

Gần một giờ chiều Thẩm phán Gantry mới giật cửa mở toang vào văn phòng mình và bước thẳng tới chỗ gia đình nhà Boone đang ngồi như những cô cậu học sinh cá biệt đợi chờ trong phòng hiệu trưởng. Ông không mặc áo chùng, không khoác áo vest, chỉ mặc sơ mi trắng, tay áo xắn cao, cà vạt nới lỏng, hình ảnh một người bận rộn và đang chịu áp lực. Ông không mỉm cười, rõ là đang bực mình.

Cả nhà Boone cùng đứng bật dậy. Không có màn chào hỏi hay hỏi thăm sức khỏe. Thẩm phán Gantry chỉ nói, “Tin tốt thì hơn.”

“Xin lỗi Thẩm phán,” ông Boone cố gắng mở đầu. “Chúng tôi hiểu những gì đang diễn ra và hiểu áp lực ông đang phải gánh chịu.”

“Chúng tôi xin lỗi, Henry,” bà Boone vội thêm “đây là vấn đề hệ trọng có thể có ảnh hưởng đến phiên tòa này.”

Bằng việc gọi Henry thay vì Thẩm phán hay khác trang trọng hơn, bà Boone đang cố làm dịu không khí. Không cần biết vị thẩm phán tỏ ra bực bội thế nào, bà không chút nao núng.

“Chỉ năm phút thôi,” bà vừa lượm ví vừa nói. Thẩm phán nhìn Theodore như thể cậu vừa bắn ai vậy, sau đó nhìn sang Ike, cố gượng cười rồi nói: “Chào Ike. Lâu lắm rồi nhỉ.”

“Đúng vậy, Henry” Ike đáp lại.

Nụ cười biến mất, và Thẩm phán Gantry nói, “Các vị có năm phút.”

Họ nhanh chóng theo sau ông vào văn phòng, và ngay khi cánh cửa khép lại, Theodore liếc nhìn bà Irma Hardy. Bà vẫn đang mài miết đánh máy, như thể chẳng hề quan tâm tới những gì sắp được thảo luận. Theodore đoán bà sẽ biết mọi điều trong vòng nửa giờ nữa.

Bốn người nhà Boone lần lượt ngồi vào hàng ghế ở bên kia chiếc bàn dài nằm ở một góc căn phòng rộng thênh. Thẩm phán Gantry ngồi bên này, đối diện với họ. Theodore ngồi giữa bố mẹ, và dù khá hồi hộp, cậu vẫn cảm thấy mình được che chở cẩn thận.

Mẹ cậu nói trước. “Henry, chúng tôi có lý do để tin rằng còn một nhân chứng trong vụ sát hại bà Myra Duffy. Một nhân chứng đang giấu mình. Một nhân chứng mà cảnh sát, bên nguyên, và chắc chắn là cả bên bị đều không biết đến.”

“Liệu tôi có thể hỏi tại sao Theodore lại liên quan đến chuyện này không?” vị thẩm phán nhướng mày nói. “Tôi tưởng cậu bé phải ở trường lúc này chứ nhỉ.

Đây thực sự không phải chuyện cho trẻ con.”

Thứ nhất, Theodore cũng rất muốn giờ này mình đang được ở trường. Thứ hai, việc dùng từ trẻ con thực sự khiến cậu bực bội. Theodore chậm rãi nói, “Bởi vì, thưa Thẩm phán, cháu biết nhân chứng đó là ai. Mọi người không biết nhưng cháu biết.”

Cặp mắt của Thẩm phán Gantry đỏ ngầu, trông đầy mệt mỏi. Ông thở hắt ra một hơi dài đến kinh ngạc, rất giống một chiếc van cuối cùng cũng phải xì ra vì áp suất quá cao. Nhưng các nếp nhăn trên trán ông giãn ra, thanh thản. Ông hỏi, “Vai trò của ông trong tất cả chuyện này là gì, Ike?”

“Ồ, tôi chỉ là cố vấn luật cho Theodore.” Ike tưởng như thế là buồn cười nhưng tính hài hước của những người còn lại đều đã lặn tằm.

Một khoảng lặng, rồi, “Thôi được, sao ta không bắt đầu lại từ đầu nhỉ? Tôi muốn biết nhân chứng được cho là đã nhìn thấy gì. Ai có thể cho tôi biết nào?”

“Cháu ạ,” Theodore nói. “Nhưng cháu đã hứa sẽ không bao giờ tiết lộ tên của anh ta.”

“Cháu hứa điều này với ai?”

“Với chính nhân chứng ạ.”

“VẬY là cháu đã nói chuyện với nhân chứng?”

“Vâng ạ.”

“Và cháu tin anh ta nói sự thật?”

“Cháu tin ạ, thưa bác.”

Lại một tiếng thở hắt ra. Một cái dụi mắt nữa. “Được rồi, Theodore. Ta nghe đây. Hãy kể hết sự thể xem nào.”

Và Theodore kể toàn bộ câu chuyện.

Khi cậu kể xong, căn phòng lặng ngắt. Thẩm phán Gantry chậm rãi đi tới bên chiếc điện thoại trên bàn, bấm một nút và nói, “Chị Hardy, vui lòng báo cho nhân viên chấp pháp là tôi sẽ trở lại muộn hơn nửa tiếng. Giữ các vị bồi thẩm ở lại trong phòng.”

Một giọng nói khô khốc đáp lại, “Vâng, thưa Thẩm phán.”

Ông ngồi phịch lại xuống ghế. Cả bốn người đều chăm chăm nhìn ông nhưng ông lảng đi. “Và cháu có cả đôi găng tay?” ông hỏi, giọng thấp hơn nhiều vì bình tĩnh hơn nhiều.

“Trong văn phòng của chúng tôi,” ông Boone nói. “Chúng tôi rất sẵn lòng giao nộp.”

Thẩm phán Gantry giơ cả hai tay lên, xua đi. “Không, không. Dẫu sao cũng chưa phải lúc. Có lẽ là để sau, mà cũng có thể là không bao giờ. Cứ để tôi nghĩ một lát.” Đến đây, ông từ từ đứng dậy, bước đến bên ô cửa sổ đằng sau chiếc bàn rộng mênh mông của mình ở cuối phòng. Ông đứng đó một lát, nhìn ra ngoài, dù chẳng có gì để ngắm. Ông dường như quên mất rằng ngay dưới sảnh kia có một phòng xử chặt cứng người, tất cả bọn họ đều đang sốt sắng đợi ông.

“Con làm có đúng không?” Theodore thì thầm với mẹ. Bà mỉm cười, vỗ nhẹ lên cánh tay cậu bé, và nói, “Làm tốt lắm, cún cưng. Cười lên nào.”

Vị thẩm phán quay lại ghế, vươn mình qua bàn. Ông nhìn Theodore hỏi, “Tại sao người này không ra trình diện?”

Theodore ngập ngừng vì nếu cậu nói thêm quá nhiều, cậu có thể làm lộ danh tính người anh họ của Julio. Ike quyết định ra mặt hỗ trợ. “Ngài Thẩm phán, nhân chứng là dân nhập cư trái phép, một trong số rất nhiều người ngoài kia. Ngay lúc này cậu ta lẩn tránh, ngài cũng không thể trách cậu ta được. Chỉ cần đánh hơi thấy rắc rối, cậu ta sẽ lặn tằm không sùi bọt và biến mất mãi mãi.”

Theodore thêm vào, “Anh ấy nghĩ nếu trình diện anh ấy sẽ bị bắt.”

Ike tiếp, “Vả lại Theodore đã hứa với cậu ta sẽ không hé một lời.”

Ông Boone cũng bổ sung, “Nhưng thằng bé nghĩ quan trọng là phải báo cho tòa biết có một nhân chứng chủ chốt vắng mặt tại phiên xử.”

Đến lượt bà Boone, “Trong khi vẫn bảo vệ được danh tính của nhân chứng kia.”

“Được rồi, được rồi,” Thẩm phán Gantry liếc nhanh đồng hồ đeo tay. “Tôi không thể dừng phiên xử ở thời điểm này. Chúng tôi gần như đã sẵn sàng cho bên bồi thẩm nghị luận. Nếu giờ một nhân chứng bất ngờ xuất hiện, sẽ khó mà ngừng phiên xử và cho phép anh ta làm chứng. Mà ta cũng làm gì có nhân chứng bất ngờ.

Ta có một nhân chứng mơ hồ. Tôi không thể cho ngừng phiên xử.”

Những lời này vang vọng khắp phòng rồi nặng nề rơi xuống mặt bàn. Tất cả những gì Theodore nghĩ tới là hình ảnh ông Duffy ngồi cùng các luật sư, tự mãn và tràn đầy tin tưởng rằng mình sẽ thoát tội giết người.

“Thẩm phán, tôi có một đề xuất được không?” Ike hỏi.

“Chắc chắn rồi, Ike. Giúp được chừng nào hay chừng đó.”

“Người ta kháo nhau là ngài định kéo dài phiên tòa đến mai, thứ Bảy, mới cho nghe tuyên án.”

“Đúng vậy.”

“Vậy sao ngài không để các vị bồi thẩm về nhà cho đến thứ Hai, như hầu hết các phiên tòa khác? Sáng thứ Hai các vị ấy trở lại đây bắt đầu nghị

luận. Đây là một phiên tòa, đâu phải một cuộc phẫu thuật cấp cứu. Mọi việc đâu cần cấp bách đến vậy.”

“Vậy kế hoạch của ông là gì?”

“Tôi không có kế hoạch gì. Nhưng như thế ta có thêm thời gian để nghĩ về nhân chứng, có thể là tìm được cách nào đó giúp cậu ta. Tôi không biết nữa. Chỉ là nếu cứ vội vàng tuyên án thì bất cập sao đó, đặc biệt khi đó có thể là một bản tuyên án sai.”

“Sai ư?”

“Phải. Tôi đã theo dõi phiên tòa này. Tôi quan sát các vị bồi thẩm. Bên nguyên đã mở một vụ kiện yếu thế, và càng lúc càng yếu thế hơn. Pete Duffy sẽ được tự do thôi.”

Thẩm phán Gantry khẽ gật đầu, như thể đồng tình nhưng không nói gì. Ông bắt đầu sửa soạn. Ông cài khuy, chỉnh cà vạt, đứng lên ra lấy chiếc áo choàng đen treo gần cửa.

“Để tôi nghĩ xem sao” rốt cuộc ông nói. “Cảm ơn các vị đã...”

“Làm phiền” ông Boone vừa cười vừa nói. Người nhà Boone lại đồng loạt đứng dậy.

“Không, không hề đâu, ông Woods. Đây là một tình huống đặc biệt, mà tôi chưa hề gặp phải từ trước tới giờ. Nhưng vốn dĩ có phiên tòa nào giống phiên tòa nào đâu. Cảm ơn cháu, Theodore.”

“Vâng ạ, thưa Thẩm phán.”

“Các vị sẽ theo dõi phần còn lại của phiên tòa chứ?” “Chúng cháu không có chỗ ạ,” Theodore nói.

“Ừm, để tôi xem có thể thu xếp được không.”

Chương Mười Bảy

Khi các vị bồi thẩm đã an tọa, cả phòng xử yên ắng, và mọi cặp mắt đều đổ dồn về phía Thẩm phán Gantry, ông lên tiếng, “Ông Nance, tôi được biết ông còn một nhân chứng nữa.”

Clifford Nance đứng lên, dáng vươn thẳng và hệ trọng, rồi nói với giọng như diễn kịch, “Thưa ngài Thẩm phán, bên bị xin cho gọi chính ông Pete Duffy.”

Không khí đột nhiên căng thẳng khi bị cáo tự mình đến bên ghế nhân chứng. Cuối cùng, sau bốn ngày xét xử dài đằng đẵng, kẻ bị buộc tội có dịp đứng ở vị trí này và kể lại câu chuyện theo phía mình. Nhưng làm vậy ông ta cũng khiến chính mình trở thành đối tượng bị bên nguyên thẩm vấn. Theodore biết trong sáu mươi lăm phần trăm các vụ giết người, bị cáo không chịu làm nhân chứng, và cậu cũng hiểu lý do tại sao. Trước hết, họ thường là những kẻ phạm tội giết người và không chịu được một cuộc thẩm vấn chéo căng thẳng, tình vi. Thứ hai, họ thường có tiền sử từng vướng vào một hành vi phạm tội hình sự nào đó trước đây, nên khi đứng ở bục nhân chứng, quá khứ sẽ gây bất lợi cho họ. Trong mỗi phiên tòa, thẩm phán đều cố giải thích với các bồi thẩm rằng bị cáo không buộc phải làm nhân chứng, không phải nói một lời nào, cũng không phải có người đại diện làm nhân chứng. Trách nhiệm nặng nề chứng minh anh ta có tội thuộc về bên nguyên.

Theodore cũng biết các vị bồi thẩm thường nghi ngờ một bị cáo nếu người này không chịu làm nhân chứng để tự cứu chính mình. Liệu họ có nghi ngờ Pete Duffy không, Theodore cũng không dám chắc. Mọi người

không rời mắt dõi theo ông ta bước đến ghế nhân chứng, giơ tay và tuyên thệ sẽ chỉ nói sự thật.

Theodore có thể nhìn rõ tất cả bởi, nhờ Thẩm phán Gantry, cậu đang ngồi ở vị trí có tầm nhìn bao quát ngay hàng thứ hai, phía sau bàn bên bị, bên phải cậu là Ike, bên trái là bố. Mẹ có cuộc hẹn phải quay trở lại văn phòng. Bà bảo không thể lãng phí cả buổi chiều ở phiên tòa, mặc dù cả ba người nhà Boone còn lại đều thấy rõ bà muốn ở lại đến thế nào.

Clifford Nance hăng giọng, yêu cầu bị cáo khai tên, một thủ tục cần thiết nhưng khá ngớ ngẩn trong những tình huống như vậy. Mọi người trong phòng xử không chỉ biết Pete Duffy, mà còn biết rất nhiều về ông ta. Ông Nance bắt đầu hàng loạt những câu hỏi đơn giản. Ông ấy câu giờ với những tiểu tiết - như lịch sử gia đình ông Duffy, trình độ học vấn, công việc, không có tiền án tiền sử, đại loại thế. Hai người ngôn hàng giờ với màn hỏi qua đáp lại, và người ở ghế nhân chứng đã kịp thiết lập một thói quen. Ông ta thường liếc nhìn các vị bồi thẩm trong khi cố tạo giọng ung dung thư thái. Hãy tin tôi đi, ông ta dường như đang cố nói vậy.

Ông ta là một người đàn ông ưa nhìn khoác com lê sành điệu, điều này khiến Theodore thấy hơi kỳ cục vì không ai trong năm vị bồi thẩm nam mặc áo khoác hay đeo cà vạt cả. Theodore từng đọc mấy bài báo về chiến thuật luật sư và thân chủ nên chọn mặc đồ ra sao trong phiên xét xử.

Màn hỏi qua đáp lại cuối cùng cũng chuyển sang phần quan trọng khi ông Nance đề cập đến khoản bảo hiểm nhân thọ một triệu đô la của bà Myra Duffy. Nhân chứng giải thích ông có niềm tin vững chắc đối với bảo hiểm nhân thọ, rằng khi còn là thanh niên có vợ trẻ con thơ, ông đã luôn để dành tiền đầu tư vào bảo hiểm nhân thọ, cả cho mình và vợ. Rằng bảo hiểm nhân thọ là công cụ hữu hiệu để bảo vệ gia đình trong trường hợp một trong hai người chết sớm. Sau này, cưới người vợ thứ hai, bà Myra, ông cũng khẳng khái mua bảo hiểm nhân thọ. Và bà Myra đồng ý. Thực tế, nâng lên mức một triệu đô la chính là ý tưởng của bà ấy. Bà muốn được bảo vệ trong trường hợp có chuyện gì đó xảy ra với ông.

Ông Duffy có vẻ không giữ được bình tĩnh cho lắm nhưng những lời của ông thì có thể tin được. Các vị bồi thẩm lắng nghe chăm chú. Theodore

cũng vậy, và hơn một lần, cậu phải tự nhủ với bản thân rằng mình đang theo dõi phiên tòa lớn nhất trong lịch sử Strattenburg. Thêm nữa, cậu cũng đang cúp học có lý do.

Từ chuyện bảo hiểm nhân thọ, ông Nance chuyển hướng cuộc đối thoại sang các dự án kinh doanh của ông Duffy. Tới đây, nhân chứng thực sự ghi điểm. Ông ta thừa nhận một số dự án bất động sản của mình đang gặp khó khăn, rằng một vài ngân hàng đang thúc ép ông ta, rằng ông ta đã mất vài đối tác và đã mắc chút sai lầm. Về nhún nhường của ông ta thật xúc động và được các vị bồi thẩm ghi nhận. Điều đó khiến ông ta càng đáng tin hơn. Ông ta khẳng định không chịu thừa nhận mình đang ở bên bờ vực phá sản, và nhất quyết rằng sẽ xúc tiến hàng loạt động thái ấn tượng để gỡ nợ và cứu gia sản của mình.

Một số điều ông ta nói trượt qua đầu Theodore, và cậu nghĩ là vài vị bồi thẩm cũng đang hơi bối rối. Không quan trọng. Clifford Nance đã cho thân chủ mình chuẩn bị kỹ lưỡng.

Theo giả thiết của bên nguyên, động cơ giết người là tiền và lòng tham. Giả thiết này càng lúc càng giảm sức nặng.

Sau đó ông Nance chuyển sang vấn đề tế nhị, các rắc rối trong hôn nhân của ông bà Duffy, và một lần nữa nhân chứng đã làm tốt phần việc của mình. Ông ta thừa nhận họ từng có lúc ông chẳng bà chuộc. Phải, họ đã tới gặp các nhà tư vấn hôn nhân. Phải, họ đã tìm gặp nhiều luật sư khác nhau chuyên về các vụ ly hôn. Phải, họ có cãi cọ, nhưng không lần nào dùng tới bạo lực. Và phải, đã có một lần ông chuyển ra ngoài, nhưng một tháng khổ sở ấy càng khiến ông quyết tâm hàn gắn mọi sự. Vào thời điểm vợ ông bị giết, họ đang sống chung hạnh phúc, và đang xây dựng kế hoạch cho tương lai.

Lại thêm một vết rạn nữa trong giả thiết của bên nguyên.

Thời gian buổi chiều dần trôi qua, Clifford Nance lái cuộc thẩm vấn sang chủ đề golf, rồi họ lại ngốn rất nhiều thời gian. Quá nhiều thời gian, Theodore nghĩ vậy. Ông Duffy một mực khẳng định ông thích chơi golf một mình hơn và rằng ông đã chơi như vậy có đến cả thập kỷ nay rồi. Ông Nance đưa ra một tệp hồ sơ, giải thích với thẩm phán rằng trong đó có

phiếu ghi điểm của thân chủ mình cách đây hai mươi năm. Ông đưa một bản cho nhân chứng để xác nhận. Hồ sơ này được rút ra từ một sân golf ở California, mười bốn năm trước. Ông đã có một trận tám mươi một gậy, vượt par chín gậy. Ông ta chơi một mình.

Phiếu ghi điểm lần lượt được trình ra, và cuộc thẩm vấn chẳng mấy chốc trở thành cuộc diễu hành qua các sân golf trên khắp nước Mỹ. Pete Duffy rất chăm chỉ chơi golf. Ông ta thực sự nghiêm túc. Ông ta lưu giữ tất cả các phiếu ghi điểm. Và ông ta vẫn chơi một mình. Ông ta tiếp tục giải thích mình cũng có chơi với bạn bè, chơi để bàn công chuyện, thậm chí chơi với cả cậu con trai mỗi khi có dịp. Nhưng ông vẫn thích chơi một mình hơn, một mình một sân.

Cuộc diễu hành kết thúc, có vẻ như lại thêm một giả thiết khác của bên nguyên bị bắn rụng. Ý niệm rằng Pete Duffy đã tính toán cho vụ giết người từ hai năm trước, rằng ông bắt đầu rút về chơi golf một mình để khi rời sân không ai chứng kiến, xem ra không xác thực.

Theodore đang nghĩ: Có bốn người trong phòng xử đông đúc này biết sự thật. Minh, Ike, bố và Pete Duffy. Những người này biết chính ông ta đã giết vợ.

Ike đang nghĩ: Gã này sẽ được tự do, chúng ta không làm gì được rồi. Một tội ác hoàn hảo.

Woods Boone đang nghĩ: Làm sao để tìm ra nhân chứng bí ẩn kia mà đưa đến đây trước khi quá muộn?

Tám phiếu cuối cùng là của ngày xảy ra án mạng. Ông Duffy chơi mười tám lỗ, đánh vượt par sáu gậy, và cũng chơi một mình. Tất nhiên, tám phiếu do ông ta giữ, nên có thể đặt vấn đề về tính chính xác.

(Theodore đã học được rằng, trong môn golf, hầu hết các tấm phiếu ghi điểm không phản ánh đúng số gậy thực sự.)

Ông Nartce trở nên trầm buồn hơn khi hỏi thân chủ về ngày xảy ra án mạng, và người thân chủ trả lời rất trôi chảy. Giọng ông Duffy khẽ khọt, có phần ai oán đau buồn khi nói về cái chết thương tâm của vợ.

Chẳng biết ông ta có khóc không nhỉ, Theodore tự hỏi, bản thân cậu cũng cảm thấy mũi lòng bởi màn thẩm vấn.

Pete Duffy cố nén những giọt nước mắt và có màn thể hiện xuất sắc khi mô tả mình đã sững sốt đến thế nào lúc nghe tin, đã lao vội về nhà bằng chiếc xe golf, và thấy cảnh sát ở đó. Xác vợ ông vẫn chưa bị chuyển đi, và khi nhìn thấy vợ, ông đã đổ sụp xuống, may mà nhờ một điều tra viên đỡ dậy. Sau đó, ông được bác sĩ chăm sóc và kê thuốc.

Đồ dối trá, Theodore nghĩ. Đồ đạo đức giả. Chính ông đã giết vợ mình. Có nhân chứng. Tôi có cả bằng chứng là đôi găng tay giấu trong văn phòng kia.

Pete Duffy lại nói về cơn ác mộng khi gọi điện báo tin cho gia đình vợ, gia đình ông ta, bạn bè, cũng như việc trù liệu tổ chức lễ tang và chôn cất. Về nỗi cô đơn. Về sự trống vắng trong chính ngôi nhà nơi người vợ yêu dấu của ông ta bị sát hại. Về suy nghĩ sẽ bán ngôi nhà để chuyển đến nơi khác, về những chuyến thăm nghĩa trang thường nhật.

Kế đến là nỗi kinh hoàng khi bị nghi ngờ, bị cáo buộc, bị truy tố, bị bắt và tạm giam. Sao lại có người nghi ngờ ông sát hại người phụ nữ mà ông yêu thương và ngưỡng mộ?

Cuối cùng ông ta ngã quy. Ông ta cố kiềm chế bản thân dụi mắt và luôn mồm nói, “Tôi xin lỗi. Tôi xin lỗi.” Thật xúc động, Theodore quan sát mặt các vị bồi thẩm. Cảm thông và thương cảm vô cùng. Duffy nhỏ nước mắt để cứu chính mình, và điều này đang có tác dụng.

Trong lúc thân chủ cố lấy lại bình tĩnh, Clifford cảm ơn Nance, quyết định họ đã ghi đủ điểm. Ông ta tuyên bố, “Không còn câu hỏi nào nữa, thưa quý tòa. Phần chứng tôi với nhân chứng kết thúc.”

Ông Jack Hogan lập tức đứng dậy nói, “Tôi xin đề nghị giải lao một lúc được chứ ạ, thưa Thẩm phán?” Một cuộc nghỉ giải lao mang tính chiến thuật, tách các vị bồi thẩm khỏi cảm xúc từ cuộc thẩm vấn. Lúc đó cũng là 3 giờ 30. Mọi người đều cần xả hơi.

“Mười lăm phút,” Thẩm phán Gantry tuyên bố. “Sau đó sẽ đến phần thẩm vấn chéo.”

Mười lăm phút kéo ra thành nửa tiếng. “Ông ấy đang câu giờ,” Ike phát biểu. “Giờ là chiều thứ Sáu. Mọi người đều mệt mỏi. Ông ấy sẽ cho các vị bồi thẩm ra về và trở lại vào thứ Hai.”

“Không rõ nữa,” Woods Boone nói. “Cũng có thể ông ấy muốn nghe tranh tụng luôn vào chiều nay.”

Họ tụ tập ở sảnh, gần máy bán đồ uống tự động. Nhiều nhóm khán giả khác đang chờ đợi, chốc chốc lại ngó lên đồng hồ treo tường. Omar Cheepe xuất hiện, tìm đồ uống. Ông ta bỏ vào máy vài đồng xu, chọn thức uống trong lúc liếc nhìn mấy người nhà Boone, rồi lấy lon nước khỏi khay.

Ike vẫn tiếp tục. “Hogan sẽ không đụng được đến ông ta. Ông ta quá khôn ngoan.”

“Bồi thẩm đoàn sẽ kết luận ông ta không có tội chỉ trong vòng nửa tiếng,” Woods nói.

“Ông ta sẽ được tự do,” Theodore thêm vào.

“Thực sự bố cần phải trở lại văn phòng,” Woods nói.

“Ta cũng vậy,” đến lượt Ike. Đúng là nhà Boone.

Nhưng chẳng ai nhúc nhích vì thực tình cả hai đều muốn xem kết cục của phiên tòa. Theodore chỉ thấy vui vì hai người đó đứng bên nhau, cùng trò chuyện, thật là hiếm có dịp.

Phía cuối hành lang có sự chuyển dịch, đám đông bắt đầu kéo về phòng xử. Một vài người đã ra về. Dẫu sao thì đây cũng là chiều thứ Sáu.

Khi mọi người đã ở bên trong phòng xử, ổn định chỗ ngồi, Thẩm phán Gantry trở lại ghế chủ tọa và gật đầu với Jack Hogan. Đã đến lúc thẩm vấn chéo. Khi bị cáo ở vị trí nhân chứng còn bên nguyên có quyền đặt câu hỏi với ông ta một cách gay gắt, thì kết quả thường khá tệ.

Jack Hogan bước đến chỗ nhân chứng, đưa cho Pete Duffy một tập tài liệu. “Nhận ra cái này chứ, ông Duffy?” Hogan bắt đầu, mỗi nghi ngờ buông ra trong từng câu chữ.

Duffy không lấy gì làm vội vàng, ngó qua một lượt, mặt trước, mặt sau, giở vài trang. “Có,” cuối cùng ông ta nói.

“Xin cho quý bồi thẩm biết đó là cái gì?”

“Là một bản thông báo tịch biên.”

“Tịch biên tài sản nào?”

“Trung tâm Mua sắm đường Rix.”

“Ở Strattenburg này phải không?”

“Phải.”

“Trung tâm Mua sắm đường Rix đó thuộc sở hữu của ông?”

“Phải, của tôi và một đối tác khác.”

“Ngân hàng đã gửi ông bản thông báo tịch biên này vào tháng Chín năm ngoái vì ông chậm thanh toán theo quý khoản nợ thế chấp. Có phải vậy không?” “Đó là ngân hàng nói vậy”

“Ông không đồng tình sao, ông Duffy? Ông sẽ nói với bồi thẩm đoàn rằng ông không chậm thanh toán khoản nợ thế chấp đối với tài sản này hồi tháng Chín năm ngoái?” Jack Hogan huơ huơ mấy tờ giấy, như thể ông có rất nhiều bằng chứng.

Duffy im lặng, rồi trình ra một nụ cười nhếch mép giả tạo. “Vâng, chúng tôi đã chậm trả.”

“Thế ngân hàng đã cho ông vay bao nhiêu để mua tài sản này?”

“Hai trăm nghìn đô la.”

“Hai trăm nghìn đô la,” Hogan nhắc lại trong lúc nhìn bồi thẩm đoàn. Rồi ông về bàn mình, đặt xấp giấy tờ xuống và nhặt một xấp khác lên. Ông đi ra phía sau bục nhân chứng, rồi nói, “Bây giờ, ông Duffy, ông có sở hữu một nhà kho ở phố Wolf thuộc khu công nghiệp Strattenburg không?”

“Có, thưa ông. Tôi còn hai đối tác khác nữa.”

“Và các ông đã bán nhà kho đó, đúng không?”

“Phải, chúng tôi đã bán rồi.”

“Các ông mới bán hồi tháng Chín, đúng không?”

“Nếu ông nói vậy. Tôi chắc ông đã có đủ giấy tờ.”

“Thực ra là vậy. Giấy tờ tôi có trong tay cho thấy nhà kho đó được chào bán hơn một năm nay, mức giá chào là sáu trăm nghìn đô la, khoản vay ở Ngân hàng Bang là năm trăm năm mươi, và cuối cùng ông và đối tác đã bán cái kho đó với giá chỉ hơn bốn trăm ngàn.” Hogan vừa nói vừa vung xấp giấy tờ vào không khí. “Ông đồng ý vậy chứ, ông Duffy?” “Nghe có vẻ đúng vậy.”

“VẬY là ông mất kha khá tiền trong thương vụ kia phải không ông Duffy?”

“Đó không phải là một trong những thương vụ thành công của tôi.”

“Ông có bức thiết phải bán nhà kho đó không?”

“Không.”

“Ông có cần tiền mặt không, ông Duffy?”

Nhân chứng thay đổi tư thế, có phần hơi không thoải mái. “Chúng tôi, các đối tác và tôi, cần bán nhà kho đó.”

Hai mươi phút sau đó, Hogan xoay quanh chuyện Pete Duffy với các đối tác và đối thủ tài chính. Duffy không chịu thừa nhận mình đã lâm vào tình trạng tuyệt vọng. Nhưng, khi cuộc thẩm vấn chéo càng lúc càng căng thẳng, có thể thấy rõ nhân chứng đang phải gồng mình chống đỡ hết đòn này đến đòn kia. Hogan có rất nhiều giấy tờ. Ông đưa ra bản sao của hai vụ kiện trong đó các đối tác cũ chống lại ông Pete Duffy. Ông chất vấn nhân chứng về những lý lẽ viện dẫn trong các vụ kiện này. Duffy chối bay rằng ông ta chẳng có lỗi gì, rằng cả hai vụ đều không đi đến đâu cả. Ông ta thừa nhận việc kinh doanh của mình đang khốn đốn, nhưng cũng khẳng định rằng còn lâu mới đến mức phá sản.

Jack Hogan đã làm được kỳ tích khi khắc họa chân dung Duffy như một doanh nhân bán tiền luôn phải xoay chạy mà hiếm khi kịp hẹn với chủ nợ. Nhưng kết nối các vấn đề của ông ta với động cơ giết người thì lại là chuyện khác.

Để thay đổi đề tài, Hogan sửa soạn cho một trận giội bom khác. Ông lịch sự chọc ngoáy loanh quanh những vấn đề bất ổn trong cuộc hôn nhân của Duffy, và sau mấy câu đơn giản, ông hỏi, “Bây giờ, ông Duffy, ông khai đã chuyển ra ngoài sống, đúng vậy không?”

“Phải.”

“Cuộc ly thân này kéo dài một tháng?”

“Tôi không gọi đó là ly thân. Chúng tôi không bao giờ nhìn nhận vấn đề theo hướng đó.”

“VẬY phải gọi là gì?”

“Thưa ông, chúng tôi cũng không bận tâm phải đặt tên gì cho nó.”

“Cứ cho là vậy. Ông chuyển ra khi nào?”

“Tôi không ghi nhật ký, nhưng vào khoảng tháng Bảy năm ngoái.”

“Khoảng ba tháng trước khi xảy ra án mạng?”

“Có lẽ vậy.”

“Ông đã ở đâu trong thời gian chuyển ra ngoài?”

“Tôi không chắc là chuyển ra ngoài, thưa ông. Tôi chỉ mang theo ít quần áo và rời khỏi nhà.”

“OK. Vậy ông đã đi đâu?”

“Tôi ở khách sạn Marriott ngay cuối phố vài đêm. Rồi mấy đêm ở nhà đối tác. Ông ấy đã ly dị và sống một mình. Đó thực sự là một tháng tồi tệ.”

“Vậy ông ở nay đây mai đó? Trong khoảng một tháng?”

“Đúng vậy.”

“Rồi ông trở về nhà, hàn gắn với bà Duffy, và đang dự định sống với nhau hạnh phúc mãi mãi thì bà ấy bị sát hại?”

“Đây có phải là câu hỏi?”

“Hãy trả lời. Đây đúng là câu hỏi dành cho ông, ông Duffy.” Jack Hogan trở lại với một xấp giấy tờ. Ông đưa cho nhân chứng một bản, liếc nhanh và nhận ra Pete Duffy đang tái người.

“Ông nhận ra nó chứ, ông Duffy?”

“Ừm, tôi không chắc lắm” Duffy nói, giở tập giấy để đánh trống lảng.

“Vậy cho phép tôi giúp ông. Đó là bản hợp đồng bốn trang thuê một căn hộ ở Weeksbury, cách đây ba mươi dặm. Đây là căn hộ xinh xắn, hai phòng ngủ, đầy đủ nội thất, trong một khu chung cư xa xỉ, hai nghìn đô một tháng. Ông nhớ ra chưa, ông Duffy?”

“Không rõ lắm. Tôi...”

“Thời hạn một năm, từ tháng Sáu năm ngoái.”

Duffy nhún vai như thể vẫn chưa nhớ ra được chút nào. “Không phải do tôi ký.”

“Không phải do ông, mà do thư ký của ông, một bà Judith Maze nào đó, một phụ nữ sống cùng chồng ở chính Strattenburg này suốt hai mươi năm qua. Đúng không, ông Duffy?”

“Nếu ông đã nói vậy. Bà ấy là thư ký của tôi.”

“Tại sao bà ấy ký hợp đồng thuê căn hộ đó?”

“Tôi không biết. Có lẽ ông nên hỏi bà ta.”

“Ông Duffy, ông có thực sự muốn tôi mời bà ấy đến đây làm nhân chứng không?”

“Ừm, có chứ. Xin mời ông.”

“Ông đã bao giờ nhìn thấy căn hộ này chưa, ông Duffy?”

Duffy điếng người, ngơ ngác và chới với như đang tuột dốc. Ông ta liếc nhìn bồi thẩm đoàn, nở một nụ cười giả tạo nữa, rồi trả lời, “Có chứ, tôi đã ở đó một vài lần.”

“Một mình ư?” Hogan cao giọng với mỗi nghi ngờ tuyệt đối và đúng lúc.

“Tất nhiên tôi ở một mình. Tôi tới đó vì công việc, rồi bị muộn, nên ở lại căn hộ đó.”

“Thuận tiện làm sao nhỉ. Vậy ai trả tiền thuê căn hộ?”

“Tôi không biết. Ông phải hỏi bà Maze.”

“Vậy ông đang nói với bồi thẩm đoàn, thưa ông Duffy, rằng ông không thuê căn hộ đó và ông không phải là người trả tiền thuê?”

“Đúng vậy.”

“Và rằng việc thuê căn hộ này không liên quan gì đến các vấn đề giữa ông với bà Duffy?”

“Không hề. Một lần nữa, tôi khẳng định mình không thuê căn hộ đó.”

Với Theodore, người đã biết sự thật, sự thành thật của Pete Duffy vô cùng đáng ngờ. Rõ ràng ông ta đang nói dối về căn hộ. Nếu ông ta đã nói dối một lần, thì ông ta cũng có thể nói dối lần khác nữa.

Rốt cuộc Jack Hogan không có cách nào chứng minh ông Duffy có thường xuyên sử dụng căn hộ đó hay không. Ông đành chuyển sang chủ đề golf, và cuộc chất vấn của ông giảm nhiệt hẳn. Duffy hiểu về go lf hơn hẳn vị luật sư bên nguyên, và hai người đã giằng co tranh cãi về những điểm vật vãnh suốt cả giờ đồng hồ.

Cuối cùng khi Jack Hogan cũng chịu về chỗ ngồi thì đã gần 6 giờ chiều. Thẩm phán Gantry ngay lập tức thông báo, “Tôi đã quyết định không mở tiếp phiên xử vào ngày mai. Tôi nghĩ các vị bồi thẩm đây cần được nghỉ

ngôi. Tôi hy vọng mọi người có được một kỳ nghỉ cuối tuần thành thơi, êm ả, và xin gặp lại quý vị tại đây vào 9 giờ sáng thứ Hai. Lúc đó, chúng ta sẽ tranh tụng bề mặt, và các vị bồi thẩm sẽ phán quyết. Xin nhắc lại quy định theo thông lệ. Đề nghị không thảo luận về vụ án. Nếu có bất cứ ai liên hệ với quý vị để bàn về vụ án, thì hãy thông báo ngay cho tôi. Cảm ơn các vị đã tận tâm. Xin gặp lại vào thứ Hai.”

Nhân viên chấp pháp tiễn các vị bồi thẩm ra theo lối cửa bên. Khi họ đi rồi, Thẩm phán Gantry nhìn các vị luật sư, nói, “Các vị còn điều gì muốn nói nữa không?”

Jack Hogan đứng dậy nói, “Lúc này thì không còn gì, thưa Thẩm phán.” Clifford Nance cũng đứng dậy, lắc đầu.

“Tốt lắm. Tòa tạm nghỉ đến chín giờ sáng thứ Hai.”

Chương Mười Tám

Lần đầu tiên sau bao đêm, Theodore mới được ngủ ngon giấc. Sáng thứ Bảy, cậu dậy rất muộn, và cho tới khi cùng Judge xuống đến tầng dưới, cậu mới nhận ra trong bếp đang diễn ra một cuộc họp gia đình bất thường. Bố cậu đang bóc trứng bên bếp. Mẹ cậu, vẫn đang mặc váy ngủ, ngồi ở đầu bàn, tay lướt trên bàn phím, mắt dán vào màn hình. Còn Ike, người theo trí nhớ của Theodore chưa từng xuất hiện trong căn nhà này suốt mười ba năm qua kể từ khi Theodore ra đời, đang ngồi ở đầu kia bàn, tờ báo mở rộng trước mặt. Ông đang nghiên cứu mục rao vặt, vừa đọc vừa đánh dấu. Ông mặc bộ đồ thể thao màu cam bạc màu, đội chiếc mũ Yankees cũ kỹ. Không khí ngọt ngào với mùi bữa sáng và mùi của những cuộc đối thoại bị xen ngang và chưa kết thúc. Judge chạy thẳng tới bếp gỡ bài đòi ăn.

Mọi người chào nhau. Theodore cũng bước tới bên bếp, ngó nghiêng đồ ăn. “Trứng đã trắng rồi đấy” bố cậu nói. Bố còn hiếm khi nấu ăn hơn cả mẹ, trứng trông chưa được chín, đấy là Theodore nghĩ vậy. Cậu tự rót cho mình ít nước nho ép rồi ngồi vào bàn.

Không ai nói gì cho đến khi Ike lên tiếng, “Đây có một căn hộ ghép hai buồng ngủ ở Millmont. Sáu trăm một tháng. Khu đó cũng không đến nỗi nào.” “Millmont được đấy,” ông Boone nói.

“Bà ấy kiếm được bảy đô một giờ, làm ba mươi tiếng một tuần,” bà Boone vẫn không nhìn lên. “Trừ thuế và những khoản tối cần thiết, may ra bà ấy trả được ba trăm đô một tháng tiền thuê. Căn đó bà ấy không lo nỗi đâu. Vì thế người ta mới phải ở Nhà Tình thương.”

“Vậy cô nghĩ moi đâu được một căn hộ ba trăm đô một tháng?” Ike hỏi, giọng có phần mai mỉa. Ông nói mà cũng không nhìn lên. Thực ra lúc này chẳng ai nhìn ai cả.

Theodore chỉ nghe và quan sát.

Ông Boone nói, “Nếu đây là căn hộ ghép, có thể chủ nhà sống đơn thân. Tôi nghĩ họ chẳng chịu cho người El Salvador hay người nơi khác đến thuê đâu.” Ông thả thêm mấy quả trứng lên đĩa, cùng một chiếc bánh xốp nướng, rồi đẩy đến trước mặt

Theodore, cậu khẽ nói, “Cảm ơn bố.” Judge cuối cùng cũng có phần trứng của nó trong bát.

Theodore cắn một miếng, khẽ nhai, lắng nghe sự im lặng. Thái độ thờ ơ của mọi người không muốn cậu tham gia vào chủ đề họ đang thảo luận khiến cậu bực mình. Món trứng thì nhão nhoét.

Cuối cùng cậu nói, “Mọi người đang tìm căn hộ để thuê ạ?”

Ike cố rặn ra tiếng, “À há.”

Người El Salvador. Đang sống ở Nhà Tình thương. Cậu thu gom dữ liệu.

“Woods,” bà Boone vẫn không rời mắt khỏi máy tính. “Nick Wetzel quảng cáo lo giấy tờ cho người nhập cư. Đây có phải luật sư tên tuổi không? Em chưa bao giờ gặp ông ta.”

“Ông ta quảng cáo nhiều lắm,” ông Boone trả lời. “Ông ta từng lên truyền hình tìm mua xe hỏng. Anh là anh cứ tránh xa.”

“Vậy thì, chỉ có hai luật sư trong thị trấn quảng cáo về việc làm giấy tờ di trú” bà nói.

“Vậy gặp cả hai người,” Ike đề xuất.

“Em cũng nghĩ vậy,” bà đáp lời.

“Mọi người đang bàn chuyện gì ạ?” Rốt cuộc Theodore hỏi.

“Chúng ta sẽ có một ngày bận rộn, Theodore” bố cậu vừa nói vừa mang tách cà phê tới ngồi vào bàn “Con với bố sẽ có một trận golf cực kỳ quan trọng.”

Theodore không thể không mim cười. Hầu như thứ Bảy nào hai bố con cũng chơi, nhưng vài ngày qua Theodore hầu như quên mất vụ này. Cậu,

cùng với phần còn lại của thị trấn này, đều nhận định phiên xử sẽ kéo sang thứ Bảy nên hẳn nhiên đã định sẽ có mặt ở tòa án.

“Tuyệt. Khi nào ạ?”

“Khoảng ba mươi phút nữa bố con ta đi.”

Ba mươi phút sau, hai bố con chất gậy golf lên chiếc SUV của ông Boone, không ngớt tấm tắc vì thời tiết đẹp. Đang là giữa tháng Tư, trời không mây, nhiệt độ chừng 21 độ C, đồ yên đang khoe sắc, hàng xóm đang lúi húi bên những luống hoa.

Được vài phút, Theodore hỏi, “Bố, mình đi đâu đây?” Rõ ràng họ không hướng đến sân golf thị trấn Strattenburg, nơi duy nhất hai bố con từng chơi.

“Hôm nay bố con ta thử một sân mới.”

“Sân nào ạ?” Theodore chỉ biết ba cái trong vùng.

“Waverly Creek.”

Theodore để hai chữ đó ngấm vào, rồi mới thốt lên, “Tuyệt, bố ơi. Hiện trường vụ án.”

“Đại loại thế. Bố có một khách hàng sống ở khu đó mời mình tới chơi. Nhưng ông ta không đến. Chỉ có hai bố con. Mình sẽ chơi ở sân Creek, ở đó chắc sẽ không đông lắm.”

Mười phút sau họ lăn bánh qua một lối vào khá rộng của Waverly Creek. Bức tường đá đồ sộ chạy dọc con đường rồi mất hút ở khúc quanh. Mọi xe ra vào đều phải dừng trước một cánh cổng lớn nặng nề. Một người mặc đồng phục bước ra khỏi phòng bảo vệ tiến đến chỗ họ trong lúc ông Boone dừng lại, hạ kính xe.

“Xin chào,” người gác cổng nói, tay mang sổ ghi chép, nở nụ cười.

“Xin chào. Tôi là Woods Boone. Đến chơi golf. Thời gian đăng ký là 10 giờ 40. Khách của Max Kilpatrick.”

Người gác cổng xem sổ rồi nói, “Hân hạnh đón tiếp, ông Boone. Mời ông đeo cái này vào cho.” Anh ta đưa ra một tấm thẻ màu vàng rồi nói, “Chúc ông chơi vui vẻ.”

“Cảm ơn,” ông Boone trả lời, cánh cửa bắt đầu mở ra.

Theodore đã một lần đi qua cánh cổng này vài năm trước, nhân dịp sinh nhật một người bạn giờ đã chuyển đi nơi khác. Cậu nhớ những ngôi nhà bề

thế, những lối xe chạy trải dài, những chiếc xe sang trọng, những thảm cỏ trước nhà đẹp đẽ.

Hai bố con lái xe dọc một con đường hẹp rợp bóng cây già, ngang qua vài đường lăn bóng. Nơi đây được cắt tĩa từng li từng tí, không khác nào hình ảnh trên các tạp chí golf. Ở mỗi khu tee (khu phát bóng) đều có các tay golf đang phát bóng và ở mỗi lỗ bóng còn có nhiều tay golf hơn đang cúi người trên gậy chơi. Theodore bắt đầu cảm thấy bức bối. Cậu thích nhất là được chơi một trận mười tám lỗ với bố trên một sân golf vắng, và không gì tệ hơn là phải cố đánh một cú bóng khi bị cả nhóm người chờ đợi và nôn nóng quan sát từ phía sau.

Nhà cậu lạc bộ đông cứng người. Hàng chục tay golf đến chơi vào một ngày đẹp trời như thế. Ông Boone đăng ký, lấy xe golf, rồi cả hai cho xe lăn bánh đến khu tập phát bóng. Theodore háo hức nhìn quanh, hy vọng thấy bóng dáng anh họ của Julio. Hoặc có khi trông thấy chính Pete Duffy đang phờn phơ với mấy lỗ golf cùng bạn bè sau một tuần căng thẳng tại phiên tòa. Ông ta được đóng tiền bảo lãnh ngay trong ngày bị bắt và còn chưa từng phải đặt chân đến gần phòng tạm giam. Và, với những gì diễn ra ở phiên tòa, chẳng mấy khả năng ông ta sẽ bị bắt.

Nhưng Theodore chẳng trông thấy ai trong hai người đó. Việc cậu đang nghĩ về họ chỉ cho thấy cậu chẳng mấy may quan tâm đến món golf. Cậu đánh lăng quăng mấy quả rồi mới bận tâm tới trận đấu của mình.

Hai bố con phát bóng đúng giờ, ông Boone bên tee xanh, Theodore bên tee trắng, ở phía xa cuối đường lăn bóng. Cú phát của cậu là một cú đánh thẳng chỉ xa tầm chín chục mét. “Con phải hơi cúi xuống” bố cậu nhắc khi hai bố con lên xe golf. Trong cả buổi chơi còn nhiều lời nhắc nhở kiểu vậy nữa. Ông Boone đã chơi golf ba mươi năm, là một tay golf trung bình, và cũng giống những tay golf khác, ông thường không tìm được thói quen dạy bảo, nhất là với con trai mình. Theodore rất chịu lắng nghe. Cậu cần được giúp nhiều.

Trước mặt họ có một nhóm bốn người đang chơi, nhưng phía sau họ thì không có ai. Sân Creek ngắn hơn, hẹp hơn và vì thế, ít người thích chơi hơn. Sân được thiết kế dựa theo địa hình uốn khúc của Waverly Creek, một

con সুối đẹp nhưng hơi quanh co. Sân chín lỗ mạn Bắc và chín lỗ mạn Nam đông người chơi, chứ sân Creek thì không.

Khi đã ngồi lên xe golf ở gần nơi xuất phát và chờ nhóm bốn người đánh lỗ ba, ông Boone nói, “Được rồi, Theodore, chúng ta có một kế hoạch. Ike đang tìm một căn hộ cho gia đình Pena. Một căn hộ nhỏ giá rẻ thôi. Nếu họ cần giúp đỡ trong việc thuê nhà, bố mẹ sẽ giúp họ một khoản. Việc này bố mẹ đã trao đổi mấy tháng nay rồi, không có gì mới đâu. Ike, bác ấy rất có lòng muốn giúp nhưng tiền bạc không cho phép. Nếu chúng ta nhanh chóng tìm được một căn hộ, có thể Carola sẽ thuyết phục được cháu mình, tức là anh họ Julio, về sống với họ. Môi trường đó sẽ ổn định hơn cho tất cả bọn họ. Hiện Ike vẫn đang tìm kiếm. Còn mẹ thì đang nói chuyện với luật sư di trú. Có thể có cách nào đó, theo luật liên bang, cho phép người nhập cư trái phép trở thành hợp pháp nếu người đó được một công dân Mỹ bảo lãnh, còn bản thân thì có việc làm. Cứ thử xem sao.”

Họ phát bóng, lên xe thông thả chạy dọc con đường dành cho xe golf. Cả hai cú phát bóng đều rơi vào khu vực mấp mô.

Ông Boone vừa lái xe vừa nói tiếp. “Mẹ con và bố muốn bảo lãnh cho anh họ của Julio. Bố có thể kiếm cho cậu ấy một công việc tốt hơn, một việc hợp pháp, và nếu ở cùng gia đình dì mình thì trong vòng hai năm, cậu ta có thể được cấp giấy nhập cư hợp pháp. Còn vụ quốc tịch thì lại là vấn đề khác.” “Đổi lại thì thế nào ạ?” Theodore hỏi.

“Không phải là việc đổi chác gì đâu. Bố mẹ muốn giúp gia đình Peha để họ không phải ở Nhà Tình thương nữa, và bố mẹ vẫn sẽ làm vậy dù có chuyện gì xảy ra với anh họ của Julio. Nhưng mình sẽ phải thuyết phục cậu ta ra trình diện, chấp nhận thẩm vấn, kể rõ sự thật và đứng ra làm chứng trước bồi thẩm đoàn.”

“Làm sao mình thuyết phục anh ấy làm vậy được?”

“Phần việc đó vẫn đang phải bàn.”

Quả bóng của Theodore ở gần lối dành cho xe golf, khá xa đường bóng lăn. Cậu đánh một cú khá đẹp mắt bằng cây gậy sắt số năm, bóng cách lỗ chừng hơn bốn lăm mét.

“Tuyệt lắm, Theodore.”

“Thỉnh thoảng con cũng gặp may mà.”

Lỗ số sáu nằm trên khúc quanh bên trái, một đường bóng lăn rộng hơn vót những ngôi nhà xinh xắn chạy dọc mép phải. Từ khu phát bóng, hai bố con có thể trông thấy phần sau ngôi nhà của ông bà Duffy, cách lối xe golf chừng gần một trăm năm mươi mét. Bên cạnh cửa, người làm vườn đang bận xén cỏ. Với kiểu đánh của mình, người đó gặp nguy đến nơi rồi, Theodore nghĩ bụng.

Nhưng người làm vườn kia không bị thương sau cú phát bóng của hai bố con nhà Boone. Họ lại lên xe đi dọc lối mòn. Ông Boone nói, “Con bảo con có bản đồ chụp từ trên không khu này à.”

“Vâng, thưa ngài. Tại văn phòng.”

“Con nghĩ con có thể tìm thấy chỗ nhân chứng đã ẩn mình?”

“Có thể. Nó ở đằng kia.” Theodore chỉ vào một trảng cây rậm rạp bên kia đường bóng lăn. Họ đưa xe đến đó, xuống xe rồi bắt đầu đi qua đi lại như các tay golf đi tìm quả bóng bị đánh hỏng. Một con lạch cạn nước chạy xuyên qua trảng cây, một bên là bức tường chắn thấp dựng bằng những phiến gỗ nhỏ. Một vị trí hoàn hảo để nghỉ ngơi, ăn náu và thưởng thức bữa trưa lặng lẽ, hoàn toàn một mình.

“Có thể chỗ đó,” Theodore chỉ. “Anh ấy kể đã ngồi trên mấy súc gỗ, từ đó nhìn rất rõ căn nhà.”

Theodore cùng ông Boone ngồi lên mấy phiến gỗ. Tâm nhìn tới sân sau nhà Duffy hoàn toàn quang đãng. “Bố nghĩ là bao xa?” Theodore hỏi.

“Khoảng gần trăm mét,” ông Boone trả lời không chút đắn đo, cách mà hầu hết các tay golf có thể dễ dàng ước lượng khoảng cách. “Đúng là một nơi náu mình tuyệt hảo. Không ai có thể trông thấy cậu ta ngồi đây. Chả ai nghĩ đến việc nhìn vào đám cây này.”

“Lúc nào xem ảnh từ trên không, bố sẽ thấy nhà bảo dưỡng ở ngay kia, xuyên qua đám cây này.” Theodore chỉ về một hướng khác, đối diện đường bóng lăn. “Theo người anh họ đó nói, công nhân tập trung ở nhà bảo dưỡng nghỉ ăn trưa lúc 11 giờ 30. Hầu như ngày nào anh ấy cũng lên ra đây ăn một mình. Con đoán anh ấy đến chỗ này.”

“Bố mang theo máy ảnh đây. Mình chụp mấy tấm hình đi.” Ông Boone lôi từ trong túi chơi golf để trên xe ra một chiếc máy ảnh kỹ thuật số nhỏ. Ông chụp khu vực trồng cây, con lạch, bức tường chắn, rồi quay sang chụp mấy tấm đường bóng lăn với dãy nhà đối diện.

“Mấy bức ảnh đó để làm gì ạ?” Trên đường hai bố con trở lại xe, Theodore hỏi.

“Mình có thể cần đến.”

Họ chụp ảnh mất mấy phút, rồi trở ra, và khi gần ra đến xe thì Theodore ngược nhìn qua đường bóng lăn. Pete Duffy đang đứng ở hiên nhà, quan sát họ bằng ống nhòm. Xung quanh không có tay golf nào. “Bố,” Theodore khẽ gọi. “Bố nhìn thấy ông ta rồi” ông Boone đáp. “Mình chơi tiếp.”

Hai bố con cố tình lờ ông ta để đánh cú thứ hai, bóng của hai bố con đều cách xa lỗ bóng. Họ nhanh chóng nhảy lên xe rồi lái đi. Pete Duffy vẫn không hề hạ ống nhòm xuống.

Họ chơi xong chín lỗ mất hai giờ đồng hồ, sau đó quyết định lái xe chạy vòng vòng ngắm sân mạn Nam và mạn Bắc. Thiết kế khu golf Waverly Creek quả thật ấn tượng, với những ngôi nhà đẹp để chạy bên vài đường bóng lăn, một dãy những căn hộ khép kín đặt tiền bao quanh một hồ nước nhỏ, có công viên cho trẻ em, đường đạp xe và chạy bộ đan chéo các lối mòn dành cho xe golf, và, quan trọng hơn cả là những đường bóng lăn và thảm cỏ xanh mượt không chê vào đâu được.

Một nhóm bốn tay golf đang phát bóng ở bãi tee mười bốn khi hai bố con đến gần. Môn golf có quy ước giữ yên lặng quanh điểm phát bóng, nên ông Boone dừng xe trước khi họ thấy ông và Theodore. Khi mấy tay golf phát bóng xong, ông Boone mới lái xe đến. Ở đây có bình nước mát, thùng rác, và máy làm sạch bóng đặt ở mép đường mòn dành cho xe điện, gần cuối hàng hoàng dương.

Theodore nói, “Julio bảo anh cậu ấy nhìn thấy người đàn ông bỏ đôi găng tay vào thùng rác ở khu lỗ mười bốn. Hẳn là cái này.”

“Không phải người anh họ nói với con điều này sao?” ông Boone hỏi.

“Không. Con chỉ nói chuyện với anh ta một lần vào tối hôm thứ Tư tại Nhà Tình thương. Tối hôm sau Julio mới đến văn phòng mang theo đôi

găng tay.”

“Vậ là chúng ta không biết cậu ta ở đâu, hay bằng cách nào và tại sao cậu ta nhìn thấy người đàn ông quăng đôi găng vào thùng rác ở khu lỗ mười bốn này?”

“Con nghĩ vậy.”

“Và ta cũng không biết tại sao anh ta cảm thấy cần phải nhặt đôi găng tay?”

“Julio bảo các anh chàng làm việc ở đây vẫn thường bới thùng rác.”

Họ nhanh chóng chụp thêm mấy bức ảnh, rồi rời đi khi có thêm nhóm bốn tay golf khác đi đến.

Chương Mười Chín

Sau trận golf, Theodore cùng bố ghé qua Nhà Tình thương phố Highland để thăm Julio cùng mấy anh chị em. Carola Pena rửa bát cho một khách sạn ở khu trung tâm, làm cả thứ Bảy, cho nên ba đứa nhỏ bị bỏ lại ở Nhà Tình thương. Cũng có trò chơi và các hoạt động dành cho tụi nhỏ, nhưng Theodore biết thứ Bảy ở đó chẳng bao giờ thú vị. Bọn chúng chỉ toàn xem ti vi, đá bóng trên cái sân nhỏ xíu, và nếu may mắn có người tài trợ thì mọi được xe buýt của nhà thờ chở đi xem phim.

Trong lúc chơi golf, hai bố con Theodore nảy ra một ý. Trường Stratten là một trường tư nhỏ được thành lập ở thị trấn này một trăm năm trước. Đội bóng đá và bóng rổ của họ không đọ được với trường lớn, nhưng bóng chày thì lại là thế mạnh phân khu Ban. Hai giờ chiều nay sẽ có hai trận bóng đá và bóng chày diễn ra liên tiếp.

Ông Boone đã trao đổi với người phụ trách ở Nhà Tình thương. Chẳng ngạc nhiên gì khi Julio, cậu bé đang phải trông hai đứa em sinh đôi, Hector và Rita, nhảy cẫng lên vì có dịp được ra ngoài. Ba đứa chạy ào ra chiếc SUV và nhảy tót lên ghế sau. Mấy phút sau, ông Boone dừng xe trước khách sạn, đỗ cả lên vỉa hè, rồi bảo bọn trẻ, “Để ta chạy vào báo với Pena đã.” Ông vào rồi trở ra ngay lập tức, cười rạng rỡ báo lại, “Mẹ các cháu cũng cho rằng đó là một ý tưởng không tồi.”

“Cảm ơn bác Boone ạ,” Julio nói. Hai đứa nhỏ quá phấn khích không thốt nổi nên lời.

Trường Stratten chơi ở sân Rotary Park, một sân vận động cũ tuyệt vời bên rìa trung tâm thị trấn, gần khu ký túc xá nhỏ xíu. Rotary Park cũng lâu

đời ngang với trường, và nhiều năm trước nó từng là sân của mấy đội bóng nhỏ của liên đoàn, nhưng chả đội nào ở lại lâu. Sân vận động này tự hào rằng ngôi sao Ducky Medwick đã từng chơi cho đội Double A một mùa ở đây vào năm 1920 trước khi chuyển tới chơi cho Cardinals. Có một tấm biển gần cổng trước sân gọi cho người hâm mộ nhớ lại thành tích thi đấu của Ducky trong khoảng thời gian ngắn ngủi ông chơi tại Strattenburg, nhưng Theodore chưa từng thấy ai dừng lại đọc bao giờ.

Ông Boone mua vé tại chiếc quầy chỉ có một cửa sổ. Vẫn ông già này làm việc tại đây kể từ hồi Pucky chuyển đi. Ba đô cho vé người lớn, một đô cho vé trẻ em. “Có ăn bỏng ngô không?” ông Boone hỏi khi cúi nhìn những gương mặt sáng bừng của Hector và Rita. Năm gói bỏng ngô, năm cốc sô đa, hai mươi đô. Mấy bác cháu leo thang rồi đi vào băng ghế ở khu vực khán đài không có mái che, ngay sau khu vực chỗ ngồi gần điểm chạm bóng đầu tiên của đội chủ nhà. Còn rất nhiều chỗ trống mà lại chẳng có mấy người hâm mộ nên nhân viên soát vé cũng chẳng quan tâm xem họ ngồi đâu. Sân có sức chứa hai nghìn người, và đám người hâm mộ kỳ cựu không bỏ lỡ dịp khoe khoang trước đây người ta kéo đến xem đông tới mức nào. Mỗi mùa giải Theodore đều xem năm, sáu trận của trường Stratten, nhưng chưa bao giờ cậu được thấy sân vận động đầy đến phân nửa. Mặc dầu vậy, cậu rất thích nơi này, với những khán đài kiểu cũ, những hàng ghế gỗ không mái che vươn ra gần sân, phòng chờ của cầu thủ ngay cạnh đường biên, còn tường bao thì đặc kín những tấm biển lòe loẹt quảng cáo mọi thứ ở Strattenburg, từ dịch vụ chăm sóc vật nuôi cho đến hãng bia địa phương cho đến các luật sư cần những khách hàng bị thương tổn. Thế mới gọi là sân bóng chày chứ.

Có những người muốn phá bỏ nó. Thực ra, suốt mùa hè, sau khi kỳ học kết thúc, cả sân vắng tanh vắng ngắt, nên người ta thắc mắc phải tốn bao nhiêu cho việc bảo dưỡng sân bãi. Chuyện này làm Theodore khó hiểu, bởi vì nhìn quanh cậu không hình dung nổi chính xác thì tiền “bảo dưỡng” được tiêu vào chỗ nào.

Mọi người đứng dậy nghe quốc ca, rồi đội Stratten ra sân. Cả bốn đứa trẻ ngồi sát bên nhau, trong khi ông Boone thì ngồi ở hàng ghế sau, chăm

chú lắng nghe. “Nào nào,” sếp bé Theodore nói. “Chỉ tiếng Anh thôi, được chứ? Chúng ta đang học tiếng Anh.”

Bọn trẻ nhà Pena thường hồn nhiên dùng tiếng Tây Ban Nha mỗi khi nói chuyện với nhau, nhưng ngay lập tức chúng nghe lời Theodore chuyển sang tiếng Anh. Hector và Rita mới tám tuổi, không hiểu về bóng chày lắm. Theodore bắt đầu giải thích.

Bà Boone và Ike đến vào lượt chơi thứ ba, ngồi cùng ông Boone, lúc này ông không còn để tâm mấy đến bọn trẻ. Theodore cố lắng nghe họ thì thầm với nhau. Ike đã tìm được một căn hộ, giá thuê năm trăm đô la một tháng. Bà Boone chưa thảo luận được chuyện này với Carola Pena vì bà ấy vẫn đang ở khách sạn. Họ chuyển sang nói chuyện khác, nhưng Theodore không nghe được gì nữa.

Đối với những đứa trẻ tám tuổi, bóng chày là một môn thể thao buồn tẻ vì chúng không hiểu mấy, nên đến lượt đánh thứ năm, Hector và Rita chuyển sang chơi ném bóng ngô, rồi bò lồm cồm quanh chỗ ngồi. Bà Boone hỏi chúng có thích ăn kem không khiến chúng nháy mắt lên. Sau khi hai đứa đi rồi, Theodore mới tiến hành đường đi nước bước của mình. Cậu hỏi Julio có thích ra khu giữa ngồi xem không. Cậu ta đồng ý, thế là cả hai đi dọc khán đài, qua phòng chờ dành cho cầu thủ, rồi cuối cùng ngồi xuống một khu vực băng ghế cũ kỹ, ngay phía trên cánh phải của khu trung tuyến. Ở đó chẳng có ai.

“Mình thích xem từ góc này,” Theodore nói. “Hơn nữa, nó lúc nào cũng trống chỗ.”

“Mình cũng vậy,” Julio nói.

Hai đứa bàn luận về các trung vệ một lúc rồi Theodore đổi đề tài. “Julio này, tụi mình cần nói chuyện về anh họ cậu. Mình không nhớ được tên anh ấy. Mà thực ra, mình đã biết tên anh ấy chưa nhỉ.”

“Bobby.”

“Bobby?”

“Thực ra là Roberto, nhưng anh ấy thích được gọi là Bobby.”

“OK. Vậy anh ấy có cùng họ với mẹ cậu không?”

“Không. Mẹ anh ấy với mẹ mình mới là chị em. Họ anh ấy là Escobar.”

“Bobby Escobar.”

“Sí. À.. ừ.”

“Anh ấy còn làm ở sân golf nữa không?”

“Vẫn.”

“Anh ấy vẫn ở Quarry à?”

“Ừ. Sao cậu lại hỏi?”

“Hiện giờ anh ấy là một người rất quan trọng, Julio ạ. Anh ấy cần ra trình diện cảnh sát, kể hết cho họ nghe những gì anh ấy thấy hôm người phụ nữ kia bị sát hại.”

Julio quay sang nhìn Theodore như thể cậu bị mất trí. “Anh ấy không thể làm vậy được.”

“Anh ấy có thể đấy. Nếu anh ấy được hứa bảo lãnh thì sao? Không bắt bớ. Không giam giữ. Cậu hiểu quyền miễn trừ là gì không?”

“Không.”

“Ừm, thuật ngữ luật ấy mà, nó có nghĩa anh ấy có thể thỏa thuận với cảnh sát. Nếu anh ấy ra trình diện và làm chứng, cảnh sát sẽ không làm phiền anh ấy. Anh ấy sẽ được miễn trừ. Thậm chí có thể còn có cách xin giấy tờ hợp pháp cho anh nữa.”

“Cậu đã báo cảnh sát à?”

“Không, Julio, đời nào.”

“Cậu đã kể với ai chưa?”

“Mình đã giữ kín danh tính anh ấy. Anh ấy vẫn an toàn, Julio ạ. Nhưng mình cần nói chuyện với anh ấy.”

Một cầu thủ đội kia đánh trúng bóng, quả bóng bật nảy khỏi rào phải. Hai đứa thấy anh ta trượt vào điểm chạm bóng số ba để đánh bóng. Theodore lại phải giải thích sự khác nhau giữa việc bóng vượt rào với việc bóng bật ngược rào. Julio bảo ở El Salvador, người ta không chơi bóng chày mấy. Hầu như toàn chơi bóng đá.

“Chừng nào cậu sẽ gặp lại Bobby?”

“Có lẽ mai. Anh ấy thường đến chỗ mình vào Chủ nhật, rồi tụi mình cùng đi lễ.”

“Có cách nào mình nói chuyện được với anh ấy tối nay không?”

“Mình không rõ. Mình không rõ lúc nào thì anh ấy làm gì.”

“Julio, thời gian lúc này rất cấp bách”

“Cái gì cấp bách?”

“Rất quan trọng. Phiên tòa sẽ kết thúc vào thứ Hai. Bobby cần phải ra trình diện và kể lại sự việc”

“Mình không chắc đâu.”

“Julio, bố mẹ mình đều là luật sư. Cậu biết họ mà. Có thể tin tưởng họ được. Nếu họ có thể tìm được một căn hộ cho cậu và gia đình, kể cả Bobby, một nơi tử tế cho tất cả các cậu, đồng thời làm thủ tục bảo lãnh cho Bobby để anh ấy trở thành cư dân hợp pháp? Cậu nghĩ xem. Sẽ không phải trốn chạy cảnh sát nữa. Không phải lo về vụ truy lùng bắt bớ của phòng Di trú nữa. Mọi người nhà cậu được sống cùng nhau, Bobby sẽ có giấy tờ. Như vậy chẳng tốt sao?”

Julio nhìn trân trân vào khoảng không, nghĩ ngợi. “Thế thì tuyệt quá, Theodore.”

“Vậy thì đây là những gì chúng mình phải làm. Trước hết, cậu hãy nói OK khi bố mẹ mình tham gia vụ này. Họ sẽ ủng hộ các cậu. Họ là luật sư mà.”

“OK.”

“Tuyệt. Tiếp đến, cậu phải gặp Bobby, thuyết phục anh ấy rằng đây là một ý tưởng tốt. Thuyết phục anh ấy rằng có thể tin tưởng ở nhà mình. Cậu làm được chứ?”

“Mình chẳng biết”

“Anh ấy có kể với mẹ cậu về những gì anh ấy đã nhìn thấy không?”

“Rồi. Mẹ mình cũng như là mẹ của Bobby mà.”

“Tốt. Nhờ mẹ cậu nói với anh ấy nữa. Bác có thể thuyết phục anh ấy.”

“Cậu hứa là anh ấy sẽ không phải đi tù nhé?”

“Mình hứa”

“Nhưng anh ấy sẽ phải gặp cảnh sát?”

“Có thể không phải là cảnh sát, nhưng anh ấy cần nói chuyện với ai đó liên quan đến phiên tòa. Có thể là thẩm phán. Mình không biết nữa. Nhưng

việc Bobby ra trình diện là tối cần thiết. Anh ấy là nhân chứng quan trọng nhất trong vụ xử này.”

Julio lấy hai tay ôm đầu, khuỷu tay chống gối. Đôi vai cậu oằn xuống dưới sức nặng của những lời nói và kế hoạch Theodore vừa vạch ra. Không ai nói gì trong một lúc lâu. Theodore đôi mắt nhìn Hector và Rita từ xa, hai đứa trẻ vẫn ngồi với mẹ cậu, tay cầm kem, mồm miệng tía lia. Woods và Ike đang say sưa thảo luận, quả là chuyện lạ giữa hai người. Trận đấu vẫn tiếp diễn.

“Giờ mình phải làm gì đây?” Julio hỏi.

“Nói chuyện với mẹ. Rồi cậu cùng mẹ nói chuyện với Bobby. Tụi mình phải cùng kết hợp.”

“OK.”

Chương Hai Mười

Theodore đang xem phim trên truyền hình cáp trong phòng thì điện thoại di động trong túi cậu rung chuông. Lúc đó là 8 giờ 35, tối thứ Bảy, cuộc gọi từ Nhà Tình thương. Cậu trượt mở điện thoại, “Alô.”

Giọng của Julio không lẫn vào đâu được, “Theodore à?”

“Ừ, mình đây, gì vậy?” Theodore tắt tiếng ti vi. Bố cậu đang ở bên phòng sách đọc tiểu thuyết còn mẹ thì đã lên phòng ngủ trên gác, vừa nhấp trà vừa đọc tài liệu luật.

“Mình vừa nói chuyện với Bobby,” Julio nói, “Ôi trời, anh ấy sợ. Hôm nay cảnh sát lượn quanh Quarry, kiểm tra giấy tờ, tìm hiểu xem có rắc rối gì không. Họ đã bắt hai thanh niên Guatemala, cả hai đều nhập cư bất hợp pháp. Bobby tưởng họ đang tìm anh ấy.”

Theodore vừa đi về phòng sách vừa nói.

“Julio nghe này, nếu cảnh sát có tìm Bobby thì cũng không liên quan gì đến phiên tòa xử vụ giết người. Mình có thể hứa với cậu như vậy.” Theodore đứng cạnh bố, lúc này ông đã gập sách để theo dõi cuộc điện thoại.

“Họ đến chỗ ở của anh ấy, nhưng lúc đó anh ấy đang trốn dưới phố.”

“Cậu đã nói chuyện đó với anh ấy chưa, Julio? Cậu đã nói với anh ấy những gì tội mình trao đổi ở sân bóng hôm nay chưa?”

“Rồi.”

“Vậy anh ấy bảo sao?”

“Ngay lúc này thì anh ấy quá hoảng sợ. Anh ấy không hiểu mọi việc ở đây thế nào. Cứ nhìn thấy cảnh sát là anh ấy lại nghĩ đến chuyện xấu. Cậu

hiếu không? Anh ấy chỉ nghĩ đến vào tù, mất việc, mất tiền, nghĩ đến việc bị đuổi về nước.”

“Julio, cậu nghe mình đã này” Theodore nói, chau mày với bố. “Anh ấy sẽ không phải lo chuyện cảnh sát nữa. Chỉ cần tin tưởng vào mình và bố mẹ mình, anh ấy sẽ được an toàn. Cậu đã giải thích như vậy chưa?”

“Rồi.”

“Anh ấy có hiểu ra không?”

“Mình chả biết nữa, Theodore. Nhưng anh ấy muốn nói chuyện với cậu.”

“Tốt rồi. Mình sẽ nói chuyện với anh ấy” Theodore gật đầu với bố và bố cậu cũng gật gù lại “Khi nào, bao giờ thì được?”

“Ừm, tối nay anh ấy lang thang ở ngoài không ở chỗ anh ấy đâu. Anh ấy sợ cảnh sát sẽ quay lại lúc nửa đêm để bắt họ. Nhưng mình có thể liên lạc với anh ấy.” Theodore suýt đã thốt lên hỏi “Bằng cách nào?” nhưng lại thôi. “Mình nghĩ ta nên nói chuyện luôn tối nay,” Theodore nói. Bố Theodore lại gật đầu.

“OK. Mình nói với anh ấy thế nào?”

“Cứ bảo anh ấy gặp mình ở đâu đó.”

“Ở đâu?”

Theodore không thể nghĩ ngay ra một nơi cụ thể nào. Bố cậu đi trước một bước. Ông thì thầm, “Công viên Truman, cạnh vòng quay ngựa gỗ.”

Theodore hỏi, “Công viên Truman nhé?”

“Chỗ nào thế?”

“Cái công viên lớn ở cuối phố Main ấy, chỗ có đài phun nước với mấy bức tượng ấy. Công viên Truman thì ai mà không tìm được chứ.”

“OK.”

“Bảo anh ấy đến đây lúc 9 giờ 30, tức là khoảng một tiếng nữa. Gặp bọn tớ ở chỗ vòng quay ngựa gỗ.”

“Cái gì ngựa gỗ cơ?”

“Cái trò quay quay với mấy con ngựa gỗ, có nhạc âm ỉ ấy. Cái trò cho tụi trẻ đi với mẹ ấy.”

“À, mình hiểu rồi.”

“Tốt. 9 giờ 30 nhé.”

Tối muộn ngày thứ Bảy, vòng quay ngựa gỗ vẫn đang chậm chậm quay. Loa nhạc vẫn đang phát bài Thế giới nhỏ bé trong lúc vài bé tuổi lẫm chẫm tập đi cùng mẹ bám chặt vào những chiếc cột gỗ giữa lưng mầy chú ngựa con xanh xanh đỏ đỏ. Gần đó là một quầy bán kẹo bông và nước chanh. Một nhóm choai choai đang lảng vảng quanh đó, miệng phì phèo thuốc lá, cố tỏ ra phớt đời sành điệu.

Woods Boone thăm dò xung quanh, cảm thấy nơi này khá an toàn. “Bố sẽ đợi đằng kia,” ông vừa nói vừa chỉ vào bức tượng đồng cao lừng lững của một vị anh hùng vô danh. “Các con sẽ không nhìn thấy bố đâu.”

“Con sẽ ổn mà,” Theodore nói. Cậu không lo về vụ an ninh. Công viên thấp đèn sáng choang và lúc nào cũng có người qua lại.

Mười phút sau, Julio cùng Bobby Escobar từ chỗ tới đi ra, trông thấy Theodore trước khi cậu phát hiện ra họ. Bobby rất căng thẳng, không muốn mạo hiểm để cảnh sát trông thấy nên cả hội đi bộ qua bên kia công viên và tìm được chỗ ngồi trên bậc thềm một chòi ngắm cảnh. Theodore không thấy bố đâu nhưng biết chắc ông vẫn đang theo dõi.

Cậu hỏi Bobby xem hôm nay anh có đi làm không, rồi kể hai bố con cậu đã chơi ở sân golf Creek. Nhưng không, Bobby không đi làm, thay vào đó là cả ngày phải trốn chui trốn lủi đám cảnh sát. Chuyện này hé mở ra một cánh cửa, Theodore có thể dễ dàng chui vào đó. Cậu giải thích bằng tiếng Anh rằng Bobby có cơ hội thay đổi lớn. Anh ta có thể từ chỗ là một kẻ nhập cư bất hợp pháp trở thành một người di trú được bảo lãnh với giấy tờ đầy đủ.

Julio nói lại bằng tiếng Tây Ban Nha. Theodore chỉ loáng thoáng hiểu được một chút.

Cậu tiếp tục giải thích rằng bố mẹ mình đang đưa ra một đề xuất cả đời mới gặp một lần. Một chỗ sống đàng hoàng hơn, có gia đình, có cơ hội xin

việc tốt hơn, và lộ trình trở thành công dân hợp pháp thuận lợi hơn. Không còn phải trốn chạy cảnh sát. Không còn sợ bị trục xuất về nước.

Julio lại dịch sang tiếng Tây Ban Nha. Bobby nghe với gương mặt đóng băng, không biểu lộ gì.

Không nhận được phản hồi, Theodore sốt ruột. Cần phải tiếp tục nói chuyện.

Bobby như chực muốn chạy trốn. “Cậu hãy giải thích với anh ấy rằng anh ấy là một nhân chứng rất quan trọng của phiên tòa,” Theodore nói với Julio. “Rằng chẳng có gì sai trái khi ra đứng trước tòa kể cho mọi người biết những gì anh ấy đã trông thấy ngày hôm đó.”

Julio lại dịch. Bobby gật đầu. Anh ta đã từng nghe nói đến điều này. Anh ấy nói gì đó, Julio dịch lại là, “Anh ấy không muốn liên quan. Phiên tòa này không phải là chuyện của anh ấy.”

Một chiếc xe cảnh sát đỗ ở mép công viên, không gần chỗ họ lắm nhưng dĩ nhiên là đủ gần để họ trông thấy rõ mồn một. Bobby hoảng sợ nhìn chiếc xe, như thể cuối cùng anh ta cũng bị tóm. Anh ấy vội lăm bắm với Julio, và Julio ngay lập tức nói lại gì đó.

“Không phải cảnh sát đang truy lùng Bobby đâu,” Theodore vội nói. “Bảo anh ấy cứ bình tĩnh.”

Hai viên cảnh sát bò ra khỏi xe, bắt đầu đi dạo về phía trung tâm công viên, tới chỗ vòng quay ngựa gỗ. “Thấy không,” Theodore nói. “Người béo kia là Ramsey Ross. Ông ấy chỉ làm mỗi việc ghi phiếu phạt đỗ xe sai quy định. Không biết người còn lại là ai. Họ chẳng hề để ý gì đến tụi mình đâu.”

Julio nói lại bằng tiếng Tây Ban Nha, đến lúc đó Bobby mới hết nín thở.

“Tối nay anh ấy định ở đâu?” Theodore hỏi.

“Mình không biết. Anh ấy hỏi liệu có thể ngủ ở Nhà Tình thương được không, nhưng ở đó không còn chỗ.”

“Anh ấy về chỗ mình cũng được. Nhà mình còn một phòng trống. Cậu cũng có thể đi cùng. Mình tổ chức tiệc ngủ chung cũng được. Bố mình sẽ ghé qua mua cho cả bọn một cái pizza. Đi nào.”

Nửa đêm, cả ba vẫn ngồi trong phòng, hò hét vào màn hình tivi trong lúc chơi điện tử. Chăn gối bừa bãi xung quanh. Hai hộp bánh pizza cỡ bự méo mó nằm xẹo xọ trên sàn. Judge nhóp nhép nhai vụn bánh.

Chốc chốc, Marcella và Woods lại ghé qua. Họ thích thú khi thấy Theodore bắn tăng tăng tiếng Tây Ban Nha, hơi chậm hơn một hai nhịp so với Julio và Bobby, nhưng không chịu thua kém.

Họ từng muốn có thêm nhiều con, nhưng trời chưa cho. Hơn nữa, đôi lúc, họ phải thừa nhận chỉ mình Theodore thôi cũng đủ mãn nguyện lắm rồi.

Chương Hai Mốt

Thẩm phán Gantry đợi đến chiều muộn ngày Chủ nhật mới đi dạo. Ông sống cách tòa án mấy khu nhà, trong một căn hộ do người ông, cũng là một thẩm phán danh giá, để lại và thường cuốc bộ khắp các con phố trung tâm Strattenburg vào sáng sớm hoặc đêm khuya. Đêm nay, ông cần một luồng không khí tươi mát, cần thời gian để suy nghĩ. Vụ Duffy đã ngốn hết mấy ngày nghỉ cuối tuần của ông. Ông đã dành nhiều giờ vùi đầu vào những cuốn sách luật mong tìm ra một lời đáp, một lời đáp vẫn đang tránh né ông. Một cuộc tranh luận nảy lửa nổ ra trong đầu. Tại sao ông phải dừng một vụ án được xử đúng luật? Tại sao ông phải tuyên bố đây là phiên xử không đúng luật khi mà không có gì sai? Không điều luật nào bị vi phạm. Không quy tắc nào bị phá vỡ. Không gì cả. Thực tế là, với việc hai luật sư giỏi tranh tụng nhau, phiên tòa trôi qua rất êm ả.

Nghiên cứu của ông không tìm ra được trường hợp nào tương tự.

Văn phòng công ty Boone & Boone vẫn sáng đèn. 7 giờ 30, như đã hứa, Thẩm phán Gantry bước lên hàng hiên nhỏ trước tòa nhà rồi gõ cửa.

Người mở cửa là Marcella Boone, bà nói, “Ồ, xin chào Henry, ông vào đi.”

“Chào Marcella. Phải đến hai mươi năm rồi tôi không đặt chân đến văn phòng này.”

“Vậy ông nên thường xuyên ghé qua hơn.” Bà với tay đóng cửa.

Thẩm phán Gantry không phải người duy nhất đi dạo lúc chiều tối. Một người đàn ông tên Paco cũng đang tản bộ. Paco mặc bộ đồ thể thao màu tối, mang giày chạy và bộ đàm. Người này giữ khoảng cách, và vì vị thẩm phán không hề nghĩ mình bị theo dõi, nên việc bám đuôi khá dễ dàng. Hai người lượn qua trung tâm Strattenburg, một người mãi mê suy nghĩ, ai ngang qua cũng nhận thấy điều đó, còn người kia cách xa một quãng, thận trọng bám sát trong bóng chiều chạng vạng. Khi Thẩm phán Gantry vào văn phòng Boone & Boone, Paco chạy bộ ngang qua cửa, ghi lại địa chỉ và tên phố, rồi tiếp tục rảo bước đến ngã rẽ. Sau đó người này bấm nút bộ đàm nói, “Ông ta đã vào trong, công ty nhà Boone.” “OK. Ở gần đấy rồi.” Tiếng Omar Cheepe đáp lại.

Mấy phút sau, Cheepe đến đón Paco, và cả hai đi vào phố Park. Khi tòa văn phòng Boone & Boone hiện ra trước mắt, họ lạng lẽ cho xe vào bãi đỗ ở phía xa cuối đường. Cheepe tắt đèn, tắt máy xe rồi kéo kính xuống để hút thuốc. “Anh có thấy ông ta vào bên trong không?” Cheepe hỏi.

“Không,” Paco trả lời. “Tôi thấy ông ấy rẽ khỏi lối đi bộ rồi đi về phía cửa trước. Tôi biết ông ấy ở trong đó. Đó là nơi duy nhất mở cửa dọc cả khu này.”

“Lạ thật.”

Đó là tối Chủ nhật, mọi tòa nhà văn phòng khác đều tối đen không một bóng người. Chỉ văn phòng luật của nhà Boone là có dấu hiệu đang hoạt động. Dường như tất cả đèn tầng một đều được bật.

“Ông nghĩ họ đang làm gì?” Paco hỏi.

“Không rõ. Nhà Boone có mặt tại văn phòng Gantry hôm thứ Sáu, cả nhà, điều này rất khó hiểu vì Gantry rất bận. Họ không phải luật sư hình sự, anh biết rồi đấy. Ông ta soạn chứng từ còn bà ta thì lo các vụ ly hôn, nên chẳng có lý gì lại đổ bộ đến văn phòng Gantry ngay giữa phiên tòa một vụ giết người. Lại còn thằng nhỏ, ta thật không hiểu. Tại sao hai ông bà ấy lại đón đưa nhỏ từ trường đến văn phòng Gantry? Thằng nhỏ đó cũng lớn vớn quanh phòng xử suốt cả tuần.”

“Là Theodore đó sao?”

“Phải. Thằng nhóc nghĩ nó là luật sư. Biết từng tay cớm, từng thẩm phán, từng thư ký tòa. Suốt ngày lê la ở các phòng xử, có khi còn hiểu luật hơn khối luật sư. Nó với Gantry còn là cặp bài trùng. Nó cùng bố mẹ đến gặp Gantry rồi đột nhiên Gantry quyết định không kéo phiên tòa sang ngày thứ Bảy như đã hứa suốt cả tuần. Có chuyện đấy, Paco ạ. Và ta không hề thích điều đó.”

“Ông đã nói chuyện với Nance hay ông Duffy rồi chứ?”

“Chưa, chưa nói. Giờ chúng ta phải làm thế này. Đáng lẽ tôi nên cử anh qua đó thám thính quanh tòa nhà, ngó nghiêng vào bên trong xem có những ai ở đó, nhưng như vậy mạo hiểm quá. Họ sẽ trông thấy anh, sẽ cảnh giác, đang làm gì cũng sẽ dừng tay, thậm chí có thể còn gọi cớm. Thẩm phán Gantry mà, anh biết đấy. Mọi việc sẽ trở nên phức tạp. Vậy nên tôi có kế hoạch này hay hơn. Ta sẽ gọi Gus mang xe tải tới. Ta có thể đậu gần hơn, và khi họ trở ra thì chụp ảnh. Tôi cần biết có ai trong đó.”

“Anh nghĩ là ai?”

“Tôi không biết, Paco, nhưng tôi dám cá cả trăm đô rằng gia đình Boone và Gantry không ở trong đó đánh bài. Có chuyện gì đó đang xảy ra, và tôi không thích điều đó.”

Thẩm phán Gantry bước vào trong thư viện, ở đó ông Boone, Ike và Theodore đang đợi. Chiếc bàn dài chễm chệ chiếm dụng căn phòng, bên trên phủ đầy sách, bản đồ, sổ ghi chép, gợi cảm giác nhiều việc còn đang ngổn ngang. Mọi người bắt tay chào nhau. Nói mấy câu về thời tiết, nhưng còn nhiều chuyện quan trọng phải bàn nên mục chuyện phiếm không kéo dài lâu.

“Không cần phải nói,” Thẩm phán Gantry nói khi mọi người đã vào chỗ ngồi, “cuộc gặp nhỏ này là không chính thức. Xin nhắc quý vị rằng chúng ta không làm gì sai, vì các vị không liên quan đến vụ này. Nhưng, nếu có lời nào hé ra, tôi sẽ phải trả lời rất nhiều câu hỏi. Các vị hiểu cho chứ?” “Tất nhiên rồi, Henry,” bà Boone nói.

“Không vấn đề gì,” Ike tiếp lời.

“Không hé một lời,” ông Boone cũng nói.

“Vâng, thưa Thẩm phán,” đến lượt Theodore.

“Tốt rồi. Giờ ta bắt đầu, các vị nói có cái gì đó cho tôi xem.”

Cả ba người lớn nhà Boone đổ dồn nhìn Theodore, cậu lập tức đứng bật dậy. Laptop của cậu ở trên bàn, ngay trước mặt. Cậu chạm vào bàn phím, một bức ảnh to xuất hiện trên màn chiếu rộng cuối phòng. Theodore dùng bút laze chỉ vào bức ảnh. “Đây là ảnh chụp từ trên không đường lặn bóng số sáu trên sân Creek. Ngay đây là nhà ông Duffy. Tại đây, trong đám cây ở chỗ ngoặt gấp này, là nơi nhân chứng đã ngồi ăn trưa.” Cậu bấm một phím khác, thêm một bức ảnh nữa xuất hiện. “Đây là bức ảnh bố con cháu chụp sáng qua ở sân golf. Nhân chứng đã ngồi trên súc gỗ này, ngay cạnh khúc suối cạn, hoàn toàn khuất khỏi tầm nhìn. Tuy nhiên” - cậu lại bấm một phím khác, một bức ảnh khác - “như mọi người có thể thấy, nhân chứng có góc nhìn rất thuận lợi về phía những ngôi nhà dọc bên kia đường bóng lặn, cách xa gần trăm mét.”

“Cháu biết chắc đây chính là nơi cậu ta ngồi?”

“Vâng ạ.”

“Cháu có thể kể tường tận lại không?”

“Vâng, thưa Thẩm phán.”

“Bỏ cái cụm thưa Thẩm phán đi, Theodore, lúc này không cần.”

“Vâng.” Một tấm ảnh chụp từ trên không khác. Theodore chỉ tia laze vào một tòa nhà. “Đây là nhà bảo dưỡng, cách đường lặn bóng số sáu một trăm cây, không xa là bao. Giờ nghỉ trưa bắt đầu từ 11 giờ 30. Đúng 11 giờ 30, bởi vì người quản lý giám sát rất chặt, chỉ cho phép công nhân nghỉ trưa đúng 11 giờ 30, ăn thật nhanh, rồi trở lại làm lúc 12 giờ. Nhân vật của chúng ta lại thích lánh xa mọi người, thích ăn một mình, cầu nguyện rồi ngồi ngắm ảnh gia đình ở quê nhà. Anh ấy rất nhớ nhà. Như mọi người thấy, từ trang rừng đến chỗ ngồi ăn trưa quen thuộc của anh ấy không bao xa cả. Anh ấy ước chừng tầm giữa giờ nghỉ ăn trưa thì trông thấy người đàn ông bước vào nhà Duffy.”

“Vậy là chừng 11 giờ 45?” thẩm phán Gantry hỏi.

“Vâng ạ. Mà mọi người biết đấy, bên pháp y xác định thời điểm nạn nhân tử vong là khoảng 11 giờ 45.”

“Ta biết. Người đó bước vào nhà rồi bỏ đi trước khi anh bạn nhân chứng của cháu ăn xong bữa trưa, phải không?”

“Vâng ạ. Nhân chứng bảo anh ấy thường trở lại phòng bảo dưỡng chỉ vài phút trước 12 giờ. Hôm đó, anh ấy thấy người đàn ông rời khỏi ngôi nhà trước khi anh ấy kết thúc giờ nghỉ trưa. Anh ấy ước chừng người đàn ông đó ở trong ấy khoảng mười phút.”

“Ta có một câu hỏi lớn,” Thẩm phán nói. “Liệu nhân chứng có thấy người đàn ông rời nhà mang theo một chiếc túi hay bao tải hay bất cứ thứ gì chứa đồ mất trộm không? Lời khai cho biết có mấy món đồ bị mất - hai khẩu súng ngắn, vài món đồ trang sức của bà ấy, cùng ít nhất ba chiếc đồng hồ đắt tiền của ông ấy. Nhân chứng có thấy mấy thứ ấy bị mang đi không?”

“Cháu không nghĩ vậy đâu ạ,” Theodore nghiêm trang trả lời. “Cháu đã nghĩ về chuyện này hàng giờ rồi. Cháu đoán chắc ông ta giắt súng ở thắt lưng, giấu vào bên trong áo, và nhét mấy thứ còn lại vào túi quần áo.” “Là súng loại nào vậy?” ông Boone hỏi.

“Một khẩu chín li, và một khẩu súng ngắn nòng vênh chín li.” Thẩm phán

Gantry nói. “Đúng là rất dễ giấu dưới lớp áo len.”

“Thế còn đồng hồ và nữ trang?”

“Mấy chiếc nhẫn và vòng cổ, ba chiếc đồng hồ quai da. Những thứ đó có thể dễ dàng cho vào túi quần trước.”

“Mấy món đó vẫn chưa tìm thấy?” bà Boone hỏi.

“Chưa.”

“Có lẽ chúng nằm dưới đáy cái hồ nào đó trên sân golf,” Ike nói với giọng mỉa mai cay độc.

“Có lẽ các vị đúng,” Thẩm phán Gantry nói, trước sự kinh ngạc của bọn họ. Vị trọng tài có gương mặt băng đá, người không bao giờ nghiêng về bên này hay bên kia, vừa mới bật đèn xanh. Cuối cùng, ông cũng cho rằng Pete Duffy có tội.

“Thế còn đôi găng tay thì sao?” ông hỏi.

Theodore nhặt một chiếc hộp nhỏ màu nâu, đặt lên bàn, rồi lôi ra một túi ni lông có khóa kéo bên trong chứa đôi găng tay đánh golf. Cậu đặt cái túi trước mặt Thẩm phán Gantry, và trong vài giây mọi người đều nhìn chăm chăm vào vật chứng như thể đó là một con dao đồ tể dính đầy máu me. Theodore bấm laptop, một bức ảnh khác hiện ra trên màn chiếu. “Đây là bãi phát bóng số mười bốn, sân chín lỗ mạn Nam. Nhân chứng đang sửa một đầu tưới ở ngay đây, trên một ngọn đồi nhỏ nhìn xuống bãi phát bóng, thì trông thấy người đàn ông, vẫn là người đàn ông đó, lấy hai chiếc găng từ túi đựng đồ chơi golf rồi thả vào thùng rác.”

“Một câu hỏi,” Thẩm phán Gantry nói. “Tại thời điểm ông ta vứt đôi găng này, ông ta có đeo một đôi găng khác không?” Nhà Boone có thể thấy rõ vị thẩm phán này để ý đến từng chi tiết của câu chuyện.

“Cháu chưa bao giờ hỏi anh ấy câu này” Theodore nói.

“Có lẽ là có,” Woods nói. “Một tay golf có mấy đôi găng trong túi chẳng có gì là lạ.”

“Cái đó thì quan trọng gì?” bà Boone hỏi.

“Cũng không chắc có quan trọng gì không. Chỉ là tự nhiên tôi thấy tò mò thôi, Marcella.”

Một khoảng lặng khá lâu, như thể những người có mặt ở đây đang nghĩ chung một điều nhưng không ai muốn nhắc đến. Cuối cùng, Theodore nói, “Thẩm phán, bác hoàn toàn có thể hỏi nhân chứng mà.”

“Vậy là cậu ta ở đây sao?”

“Vâng ạ.”

“Cậu ta đang ở văn phòng của tôi, Henry ạ,” bà Boone tiếp lời. “Giờ cậu ấy được hãng luật Boone làm đại diện.”

“Có tính cả Theodore không đây?” Thẩm phán Gantry hỏi, mọi người đều thấy câu hỏi có phần buồn cười.

“Anh cần phải đảm bảo với bọn tôi, Henry ạ, rằng cậu ta sẽ không bị bắt giữ, bị truy tố hay gì gì,” ông Boone nói.

“Tôi xin hứa,” Thẩm phán Gantry nói.

Bobby Escobar ngồi đối diện với Thẩm phán. Bên phải cậu là Julio, người em họ kiêm thông dịch viên bên trái là dì Carola. Đây là chuyện của

cả nhà, Hector cùng Rita cũng đến và đang ở văn phòng của bà Boone xem ti vi.

Theodore bắt đầu cuộc thẩm vấn trực tiếp của mình bằng chính bức ảnh từ trên cao chụp đường lăn bóng số sáu trên sân Creek. Với chiếc đèn laze trong tay, cậu và Bobby chỉ đứng vị trí nơi anh ta ngồi ăn trưa. Theodore đổi các bức hình, thận trọng đặt câu hỏi, và dành kha khá thời gian cho Julio dịch. Câu chuyện hé mở một cách hoàn hảo.

Woods, Marcella và Ike ngồi lùi lại phía sau theo dõi với niềm hãnh diện lớn lao, nhưng cả ba đều sẵn sàng bắt lỗi.

Khi các chi tiết đã được trình bày và Bobby cũng đã thể hiện mình là nhân chứng đáng tin cậy, Thẩm phán Gantry nói, “Giờ, hãy nói về chuyện nhận diện.”

Vì chưa từng gặp Pete Duffy nên Bobby không thể nói ông ta chính là người đã bước vào ngôi nhà. Anh khẳng định người đàn ông đó mặc áo len đen, quần vải màu mật ong và đội mũ chơi golf màu hạt dẻ, đúng bộ mà Pete Duffy đã mặc trong khoảng thời gian xảy ra án mạng. Theodore cho chạy một loạt bức ảnh chụp Pete Duffy, tất cả đều lấy ra từ báo. Với mỗi bức ảnh, Bobby chỉ có thể nói người đàn ông trong ảnh hoàn toàn giống với người đàn ông anh ta đã thấy. Theodore bấm một phím khác, cho chạy ba đoạn băng hình ngắn do cậu ráp nối lại, tất cả đều có hình Pete Duffy hoặc đang bước vào hoặc đang bước ra khỏi phòng xử. Một lần nữa, Bobby lại nói đó gần như chắc chắn là người đàn ông ấy.

Tại phiên tòa, bên nguyên đã đưa ra bằng chứng là hai mươi hai bức ảnh hiện trường, ngôi nhà và hàng xóm. Một trong số đó, bức ảnh số mười lăm, được chụp ở vị trí gần mép đường lăn bóng. Bức ảnh cho thấy mặt sau nhà Duffy, sân sau, cửa sổ, cửa sau, và xa hơn chút là hai cảnh sát mặc thường phục đang đứng cạnh một chiếc xe golf. Ngồi trên xe là Pete Duffy, vẻ mặt sững sờ, lo âu. Bức ảnh rõ ràng được chụp chỉ ít phút sau khi ông ta lao từ Quán nướng Câu lạc bộ golf về nhà.

Theodore đã có được bức ảnh nhờ “ghé thăm” trang web chứa dữ liệu bản tin tòa án. Nếu Thẩm phán Gantry có hỏi làm sao cậu có được nó, Theodore định sẽ nói, “Dạ, thưa Thẩm phán, bức ảnh đó được đưa ra công

khai tại tòa và được công nhận là bằng chứng. Không có gì là bí mật, phải không ạ?”

Nhưng Thẩm phán Gantry không nói gì. Ông đã nhìn bức ảnh này cả trăm lần nên không còn thấy ấn tượng gì nữa. Tuy nhiên, Bobby, chưa từng nhìn thấy nó trước đây, đã ngay lập tức nói gì đó với Julio.

“Đó chính là ông ta,” Julio nói, chỉ vào bức ảnh. “Người đàn ông trên chiếc xe. Chính là ông ta đấy ạ.”

“Giờ thì bác đã chính thức thấy, thưa Thẩm phán, nhân chứng vừa nhận diện bị cáo, ông Pete Duffy.”

“Ta biết rồi, Theodore,” ông Gantry nói.

Chương Hai Hai

Sáng thứ Hai, người xem tụ tập đông đủ để chứng kiến màn cuối của vở kịch. Các vị bồi thẩm đã đến với những gương mặt nghiêm nghị, quyết tâm hoàn thành xong phần việc. Các luật sư khoác lên mình bộ com lê bảnh nhất, trông đầy sức sống, háo hức chờ màn luận tội. Bản thân bị cáo trông rất thư thái, tự tin. Thư ký và nhân viên tòa tất bật qua lại với nguồn năng lượng của mỗi sớm thứ Hai. Nhưng khi họ đã yên vị, lúc 9 giờ 10, cả phòng xử dường như nín thở chờ đợi. Mọi người đứng dậy khi Thẩm phán Gantry bước vào, áo chùng đen bay bay đằng sau. Ông nói, “Mời quý vị ngồi” mà không hề mỉm cười. Ông không vui. Và dường như rất mệt mỏi.

Ông đưa mắt khắp phòng xử, gật đầu với thư ký tòa, nhìn qua bồi thẩm đoàn, lướt mắt qua đám đông, đặc biệt lưu ý đến hàng ghế thứ ba, cánh phải. Nơi đó có Theodore Boone, đang nghỉ học, ít nhất là lúc này, ngồi kẹp giữa bố và ông bác. Thẩm phán nhìn Theodore, ánh mắt hai người giao nhau. Rồi ông nghiêng người gần sát với micro hơn. Ông hăng giọng, bắt đầu bài diễn thuyết không ai ngờ tới.

“Xin chào quý vị. Tại thời điểm này của phiên tòa xét xử ông Pete Duffy, chúng ta dự định sẽ nghe phần tranh tụng cuối cùng của các luật sư. Tuy nhiên, chuyện đó sẽ không xảy ra. Vì những lý do tôi chưa vội trình bày lúc này, tôi xin tuyên bố bãi phiên tòa vì đây là một vụ xử sai.”

Những tiếng thở gấp, những cú giật nảy mình, những vẻ mặt ngơ ngác xuất hiện ở mọi góc phòng. Theodore quan sát Pete Duffy, kẻ đang há hốc mồm, hàm trễ xuống tận ngực trong lúc ngó sang Clifford Nance. Luật sư hai bên đều kinh ngạc, ai nấy đều bối rối cố hiểu điều họ vừa nghe được. Từ

hàng trên cùng, ngay sau bàn bị cáo, Omar Cheepe quay xuống nhìn thẳng vào Theodore đang ngồi sau hai hàng ghế. Ông ta không chăm chăm, không hẳn là đe dọa, nhưng thời điểm đó nói lên tất cả - “Mi đã làm chuyện đó. Ta biết. Ta chưa xong chuyện với mi đâu.”

Các vị bồi thẩm không rõ chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo nên Thẩm phán Gantry đành phải giải thích. Ông quay sang nhìn họ, nói, “Thưa các vị thành viên bồi thẩm đoàn, tôi xin nói rõ, một vụ xử sai nghĩa là phiên tòa này kết thúc. Các cáo buộc đối với ông Pete Duffy bị bãi bỏ, nhưng chỉ tại thời điểm này. Các cáo buộc đó sẽ được đệ trình lại sau, và sẽ có một phiên tòa khác trong thời gian rất sớm, với một bồi thẩm đoàn khác. Trong phiên tòa hình sự, thẩm phán có toàn quyền quyết định tuyên bố bãi tòa nếu thẩm phán đó tin rằng đã có chuyện gì đó xảy ra có thể tác động đảo chiều đến phán quyết cuối cùng. Đó chính là trường hợp của vụ này. Tôi xin cảm ơn quý vị đã tận lòng. Quý vị đóng vai trò quan trọng đối với hệ thống tư pháp của chúng ta. Bây giờ quý vị được miễn nhiệm.”

Các vị bồi thẩm rất đổi sửng sốt, nhưng một vài người bắt đầu vỗ lễ rằng vai trò công dân của họ đến đây là hết. Một nhân viên chấp pháp dẫn họ ra ngoài bằng cửa bên. Họ đi rồi, Theodore nhìn và thăm ngưỡng mộ Thẩm phán Gantry. Trong lúc này, cậu, Theodore, quyết định mình muốn trở thành một thẩm phán vĩ đại, giống như người hùng của cậu đang ngồi kia trên ghế chủ tọa. Một vị thẩm phán hiểu ngọn nguồn về luật pháp, tin tưởng vào sự công bằng, và quan trọng hơn, một vị thẩm phán có thể đưa ra những quyết định khó khăn.

“Đã bảo rồi mà,” Ike thì thào. Ike đã đoán chắc tòa sẽ phải tuyên bố xử sai, hãng luật Boone cũng nghĩ vậy.

Bồi thẩm đoàn đã rời bước, nhưng những người còn lại không ai nhúc nhích. Họ bị sốc và muốn biết thêm thông tin. Jack Hogan và Clifford Nance từ từ đứng dậy cùng lúc, nhìn Thẩm phán Gantry. Chưa ai kịp cất được lời nào, ông đã nói, “Quý vị, lúc này tôi sẽ không giải thích hành động của mình. Ngày mai, 10 giờ sáng, ta sẽ họp tại văn phòng của tôi và tôi sẽ công bố lý do. Tôi muốn vụ án được đệ trình lại càng sớm càng tốt. Tôi có kế hoạch sẽ xử lại vào tuần thứ ba của tháng Sáu. Bị cáo tiếp tục được bảo

lãnh tại ngoại, các quy định hạn chế không đổi. Bãi tòa.” Ông gõ búa lên mặt bàn, đứng dậy bỏ đi.

Khi thẩm phán và bồi thẩm đoàn đã đi khỏi, chẳng còn gì mấy mà chờ đợi.

Đám đông từ từ đứng dậy, hướng ra cửa.

“Về trường đi con,” ông Boone nghiêm nghị nói với Theodore.

Bên ngoài tòa án, Theodore mở xích xe đạp. “Chiều nay cháu có định ghé qua không?” Ike hỏi.

“Có chứ ạ,” Theodore đáp. “Thứ Hai mà.”

“Cần xem lại chút. Cả một tuần dài đằng đặc.”

“Đúng vậy ạ.”

Cách đây không xa, ở ngay lối vào, tiếng ồn ào nổi lên, một đoàn người chen chúc cố chui ra khỏi tòa án. Pete Duffy, vây quanh là luật sư và những người khác, vội vã xua vài tay phóng viên đang hét lớn mấy câu hỏi vào mặt ông ta. Không câu nào được trả lời. Omar Cheepe bọc lót sau cùng, thậm chí còn ra tay xô một phóng viên. Ông ta đang chuẩn bị lên xe cùng khách hàng của mình thì thấy Theodore đang ngồi chống chân trên xe, cùng Ike theo dõi màn diễn. Cheepe đứng yên, và trong một khắc dường như không biết nên làm gì. Vội vã theo sau bảo vệ ông Duffy, hay bước đến chỗ Theodore mà tuôn ra mấy lời hăm dọa?

Theodore và Cheepe, cách nhau hơn chục mét, nhìn nhau chăm chăm, rồi Cheepe quay đi và lao lên xe. Ike dường như không nhận ra màn giao lưu ấy.

Theodore cũng vội vã đạp xe đi. Cậu phóng về trường, đến khi tòa án đã lụi lại tí đằng sau cậu mới bắt đầu bình tâm. Cậu thấy thật khó mà tin hôm nay lại là thứ Hai. Có quá nhiều chuyện xảy ra trong bảy ngày vừa rồi. Vụ

án lớn nhất trong lịch sử thị trấn mở ra rồi khép lại mà chưa kết thúc. Nhờ Theodore, tòa đã tránh được một lời tuyên án sai.

Công lý đã được bảo tồn, ít nhất là lúc này. Cậu có thể xả hơi, nhưng chỉ một chút thôi, rồi cậu sẽ bí mật gặp Bobby Escolar và Julio. Không nghi ngờ gì, cậu sẽ chịu trách nhiệm hướng dẫn cho Bobby, chuẩn bị để giúp anh ấy đúng ba giờ đồng hồ ở vị trí nhân chứng trong phiên tòa sẽ mở vào tháng Sáu.

Giờ Omar Rùng Rợn đang làm phức tạp mọi chuyện. Ông ta cùng khách hàng của mình và Clifford Nance thực sự đã biết được bao nhiêu? Câu hỏi nối tiếp câu hỏi. Theodore rối bời, nhưng cũng đầy phấn khích.

Rồi cậu nghĩ đến April. Mai, thứ Ba, thẩm phán sẽ ra quyết định yêu cầu cô bé sống với bố hoặc mẹ. Cô bé không cần phải tới dự phiên tòa, nhưng dù sao vẫn bị suy sụp. Theodore phải dành chút thời gian cho cô bé. Cậu quyết định hai đứa sẽ lên đi vào giờ ăn trưa để nói chuyện với nhau.

Rồi cậu nghĩ đến Woody, đến người anh trai của cậu bạn đang bị giam giữ và có lẽ sẽ phải ở tù.

Cậu đậu xe ở chân cột cờ rồi đi bộ vào trường, lúc đó đang là giữa tiết đầu. Cậu có thư xin phép của mẹ, và trong lúc trao thư cho cô Gloria ở văn phòng, cậu nhận ra cô không hề mỉm cười. Cô vẫn hay cười cơ mà.

“Ngồi xuống đi, Theodore,” cô nói, hất đầu về phía chiếc ghế gỗ bên cạnh bàn cô.

Nhưng sao nhỉ? Theodore thắc mắc. Chỉ đơn giản là chuyện đi muộn có phép thôi mà.

“Đám tang thế nào?” cô hỏi, vẫn không hề mỉm cười.

Một thoáng ngập ngừng, Theodore bắt đầu hiểu ra. “Dạ sao ạ.”

“Đám tang hôm thứ Sáu tuần trước, hôm mà bác em đến đây...”

“À, đám tang hôm ấy ạ. Rất lớn.Ồn ào lắm ạ.”

Cô nhìn quanh lo lắng, rồi đưa ngón trỏ lên môi. “Nói khẽ thôi”, cô đang ra hiệu. Máy phòng xung quanh đều đang mở cửa.

“Theodore,” cô gần như thì thầm. “Tôi qua em trai cô bị cảnh sát chặn lại vì đang lái xe khi có hơi men. Họ đã bắt giam cậu ấy.” Cô lại đảo mắt nhìn quanh xem có ai không.

“Em rất tiếc” Theodore nói. Cậu biết chuyện này sẽ đi đến đâu.

“Cậu ta không say rượu. Cậu ta là một người đàn ông trưởng thành, đã có vợ con, có công ăn việc làm. Cậu ta chưa bao giờ gặp rắc rối và cả nhà cô giờ không biết phải làm sao.”

“Chỉ số của anh ấy thế nào ạ?”

“Gì cơ?”

“À, độ cồn trong máu ấy.”

“Ồ, cái đó. 0,09 thì có sao không?”

“Có đấy ạ. Giới hạn cho phép là 0,08. Anh ấy gặp rắc rối rồi. Lần đầu vi phạm ạ?”

“Lạy trời, tất nhiên là lần đầu rồi. Cậu ấy có phải đưa rượu chè đâu. Chả mấy khi cậu ấy uống đến hai ly rượu vang.”

Hai ly. Lúc nào cũng là hai ly. Không cần biết say sưa đến đâu, quá khích thế nào hay lè nhè ra sao, chẳng ai chịu nhận mình uống hơn hai ly.

“Cảnh sát bảo nó có thể bị giam mười ngày,” cô nói tiếp. “Chẳng ra làm sao cả.”

“Cảnh sát lực lượng nào ạ?”

“Làm sao cô biết được?”

“Có những cảnh sát muốn hù dọa mọi người. Em cô có thể không phải ngồi đến mười ngày đâu. Anh ấy phải nộp phạt khoảng sáu trăm đô la, bị tước bằng trong vòng sáu tháng, phải đến trường đào tạo lái xe, sau một năm thì án phạt được gỡ. Anh ấy bị giữ cả đêm ạ?”

“Phải. Cô không tưởng tượng nổi...”

“Vậy thì sẽ không bị giam giữ nữa đâu. Cô ghi lại cái tên này.” Cô Gloria đang cầm sẵn bút trong tay. “Taylor Baskin,” Theodore đọc. “Đây là luật sư chuyên thụ lý các vụ say xỉn...”

“Nhưng cậu ta không say!” Cô nói, giọng hơi lớn một chút. Cả hai nhìn quanh xem có ai nghe thấy không. Không ai cả.

“Em xin lỗi. Taylor Baskin là luật sư cho các vụ lái xe có hơi men. Em cô nên gọi cho người này.”

Cô Gloria nguệch ngoạc ghi lại.

“Em phải vào lớp đây ạ,” Theodore nói.

“Cảm ơn em, Theodore. Làm ơn đừng nói với ai nhé.”

“Không đâu ạ. Giờ em đi được chưa?”

“À, ừ, em đi đi. Cảm ơn em, Theodore.”

Cậu lao nhanh ra khỏi văn phòng, để lại phía sau thêm một khách hàng hài lòng nữa.